

VIỆN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT

THẠC SĨ, NSÚT NGUYỄN THỊ HƯỜNG GIANG

PHƯƠNG PHÁP BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA

*(Khảo sát và thực nghiệm tại
Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội)*



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

PHƯƠNG PHÁP BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA

*Khảo sát và thực nghiệm tại
Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội*

VIỆN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT
THẠC SĨ, NSƯT NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

**PHƯƠNG PHÁP BIỂU DIỄN
CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA**

*Khảo sát và thực nghiệm tại
Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội*

**NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ
HÀ NỘI - 2025**

LỜI NÓI ĐẦU

Trong dòng chảy không ngừng của thời gian và sự phát triển của nghệ thuật, âm nhạc dân tộc Việt Nam luôn giữ một vị trí đặc biệt, là sợi dây kết nối chúng ta với cội nguồn văn hóa và tinh thần dân tộc. Những giai điệu, ca từ mang âm hưởng dân ca không chỉ là tài sản quý báu mà còn là nguồn cảm hứng bất tận cho các thế hệ nghệ sĩ.

Với hơn 30 năm cống hiến cho sự nghiệp nghệ thuật chuyên nghiệp, Thạc sĩ, NSUT Nguyễn Thị Hương Giang đã dành trọn tâm huyết, tài năng và kinh nghiệm của mình để nghiên cứu, thực hành và truyền thụ tình yêu đối với những ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền. Cuốn sách **“Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca - Khảo sát và thực nghiệm tại Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội”** chính là kết quả của một quá trình lao động nghệ thuật miệt mài, nghiêm túc và đầy đam mê ấy.

Cuốn sách không chỉ là một công trình nghiên cứu khảo nghiệm chuyên sâu, mà còn là sự đúc kết từ thực tiễn biểu diễn và giảng dạy phong phú của tác giả. Qua từng trang viết, người đọc sẽ khám phá một cách hệ thống và chi tiết về: âm nhạc dân ca Việt Nam, những kiến thức căn bản về kỹ thuật thanh nhạc và phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, được minh chứng bằng những khảo sát và thực nghiệm cụ thể tại Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội, một trong những cái nôi đào tạo nghệ thuật hàng đầu của đất nước.

Chúng tôi tin rằng, đây sẽ là một nguồn tư liệu vô cùng quý giá cho các chuyên gia, giảng viên và đặc biệt là các bạn sinh viên chuyên

ngành thanh nhạc tại các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp. Cuốn sách không chỉ cung cấp kiến thức nền tảng vững chắc và những kỹ thuật biểu diễn tiên tiến, hữu ích cho hoạt động giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, và thực hành biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca. Hơn thế nữa, nó còn mang trong mình sứ mệnh cao cả: góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa tinh hoa của âm nhạc truyền thống, khơi gợi và lan tỏa tình yêu quê hương đất nước, và bồi đắp lòng tự hào dân tộc trong mỗi trái tim người Việt.

Cuốn sách **“Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca - Khảo sát và thực nghiệm tại Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội”** do NXB Dân trí phối hợp với Viện Kinh tế, Văn hóa và Nghệ thuật ấn hành.

Trân trọng giới thiệu tới độc giả!

VIỆN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT

NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA CUỐN SÁCH

Trong bối cảnh âm nhạc đương đại Việt Nam đang chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của các dòng chảy văn hóa đa dạng, việc bảo tồn và phát huy giá trị của âm nhạc dân tộc nói chung, các ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền nói riêng, trở thành một sứ mệnh cấp thiết. Cuốn sách về **“Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca - Khảo sát và Thực nghiệm tại Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội”** ra đời không chỉ là một cẩm nang kỹ thuật đơn thuần mà còn là một công trình nghiên cứu khoa học, một tài liệu giảng dạy quý giá, góp phần định hình thế hệ nghệ sĩ tương lai. Cuốn sách này nhấn mạnh vào bốn yếu tố cốt lõi, được phân tích sâu sắc để người đọc thấy rõ vị trí và ý nghĩa của nó trong cả nghiên cứu khoa học, thực hành biểu diễn, và đào tạo chuyên nghiệp.

Thứ nhất, sự thấm nhuần văn hóa và tinh thần vùng miền

Cuốn sách đi sâu phân tích rằng, để biểu diễn thành công ca khúc mang âm hưởng dân ca, người nghệ sĩ trước hết phải thấm nhuần sâu sắc văn hóa và tinh thần của từng vùng miền. Điều này vượt xa việc học thuộc nốt nhạc hay lời ca. Nó đòi hỏi một sự am hiểu cặn kẽ về bối cảnh lịch sử, phong tục tập quán, lối sống, và đặc trưng tính cách của con người mỗi vùng (Bắc, Trung, Nam) đã tạo nên âm điệu, nhịp điệu riêng biệt. Chẳng hạn, đối với dân ca Bắc Bộ, cuốn sách sẽ làm rõ sự tinh tế, trữ tình, đôi khi e ấp trong từng luyến láy; miền Trung lại mang chất bi hùng, khỏe khoắn; còn miền Nam là sự phóng khoáng, tình cảm và mùi mẫn. Việc nắm vững những nét đặc trưng này không chỉ giúp nghệ sĩ hát đúng mà còn hát có hồn, có bản sắc. Đối với nghiên cứu khoa học thực hành biểu diễn, đây là nền tảng để phân tích chiều sâu văn hóa trong từng màn trình diễn. Trong giảng dạy và đào tạo, yếu tố này giúp sinh viên không chỉ sao chép mà còn thực sự "thấm" được văn hóa, phát triển khả năng cảm thụ và truyền tải những giá trị văn hóa phi vật thể của dân tộc, định hình tư duy nghệ sĩ có chiều sâu.

Thứ hai, kỹ thuật chuyên biệt cho âm nhạc dân ca

Cuốn sách đặc biệt chú trọng vào việc phân tích và hệ thống hóa các kỹ thuật chuyên biệt áp dụng cho ca khúc mang âm hưởng dân ca. Dù là các kỹ thuật cơ bản có tính phổ quát, nhưng để biểu diễn dân ca chuẩn mực, người học cần những phương pháp luyện tập đặc thù. Sách sẽ cung cấp hướng dẫn chi tiết về: (1) Kỹ thuật lấy hơi, giữ hơi, điều tiết hơi phù hợp với câu hát dài, luyện lách phức tạp của dân ca; (2) Phương pháp nhả chữ, luyện lách, ngân rung đặc trưng của từng miền, đảm bảo giữ được "chất" dân ca mà vẫn đạt chuẩn mực kỹ thuật cao. Ví dụ, cách xử lý độ nảy trong quan họ, độ luyến trong chèo, hay sự mềm mại trong vọng cổ; (3) Vận dụng âm sắc, âm lượng để thể hiện đúng sắc thái tình cảm của bài hát. Việc làm rõ những kỹ thuật này có ý nghĩa to lớn trong nghiên cứu khoa học khi nó hệ thống hóa các phương pháp biểu diễn dân ca thành một bộ môn khoa học, dễ dàng phân tích và kiểm chứng. Trong thực hành biểu diễn, nó cung cấp công cụ sắc bén cho nghệ sĩ. Đặc biệt, đối với giảng dạy và đào tạo sinh viên các trường thanh nhạc và nghệ thuật chuyên nghiệp tại Việt Nam, cuốn sách là tài liệu tham khảo chính xác, giúp giáo viên có phương pháp giảng dạy rõ ràng, khoa học, và sinh viên có thể tự luyện tập, nâng cao trình độ kỹ thuật một cách bài bản, tránh được sự "luyến lách bản năng" thiếu kiểm soát.

Thứ ba, nâng cao khả năng biểu cảm và kết nối sân khấu

Chất lượng của một màn biểu diễn dân ca không chỉ nằm ở giọng hát hay kỹ thuật, mà còn ở khả năng biểu cảm sâu sắc và sự kết nối mạnh mẽ với khán giả. Cuốn sách hướng dẫn nghệ sĩ cách biến mình thành một người kể chuyện, một sứ giả văn hóa: (1) Phân tích tâm lý nhân vật và cảm xúc của bài hát để thể hiện chân thật nhất, chạm đến trái tim người nghe; (2) Sử dụng ngôn ngữ hình thể và biểu cảm gương mặt một cách tinh tế, hỗ trợ cho giọng hát mà không làm lu mờ nó; (3) Phương pháp tương tác với khán giả, tạo ra một không gian nghệ thuật gần gũi, cuốn hút, xóa nhòa khoảng cách giữa người biểu diễn và người thưởng thức.

Đây là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng thực hành biểu diễn, biến một màn trình diễn tốt thành một trải nghiệm đáng nhớ.

Đối với nghiên cứu khoa học, nó mở ra hướng nghiên cứu về tâm lý học biểu diễn và giao tiếp phi ngôn ngữ trong nghệ thuật. Trong đào tạo sinh viên, cuốn sách cung cấp những kiến thức và bài tập thực hành giúp các em không chỉ phát triển giọng hát mà còn hoàn thiện bản lĩnh sân khấu, trở thành những nghệ sĩ có sức hút.

Thứ tư, sự hòa hợp giữa truyền thống và hiện đại

Trong kỷ nguyên hội nhập, việc dung hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại là thách thức nhưng cũng là cơ hội để dân ca vươn xa. Cuốn sách không chỉ hướng dẫn cách bảo tồn giá trị gốc mà còn đề xuất phương pháp làm mới ca khúc mang âm hưởng dân ca một cách có chọn lọc và tinh tế: (1) Phân tích cách phối khí, hòa âm sao cho phù hợp với âm hưởng dân ca, sử dụng nhạc cụ truyền thống và hiện đại một cách hài hòa, tránh sự "lai căng" hoặc mất đi bản sắc; (2) Phương pháp dàn dựng biểu diễn trên các sân khấu lớn, ứng dụng công nghệ ánh sáng, âm thanh để nâng tầm trải nghiệm mà vẫn giữ được sự mộc mạc, gần gũi của dân ca; (3) Khuyến khích sự sáng tạo có trách nhiệm, giúp nghệ sĩ thể hiện dấu ấn cá nhân nhưng vẫn tôn trọng giá trị cốt lõi của tác phẩm. Yếu tố này đặc biệt có ý nghĩa trong nghiên cứu khoa học, khi nó cung cấp khuôn khổ để đánh giá sự đổi mới trong âm nhạc truyền thống. Trong thực hành biểu diễn, nó giúp nghệ sĩ tự tin mang dân ca đến gần hơn với công chúng đa dạng. Và đối với giảng dạy đào tạo, đây là kim chỉ nam giúp sinh viên có định hướng đúng đắn trong việc phát triển dân ca trong tương lai, trở thành những người tiên phong mang giá trị truyền thống hội nhập với dòng chảy âm nhạc thế giới.

Với việc phân tích chuyên sâu bốn yếu tố cốt lõi này, cuốn sách không chỉ là tài liệu hướng dẫn kỹ thuật mà còn là một công trình nghiên cứu khoa học thực hành biểu diễn giá trị, một giáo trình thiết yếu trong giảng dạy đào tạo cho sinh viên các trường thanh nhạc cũng như nghệ thuật chuyên nghiệp tại Việt Nam hiện nay. Nó giúp định vị lại vai trò và giá trị của âm nhạc dân tộc trong bối cảnh hiện đại, đồng thời trang bị cho thế hệ nghệ sĩ trẻ nền tảng vững chắc để phát huy và lan tỏa những tinh hoa của dân ca Việt Nam.



*NSUT Hương Giang đã thực hiện hòa âm, phối khí và thu thanh hơn
100 ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền.*

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA VIỆT NAM

1.1. Một số khái niệm liên quan

1.1.1. Ca khúc

Ca khúc hay còn gọi là bài hát, bao gồm phần lời hát và giai điệu, là một thể loại âm nhạc thuộc lĩnh vực Thanh nhạc. Ca khúc được thể hiện bằng giọng hát của con người với phần đệm của nhạc cụ cho giọng hát đó. Ca khúc có thể được trình diễn dưới nhiều hình thức như: đơn ca (một người hát), song ca (hai người hát), tam ca (ba người hát), tốp ca (nhóm hát) hay đồng ca (nhiều người cùng hát) và lớn hơn nữa là hợp xướng. Ca khúc cũng được chia theo nhiều loại dựa trên mục đích, phong cách thể hiện hay theo thời gian sáng tác và là thể loại dành cho ca sĩ biểu diễn.

Tác giả Dương Anh với bài viết *Ca khúc là gì?* đã quan niệm: “Ca khúc là danh từ dùng để gọi những tác phẩm âm nhạc được thể hiện bằng giọng người (thanh nhạc). Nó là sản phẩm của một tập thể (ca khúc dân ca), hay do nhạc sĩ chuyên nghiệp sáng tác. Ca khúc do hai bộ phận hợp thành đó là âm nhạc và lời ca” [1, tr.7].

Vào thế kỷ XIX, ca khúc trong lịch sử âm nhạc phương Tây có một vị trí quan trọng và được sánh cùng các thể loại âm nhạc khác như giao hưởng, sonata,...Ca khúc có nhạc cụ đệm hoặc không có nhạc cụ đệm. Trong các tác phẩm của *F. Schubert* hay *R. Schumann* thường có phần đệm Piano được viết sẵn, khi đó phần đệm là một phần gắn bó mật thiết với giai điệu của ca khúc hỗ trợ, bổ sung làm đẹp thêm giai điệu của ca khúc. Trong quá trình phát triển tới nay, ca khúc với phần đệm khá đa

dạng. Ca khúc thuộc vào thể loại nhạc nào thì sẽ có phần đệm tương ứng, thích hợp với ca khúc và do ý đồ sáng tác của tác giả. Ví dụ phần đệm cho ca khúc sẽ là một ban nhạc Rock, Pop hay dàn nhạc dân tộc, thậm chí một dàn nhạc lớn như dàn nhạc giao hưởng, nhưng cũng có khi phần đệm chỉ là một hoặc vài nhạc cụ.

Đặc điểm đầu tiên của ca khúc, cũng là đặc điểm chung của thanh nhạc, đó là âm nhạc có lời ca được diễn tả bằng âm thanh giọng người. Vì vậy trong thanh nhạc nói chung hay trong ca khúc nói riêng, ca từ giúp cho người nghe dễ tiếp thu tác phẩm, có nơi, có lúc người ta thường thức lời ca là chính. Ca từ trong ca khúc là cả một “nghệ thuật”, ca khúc thường có giai điệu rõ ràng, mô phỏng âm điệu tiếng nói, ít trúc trắc, nhảy quãng, lời ca ngân vang đầy đặn nhất là với tính chất đơn âm tiết của tiếng Việt.

Ca khúc thường thể hiện những xúc động điển hình, truyền đạt những thông điệp quan trọng với tình huống tiêu biểu, đó là yếu tố làm cho nó gần gũi với đông đảo công chúng, với hàng triệu nhịp đập của con tim. Có lẽ cũng chính đặc điểm đó mà với cùng một giai điệu, có thể dùng nhiều lời ca khác nhau.

Do sự phổ cập rộng rãi và dễ cảm thụ của ca khúc mà một số thể loại khí nhạc từ thế kỷ XIX đã “mô phỏng” theo thể loại ca khúc. Có thể thấy một số tác phẩm như tuyển tập “*Bài ca không lời*” - Romance sans parole của F. Mendelssohn (1809 - 1847), “*Tổ khúc bốn mùa*” của P. Tchaikovsky (1840 - 1893), “*Ru con*”, “*Khúc hát người chèo thuyền*” của S. Rachmaninov (1873 - 1943),...

Tóm lại, ca khúc là thể loại âm nhạc sử dụng giọng hát để thể hiện tác phẩm và thường là một tác phẩm âm nhạc độc lập được phổ biến rộng rãi nhất với nhiều hình thức trình diễn. Trong ca khúc, ca từ có thể được tạo ra từ giai điệu hoặc giai điệu được tạo ra bởi ca từ.

1.1.1.1. Đặc trưng của ca khúc

Ca khúc là một thể loại âm nhạc phổ biến, có cấu trúc rõ ràng và dễ tiếp cận với công chúng. Trong đào tạo thanh nhạc, việc nắm rõ đặc trưng của ca khúc là cơ sở để người học hiểu đúng bản chất nghệ thuật và kỹ thuật biểu diễn. Dưới đây là các đặc trưng cơ bản của ca khúc:

Tính thanh nhạc: Ca khúc là một thể loại âm nhạc dựa vào giọng hát làm phương tiện biểu đạt trung tâm. Dù có thể được hỗ trợ bởi phần nhạc đệm, nhưng yếu tố quyết định sự thành công của một ca khúc chính là khả năng biểu cảm của giọng hát. Người hát không chỉ thể hiện đúng cao độ, trường độ mà còn phải truyền tải cảm xúc, nội dung ca từ thông qua các kỹ thuật thanh nhạc như: nhả chữ, luyến láy, rung giọng, xử lý hơi thở,... Đây là lý do ca khúc trở thành “vật liệu học tập” quan trọng trong quá trình rèn luyện kỹ năng của sinh viên thanh nhạc.

Tính độc lập: Một ca khúc thường là một tác phẩm âm nhạc hoàn chỉnh, có cấu trúc rõ ràng (mở đầu – phát triển – cao trào – kết thúc), thể hiện một nội dung cụ thể và không phụ thuộc vào bối cảnh sân khấu hoặc vở diễn lớn hơn. Khác với những thể loại như nhạc kịch, giao hưởng, hoặc tổ khúc, ca khúc có thể đứng độc lập, được trình diễn riêng lẻ trong mọi không gian từ lớp học đến sân khấu lớn, từ phòng thu đến các buổi biểu diễn ngoài trời.

Tính phổ biến: Ca khúc là thể loại dễ tiếp cận với đông đảo công chúng, nhờ cấu trúc ngắn gọn, giai điệu dễ nhớ, ca từ gần gũi. Nhờ sự phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng như phát thanh, truyền hình, internet và mạng xã hội, ca khúc dễ dàng lan tỏa nhanh chóng, thậm chí trở thành hiện tượng xã hội (hit, trend). Tính phổ biến này khiến ca khúc trở thành công cụ hữu hiệu để truyền tải thông điệp văn hóa, giáo dục, hoặc quảng bá hình ảnh đất nước, con người.

Tính linh hoạt trong sáng tác: Trong quá trình sáng tác ca khúc, có thể áp dụng nhiều phương pháp khác nhau tùy theo ý đồ nghệ thuật

của nhạc sĩ và người viết lời. Nhạc sĩ tạo ra phần nhạc, sau đó người viết lời sẽ “soạn lời” phù hợp với cấu trúc giai điệu sẵn có. Cách này đòi hỏi sự linh hoạt cao từ phía người viết ca từ. Tác giả lời thơ hoặc lời ca soạn ra nội dung hoàn chỉnh, rồi nhạc sĩ dựa trên đó để phổ nhạc. Cách này tạo điều kiện để nội dung tư tưởng được phát triển trước, giúp ca khúc giàu tính ngữ nghĩa và chiều sâu cảm xúc. Một số ca khúc được sáng tác bởi cùng một người hoặc một cặp tác giả làm việc ăn ý, giúp thống nhất cao giữa ca từ và giai điệu. Điều này thường tạo nên sự hài hòa và tự nhiên trong cảm xúc âm nhạc. Tính linh hoạt này là đặc điểm nổi bật, giúp ca khúc phát triển đa dạng về thể loại, phong cách và đối tượng phục vụ.

Tính đa dạng trong trình diễn: Ca khúc có thể được biểu diễn bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với không gian, đối tượng khán giả và mục đích nghệ thuật: Đơn ca: Một người trình bày, thể hiện cá tính và chiều sâu cảm xúc cá nhân; Song ca hoặc tam ca: Hai hoặc ba người hát, có thể hát đối thoại hoặc hòa âm; Tập ca/hợp ca: Nhiều người cùng hát, tạo hiệu ứng cộng hưởng âm thanh, phù hợp với không gian rộng hoặc các chương trình biểu diễn lớn.

Tính đa dạng trong biểu diễn còn được thể hiện ở việc ca khúc có thể sử dụng Piano, Guitar, dàn nhạc, ban nhạc điện tử,... giúp hỗ trợ hòa âm, dẫn dắt giai điệu. Hát không có nhạc đệm, thể hiện khả năng kiểm soát thanh nhạc và tính biểu cảm mạnh mẽ của người hát. Sự đa dạng này giúp ca khúc có khả năng thích nghi và phát triển trong mọi môi trường âm nhạc, từ học đường, biểu diễn chuyên nghiệp đến các hoạt động văn hóa cộng đồng.

Ca khúc là thể loại âm nhạc đặc thù, vừa mang tính nghệ thuật cao, vừa có tính ứng dụng rộng rãi trong giáo dục và đời sống. Những đặc trưng như tính thanh nhạc, tính độc lập, tính phổ biến, tính linh hoạt trong sáng tác, và tính đa dạng trong trình diễn là cơ sở quan trọng để nhận diện và nghiên cứu ca khúc một cách hệ thống. Đối với sinh viên khoa Thanh nhạc, việc nắm vững những đặc điểm này sẽ giúp nâng cao hiệu quả học tập, biểu diễn và sáng tạo nghệ thuật.

1.1.1.2. Yếu tố nhận diện ca khúc

Ca khúc là thể loại âm nhạc thanh nhạc phổ biến, có cấu trúc tương đối ổn định và đặc điểm nghệ thuật rõ ràng. Để nhận diện một tác phẩm là ca khúc, cần dựa vào các yếu tố đặc trưng trong tổ chức nghệ thuật và phương thức thể hiện. Cụ thể:

Sự kết hợp giữa âm nhạc và lời ca: Yếu tố nhận diện cơ bản và quan trọng nhất của một ca khúc là sự kết hợp hài hòa giữa giai điệu âm nhạc và ca từ. Trong đó, âm nhạc tạo nên phần giai điệu và tiết tấu, còn lời ca truyền tải nội dung tư tưởng, cảm xúc. Hai yếu tố này không tồn tại độc lập mà bổ trợ cho nhau để tạo nên một chỉnh thể nghệ thuật hoàn chỉnh. Sự gắn kết chặt chẽ giữa lời và nhạc giúp ca khúc dễ đi vào lòng người, dễ nhớ, dễ hát và có sức lan tỏa trong cộng đồng.

Cấu trúc tổ chức tác phẩm: Phần lớn các ca khúc hiện đại đều tuân theo một cấu trúc tổ chức rõ ràng, thường bao gồm các phần: Intro (mở đầu): Phần dẫn dắt không lời hoặc có lời ngắn, tạo không khí ban đầu cho ca khúc. Verse (đoạn): Trình bày nội dung chính, diễn tiến của câu chuyện hoặc thông điệp. Chorus (điệp khúc): Lặp lại sau mỗi Verse, mang tính nhấn mạnh và thường là phần dễ nhớ nhất. Bridge (cầu nối): Phần chuyển tiếp, tạo sự thay đổi về giai điệu hoặc nội dung trước khi quay lại điệp khúc. Outro (kết thúc): Kết lại ca khúc bằng nhạc cụ hoặc giọng hát. Tuy nhiên, trong sáng tác đương đại, nhiều nhạc sĩ có thể phá vỡ cấu trúc truyền thống nhằm tạo sự mới lạ, đột phá về hình thức biểu hiện mà vẫn giữ được bản chất của một ca khúc.

Giai điệu là linh hồn của ca khúc, quyết định tính hấp dẫn và khả năng ghi nhớ. Giai điệu trong ca khúc thường có đặc điểm: Dễ nghe, dễ nhớ; Phù hợp với giọng hát; Gắn bó chặt chẽ với nội dung cảm xúc; Có thể lặp lại một cách có chủ ý để tạo điểm nhấn; Một ca khúc có giai điệu cuốn hút sẽ dễ dàng lan tỏa trong công chúng và trở thành “hit” dù ca từ có thể giản dị.

Ca từ (lời ca) là thành phần không thể thiếu trong ca khúc, mang nhiệm vụ truyền đạt nội dung và cảm xúc bằng ngôn ngữ. Đặc điểm của ca từ trong ca khúc: Giản dị, dễ hiểu, gần gũi với cuộc sống; Tính biểu cảm cao, thường sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ, so sánh; Tính tự sự, trữ tình hoặc phản ánh các vấn đề xã hội. Nhịp điệu của âm nhạc, tạo sự tương tác giữa ngôn ngữ và giai điệu. Một ca khúc hay không chỉ bởi giai điệu đẹp mà còn ở lời ca sâu sắc, giàu hình ảnh.

Nhạc đệm (Instrumental accompaniment): Nhạc đệm giữ vai trò nâng đỡ, làm nền cho phần thanh nhạc, đồng thời tạo nên không khí, sắc thái và chất liệu âm thanh của ca khúc. Nhạc đệm có thể là: Đàn nhạc giao hưởng, ban nhạc nhẹ, nhóm nhạc cụ dân tộc, Piano, Guitar được phối khí theo phong cách âm nhạc riêng biệt từ cổ điển, dân gian đến hiện đại có thể giữ vai trò dẫn dắt, tạo điểm nhấn hoặc tạo khoảng “thở” cho giọng hát. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa giọng hát và nhạc đệm là một tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng biểu diễn ca khúc.

Phong cách âm nhạc: Ca khúc không bị giới hạn ở một phong cách cụ thể mà có thể thuộc nhiều thể loại âm nhạc khác nhau, như: Pop: Nhẹ nhàng, phổ thông, dễ tiếp cận; Rock: Mạnh mẽ, cá tính, thể hiện năng lượng; Ballad: Trữ tình, sâu lắng; Jazz, Blues, R&B thể hiện sự ngẫu hứng và phức tạp về giai điệu, hòa âm. Phong cách âm nhạc quyết định hình thái âm thanh tổng thể của ca khúc, đồng thời chi phối cả cách phối khí và cách thể hiện của ca sĩ.

Người trình bày: Giọng hát và phong cách trình diễn của ca sĩ là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc ca khúc có chạm đến cảm xúc người nghe hay không. Giọng hát cần có: Kỹ thuật thanh nhạc tốt; Khả năng biểu cảm cao; Phù hợp với phong cách ca khúc. Bên cạnh đó, thần thái, cách biểu diễn trên sân khấu cũng là yếu tố nâng tầm ca khúc, giúp khán giả cảm nhận sâu sắc hơn nội dung và thông điệp tác phẩm.

Nhận diện ca khúc không chỉ đơn thuần là phân biệt với các thể loại âm nhạc khác, mà là quá trình hiểu và phân tích các yếu tố nghệ thuật cấu thành ca khúc. Những yếu tố như sự kết hợp giữa âm nhạc và ca từ, cấu trúc, giai điệu, lời ca, nhạc đệm, phong cách âm nhạc và người trình bày đều có vai trò quyết định trong việc tạo nên một tác phẩm âm nhạc hoàn chỉnh. Nắm vững các yếu tố này giúp người học thanh nhạc tiếp cận ca khúc một cách chuyên sâu, khoa học và hiệu quả hơn trong học tập và biểu diễn.

1.1.2. Dân ca

Theo cuốn *A handbook of diction for singer* của NXB Đại học Oxford, cùng một số cuốn từ điển khác như: *Đức - Việt* của NXB Phương Đông; *Pháp - Việt* của NXB Thành phố Hồ Chí Minh; *Anh - Việt* của Viện Ngôn ngữ Học; *Ý - Việt* của NXB Thế Giới mà chúng tôi đã tra cứu, danh từ *Dân ca* trong tiếng Ý là *Canti popolari*; tiếng Anh là *Folk song*; tiếng Pháp là *Chanson populaire*; tiếng Đức là *Volkslied*, tất cả đều có nghĩa chung và tạm dịch là bài hát mang tính dân tộc.

Với 54 dân tộc anh em trên toàn lãnh thổ, Việt Nam có một nền dân ca với nhiều màu sắc và phong phú về thể loại, các bài dân ca trữ tình hay hát giao duyên cũng như hát đối đáp giữa trai gái,...ở khắp nơi từ Bắc Bộ, Trung Bộ tới Nam Bộ, mỗi một vùng miền có những đặc điểm văn hoá riêng gắn liền lao động sản xuất với các loại hình hát đa dạng như: trong lao động cày cấy ngoài đồng có (Hò cấy) đến các bài hát khi chèo thuyền (Hò mái chèo, Hò mái nhì, Hò Sông Mã), rồi như trong lao động sản xuất có tính tập thể với (hát phường vải) hay các loại hát hội là (Quan họ, Trống quân),...

Trong bài viết *Tìm hiểu giai điệu dân ca Việt Nam*, tác giả Tú Ngọc cũng xác nhận: “Rõ ràng là, trong nền âm nhạc của một dân tộc, thì dân ca có mối liên hệ trực tiếp nhất đối với tiếng nói... nhưng sẽ sai lầm khi nghĩ rằng giữa những âm điệu của tiếng nói và âm điệu của bài hát có sự đồng nhất”. [27, tr.31].

Trong cuốn *Âm nhạc Việt Nam biên khảo*, tác giả Trần Quang Hải đã nhận định: “Dân ca là những bài hát, khúc ca được sáng tác và lưu truyền trong dân gian mà không thuộc về riêng một tác giả nào. Đầu tiên bài hát có thể do một người nghĩ ra rồi truyền miệng qua nhiều người từ đời này qua đời khác và được phổ biến ở từng vùng, miền. Các bài dân ca được gọt giũa, sàng lọc qua nhiều năm tháng bền vững với thời gian” [11, tr.107].

Với bài viết *Khái quát chung về dân ca Việt Nam* đăng trên Website của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, trong chuyên mục nghiên cứu lý luận, tác giả Lê Hồng Anh đã khái niệm: “Dân ca là những bài hát cổ truyền do nhân dân sáng tác được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác” [2].

Vậy, có thể hiểu rằng dân ca là những bài hát cổ truyền với các làn điệu đã đi vào kho tàng nghệ thuật dân gian bằng cách truyền khẩu trong nhân dân. Chúng luôn được biến đổi và không thuộc bản quyền của một tác giả nào từ ban đầu.

1.1.2.1. Đặc trưng của dân ca

Dân ca là một bộ phận quan trọng của âm nhạc truyền thống Việt Nam, mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc và phản ánh rõ đời sống tinh thần của nhân dân qua nhiều thế hệ. Các đặc trưng cơ bản của dân ca được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Tính cổ truyền: Dân ca là sản phẩm của quá khứ được lưu giữ đến hiện tại. Hầu hết các làn điệu dân ca đã tồn tại từ rất lâu đời, gắn bó với những sự kiện lịch sử, phong tục tập quán và tín ngưỡng của cộng đồng. Việc dân ca được truyền từ đời này sang đời khác cho thấy sức sống bền bỉ của nó trong tâm thức người Việt. Mỗi câu hò, lời ru hay điệu hát đều mang dấu ấn thời gian, phản ánh bối cảnh lịch sử - xã hội nơi nó ra đời.

Tính dân gian: Dân ca là sản phẩm sáng tạo của tập thể, không phải của cá nhân riêng lẻ. Nó được hình thành từ đời sống thực tiễn của

người dân lao động, phản ánh những cảm xúc chân thực về cuộc sống, tình yêu, lao động, thiên nhiên và cả triết lý nhân sinh. Chính tính cộng đồng này làm nên giá trị đặc biệt của dân ca không chỉ là âm nhạc giải trí mà còn là tiếng nói tâm hồn của nhân dân. Sự bình dị, mộc mạc và gần gũi trong lời ca tiếng hát là biểu hiện rõ nhất của tính dân gian.

Tính truyền khẩu: Không như các thể loại âm nhạc bác học được ghi chép, dân ca chủ yếu được truyền lại bằng hình thức miệng truyền khẩu, “nghe rồi hát lại”, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhờ có truyền khẩu, dân ca không chỉ lan tỏa nhanh chóng mà còn dễ thích nghi với từng vùng miền, từng thế hệ. Tuy nhiên, hình thức này cũng khiến dân ca dễ bị thất truyền nếu không được bảo tồn đúng cách trong xã hội hiện đại.

Tính biến đổi: Do truyền miệng và gắn với cuộc sống nên dân ca không mang tính cố định mà luôn vận động và biến đổi theo thời gian, không gian và con người. Người hát có thể sáng tạo cách thể hiện riêng; các làn điệu dân ca khi du nhập sang vùng khác có thể được điều chỉnh về giai điệu, tiết tấu hoặc ca từ để phù hợp với ngôn ngữ và cảm xúc địa phương. Sự biến đổi ấy không làm mất đi bản chất dân ca mà còn tạo nên sự đa dạng, phong phú và sống động cho loại hình nghệ thuật này.

Tính vô danh: Hầu hết các bài dân ca không xác định được tác giả cụ thể. Dù một làn điệu dân ca có thể khởi nguồn từ một cá nhân, nhưng qua thời gian, khi được phổ biến rộng rãi, vai trò tác giả mờ dần và trở thành sáng tạo chung của cộng đồng. Tính vô danh này giúp dân ca trở thành tài sản văn hóa chung, vượt khỏi giới hạn của một người hay một thế hệ để trở thành biểu tượng tập thể.

Tính địa phương: Một trong những điểm nổi bật của dân ca Việt Nam là sự phong phú và đa dạng theo vùng miền. Mỗi vùng đất với ngôn ngữ, phong tục và môi trường sống khác nhau đã tạo nên những làn điệu dân ca mang màu sắc riêng. Dân ca Bắc Bộ có đặc trưng mềm mại, tinh tế với điệu Quan họ, Ca trù; Trung Bộ đậm chất tự sự, giàu cảm xúc trong

các điệu Hò, Ví, Giặm; còn Nam Bộ lại nhẹ nhàng, chân phương, mang tính kể chuyện trong các điệu Lý, Vọng cổ. Tính địa phương không chỉ làm giàu thêm bản sắc dân ca mà còn là biểu hiện của tính đa dạng văn hóa trong thống nhất dân tộc.

Các đặc trưng nêu trên không chỉ là yếu tố phân biệt dân ca với các thể loại âm nhạc khác mà còn là nền tảng quan trọng để nghiên cứu, giảng dạy và biểu diễn dân ca một cách hiệu quả. Việc hiểu rõ những đặc điểm này giúp sinh viên thanh nhạc tiếp cận đúng tinh thần của từng làn điệu dân ca, từ đó nâng cao năng lực biểu cảm, kỹ thuật trình diễn và phát huy giá trị nghệ thuật dân tộc trong môi trường học đường và sân khấu chuyên nghiệp.

1.1.2.2. Những yếu tố nhận diện dân ca

Dân ca là một thể loại âm nhạc truyền thống đặc sắc, gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của nhân dân. Việc nhận diện dân ca không chỉ dựa vào âm thanh hay lời ca, mà là một quá trình tiếp cận tổng thể từ nhiều khía cạnh. Dưới đây là các yếu tố cơ bản giúp nhận diện một bài dân ca:

Nguồn gốc: Dân ca bắt nguồn từ đời sống dân gian, do chính quần chúng nhân dân sáng tác và lưu truyền. Không xuất phát từ các cơ sở đào tạo âm nhạc chính quy hay các nhạc sĩ chuyên nghiệp, dân ca mang đậm dấu ấn của lao động, sinh hoạt, tín ngưỡng và tâm lý cộng đồng. Nguồn gốc lâu đời này giúp dân ca trở thành một phần ký ức văn hóa, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác qua hình thức truyền miệng.

Làn điệu: Một trong những dấu hiệu dễ nhận biết nhất của dân ca chính là làn điệu, tức giai điệu mang phong cách riêng, có tính chất lặp lại và dễ nhận biết. Mỗi vùng miền có hệ thống làn điệu đặc trưng: Quan họ (Bắc Ninh), Hát Xoan (Phú Thọ), Ví, Giặm (Nghệ Tĩnh), Lý - Đơn ca tài tử (Nam Bộ), v.v. Những làn điệu này thường dễ hát, dễ nhớ, phù hợp với lối phát âm, âm vực và phong cách biểu cảm của người dân địa

phương. Đây cũng là cơ sở để các nhạc sĩ hiện đại khai thác trong các ca khúc mang âm hưởng dân ca.

Lời ca trong dân ca thường mang tính giản dị, mộc mạc, sử dụng ngôn ngữ đời thường nhưng giàu hình ảnh và cảm xúc. Nội dung lời ca xoay quanh các chủ đề quen thuộc như tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, lao động sản xuất, thiên nhiên, phong tục tập quán, triết lý sống. Không cầu kỳ về từ vựng hay ngữ pháp, lời ca dân ca đi vào lòng người nhờ tính gần gũi, chân thành và dễ cảm thụ.

Hình thức biểu diễn: Dân ca gắn liền với các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, nên hình thức biểu diễn cũng rất đa dạng và linh hoạt: đơn ca, song ca, tốp ca, hát đối đáp (nam - nữ), hát giao duyên, hát trong khi làm việc, lễ hội hoặc các nghi lễ tín ngưỡng. Không cần sân khấu chuyên nghiệp, dân ca thường vang lên ở sân đình, bến nước, ruộng đồng hay nơi hội làng, góp phần tạo nên tính cộng đồng và tự nhiên trong cách thể hiện.

Công cụ âm nhạc: Âm nhạc dân gian thường sử dụng các nhạc cụ truyền thống để đệm hát hoặc biểu diễn: đàn bầu, đàn nguyệt, đàn nhị, sáo trúc, trống cơm, phách, mõ. Những nhạc cụ này có âm sắc đặc trưng, mộc mạc, gần gũi, hòa quyện với chất giọng và phong cách thể hiện của người dân. Có trường hợp dân ca hoàn toàn không cần nhạc đệm mà chỉ hát một, điều này càng làm nổi bật kỹ thuật thanh nhạc tự nhiên và cảm xúc biểu đạt.

Tính cộng đồng: Dân ca không phải là sản phẩm cá nhân mà là tài sản chung của cộng đồng, được mọi người cùng hát, cùng nghe, cùng gìn giữ. Một bài dân ca có thể được nhiều thế hệ cùng yêu thích và sử dụng trong các dịp lễ tết, cưới hỏi, tang lễ, lễ hội mùa màng. Điều này tạo nên sức sống lâu bền và giá trị kết nối văn hóa giữa các thành viên trong cộng đồng.

Dân ca không chỉ là một thể loại âm nhạc mà còn là một biểu tượng văn hóa, một kênh truyền tải lịch sử, cảm xúc và trí tuệ dân gian.

Việc nhận diện dân ca đòi hỏi phải xét đến các yếu tố như: Nguồn gốc, làn điệu, lời ca, hình thức biểu diễn, công cụ âm nhạc và tính cộng đồng. Sự kết hợp của những yếu tố này tạo nên bản sắc riêng biệt cho từng làn điệu dân ca và giúp dân ca trường tồn trong đời sống văn hóa Việt Nam.

1.1.2.3. Vai trò của dân ca trong đời sống người Việt

Dân ca là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Trải qua bao thế hệ, dân ca không chỉ đơn thuần là hình thức biểu đạt nghệ thuật mà còn mang trong mình những giá trị văn hóa, đạo đức và lịch sử sâu sắc.

Gìn giữ và truyền tải bản sắc văn hóa dân tộc: Dân ca là kho tàng âm nhạc truyền thống phong phú, phản ánh đặc trưng vùng miền, ngôn ngữ, lối sống, tâm hồn và triết lý sống của người Việt. Mỗi làn điệu dân ca, từ Quan họ, Ví, Giặm, Lý, Trống quân đến Hò, Lượn, Xẩm đều mang đậm dấu ấn địa phương và là minh chứng sống động cho sự đa dạng và giàu có của văn hóa Việt Nam.

Phản ánh đời sống và tình cảm con người: Dân ca gắn bó mật thiết với đời sống thường nhật. Qua lời ca mộc mạc, dân ca nói lên tình yêu đôi lứa, lòng hiếu thảo, nỗi nhớ quê hương, khát vọng hạnh phúc, sự lạc quan trong lao động, hay cả những nỗi buồn trước cuộc sống khó khăn. Những cảm xúc ấy được thể hiện chân thật, tự nhiên, dễ đi vào lòng người.

Công cụ giáo dục truyền thống và đạo đức: Dân ca không chỉ làm phong phú đời sống tinh thần mà còn là phương tiện giáo dục đạo lý. Các bài ca dao, dân ca thường lồng ghép những bài học nhẹ nhàng về cách sống, tình nghĩa vợ chồng, công cha nghĩa mẹ, tình bạn, lòng yêu nước, từ thuở nhỏ, người Việt đã được nuôi dưỡng tâm hồn qua những câu hát ru, hò đối, ca dao dân ca.

Gắn kết cộng đồng và tạo không gian sinh hoạt văn hóa: Dân ca thường được trình diễn trong các dịp lễ hội, sinh hoạt cộng đồng như

hát giao duyên, hát trong đám cưới, lễ hội đình làng. Những cuộc hát đối, hát hội là nơi kết nối con người, tạo không khí vui tươi, đoàn kết, gắn bó làng xóm. Đây cũng là môi trường để nghệ nhân truyền nghề cho thế hệ sau.

Là nguồn cảm hứng cho nghệ thuật hiện đại: Dân ca là mạch nguồn giàu cảm hứng cho âm nhạc, sân khấu và điện ảnh hiện đại. Nhiều nhạc sĩ đã vận dụng chất liệu dân ca để sáng tác ca khúc mới mang tính dân tộc mà vẫn hiện đại, góp phần làm phong phú kho tàng âm nhạc Việt Nam và đưa âm nhạc truyền thống đến gần hơn với công chúng trẻ.

Dân ca là hồn cốt của văn hóa Việt, là biểu tượng tinh thần của người dân qua bao thế hệ. Việc gìn giữ, phát huy giá trị dân ca không chỉ là bảo tồn di sản văn hóa, mà còn là gìn giữ tâm hồn Việt, tiếp nối truyền thống để thế hệ mai sau hiểu và tự hào về cội nguồn của mình.

1.1.3. Dân ca ba miền

Dân ca Việt Nam có một nền tảng phong phú, đa dạng và đặc sắc, phản ánh sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, khí hậu, lối sống và lịch sử của từng vùng miền. Ba khu vực chính theo bản đồ 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 12/06/2025:

Bắc Bộ: Tuyên Quang, Cao Bằng, Lai Châu, Lào Cai, Thái Nguyên, Điện Biên, Lạng Sơn, Sơn La, Phú Thọ, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Hà Nội.

Trung Bộ: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thành phố Huế, Thành phố Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng.

Nam Bộ: Đồng Nai, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Thành phố Cần Thơ, Cà Mau.

Mỗi vùng miền đều sở hữu những thể loại dân ca đặc trưng. Dân ca không chỉ là sản phẩm nghệ thuật đơn thuần mà còn là biểu hiện sâu

sắc của đời sống tinh thần, tình cảm và tâm hồn người Việt. Gắn bó mật thiết với đời sống lao động, sinh hoạt, lễ hội và tín ngưỡng dân gian, dân ca qua bao thế hệ vẫn giữ được sức sống bền bỉ nhờ vào những lời ca mộc mạc, giai điệu trữ tình và giàu bản sắc.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam là những tác phẩm âm nhạc được sáng tác mới, không phải dân ca truyền thống, nhưng khai thác và phát triển từ chất liệu âm nhạc dân gian. Những yếu tố như giai điệu, tiết tấu, ca từ, hình ảnh thơ ca, hòa âm hoặc phong cách thể hiện của các làn điệu dân ca vùng miền được sử dụng một cách sáng tạo để truyền tải tinh thần dân tộc trong ngôn ngữ âm nhạc đương đại. Những ca khúc này không sao chép nguyên vẹn dân ca gốc mà vận dụng, cách tân để tạo nên sự giao hòa giữa truyền thống và hiện đại.

1.1.4. Đặc trưng của âm nhạc dân ca ba miền: Bắc - Trung - Nam

1.1.4.1. Dân ca Bắc Bộ

Dân ca Bắc Bộ là một bộ phận quan trọng trong kho tàng âm nhạc dân gian Việt Nam, phản ánh sâu sắc đời sống tâm hồn, phong tục tập quán và tư duy nghệ thuật của cư dân vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Để nhận diện dân ca Bắc Bộ, cần dựa vào những đặc trưng về giai điệu, tiết tấu, chất liệu ngôn ngữ, hình thức thể hiện và màu sắc văn hóa bản địa.

Giai điệu nhẹ nhàng, sâu lắng và hướng nội: Một đặc điểm nổi bật giúp nhận diện dân ca Bắc Bộ chính là giai điệu khoan thai, nhẹ nhàng và đậm chất trữ tình. Giai điệu không gấp gáp, ít dùng tiết tấu nhanh, mà thường thiên về sự luyến láy, chậm rãi, có chiều sâu cảm xúc. Lối thể hiện hướng nội tạo điều kiện để người hát truyền tải những cảm xúc tinh tế, gợi sự suy tư, hoài niệm.

Giai điệu trong dân ca Bắc Bộ thường giàu tính biểu cảm, dễ gợi nhớ về quê hương, gia đình, tình yêu đôi lứa hoặc lòng biết ơn đối với tổ tiên, nguồn cội. Chính yếu tố này khiến dòng dân ca này dễ chạm đến

trái tim người nghe, đặc biệt là với những ai từng trải hoặc mang trong mình ký ức sâu đậm với vùng đất Bắc Bộ.

Tiết tấu chậm, gắn với nhịp điệu lời nói: Tiết tấu trong dân ca Bắc Bộ thường chậm, rõ ràng, nhấn nhá theo từng câu chữ, đôi khi gần như mô phỏng theo nhịp điệu lời nói thông thường. Điều này giúp người hát thể hiện được trọn vẹn từng ý, từng tầng nghĩa của ca từ, đồng thời giúp người nghe cảm nhận rõ hơn sắc thái và nội dung truyền tải.

Việc sử dụng tiết tấu gắn với ngôn ngữ nói tạo điều kiện để dân ca Bắc Bộ giữ được tính tự nhiên, gần gũi, mà vẫn đảm bảo giá trị nghệ thuật cao. Đây là điểm khác biệt rõ rệt so với nhiều thể loại âm nhạc khác vốn phụ thuộc nhiều vào nhịp điệu và nhạc cụ.

Âm hưởng đậm chất duyên dáng, gọi cảm: Âm sắc trong dân ca Bắc Bộ thiết tha, uyển chuyển và duyên dáng, phản ánh tính cách tế nhị, kín đáo và giàu tình cảm của con người vùng Bắc Bộ. Nhiều làn điệu dân ca như hát ru, quan họ, ca trù. đều thể hiện sự tinh tế trong cách sử dụng âm vực, luyến láy và ngắt nhịp.

Chính âm hưởng đặc biệt này khiến dân ca Bắc Bộ mang tính thẩm mỹ cao, đồng thời đóng vai trò nuôi dưỡng cảm xúc, trí tưởng tượng và tình yêu nghệ thuật của người nghe ở nhiều thế hệ.

Chất đối đáp trong hình thức biểu diễn: Một đặc trưng quan trọng của dân ca Bắc Bộ là sự ảnh hưởng rõ nét từ lối hát đối đáp, đặc biệt trong thể loại Quan họ Bắc Ninh. Trong đó, các câu hát thường được tổ chức theo hình thức giao duyên giữa hai bên nam nữ. Câu hát của một bên thường là lời mời, lời mở, và phía bên kia sẽ là lời đáp lại, đầy tế nhị và nghệ thuật.

Hình thức hát đối đáp không chỉ mang tính trình diễn mà còn phản ánh chiều sâu văn hóa giao tiếp dân gian, nơi người ta dùng lời ca để thể hiện tình cảm, sự thông minh, dí dỏm, và phẩm chất văn hóa ứng xử.

Chất liệu nghệ thuật phong phú, mang dấu ấn vùng miền: Dân ca Bắc Bộ được xây dựng từ nhiều chất liệu nghệ thuật truyền thống đặc trưng của vùng đồng bằng Sông Hồng và trung du Bắc Bộ, tiêu biểu như:

Quan họ là một loại hình dân ca tiêu biểu của vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh – Bắc Giang), mang đậm tính trữ tình và tinh tế. Điểm nổi bật của Quan họ là lối hát đối đáp nam nữ, thể hiện sự giao duyên, ý nhị qua từng câu hát. Kỹ thuật hát trong Quan họ rất đặc biệt, với cách chồng âm (hai người hát cùng lúc ở hai cao độ khác nhau) tạo nên những lớp giai điệu hòa quyện, mềm mại mà cuốn hút. Quan họ không chỉ là nghệ thuật thanh nhạc mà còn là biểu tượng văn hóa đặc sắc, kết tinh vẻ đẹp tâm hồn người dân Bắc Bộ.

Hát ru là thể loại dân ca có mặt ở hầu khắp các vùng miền Việt Nam, thường gắn liền với tình mẫu tử, không gian gia đình và đời sống lao động. Giai điệu của hát ru thường nhẹ nhàng, du dương, mang tính thủ thi tâm tình, giúp trẻ em dễ đi vào giấc ngủ và thấm dần những bài học đầu đời. Dù đơn giản, hát ru lại mang trong mình chiều sâu nhân văn và góp phần nuôi dưỡng cảm xúc, ngôn ngữ cho thế hệ trẻ từ thuở ấu thơ.

Ca trù, còn gọi là hát ả đào, là thể loại dân ca bác học, từng phổ biến trong giới trí thức, tao nhân mặc khách ở Bắc Bộ. Ca trù có kết cấu âm nhạc phức tạp, sử dụng nhiều kỹ thuật thanh nhạc cao cấp như nhấn, láy, rung, ngân dài hơi,... Phối hợp cùng với nhạc cụ truyền thống như đàn đáy, phách, trống châu, nghệ nhân ca trù phải thể hiện được sự thanh thoát, uyển chuyển, tinh tế trong từng âm sắc và ngữ điệu. Không gian biểu diễn ca trù thường là nơi thanh nhã, yên tĩnh, tạo điều kiện để người nghe thưởng thức trọn vẹn cái đẹp của nghệ thuật bác học.

Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian tổng hợp, nổi bật ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Mang tính biểu cảm đa dạng, chèo vừa có những màn trào phúng, hài hước dí dỏm, vừa có những phân đoạn sâu lắng, bi cảm đến lay động lòng người. Giai điệu chèo giàu chất kể

chuyện, với lời hát nói, hát vìa, và hát sử thi đặc trưng. Đặc biệt, hình thức biểu diễn chèo không tách biệt giữa hát, múa, diễn mà luôn gắn bó mật thiết, làm nổi bật khả năng trình diễn của nghệ sĩ cũng như sức sống của kịch bản dân gian.

Những chất liệu này không chỉ giúp định danh dân ca Bắc Bộ, mà còn tạo nên bản sắc độc đáo và sức sống bền bỉ cho loại hình âm nhạc này.

Ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, gắn với văn hóa dân gian: Lời ca trong dân ca Bắc Bộ thường giàu tính hình tượng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ dân gian như ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, điệp ngữ,... Điều này giúp lời ca trở nên mượt mà, giàu hình ảnh và gợi cảm. Đồng thời, nhiều bài dân ca còn chứa đựng những câu tục ngữ, ca dao, thành ngữ quen thuộc, càng làm tăng tính gần gũi và gắn bó với đời sống cộng đồng.

Dân ca Bắc Bộ là thể loại âm nhạc dân gian đặc sắc, mang đậm bản sắc văn hóa vùng miền. Những đặc điểm nổi bật như: Giai điệu nhẹ nhàng, tiết tấu chậm rãi, âm hưởng trữ tình duyên dáng, hình thức hát đối đáp phong phú và ngôn ngữ giàu chất thơ, đã tạo nên một dòng dân ca có sức sống lâu bền. Không chỉ là di sản nghệ thuật quý báu, dân ca Bắc Bộ còn là tấm gương phản chiếu đời sống tinh thần sâu sắc của con người vùng đất phía Bắc, nơi lưu giữ những tinh hoa văn hóa Việt Nam truyền thống.

1.1.4.2. Dân ca Trung Bộ

Dân ca Trung Bộ là một trong ba vùng âm nhạc dân gian lớn của Việt Nam, phản ánh sâu sắc tâm hồn, cuộc sống và bản sắc văn hóa của cư dân dọc dải đất miền Trung đầy nắng gió. Với bề dày truyền thống và phong cách nghệ thuật độc đáo, dân ca Trung Bộ mang trong mình nhiều đặc trưng rõ nét về âm nhạc, cảm xúc và phương thức thể hiện.

Giai điệu tha thiết, trầm lắng, đậm chất tâm tình: Giai điệu của dân ca Trung Bộ nổi bật với sự tha thiết, trầm lắng và giàu tính biểu cảm. Giai điệu thường không phô trương mà chậm rãi, khoan thai, giúp lời ca

được kéo dài, cảm xúc có thời gian thẩm thấu sâu hơn vào lòng người nghe. Tính trữ tình tự sự hiện diện rõ ràng trong hầu hết các thể loại dân ca Trung Bộ, phản ánh một cuộc sống nhiều lo toan, gắn bó với thiên nhiên, gia đình, làng quê và tình người.

Nhịp điệu chậm rãi, giàu chất kể chuyện: Một yếu tố dễ nhận diện dân ca Trung Bộ là nhịp điệu chậm, chắc, đều, giàu tính tự sự. Nhiều bài hát có nhịp điệu gần với lời nói tự nhiên, giúp lời ca trở thành phương tiện kể chuyện hoặc giải bày tâm tình. Đây cũng là đặc điểm thể hiện chiều sâu văn hóa miền Trung, nơi con người sống nội tâm, giàu cảm xúc nhưng kiệm lời.

So với dân ca Bắc Bộ mang chất duyên dáng và lễ nghi, dân ca Trung Bộ thiên về trải lòng, với tiết tấu chậm, ít biến động, phù hợp để biểu đạt nỗi buồn, sự nhớ nhung, hy vọng hay sự thủy chung trong tình cảm.

Sắc thái cảm xúc: nỗi buồn sâu sắc và nhân văn: Một đặc trưng nổi bật trong âm nhạc dân gian Trung Bộ là nỗi buồn đặc trưng, không bi lụy mà đầy nhân văn. Giai điệu thường gợi lên sự thương nhớ, trăn trở, nhưng không than thở hay oán trách. Đây chính là điểm nhấn nghệ thuật khiến dân ca Trung Bộ dễ dàng tạo được sự đồng cảm với người nghe ở tầng sâu cảm xúc.

Nỗi buồn ấy không chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh sống khắc nghiệt, thiên tai, nghèo khó mà còn là kết tinh của nội lực văn hóa mạnh mẽ, phản ánh phẩm chất kiên cường, thủy chung và giàu lòng nhân ái của con người miền Trung.

Sự phong phú trong thể loại và chất liệu dân gian: Dân ca Trung Bộ được hình thành và phát triển trên nền tảng của nhiều thể loại nghệ thuật dân gian đặc trưng, tiêu biểu là:

Ví, Giặm Nghệ Tĩnh: Có âm điệu mềm mại, mộc mạc, lời ca gần với văn nói và giàu chất tự sự. Các bài Ví, Giặm thường mang nội dung

về tình yêu đôi lứa, tình làng nghĩa xóm, nỗi nhớ quê hương. Giai điệu sử dụng nhiều nốt rung, luyến, mang đậm âm sắc địa phương.

Hò Huế: Là thể loại gắn với không gian văn hóa cung đình xưa, thể hiện vẻ đẹp uyển chuyển, sang trọng, sâu lắng. Hò Huế vừa mang tính kể chuyện vừa giàu chất trữ tình, giai điệu thanh thoát, mềm mại, thể hiện tâm hồn tinh tế của người dân xứ kinh kỳ.

Hò khoan Lệ Thủy: Là loại hình dân ca gắn liền với lao động sản xuất, sinh hoạt cộng đồng, có tính chất đối đáp giữa nam và nữ. Hò khoan mang giai điệu mộc mạc, tươi tắn hơn so với Ví, Giặm, thể hiện sự chân thành, chất phác và niềm vui lao động của người dân vùng đồng bằng ven biển.

Ngôn ngữ và thổ ngữ đặc trưng: Lời ca trong dân ca Trung Bộ mộc mạc, giản dị, thường sử dụng thổ ngữ và ngữ điệu đặc trưng của từng vùng miền. Ngôn ngữ biểu đạt thường gần gũi với đời sống hàng ngày, có tính chất tự sự, bộc bạch và thể hiện cảm xúc một cách trực tiếp. Chính yếu tố ngôn ngữ địa phương góp phần tạo nên bản sắc riêng biệt của dân ca Trung Bộ so với hai miền còn lại.

Dân ca Trung Bộ là dòng nhạc dân gian giàu tính tự sự, đậm chất tâm tình và giàu bản sắc vùng miền. Giai điệu trầm lắng, nhịp điệu khoan thai, cảm xúc nhân văn và chất liệu phong phú từ các thể loại như Ví, Giặm, Hò Huế, Hò khoan đã tạo nên một hình thái âm nhạc mang vẻ đẹp nội tâm sâu sắc. Không chỉ là phương tiện biểu đạt nghệ thuật, dân ca Trung Bộ còn là nơi lắng đọng văn hóa, phản ánh khí chất và tâm hồn kiên cường, nhân hậu của con người miền Trung qua bao thế hệ.

1.1.4.3. Dân ca Nam Bộ

Dân ca Nam Bộ phản ánh sinh động đời sống tinh thần của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi có điều kiện tự nhiên trù phú, hệ thống sông ngòi chằng chịt và truyền thống cộng đồng gắn bó, hào sảng. Dòng dân ca này nổi bật bởi tính phóng khoáng, giản dị, vui tươi, và gần

gũi, phản ánh chân thực tâm hồn chất phác, hiền hậu mà sâu sắc của con người phương Nam.

Giai điệu phóng khoáng, mềm mại, dễ tiếp cận: Giai điệu của dân ca Nam Bộ thường tự do, nhẹ nhàng, uyển chuyển, thể hiện chất khoáng đạt, mộc mạc. Âm điệu lả lơi, đôi khi nhấn nhá hoặc luyến láy theo thổ ngữ Nam Bộ, làm tăng tính biểu cảm và tạo nên nét đặc trưng riêng.

Dân ca Nam Bộ với tính đại chúng cao, rất phù hợp để lan tỏa trong đời sống cộng đồng. Dù mang tính trữ tình hay tự sự, âm nhạc vẫn giữ được sự mềm mại, không cầu kỳ, dễ dàng kết nối người nghe bằng sự tự nhiên, thân thiện.

Tiết tấu linh hoạt, phong cách biểu diễn tự nhiên: Tiết tấu của dân ca Nam Bộ mang tính linh hoạt, lúc chậm rãi để bộc lộ tâm tư, khi lại rộn ràng, dí dỏm, tươi vui, phản ánh nhịp sống sinh hoạt đời thường nơi vùng sông nước. Điều này làm nên một phong cách âm nhạc sống động, chân thực và gần gũi, không gò bó về khuôn thức, phù hợp với tính cách “nói sao hát vậy” của người miền Tây.

Phong cách thể hiện cũng rất tự nhiên, thoải mái, ít bị giới hạn bởi quy phạm. Người hát có thể luyến láy tùy hứng, thả hồn theo câu hát, tạo nên sự giao cảm cao giữa người biểu diễn và người thưởng thức.

Nội dung mang đậm tính đời thường, kể chuyện và hài hước: Dân ca Nam Bộ không chỉ thiên về trữ tình mà còn giàu tính kể chuyện, phản ánh các mặt đời sống từ lao động, sinh hoạt đến tình cảm lứa đôi, nỗi niềm quê hương. Đặc biệt, nhiều ca khúc mang yếu tố hài hước, châm biếm nhẹ nhàng, thể hiện sự thông minh, dí dỏm và tinh tế trong tư duy nghệ thuật của người dân nơi đây.

Lời ca thường chân thực, bình dị, đôi khi “thật như đếm”, không sáo rỗng, rất gần với ngôn ngữ đời sống, nhờ vậy dễ dàng tạo được sự đồng cảm và thích thú cho người nghe.

Thể loại đa dạng, mang dấu ấn vùng sông nước: Dân ca Nam Bộ phong phú về thể loại, trong đó một số hình thức tiêu biểu bao gồm:

Điệu Lý (như *Lý con sáo, Lý cây bông, Lý qua cầu,...*): Có cấu trúc đơn giản, âm điệu nhẹ nhàng, vui tươi, thường dùng để thể hiện tình cảm yêu thương, nỗi nhớ quê hương hay sự ngợi ca cuộc sống bình dị.

Hò Nam Bộ (Hò đối đáp, Hò mái nhì, Hò chèo ghe,...): Gắn với sinh hoạt lao động và giao tiếp đời thường. Giai điệu có tính chất nhịp nhàng như mái chèo trên sông, giúp người lao động vui đi mệt nhọc và gắn kết cộng đồng.

Cải lương và Đờn ca tài tử: Là hình thức nghệ thuật kết hợp giữa âm nhạc dân gian và sân khấu biểu diễn. Cải lương mang tính bi tráng, trữ tình, còn đờn ca tài tử có tính bác học hơn, với cấu trúc phong phú, sử dụng nhiều kỹ thuật nhấn nhá, rung, luyến rất điêu luyện. Đây là những thể loại thể hiện rõ nhất sự phát triển của âm nhạc dân gian Nam Bộ lên một trình độ cao hơn về nghệ thuật.

Thổ ngữ, ngữ điệu vùng miền tạo bản sắc riêng: Một điểm đáng lưu ý là dân ca Nam Bộ sử dụng thổ ngữ đậm chất phương Nam, lời ca mộc mạc, tự nhiên nhưng giàu hình ảnh và cảm xúc. Ngữ điệu nói, hát hòa quyện, góp phần tạo nên một bản sắc ngôn ngữ âm nhạc rất riêng, không thể lẫn với dân ca các vùng khác.

Dân ca Nam Bộ là dòng nhạc dân gian giàu sức sống, phản ánh sâu sắc đời sống và tâm hồn người dân vùng đồng bằng sông nước. Với âm điệu phóng khoáng, tiết tấu linh hoạt, nội dung gần gũi, kết hợp cùng những thể loại như Lý, Hò, Cải lương, Đờn ca tài tử dân ca Nam Bộ đã và đang góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống trong dòng chảy âm nhạc Việt Nam hiện đại. Đây không chỉ là di sản nghệ thuật, mà còn là cầu nối đưa tinh thần miền Tây đến với mọi miền Tổ quốc.

1.1.5. Ca khúc mang âm hưởng dân ca

Trong bài viết Bàn về chất liệu dân ca trong ca khúc đăng trên tạp chí Hồn Việt, số 31 tháng 11/ 2012, tác giả Phan Minh đã nêu quan điểm: “Những ca khúc mang âm hưởng dân ca là những ca khúc mang tính dân gian hoặc mô phỏng những làn điệu dân gian được sáng tác bởi một số nhạc sĩ” [21, tr.17].

Từ những khái niệm Dân ca và Ca khúc, có thể khái niệm ca khúc mang âm hưởng dân ca là ca khúc có sử dụng mô phỏng chất liệu âm nhạc trong dân ca Việt Nam được sáng tác bởi một số nhạc sĩ.

Có thể nói, những ca khúc mang âm hưởng dân ca là ca khúc dễ đi vào lòng người, bởi ca khúc đó mang đậm nét âm nhạc truyền thống, đậm bản sắc dân tộc. Những ca khúc thể loại này cũng góp phần làm đời sống âm nhạc thêm phong phú và độc đáo.

NSND Trần Hiếu đã trả lời bài phỏng vấn của phóng viên Thuý Trang về nhận định thể loại ca khúc mang âm hưởng dân ca ngày nay, trên báo Lao Động ngày 02/11/2008. Ông cho rằng, việc sử dụng chất liệu âm nhạc dân gian không chỉ xuất hiện trong các ca khúc Việt Nam như chúng ta đã biết, mà điều này vốn là một dòng chảy tự nhiên trong nền âm nhạc của mọi quốc gia, thuộc mọi thời đại. Từ thời Tiền cổ điển rồi Cổ điển, trong các vở opera của Handel hay các bản giao hưởng của Mozart, người ta đã tìm thấy khá nhiều chất liệu âm nhạc dân gian của các dân tộc ở châu Âu như Đức, Áo, Ý, Pháp, Tây Ban Nha,...

Ở nước ta, với một số lượng to lớn và phong phú những bài hát dân ca, sản phẩm văn hóa tinh thần quý giá được ví như “mỏ quặng” mà ông cha ta để lại và nhiều thế hệ nhạc sĩ đã khéo léo khai thác chất liệu từ những làn điệu dân ca kết hợp với những thang âm, điệu thức, giai điệu,... của âm nhạc phương Tây, để viết những ca khúc trữ tình mang âm hưởng dân ca thật ngọt ngào, sâu lắng.

Có thể thấy, ngay từ buổi đầu của Tân nhạc Việt Nam, một số nhạc sĩ đã có ý thức và tâm huyết với xu hướng này như: Lê Thương, Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao, Phạm Duy,... Đến nay, phần lớn các ca khúc được đông đảo khán giả yêu thích nhất, ít nhiều đều mang âm hưởng dân ca một vùng miền nào đó. Những tác phẩm âm nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, đã góp phần làm cho đời sống âm nhạc thêm phong phú và độc đáo. Nghe những ca khúc mang âm hưởng dân ca làm cho người nghe có cảm giác thật gần gũi và thân thiết.

Như vậy, hiểu theo cách chung nhất, ca khúc mang âm hưởng dân ca là những sáng tác âm nhạc mới, nhưng sử dụng chất liệu, giai điệu, tiết tấu, hòa âm hoặc các yếu tố khác của dân ca truyền thống để tạo nên một phong cách riêng, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

1.1.5.1. Đặc trưng của ca khúc mang âm hưởng dân ca

Ca khúc mang âm hưởng dân ca là sự kết hợp hài hòa giữa tinh hoa văn hóa truyền thống và hơi thở âm nhạc đương đại. Đây là thể loại âm nhạc có sức sống bền bỉ, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc vừa đáp ứng được nhu cầu thưởng thức của công chúng hiện đại. Những đặc trưng nổi bật sau đây giúp nhận diện rõ nét dòng ca khúc đặc biệt này:

Kết hợp giữa yếu tố truyền thống và hiện đại: Đây là đặc trưng cốt lõi, tạo nên bản sắc riêng cho ca khúc mang âm hưởng dân ca. Những ca khúc này thường được xây dựng trên nền tảng âm nhạc dân gian truyền thống, nhưng được biến tấu, hòa âm phối khí và thể hiện theo phong cách hiện đại, nhằm phù hợp với thị hiếu và thẩm mỹ âm nhạc đương đại.

Sự kết hợp này giúp gìn giữ giá trị cội nguồn, đồng thời mở rộng không gian sáng tạo, mang lại hơi thở mới mẻ cho các làn điệu quen thuộc, làm cầu nối giữa các thế hệ người nghe.

Sử dụng chất liệu dân ca: Ca khúc mang âm hưởng dân ca thường sử dụng các chất liệu đặc trưng của âm nhạc dân gian, như:

Làn điệu dân ca nguyên gốc: Một số ca khúc giữ nguyên hoặc phỏng theo giai điệu từ những làn điệu dân ca cổ truyền như Quan họ, Hò, Lý, Ví, Giặm,...

Phong cách ngôn ngữ và giai điệu dân gian: Nhiều ca khúc sáng tác mới nhưng vẫn thể hiện chất dân gian qua cách nhả chữ, luyến láy, cấu trúc giai điệu hoặc việc sử dụng nhạc cụ dân tộc như đàn tranh, đàn bầu, sáo trúc,...

Ảnh hưởng thổ ngữ vùng miền: Một số ca khúc khai thác cách phát âm, sử dụng từ ngữ dân gian địa phương, giúp tạo nên màu sắc đặc trưng và gắn kết chặt chẽ với vùng văn hóa cụ thể.

Lời ca mộc mạc, mang đậm tính văn hóa dân tộc: Lời ca thường sử dụng ngôn ngữ giản dị, gần gũi với đời sống thường ngày, thể hiện tinh thần dân tộc một cách tự nhiên. Nội dung ca từ thường xoay quanh các chủ đề như: Tình yêu quê hương, đất nước, con người; Tình cảm gia đình, tình yêu đôi lứa; Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa truyền thống; Tâm tình, nỗi niềm gắn bó với cội nguồn và ký ức văn hóa dân tộc

Nhờ vậy, ca khúc không chỉ là một tác phẩm âm nhạc, mà còn là phương tiện chuyển tải văn hóa, lưu giữ và phát huy giá trị tinh thần của dân tộc qua từng lời ca, điệu nhạc.

Giai điệu trữ tình, sâu lắng và dễ cảm thụ: Giai điệu trong ca khúc mang âm hưởng dân ca thường mang tính trữ tình, sâu lắng, giàu cảm xúc và dễ đi vào lòng người. Âm nhạc không phô trương, cầu kỳ mà thiên về sự mộc mạc, truyền cảm, tạo nên vẻ đẹp dung dị nhưng sâu sắc. Cách xử lý giai điệu thường chú trọng đến tính biểu cảm thông qua nhịp điệu chậm rãi, sự luyến láy mềm mại và cách thể hiện tự nhiên. Chính nhờ đặc điểm này, thể loại ca khúc mang âm hưởng dân ca thường chạm đến trái tim người nghe một cách nhẹ nhàng, tinh tế, giàu chất nhân văn.

Tính đại chúng cao, phù hợp với nhiều đối tượng khán giả: Sự dung hòa giữa dân gian và hiện đại, giữa truyền thống và sáng tạo, giúp

ca khúc mang âm hưởng dân ca dễ dàng được công chúng đón nhận. Sự quen thuộc trong âm điệu, gần gũi trong lời ca, cùng với hình thức thể hiện linh hoạt, giúp loại hình ca khúc này trở nên phổ biến ở cả thành thị và nông thôn, được yêu thích bởi nhiều lứa tuổi khác nhau.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca là minh chứng sống động cho khả năng tiếp biến văn hóa trong âm nhạc. Với đặc trưng tiêu biểu như: sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, sử dụng chất liệu dân gian, ngôn ngữ ca từ mộc mạc, giai điệu trữ tình và tính đại chúng cao, dòng ca khúc này không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, mà còn tạo động lực cho sáng tạo nghệ thuật trong bối cảnh mới.

1.1.5.2. Yếu tố nhận diện ca khúc mang âm hưởng dân ca

Ca khúc mang âm hưởng dân ca là sự tiếp nối và cách tân từ âm nhạc dân gian truyền thống, được nhận diện thông qua hệ thống các đặc điểm về giai điệu, tiết tấu, ngôn ngữ, nhạc cụ, và cách thể hiện. Những yếu tố dưới đây chính là căn cứ quan trọng giúp phân biệt và xác định rõ bản sắc của thể loại ca khúc đặc trưng này.

Âm hưởng dân ca rõ nét: Yếu tố nổi bật nhất là giai điệu mang dấu ấn dân gian rõ ràng, thể hiện qua cách sử dụng quãng đặc trưng, điệu thức truyền thống, kỹ thuật luyến láy đặc biệt. Các ca khúc thường mang âm sắc mộc mạc, mềm mại và gần gũi với thẩm mỹ thính giác dân tộc Việt Nam.

Sử dụng điệu thức dân gian: Những điệu thức như điệu Bắc, điệu Nam, điệu Huế là nền tảng quen thuộc của các làn điệu dân ca và được vận dụng linh hoạt trong các ca khúc mới. Việc sử dụng hoặc biến tấu các điệu thức này tạo nên màu sắc âm nhạc dân tộc rõ rệt, giúp gợi nhắc đến vùng miền văn hóa cụ thể.

Tiết tấu đặc trưng: Tiết tấu thường sử dụng các nhịp điệu quen thuộc trong dân ca như 2/4, 3/4 hoặc tiết tấu tự do, phóng khoáng. Đây là một trong những yếu tố giúp tạo nên nhịp điệu mềm mại, linh hoạt, giàu tính biểu cảm, thích hợp với nội dung trữ tình hoặc tự sự.

Ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh dân gian: Lời ca thường sử dụng từ ngữ trong sáng, gần gũi, mộc mạc, thể hiện nét đặc trưng của tiếng Việt dân gian. Cấu trúc lời ca thường mang tính tự nhiên, uyển chuyển, dễ đi vào lòng người, đồng thời giàu tính gợi hình, gợi cảm, thấm đẫm màu sắc văn hóa vùng miền.

Chủ đề gắn liền với đời sống văn hóa truyền thống: Các ca khúc mang âm hưởng dân ca thường xoay quanh những chủ đề gắn bó mật thiết với tâm hồn và đời sống người Việt, như: Tình yêu quê hương, đất nước; Tình cảm gia đình, tình nghĩa làng xóm; Mối quan hệ đôi lứa; Các phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống. Những chủ đề này mang tính gợi nhớ, gợi thương, giàu chất nhân văn và giá trị văn hóa.

Hình ảnh, biểu tượng dân gian quen thuộc: Ca từ thường sử dụng các biểu tượng văn hóa đặc trưng như: cây đa, bến nước, con đò, cánh đồng, mái đình, giếng làng,... Những hình ảnh này không chỉ mang tính thẩm mỹ mà còn tạo nên không gian văn hóa đặc trưng, làm tăng tính kết nối với người nghe.

Nhạc cụ dân tộc và phối khí đặc trưng: Đệm nhạc bằng nhạc cụ dân tộc như: đàn bầu, đàn tranh, đàn nguyệt, sáo trúc, trống, giúp tạo âm sắc truyền thống rõ nét. Nhiều ca khúc còn kết hợp nhạc cụ dân tộc với nhạc cụ phương Tây như Piano, Guitar, Violin, để tạo sự hòa quyện giữa truyền thống và hiện đại, vừa giữ chất dân tộc, vừa bắt nhịp xu hướng âm nhạc đương thời.

Phong cách hát mang chất dân gian: Ca sĩ thường sử dụng kỹ thuật luyện láy đặc trưng như nẩy hạt, ngân rung, giúp thể hiện rõ phong cách hát dân gian vùng miền. Giọng hát mềm mại, uyển chuyển, tình cảm là yếu tố không thể thiếu, tạo chiều sâu cảm xúc và gắn kết với không gian văn hóa gốc.

Hòa âm gần gũi, dễ cảm nhận: Ca khúc thường sử dụng các hợp âm cơ bản, cấu trúc dễ nghe, tạo cảm giác thân thiện, dễ tiếp cận với công

chúng. Một số quãng đặc trưng như quãng 4, quãng 5 thường xuyên xuất hiện trong hòa âm để tạo ra chất “dân gian” cho bản phối.

Việc nhận diện một ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ dừng lại ở cảm nhận chung về âm sắc mà còn cần phân tích cụ thể qua các yếu tố như: giai điệu, tiết tấu, lời ca, nhạc cụ, phong cách thể hiện và hòa âm. Những yếu tố này không chỉ giúp bảo tồn bản sắc âm nhạc truyền thống, mà còn là chất liệu phong phú để các nhạc sĩ và nghệ sĩ sáng tạo nên những tác phẩm vừa giữ hồn dân tộc, vừa phù hợp với đời sống âm nhạc hiện đại.

1.1.5.3. Một số thể loại âm nhạc cổ truyền có ảnh hưởng đến ca khúc mang âm hưởng dân ca

Tại Việt Nam có rất nhiều những thể loại âm nhạc cổ truyền xuất hiện từ xa xưa và đến nay vẫn được duy trì và bảo tồn. Những loại hình nghệ thuật truyền thống này, có ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển của âm nhạc dân ca nói chung, ca khúc mang âm hưởng dân ca nói riêng.

Chèo: Là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống có lịch sử lâu đời ở Việt Nam, xuất hiện từ thế kỷ XV. Tuy nhiên, dưới triều đại vua Lê Thánh Tông, do ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo coi thường hình thức biểu diễn dân gian, Chèo không được phép xuất hiện trong chốn cung đình. Sau đó, loại hình nghệ thuật này quay trở lại với đời sống nông dân, phát triển thông qua các vở diễn dựa trên kịch bản được sáng tác từ các truyện viết bằng chữ Nôm.

Đến thế kỷ XVIII, Chèo dần phát triển mạnh mẽ ở các vùng nông thôn Bắc Bộ và đạt đến đỉnh cao vào cuối thế kỷ XIX với hàng loạt vở diễn nổi tiếng như Quan Âm Thị Kính, Kim Nham, Trương Viên, Lưu Bình - Dương Lễ,... Những tác phẩm này không chỉ phản ánh đời sống xã hội mà còn thể hiện sâu sắc giá trị đạo lý, nhân văn của dân tộc. Bước sang đầu thế kỷ XX, Chèo chính thức được đưa lên

sân khấu chuyên nghiệp, đánh dấu một bước phát triển mới được gọi là “Chèo văn minh”. Giai đoạn này, nhiều vở diễn mới được sáng tác dựa trên truyện cổ tích và truyện Nôm như Tô Thị, Nhị độ mai, tiếp tục thu hút đông đảo khán giả.

Trong Chèo, trống Chèo là nhạc cụ đặc trưng và quan trọng bậc nhất. Trống không chỉ giữ nhịp cho nghệ sĩ biểu diễn mà còn là biểu tượng gắn liền với đời sống văn hóa của người Việt xưa. Người nông dân thường sử dụng trống để đánh nhịp diễn Chèo, thậm chí trong nghi lễ cầu mưa, tiếng trống còn được xem là âm thanh kết nối giữa con người và trời đất. Chèo ngày nay vẫn giữ một vị trí quan trọng trong nền nghệ thuật dân tộc, là kho tàng di sản quý giá phản ánh tâm hồn, bản sắc và truyền thống văn hóa Việt Nam.

Hát Xẩm: Là một thể loại âm nhạc dân gian độc đáo của người Việt. Trải qua thời gian dài, không ít người lầm tưởng đây là hình thức hát của những người ăn xin, nhưng thực chất, hát xẩm là một loại hình nghệ thuật dân gian, và chính những người nghèo, người mưu sinh nơi đầu đường, góc chợ đã mượn làn điệu Xẩm làm phương tiện kiếm sống.

Không giống như các loại hình âm nhạc cung đình hay sân khấu, sân khấu của hát Xẩm là đường phố, bến nước, gốc đa, góc chợ những không gian đậm chất đời thường. Ngay từ khi xuất hiện, hát Xẩm đã gắn liền với đời sống lao động, là hình thức giải trí sau mùa vụ, nơi người dân giải bày tâm tư, kể chuyện cuộc đời, và gửi gắm khát vọng bình dị của mình.

Hát Xẩm không chỉ phong phú về giai điệu mà còn sâu sắc về nội dung. Nó là một thế giới nội tâm phong phú, phản ánh tình cảm gia đình, tình yêu đôi lứa, lòng hiếu thảo, và đặc biệt là những bài học đạo lý, nhân văn. Những nghệ nhân hát Xẩm xưa thường chọn các bài thơ nói về tình yêu quê hương đất nước, về lòng căm phẫn trước bất công xã hội, tố cáo áp bức và bênh vực những thân phận nhỏ bé.

Ở thời phong kiến, hát Xẩm trở thành tiếng nói phản biện đối với xã hội, thể hiện sự đồng cảm với người dân bị bóc lột và là vũ khí tinh thần chống lại cường quyền. Những ca từ của Xẩm mộc mạc mà sâu cay, giàu tính phản ánh hiện thực, khiến nó trở thành một hình thức nghệ thuật phản ánh chân thực cuộc sống nhân dân qua từng giai đoạn lịch sử.

Hát Quan họ: Là một hình thức hát giao duyên đặc sắc, bắt nguồn từ vùng Kinh Bắc xưa, nay thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang. Hình thức biểu diễn mang tính đối đáp giữa liền anh và liền chị, trong đó mỗi bên luân phiên cất lên những câu ca trữ tình, sâu lắng, chan chứa nghĩa tình.

Trong không gian Quan họ, liền anh thường mặc áo the, khăn xếp, còn liền chị duyên dáng trong tà áo tứ thân mớ ba mớ bảy, đầu đội nón thúng quai thao, những trang phục đậm bản sắc truyền thống, tạo nên vẻ đẹp tao nhã và đậm chất văn hóa vùng Kinh Bắc.

Điểm đặc biệt của Quan họ là không cần nhạc đệm, nhưng mỗi câu hát vẫn giàu âm sắc, nhạc tính và cảm xúc, nhờ kỹ thuật thanh nhạc dân gian điêu luyện như nền, nẩy, vang, rền (những yếu tố làm nên “chất Quan họ” riêng biệt). Qua thời gian, các nghệ nhân Quan họ không chỉ là người thể hiện mà còn là kho tàng sống lưu giữ hàng trăm bài bản, giọng hát và lối thể hiện Quan họ cổ, đồng thời là người sáng tạo và truyền dạy cho thế hệ sau, góp phần gìn giữ và lan tỏa di sản văn hóa phi vật thể quý báu của dân tộc.

Dân ca Quan họ không chỉ là một hình thức nghệ thuật mà còn là biểu tượng của tình người, tình đất, và đạo lý ứng xử truyền thống của người Việt. Sự mộc mạc nhưng tinh tế trong từng lời ca, điệu hát khiến Quan họ trở thành bản tình ca bất tận của miền Kinh Bắc, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Hát Châu văn: Châu văn là một loại hình nghệ thuật ca hát truyền thống của Việt Nam, gắn liền với các nghi lễ hầu đồng trong tín ngưỡng

thờ Mẫu Tứ Phủ và tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần - những tín ngưỡng dân gian mang đậm màu sắc tâm linh của người Việt. Đây là loại hình kết hợp nhuần nhuyễn giữa âm nhạc, thơ ca và nghi lễ, sử dụng lời văn trau chuốt, nghiêm trang cùng giai điệu mang tính linh thiêng, nhằm gọi thánh nhập đồng và ca ngợi công đức các vị thần linh.

Nguồn gốc của hát Châu văn bắt đầu từ vùng đồng bằng Bắc Bộ, hình thành và phát triển mạnh mẽ nhất từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh và văn hóa của người dân. Tuy nhiên, sau năm 1954, thể loại này từng bị mai một do bị hiểu lầm là hình thức mê tín dị đoan.

Trải qua thăng trầm lịch sử, Châu văn ngày nay đã được nhìn nhận đúng với giá trị văn hóa và nghệ thuật của nó. Năm 2016, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt trong đó hát Châu văn là thành tố quan trọng đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây không chỉ là minh chứng cho giá trị trường tồn của nghệ thuật Châu văn, mà còn là lời khẳng định vai trò của âm nhạc truyền thống trong đời sống tinh thần người Việt, kết nối con người với cội nguồn văn hóa dân tộc.

Ca trù: Là một thể loại nhạc truyền thống lịch sử độc đáo của miền Bắc Việt Nam, kết hợp tinh tế giữa giọng hát và các nhạc cụ dân tộc như đàn đáy, phách, trống Châu. Xuất hiện từ thế kỷ XV, Ca trù từng là loại hình âm nhạc được tầng lớp quý tộc, trí thức, nho sĩ vô cùng yêu thích và đã có thời kỳ trở thành thanh nhạc cung đình dưới triều Lê.

Đặc trưng của Ca trù nằm ở ngôn ngữ âm nhạc tinh vi, phức tạp và đầy chất thơ. Người biểu diễn không chỉ hát mà còn ngâm, kể, đối đáp với kỹ thuật điêu luyện, sử dụng nhiều thể loại văn chương cổ điển như phú, truyện, hát nói, trong đó hát nói là một hình thức độc đáo phản ánh chiều sâu tư tưởng và tâm hồn của người Việt.

Ca trù không chỉ là âm nhạc, mà còn là một không gian văn hóa bác học, nơi thể hiện sự tinh tế, thanh cao và tư duy nghệ thuật sâu sắc của người xưa. Tuy nhiên, sau những biến động của lịch sử, loại hình nghệ thuật này từng đứng trước nguy cơ mai một nghiêm trọng.

Nhận thức được giá trị đặc biệt của Ca trù, ngày 01/10/2009, UNESCO đã chính thức ghi danh Ca trù Việt Nam vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Đây không chỉ là sự ghi nhận quốc tế, mà còn là lời kêu gọi mạnh mẽ về việc gìn giữ và phục hồi một trong những tinh hoa nghệ thuật độc đáo nhất của văn hóa dân tộc Việt Nam.

Hò: Là một loại hình ca hát dân gian đặc sắc, gắn bó mật thiết với đời sống lao động và văn hóa của người dân miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hình thành từ những sinh hoạt lao động tập thể, đặc biệt là trong môi trường sông nước và nông nghiệp, Hò vừa là phương tiện giúp giảm nhọc nhằn lao động, vừa là cách bộc lộ tâm tư, tình cảm, thể hiện sự gắn kết giữa con người với con người và với thiên nhiên.

Các làn điệu Hò vô cùng phong phú, đa dạng theo từng vùng miền và loại hình công việc, như: Hò Đồng Tháp, Hò kéo lưới, Hò khoan, Hò mái nhì, Hò giã gạo, Hò xay lúa, Hò kéo gỗ... Mỗi điệu Hò đều mang giai điệu riêng biệt, phản ánh rõ nhịp điệu sinh hoạt và tính cách chân chất, đôn hậu của người dân lao động.

Không chỉ xuất hiện trong lao động, Hò còn hiện diện trong các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, những đêm trăng sáng, khi trai gái tụ họp giao lưu, đối đáp qua những câu hò ví von duyên dáng. Trên các dòng sông, trong những buổi chèo đò, tiếng hò ngân vang tạo nên một không gian âm nhạc dân gian đặc biệt, giàu cảm xúc và mang đậm bản sắc vùng miền.

Hò là biểu tượng cho sự lạc quan, gắn bó và tính cộng đồng trong đời sống của người dân Việt Nam, đồng thời là một di sản văn hóa phi

vật thể quý giá, cần được gìn giữ và phát huy trong dòng chảy văn hóa dân tộc.

Nhạc cung đình: Nhã Nhạc cung đình Huế là thể loại âm nhạc truyền thống đặc biệt, được trình diễn trong các dịp lễ nghi trọng đại của triều đình phong kiến, chủ yếu dưới thời các vua triều Nguyễn (1802–1945). Đây là loại hình âm nhạc được coi là cao quý nhất, thể hiện uy quyền của nhà vua và sự trang nghiêm của triều đình, thường vang lên trong các lễ đăng quang, tế lễ Nam Giao, lễ Tết, đón sứ thần...

Với hệ thống bài bản phong phú, nhạc khí tinh xảo, cùng đội ngũ nghệ nhân, ca công được tuyển chọn khắt khe, nhã nhạc cung đình Huế mang tính bác học, hàn lâm và trang trọng, thể hiện trình độ phát triển cao của âm nhạc truyền thống Việt Nam. Các nhạc cụ tiêu biểu trong nhã nhạc gồm có: đàn tỳ bà, đàn nguyệt, đàn nhị, sáo, trống, phách, kèn bầu, cùng các bộ gõ đặc trưng của cung đình.

Không chỉ là một loại hình nghệ thuật, nhã nhạc còn là biểu hiện của triết lý sống, văn hóa lễ nghi và mỹ học cung đình, phản ánh tư tưởng hòa hợp âm dương, trật tự xã hội và niềm tin tâm linh của dân tộc.

Với những giá trị VHNT đặc sắc và ý nghĩa lịch sử sâu rộng, năm 2003, UNESCO đã công nhận nhã nhạc cung đình Huế là kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể nhân loại, đây cũng là di sản văn hóa phi vật thể đầu tiên của Việt Nam được vinh danh ở cấp độ quốc tế, mở ra bước ngoặt quan trọng trong hành trình bảo tồn và phát huy di sản dân tộc.

Đờn ca tài tử: Đờn ca tài tử Nam Bộ là một loại hình âm nhạc truyền thống đặc sắc của Việt Nam, hình thành từ cuối thế kỷ XIX, bắt nguồn từ nhạc lễ cung đình Huế và dân ca Nam Bộ, sau đó được phát triển và sáng tạo thành một thể loại độc lập, mang đậm dấu ấn văn hóa vùng sông nước.

Khác với các loại hình âm nhạc bác học khác, Đờn ca tài tử được phát triển trong đời sống người dân lao động, đặc biệt là tầng lớp trung

lưu và nông dân trẻ tuổi ở miền Nam. Họ thường hát ca giao lưu, giải trí sau những giờ lao động mệt nhọc, thể hiện tâm tư, tình cảm, khát vọng và tinh thần lạc quan thông qua những giai điệu trữ tình, sâu lắng.

Giai điệu của Đờn ca tài tử vừa phóng khoáng, mộc mạc, vừa trầm lắng và tinh tế, kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố dân gian và bác học. Hệ thống bài bản gồm 20 bản tổ, sử dụng các nhạc cụ truyền thống như: đàn kìm, đàn tranh, đàn cò, đàn nguyệt, đàn bầu, sáo trúc,... cùng kỹ thuật biểu diễn điêu luyện, luyến láy tinh tế, mang đến không gian âm nhạc giàu cảm xúc.

Không chỉ là nghệ thuật biểu diễn, Đờn ca tài tử còn là biểu hiện của lối sống hào sảng, nghĩa tình, tao nhã của người dân Nam Bộ, nơi âm nhạc là phương tiện để kết nối tâm hồn và giữ gìn truyền thống.

Với những giá trị văn hóa độc đáo và sức sống lâu bền, năm 2013, UNESCO đã công nhận Đờn ca tài tử Nam Bộ là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, khẳng định vị thế quan trọng của loại hình nghệ thuật này trong kho tàng di sản văn hóa Việt Nam và thế giới.

1.1.5.4. Một số phương thức sáng tác ca khúc mang âm hưởng dân ca

Các nhạc sĩ, người sáng tác, sản xuất âm nhạc có thể dựa trên các làn điệu dân ca, phát triển âm nhạc truyền thống và sử dụng chất liệu âm nhạc dân gian truyền thống thông qua nhiều phương pháp sáng tạo khác nhau để sáng tạo và làm phong phú thêm những giá trị của ca khúc mang âm hưởng dân ca.

Dựa trên cấu trúc và giai điệu gốc

Phỏng dựng (Adaptation): Nhạc sĩ giữ nguyên cấu trúc và giai điệu của làn điệu dân ca gốc, sau đó viết lời mới phù hợp với nội dung và thông điệp muốn truyền tải. Phương pháp này thường được sử dụng để ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người, hoặc để kể những câu chuyện lịch sử, truyền thuyết.

Biến tấu (Variation): Nhạc sĩ giữ lại một số yếu tố cơ bản của làn điệu dân ca gốc (thang âm, điệu thức, nhịp điệu, tiết tấu), sau đó biến tấu, phát triển, mở rộng giai điệu, hòa âm, phối khí để tạo ra một ca khúc mới mang phong cách riêng. Phương pháp này cho phép nhạc sĩ thể hiện sự sáng tạo cá nhân, đồng thời vẫn giữ được âm hưởng dân gian đặc trưng.

Phát triển (Development): Nhạc sĩ chỉ lấy một đoạn giai điệu ngắn, một âm hình tiết tấu, hoặc một ý tưởng âm nhạc từ làn điệu dân ca gốc, sau đó phát triển thành một ca khúc hoàn chỉnh với cấu trúc, giai điệu, hòa âm, phối khí mới. Phương pháp này đòi hỏi nhạc sĩ phải có khả năng sáng tạo cao, để có thể biến một chất liệu nhỏ bé thành một tác phẩm lớn.

Dựa trên yếu tố âm nhạc đặc trưng

Sử dụng thang âm, điệu thức dân gian: Nhạc sĩ sử dụng các thang âm, điệu thức đặc trưng của âm nhạc dân gian (ngũ cung, thất cung, điệu thức Bắc, điệu thức Nam) để sáng tác giai điệu cho ca khúc. Phương pháp này giúp tạo ra âm hưởng quen thuộc, gần gũi với người nghe.

Sử dụng nhịp điệu, tiết tấu dân gian: Nhạc sĩ sử dụng các nhịp điệu, tiết tấu đặc trưng của âm nhạc dân gian (nhịp 2/4, 3/4, 6/8, tiết tấu chèo, tiết tấu xẩm) để tạo ra sự sống động, hấp dẫn cho ca khúc.

Sử dụng nhạc cụ dân tộc: Nhạc sĩ sử dụng các nhạc cụ truyền thống của dân tộc (đàn bầu, đàn tranh, sáo trúc, kèn, trống) để hòa âm, phối khí cho ca khúc. Phương pháp này giúp tăng cường tính dân tộc và bản sắc văn hóa cho tác phẩm.

Sử dụng kỹ thuật thanh nhạc dân gian: Nhạc sĩ sử dụng các kỹ thuật thanh nhạc đặc trưng của âm nhạc dân gian (luyến láy, rung, ngân, nảy hạt) để thể hiện giai điệu ca khúc. Phương pháp này giúp tạo ra sự mềm mại, uyển chuyển và truyền cảm cho giọng hát.

Dựa trên yếu tố văn hóa

Sử dụng ngôn ngữ địa phương: Nhạc sĩ sử dụng các từ ngữ, ngữ điệu, phương ngữ đặc trưng của vùng miền để viết lời cho ca khúc. Phương pháp này giúp tạo ra sự gần gũi, chân thật và thể hiện rõ bản sắc văn hóa của vùng miền.

Mô tả phong tục tập quán: Nhạc sĩ mô tả các phong tục tập quán, nghi lễ, sinh hoạt văn hóa của vùng miền trong lời ca khúc. Phương pháp này giúp người nghe hiểu rõ hơn về văn hóa của vùng miền và cảm nhận được vẻ đẹp của cuộc sống.

Sử dụng hình ảnh, biểu tượng văn hóa: Nhạc sĩ sử dụng các hình ảnh, biểu tượng văn hóa đặc trưng của vùng miền (cây đa, bến nước, con đò, áo yếm, nón quai thao) để tạo ra sự liên tưởng, gợi cảm và thể hiện rõ bản sắc văn hóa của vùng miền.

Kết hợp các yếu tố

Kết hợp nhiều làn điệu dân ca: Nhạc sĩ kết hợp các yếu tố từ nhiều làn điệu dân ca khác nhau (giai điệu, tiết tấu, thang âm, điệu thức, ngôn ngữ) để tạo ra một ca khúc mới mang phong cách độc đáo.

Kết hợp âm nhạc dân gian và hiện đại: Nhạc sĩ kết hợp các yếu tố âm nhạc dân gian với các yếu tố âm nhạc hiện đại (hòa âm, phối khí, nhạc cụ điện tử) để tạo ra những ca khúc vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính thời đại.

Nhạc sĩ sử dụng thang âm ngũ cung của âm nhạc Tây Nguyên để sáng tác một ca khúc về bảo vệ rừng, kết hợp với tiếng cồng chiêng và các nhạc cụ điện tử, tạo ra một ca khúc vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính thời sự.

Nhạc sĩ, người sáng tác, sản xuất âm nhạc đều có thể sáng tạo ra những ca khúc mang âm hưởng dân ca độc đáo, sáng tạo, vừa giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, vừa đáp ứng nhu cầu thưởng

thức âm nhạc của công chúng hiện đại bằng cách linh hoạt kết hợp các phương pháp trên và thể hiện tài năng, cá tính sáng tạo của mình.

1.1.5.5. Một số cách làm mới ca khúc mang âm hưởng dân ca

Làm mới ca khúc mang âm hưởng dân ca là một hành trình sáng tạo, hướng đến việc đưa những giá trị âm nhạc truyền thống đến gần hơn với công chúng hiện đại, đặc biệt là thế hệ trẻ. Tuy nhiên, sự “làm mới” này không đơn thuần là khoác lên chiếc áo mới hào nhoáng, mà còn là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và đương đại, giữa sự sáng tạo và sự trân trọng tinh thần gốc của tác phẩm. Mục tiêu là làm cho dân ca tiếp tục sống, lan tỏa và chiếm lĩnh trái tim người nghe ngày nay, trong khi vẫn giữ được “cái hồn dân tộc”, bản sắc không thể thay thế của âm nhạc dân gian Việt Nam.

Làm mới về hòa âm – phối khí: Một trong những cách làm mới hiệu quả nhất là thay đổi về hòa âm - phối khí. Việc sử dụng nhạc cụ phương Tây như Piano, Guitar, trống Jazz, Synth, bên cạnh các nhạc cụ dân tộc như đàn bầu, sáo, đàn tranh, sẽ tạo nên một bản hòa âm phong phú, vừa mang âm hưởng truyền thống, vừa mang hơi thở tân thời. Bên cạnh đó, việc tăng cường xử lý âm thanh bằng cách ứng dụng công nghệ như auto-tune, hiệu ứng âm thanh, loop nhạc cũng giúp làm mới không gian âm nhạc, tạo sức hút với giới trẻ. Tuy nhiên, cần lưu ý sử dụng công nghệ một cách tinh tế, tránh lạm dụng để không làm mất đi sự mộc mạc, chân chất của dân ca.

Làm mới về cách hát và kỹ thuật thanh nhạc: Sự kết hợp giữa phong cách hát hiện đại như Pop, Ballad, Jazz, R&B, với các yếu tố truyền thống như luyến láy, rung, nhấn nhá trong dân ca sẽ tạo ra một phong cách biểu diễn độc đáo, vừa quen thuộc, vừa mới lạ. Đồng thời, người thể hiện có thể phát triển phong cách cá nhân, đưa những nét riêng, biến tấu nhẹ nhàng về giai điệu, tiết tấu mà vẫn giữ nguyên tinh thần của bài hát.

Làm mới về hình thức trình diễn: Sân khấu hóa bằng cách dàn dựng bài hát theo dạng mini show, hoạt cảnh hoặc múa phụ họa sẽ tạo tính kể chuyện, giúp người xem dễ dàng cảm nhận và hiểu sâu hơn về nội dung bài hát. Bên cạnh đó, việc trình diễn đa phương tiện, kết hợp với video Art, màn hình LED, ánh sáng động, mapping cũng giúp làm giàu hình ảnh, tăng hiệu ứng thị giác, tạo nên một trải nghiệm nghệ thuật ấn tượng.

Kết hợp đa thể loại (Cross-over): Việc phối hợp dân ca với các thể loại âm nhạc quốc tế như Rap, EDM, Acoustic, World music sẽ làm mới bài hát và tạo hiệu ứng “giao thoa” hấp dẫn. Tuy nhiên, cần thực hiện một cách tinh tế để không làm mất đi bản sắc dân tộc. Ví dụ, dân ca Quan họ có thể kết hợp với Rap, Ví, Giặm có thể kết hợp với EDM nhẹ nhàng, Hò Huế có thể kết hợp với ChillPop,...

Viết thêm lời dẫn hoặc chuyển thể sang ngôn ngữ khác: Viết thêm phần dẫn chuyện trong phần nhạc dạo (đầu bài, hoặc giữa bài) dựa trên giai điệu chủ đạo của ca khúc, hoặc bằng một câu Hò, đoạn Ví, Giặm hay câu hát nói, đọc thơ, mang hơi thở của cuộc sống ngày nay nhưng vẫn đậm chất dân gian, sẽ giúp ca khúc trở nên gần gũi hơn với khán giả hiện đại. Bên cạnh đó, việc dịch lời sang tiếng Anh hoặc các ngôn ngữ khác sẽ mở rộng khả năng tiếp cận khán giả quốc tế, giúp âm nhạc dân ca Việt Nam vươn ra thế giới.

Kể lại câu chuyện dân ca dưới góc nhìn đương đại: Thay vì hát một cách mô phỏng, người nghệ sĩ có thể thể hiện nội dung bài hát gắn với hoàn cảnh hiện nay, ví dụ như ru con giữa thành phố, ca dao trong thời đại số, hay dân ca với đề tài bảo vệ môi trường. Cách tiếp cận này giúp khán giả cảm nhận được sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa truyền thống và hiện đại.

Làm mới qua Music Video (MV) và nền tảng truyền thông: Việc đầu tư sản xuất MV dân ca hiện đại với hình ảnh đẹp, bối cảnh

sáng tạo, trang phục kết hợp truyền thống, hiện đại sẽ giúp thu hút sự chú ý của khán giả. Bên cạnh đó, việc tận dụng mạng xã hội (YouTube, TikTok, Instagram,...) để lan tỏa bài hát qua trend, short video, cover, mashup, cũng là một cách hiệu quả để đưa âm nhạc dân ca đến gần hơn với công chúng.

Trong quá trình làm mới ca khúc mang âm hưởng dân ca, bên cạnh việc sáng tạo nghệ thuật, cần đặc biệt lưu ý đến ba yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo giá trị văn hóa và hiệu quả lan tỏa của tác phẩm. Trước hết là sự tôn trọng bản sắc văn hóa yếu tố cốt lõi giữ cho khúc mang âm hưởng dân ca không bị biến dạng trong quá trình sáng tạo làm mới. Người nghệ sĩ cần giữ gìn nguyên bản tinh thần, ý nghĩa và vẻ đẹp vốn có của tác phẩm, tránh làm sai lệch nội dung hoặc khiến chất liệu dân ca trở nên hời hợt, thiếu chiều sâu. Thứ hai, cần tìm kiếm sự cân bằng giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa sáng tạo cá nhân và sự trân trọng giá trị nguyên gốc. Một tác phẩm thành công cần hội tụ cả nét đẹp xưa và sức sống mới, đủ sức hấp dẫn khán giả đương thời mà vẫn bảo tồn tinh thần dân tộc. Cuối cùng, lắng nghe ý kiến của khán giả, đặc biệt là giới trẻ, là bước đi quan trọng để hiểu được nhu cầu, gu thưởng thức và kỳ vọng của công chúng. Từ đó, người nghệ sĩ có thể điều chỉnh cách thể hiện cho phù hợp, giúp dân ca thực sự hồi sinh và sống động trong đời sống nghệ thuật hiện đại.

1.2. Khái quát về các ca khúc mang âm hưởng dân ca trong nền âm nhạc Việt Nam

1.2.1. Sự hình thành của ca khúc mang âm hưởng dân ca

Theo một số sách như cuốn *Lược sử âm nhạc Việt Nam* của tác giả Nguyễn Thụy Loan hay *Tân nhạc Hà Nội* từ đầu thế kỷ XX đến 1945, tác giả Hoàng Dương chủ biên, thì sự hình thành của ca khúc mang âm hưởng dân ca đã xuất hiện từ những năm 1930, nhiều nhạc sĩ bắt đầu sáng tác ca khúc mang âm hưởng dân ca như: *Bẽ bàng* (1935) của Lê

Yên, *Tiếng sáo chẵn trâu* (1935), *Bóng ai qua thềm* (1937) của Văn Chung, *Xuân năm xưa* (1936) của Lê Thương,... các nhạc sĩ đã sáng tác những ca khúc lấy chất liệu từ các làn điệu dân ca một cách tài tình, góp phần làm phong phú thêm đời sống âm nhạc nước Nhà. Để làm rõ nội dung này, xin điểm qua sự hình thành và phát triển của các ca khúc mang âm hưởng dân ca theo từng giai đoạn sau:

Giai đoạn 1935 - 1945: Những năm cuối của thập kỷ 30 người ta mới biết đến nền nhạc mới Việt Nam, lúc đó mới chỉ dưới danh nghĩa là nhạc cải cách. Đến 1938, những bài hát đầu tiên của Việt Nam có tác giả, được ghi âm theo cách ký âm Tây phương đã xuất hiện trên một số tờ báo các ca khúc được sáng tác mang âm hưởng dân ca Việt Nam lúc này đã được trình diễn trong các tư gia, phòng trà, quán rượu, rạp hát, rạp chiếu bóng và có khi trong một nhóm nhỏ lần đầu tiên ở Việt Nam có sự xuất hiện những bài hát của các nhạc sĩ sáng tác như: Lê Thương, Nguyễn Xuân Khoát, Dương Thiệu Tước, Văn Chung, Thẩm Oánh, Lê Yên, Nguyễn Văn Tuyên, Hoàng Quý, Đặng Thế Phong,... Các bài hát khi đó cũng đã được trình diễn, thu âm và có xuất bản. Cùng với sự hình thành và phát triển Tân nhạc thì những ca khúc mang âm hưởng dân ca giai đoạn này phát triển mang tính tự phát và phần lớn đều phản ánh tâm sự cá nhân, tình yêu đôi lứa. Các ca khúc như: *Hòn vọng phu* (1936) của Lê Thương, *Giọt mưa thu* (1942) của Đặng Thế Phong, *Đêm tàn bến ngừ* (1943) của Dương Thiệu Tước.

Giai đoạn 1945 - 1954: Đây là giai đoạn mà ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam phát triển gắn với định hướng chung của nền văn hóa mới sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 và được bắt đầu từ buổi khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Những ca khúc bắt hủ cho đến nay vẫn được lấy làm mẫu mực cho nghệ thuật Thanh nhạc như: *Sóng Lô* (1947) của Văn Cao, *Du Kích Sông Thao* (1949) của Đỗ Nhuận, *Lên ngàn* (1952) của Hoàng Việt, *Bộ đội về làng* (1952) của Lê Yên, *Trăng sáng đôi miền* (1954) của An Chung.

Giai đoạn 1956 - 1975: Giai đoạn này nền âm nhạc Việt Nam đã bước sang hệ thống chính quy, bằng chứng là sự ra đời của Trường âm nhạc Việt Nam (1956). Các ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam được sáng tác trong giai đoạn này đã đóng vai trò định hướng cho Thanh nhạc chuyên nghiệp phát triển.

Trải qua bao khó khăn, thăng trầm, với sự đóng góp hết sức lớn lao và tâm huyết của các thế hệ thầy - trò, đã thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển vững chắc của những ca khúc mang âm hưởng dân ca trong nền âm nhạc cách mạng Việt Nam ngày nay, gắn liền với sự nghiệp phát triển đào tạo của nghệ thuật Thanh nhạc chuyên nghiệp nước Nhà. Các ca khúc mang âm hưởng dân ca của cả ba miền Bắc - Trung - Nam của đất nước giai đoạn này phát triển một cách mạnh mẽ, có thể kể tên một số ca khúc như: *Tiếng đàn Bầu* (1956) của Nguyễn Đình Phúc, *Mẹ yêu con* (1956) của Nguyễn Văn Tý, *Câu hò bên bờ Hiền Lương* (1956) của Hoàng Hiệp, *Đường cày đẫm đàng* (1966) của An Chung, *Rặng Trám bầu* (1972) của Thái Cơ, *Cây lúa Hàm Rồng* (1972) của Đôn Truyền.

Giai đoạn 1975 đến nay: Bên cạnh các dòng nhạc khác thì dòng nhạc mang âm hưởng dân ca đã tạo ra các dáng hình đặc biệt cho thể loại ca khúc Việt Nam. Từ những năm đầu của nền âm nhạc mới Việt Nam (Tân nhạc) mặc dù đã được hình thành trên nền tảng kỹ thuật âm nhạc phương Tây, nhưng ngay từ những thành tựu đầu tiên (chủ yếu là ca khúc) với việc sử dụng những chất liệu từ các làn điệu dân ca, ngay lập tức các ca khúc thể loại này trở thành những tác phẩm mang bản sắc rất đặc trưng Việt Nam.

Ngay cả trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ở những mức độ khai thác khác nhau, hầu hết những ca khúc thời kháng chiến đều mang âm hưởng của dân ca. Sự tiếp thu dân ca của các tác giả đã mang lại cho thể loại ca khúc Việt Nam có một bản sắc riêng biệt không thể trộn lẫn với những giá trị cách tân lớn lao giúp cho nền âm nhạc hiện đại Việt Nam phát triển.

Sau khi đất nước thống nhất, cả nước cùng đi lên trên con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa và tiến hành công cuộc đổi mới, phấn đấu tiến lên sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam bắt đầu phát triển với nhiều hình thức đa dạng. Tuy rằng có nhiều biến đổi nhưng các ca khúc mang âm hưởng Việt Nam vẫn có những đóng góp xuất sắc trong sự nghiệp âm nhạc Cách mạng. Có thể kể tên một số ca khúc như: *Bài ca thống nhất* (1975) của Võ Văn Di, *Gửi em chiếc nón bài thơ* (1976) của Lê Việt Hoà, *Tình đất đỏ miền Đông* (1977) của Trần Long Ẩn, *Sợi nhớ sợi thương* (1978) nhạc của Phan Huỳnh Điểu, thơ Thuý Bắc.

Ngay cả ngày nay, khi đất nước đang trong công cuộc hội nhập thì những bài ca đượm chất dân ca, gần gũi với ngôn ngữ biểu cảm đã được thế hệ nhạc sĩ trẻ tiếp nối. Nói đến sự chi phối của các làn điệu dân ca trong các ca khúc Việt Nam phải kể đến những ca khúc thấm đầy chất liệu dân ca cùng những tên tuổi nhạc sĩ nổi bật như: Phó Đức Phương, Nguyễn Cường, An Thuyên, Trần Tiến, Đức Trịnh, Nguyễn Tiến, Quốc Trung, Lê Minh Sơn, Giáng Son,... các tác giả đã biết khai thác các làn điệu dân ca một cách triệt để nhất nhưng lại mang một hơi thở hiện đại, họ đã góp phần vào việc bảo tồn vốn tinh hoa văn hóa dân tộc trong âm nhạc Việt Nam nói chung và ca khúc Việt Nam nói riêng.

1.2.2. Phân loại ca khúc mang âm hưởng dân ca

Trải qua nhiều sự thay đổi của lịch sử xã hội cũng như âm nhạc nói chung và của nghệ thuật ca hát nói riêng, với một vị trí đặc biệt trong đời sống của người dân Việt, các ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam đã được thể hiện rõ nét trong công cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, trong đời sống lao động sản xuất, trong tình yêu quê hương đất nước của con người. Bên cạnh giá trị tinh thần, ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam còn có giá trị về giáo dục tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ trong lối sống của con người.

Phân loại các ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam dựa trên sự phân chia ba miền của đất nước để làm cơ sở phân loại, thông qua một số ca khúc tiêu biểu mang âm hưởng dân ca của ba miền bao gồm: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ như sau:

1.2.2.1. Ca khúc mang âm hưởng dân ca Bắc Bộ

Bắc Bộ là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất, người dân sống ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh. Dân ca vùng trung du và châu thổ Bắc Bộ có nhiều thể loại như: Hát Xoan, Hát Ghẹo, Hát Dô, Hát Chèo tàu, Ca trù, Chèo, Hát Ví, Hát Trống quân, Hát Quan Họ, Hát Vần, Hát Xẩm, Hát Ru,... Từ những làn điệu dân ca đó, bằng những thủ pháp riêng, các tác giả đã tôn vinh dân ca, đưa dân ca lên vai trò chủ đạo trong việc sáng tác, phát triển các ca khúc mới mang âm hưởng đặc trưng dân ca vùng trung du và châu thổ Bắc Bộ cho thanh nhạc Việt Nam.

Một số ca khúc có thể kể tên như: *Ngẫu hứng Sông Hồng* của Trần Tiến, *Về quê* của Phó Đức Phương, *Lời ru* của Lê Minh, *Đất nước lời ru* của Văn Thành Nho, *Trầu Không* của Nguyễn Quang Hưng, *Đi đâu để thấy hoa bay* của Hoàng Dũng, *Gọi Trăng* của Hồ Trọng Tuấn, *Tiếng khèn mùa ban nở* của Lê Minh,

Trong số các ca khúc mang âm hưởng dân ca Bắc Bộ thì số lượng ca khúc mang âm hưởng dân ca miền núi cũng được các nhạc sĩ khai thác rất có hiệu quả, bởi dân ca miền núi phía Bắc có nhiều thể loại, nhiều hình thức sinh hoạt âm nhạc dân gian độc đáo và thường gắn với các lễ hội dân gian như: hội Lồng Tồng, hội Lượn Hai hoặc những cuộc Then mang tính chất tín ngưỡng của người Tày, Nùng, H'Mông,

Những sinh hoạt âm nhạc dân gian độc đáo góp vào kho tàng những bài hát dân ca Việt Nam. Những ca khúc mang âm hưởng dân ca miền núi phía Bắc là những ca khúc được các nhạc sĩ sáng tác mới dựa trên chất liệu dân ca của các dân tộc miền núi phía Bắc với lời ca, hình ảnh, lối so sánh, ví von cũng như thang âm, điệu thức, giai điệu, người

nhạc sĩ đã chọn lọc để đưa vào ca khúc của mình vẻ đẹp, sự độc đáo, phong phú từ những bài dân ca của miền núi phía Bắc.

Những ca khúc đó đã giúp người nghe hình dung được đời sống xã hội với những phong tục tập quán và văn hóa và nghệ thuật của các dân tộc miền núi phía Bắc, đồng thời người nghe cũng cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong màu sắc của dân ca miền núi phía Bắc. Có thể kể tên một số ca khúc tiêu biểu như: *Người Mèo ơn Đảng* của Thanh Phúc; *Cô giáo Tày cầm đàn lên đỉnh núi* của Văn Ký; *Tiếng hát giữa rừng Pắc Bó* của Nguyễn Tài Tuệ; *Từ trên đỉnh núi* của Nguyễn Nhung; *Em chọn lối này* của An Thuyên; *Sapa nơi gặp gỡ đất trời* của Phùng Chiên; *Lời ru tôi* của Quốc Trung.

1.2.2.2. Ca khúc mang âm hưởng dân ca Trung Bộ

Dân ca Trung Bộ có nhiều vùng nổi tiếng với nhiều điệu Hò, điệu Lý, hát Ví, hát Giặm, hát Ru, hát Đồng Dao,... nhưng nổi bật và đặc sắc nhất là Hò và Lý, hầu hết đều bắt nguồn từ hình thức tín ngưỡng dân gian hay thư giãn nghỉ ngơi sau những ngày lao động. Trong quá trình phát triển chúng được nghệ thuật hóa thành những bài ca, điệu múa và kịch hóa.

- Hò: Căn cứ vào đặc điểm lao động và môi trường diễn xướng, người ta chia Hò thành hai loại: Hò trên cạn và Hò sông nước.

- Lý: Lý thường được hát trong lúc nghỉ ngơi, giải trí, dùng để diễn tả tâm tư, nỗi niềm, là loại hát tâm tình của người lao động miền Trung Bộ, không mang tính đối đáp như Hò.

Những bài hát dân ca miền Trung đã được hầu hết các nhạc sĩ lấy làm “chất liệu” chính trong các sáng tác của mình, việc khai thác âm hưởng từ các làn điệu dân ca miền Trung cũng đã làm tăng thêm sức sống mãnh liệt cho các ca khúc Việt Nam. Ở đây có thể nêu tên một số ca khúc mang đậm chất liệu dân ca miền Trung: *Giận mà thương* của Trần Hoàn, *Người lái đò trên sông Pô Kô* của Cẩm Phong, *Một khúc tâm tình của*

người Hà Tĩnh của Nguyễn Văn Tý, Quảng Nam yêu thương của Phan Huỳnh Điểu, Miền Trung nhớ Bác của Thuận Yến, Huế Thương của An Thuyên, Người ơi hãy về của Tuấn Phương, Ngược dòng Hương Giang của Đức Trịnh.

1.2.2.3. Ca khúc mang âm hưởng dân ca Nam Bộ

Nói đến miền Nam, là nói đến một vùng đất màu mỡ có phong cảnh thiên nhiên hữu tình. Con người cởi mở, hào hiệp, năng nghĩa năng tình. Đề cập đến dân ca Nam Bộ mà chỉ đóng khung trong một số làn điệu vọng cổ hay vài bản Cải lương, ca nhạc tài tử, thì quả chưa đầy đủ. Mặc dù không phủ nhận tính hấp dẫn, yếu tố truyền cảm gây xúc động mạnh của các thể loại này. Cần phải nhận định rằng, dân ca Nam Bộ rất phong phú về thể loại như: Hò, Lý, hát Ru, hát Huê tình, Đồng dao, nói thơ, nói vè,... Những làn điệu dân ca này thường là chất liệu chính khi các nhạc sĩ sáng tác ca khúc mang âm hưởng Nam Bộ, với tính chất phóng khoáng, tự do, mang ít nhiều yếu tố “tự sự”, chất liệu ca từ đơn giản, mộc mạc, vui tươi mà thâm đậm nhiều nội dung ý nghĩa về tình yêu gia đình, quê hương, ca ngợi đức tính tốt đẹp.

Trong những ca khúc mang âm hưởng dân ca Nam Bộ người nghe có thể nhận ra thấp thoáng “hình bóng” của bài dân ca, chứ không phải là một bản sao giống từng câu chữ. Hình thức này đòi hỏi tính sáng tạo rất cao. Một số ca khúc được viết theo âm hưởng dân ca Nam Bộ như: *Dáng đứng Bến Tre* của Nguyễn Văn Tý, *Bài ca đất Phương Nam* của Lư Nhất Vũ, *Những cô gái đồng bằng sông Cửu Long* của Huỳnh Thơ, *Điệu buồn Phương Nam* của Vũ Đức Sao Biển, *Tuỳ hứng Lý qua cầu* của Trần Tiến, *Đàn sáo Hậu Giang* của Trần Long Ẩn, *Miền Nam nhớ mãi ơn Người* của Lưu Cầu.

Từ cách tiếp cận trên có thể thấy, ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam đã chiếm một vị trí đáng kể trong nền âm nhạc nước nhà.

1.2.3. Vai trò của ca khúc mang âm hưởng dân ca trong đời sống

Ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam đóng vai trò then chốt trong việc bảo tồn, phát huy, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam. Chúng không chỉ là những tác phẩm âm nhạc đơn thuần mà còn là những di sản văn hóa vô giá, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần và định hình bản sắc văn hóa của dân tộc. Ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống văn hóa, thể hiện qua những khía cạnh sau:

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống: Ca khúc mang âm hưởng dân ca là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giúp thế hệ trẻ hiểu và yêu mến hơn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Thông qua việc sử dụng chất liệu âm nhạc dân gian, các ca khúc này góp phần gìn giữ và phát huy những làn điệu, nhạc cụ, phong tục tập quán tốt đẹp của từng vùng miền.

Góp phần làm phong phú đời sống tinh thần: Ca khúc mang âm hưởng dân ca mang đến cho người nghe những cảm xúc sâu lắng, gần gũi, gợi nhớ về quê hương, gia đình và những giá trị nhân văn. Thể loại âm nhạc này đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa đa dạng của công chúng, từ những người lớn tuổi yêu thích sự truyền thống đến giới trẻ tìm kiếm sự mới lạ trong âm nhạc.

Góp phần xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc: Ca khúc mang âm hưởng dân ca là một phần quan trọng trong việc định hình bản sắc văn hóa Việt Nam, giúp phân biệt với các nền văn hóa khác trên thế giới. Thông qua âm nhạc, những giá trị văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam được giới thiệu và quảng bá đến bạn bè quốc tế.

Giáo dục và định hướng thẩm mỹ: Ca khúc mang âm hưởng dân ca có vai trò quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ cho thế hệ trẻ, giúp họ cảm nhận và trân trọng vẻ đẹp của âm nhạc truyền thống. Thông qua lời ca, giai điệu, các ca khúc này truyền tải những thông điệp ý nghĩa về

tình yêu quê hương, đất nước, lòng nhân ái, sự trung thực và những giá trị đạo đức tốt đẹp.

Thúc đẩy sự sáng tạo trong âm nhạc: Ca khúc mang âm hưởng dân ca là nguồn cảm hứng vô tận cho các nhạc sĩ đương đại, khuyến khích họ tìm tòi, sáng tạo những tác phẩm mới mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống và hiện đại trong âm nhạc tạo ra những sản phẩm độc đáo, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu thưởng thức ngày càng cao của công chúng.

1.3. Khái quát về phương pháp giảng dạy và biểu diễn ca khúc dân ca trong đào tạo thanh nhạc tại Việt Nam

Trong hệ thống đào tạo thanh nhạc tại Việt Nam, ca khúc mang âm hưởng dân ca giữ vai trò đặc biệt trong việc bồi đắp bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển kỹ thuật và biểu cảm giọng hát, cũng như rèn luyện khả năng xử lý phong cách âm nhạc vùng miền cho người học. Đây không chỉ là nội dung mang tính chất kỹ thuật, mà còn là yếu tố giáo dục tinh thần, nhân văn và thẩm mỹ cho HV-SV thanh nhạc.

1.3.1. Đặc trưng của ca khúc dân ca trong giảng dạy thanh nhạc

Đặc trưng của ca khúc dân ca trong giảng dạy thanh nhạc không chỉ nằm ở giai điệu dân gian hay kỹ thuật hát, mà còn ở tinh thần văn hóa, chiều sâu cảm xúc và giá trị truyền thống mà nó mang theo. Việc giảng dạy ca khúc dân ca là một trong những cách thức hiệu quả nhất để truyền thụ nghệ thuật âm nhạc Việt Nam cho thế hệ trẻ, giúp họ không chỉ hát hay mà còn hiểu sâu về dân tộc mình.

1.3.1.1. Mang đậm chất địa phương và vùng miền

Mỗi vùng miền trên dải đất Việt Nam đều có hệ thống dân ca đặc trưng, phản ánh lối sống, ngữ âm, phong tục và tâm hồn con người nơi đó: Miền Bắc với các thể loại như *Trống quân*, *Quan họ*, *hát Ru*, *Ví*, *Giặm*, thường có giai điệu mượt mà, đầm thắm, cấu trúc đối đáp và cách

luyến láy phong phú, thể hiện sự sâu lắng, trữ tình trong đời sống người dân đồng bằng và trung du; Miền Trung với *Hò Huế, Hò khoan, lý Nghệ Tĩnh,...* mang sắc thái trang nghiêm, nặng về ngữ âm và tiết tấu, thể hiện tinh thần chịu thương chịu khó, sự thủy chung, kiên cường của con người miền Trung; Miền Nam với *lý Nam Bộ, Vọng cổ, Cải lương, Đờn ca tài tử*, nổi bật bởi giai điệu ngọt ngào, phóng khoáng, có tiết tấu linh hoạt, gắn bó mật thiết với đời sống sinh hoạt cộng đồng, sông nước. Giảng dạy ca khúc dân ca trong thanh nhạc không thể tách rời yếu tố vùng miền, bởi đó là căn cốt để người học hiểu và thể hiện được đúng tinh thần của từng bài hát.

1.3.1.2. Phản ánh đời sống và tình cảm dân gian

Ca khúc dân ca là “tiếng lòng” của nhân dân, chứa đựng nội dung phong phú về tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, nỗi niềm tha hương, hay khát vọng tự do, no đủ, đưa những bài ca này vào đào tạo giúp người học thấm thấu giá trị nhân văn, chiều sâu cảm xúc trong âm nhạc và hiểu hơn về lịch sử, văn hóa và đời sống tinh thần của người dân qua từng thời kỳ. Chính yếu tố “đời thường mà sâu sắc” này khiến ca khúc dân ca trở thành tài nguyên quý giá trong đào tạo thanh nhạc mang tính nhân bản.

1.3.1.3. Ngôn ngữ âm nhạc đặc trưng, dễ tiếp cận nhưng khó thể hiện trọn vẹn

Nhiều ca khúc dân ca được chuyển soạn hoặc phổ nhạc dựa trên âm hưởng dân gian, có cấu trúc rõ ràng, nhịp phách cụ thể, dễ tiếp cận hơn so với dân ca gốc (thường phi nhịp, hát nói, ngẫu hứng). Tuy vậy, người học cần có kỹ thuật thanh nhạc tinh tế và linh hoạt để thể hiện được các kỹ thuật như: *Luyến láy, rung, nhả chữ theo ngữ âm vùng miền, hát nói tự do,...* Phải cảm thụ được hồn cốt của bài hát: Không chỉ hát đúng nốt đúng lời mà phải chuyển tải được tình cảm, sắc thái vùng miền và phong cách dân tộc. Vì vậy, dù dễ tiếp cận, ca khúc dân ca đòi hỏi trình độ cảm xúc và kỹ năng thể hiện cao, đòi hỏi giảng viên và học viên phải cùng nhau khám phá chiều sâu văn hóa và âm nhạc của tác phẩm.

Ca khúc dân ca Việt Nam thường mang đậm chất địa phương, phản ánh đời sống, tình cảm và ngôn ngữ âm nhạc đặc trưng của từng vùng miền. Trong đó: Miền Bắc thường có dân ca Trống quân, Quan họ, hát Ru, Ví, Giặm,...; Miền Trung có Hò Huế, lý, Hò khoan, dân ca Nghệ Tĩnh,...; Miền Nam nổi bật với lý Nam Bộ, Vọng cổ, Cải lương, Đờn ca tài tử,... Những tác phẩm mang âm hưởng dân ca giúp người học dễ tiếp cận nhưng vẫn giữ được bản sắc âm nhạc truyền thống.

1.3.2. Mục tiêu của việc giảng dạy ca khúc dân ca trong thanh nhạc

Giảng dạy ca khúc dân ca trong thanh nhạc không chỉ là một phương pháp đào tạo chuyên môn mà còn là một hành trình nuôi dưỡng tâm hồn nghệ sĩ, phát triển tư duy nghệ thuật và trách nhiệm văn hóa. Mục tiêu lớn nhất là đào tạo nên những nghệ sĩ vừa có kỹ thuật vững vàng, vừa có chiều sâu tâm hồn và ý thức gìn giữ, phát triển âm nhạc dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

Rèn luyện kỹ năng luyện láy, nhả chữ, rung láy, ngân giọng - những kỹ thuật khó và giàu tính biểu cảm. Giúp học viên hiểu và thấm thấu nội dung trữ tình, hình ảnh quê hương, tình yêu đất nước, con người. Phát triển khả năng xử lý sắc thái, biểu cảm âm nhạc, sử dụng ngôn ngữ âm nhạc phù hợp với từng vùng miền. Nâng cao ý thức giữ gìn và phát huy âm nhạc dân tộc trong thể hệ nghệ sĩ trẻ.

1.3.2.1. Rèn luyện kỹ thuật thanh nhạc nâng cao

Ca khúc dân ca chứa đựng những kỹ thuật khó và đặc thù như: Luyện láy, nhả chữ, rung láy, ngân giọng: Đây là những kỹ thuật không thể thiếu khi thể hiện dân ca. Chúng yêu cầu người học phải có khả năng điều tiết hơi thở tốt, xử lý linh hoạt và tinh tế trong từng câu hát. Việc giảng dạy ca khúc dân ca giúp người học rèn luyện kỹ năng thanh nhạc có chiều sâu và giàu tính biểu cảm, phục vụ cho việc thể hiện không chỉ dân ca mà còn cả các thể loại âm nhạc trữ tình, truyền thống, thậm chí là bán cổ điển.

1.3.2.2. Thẩm thấu nội dung trữ tình và giá trị nhân văn

Ca khúc dân ca không chỉ là âm thanh mà còn là lời kể bằng âm nhạc về cuộc sống, con người, thiên nhiên, tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, quê hương, đất nước,... Người học được truyền cảm xúc qua ca từ mộc mạc, gần gũi và tiếp xúc với hình ảnh quê hương, làng quê, con người Việt Nam trong những khung cảnh giản dị nhưng giàu tình cảm. Từ đó, giúp người học phát triển khả năng cảm thụ nghệ thuật và bồi đắp tâm hồn nghệ sĩ, biết yêu thương, trân trọng và đồng cảm sâu sắc với con người và cuộc sống.

1.3.2.3. Phát triển khả năng xử lý sắc thái và ngôn ngữ âm nhạc vùng miền

Mỗi vùng miền Việt Nam đều có phong cách dân ca riêng biệt về: Phát âm, nhả chữ theo phương ngữ (Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Quan họ Bắc Ninh, Lý Nam Bộ). Nhấn nhá, luyến láy, rung hơi mang đặc trưng vùng miền. Phong cách trình diễn (giao duyên, hát đối đáp, kể chuyện). Việc giảng dạy ca khúc mang âm hưởng dân ca giúp người học phát triển khả năng xử lý sắc thái âm nhạc tinh tế, biết lựa chọn và điều chỉnh kỹ thuật thanh nhạc phù hợp với mỗi thể loại, mỗi vùng miền. Qua đó thể hiện được màu sắc âm nhạc dân tộc một cách chính xác và sinh động.

1.3.2.4. Nâng cao ý thức gìn giữ và phát huy âm nhạc dân tộc

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự lan tỏa mạnh mẽ của âm nhạc hiện đại, âm nhạc dân tộc dễ bị lãng quên hoặc mờ nhạt trong đời sống âm nhạc trẻ. Do đó, việc đưa ca khúc dân ca vào giảng dạy góp phần truyền lửa và bồi đắp tình yêu văn hóa dân tộc trong thế hệ nghệ sĩ trẻ và giúp HV-SV thanh nhạc trở thành người gìn giữ, lan tỏa âm nhạc truyền thống, có trách nhiệm với cội nguồn văn hóa dân tộc.

1.3.3. Phương pháp giảng dạy chủ yếu

Phương pháp giảng dạy ca khúc dân ca không đi theo lối mòn lý thuyết, thực hành tách rời, mà là sự giao thoa giữa cảm xúc, kỹ thuật và văn hóa dân tộc. Việc kết hợp giữa giảng giải, thị phạm, luyện tập theo vùng miền và thực hành sân khấu là con đường hiệu quả giúp người học không chỉ hát đúng, hát hay, mà còn hát có hồn, có bản sắc, có chiều sâu.

Trong giảng dạy ca khúc dân ca tại các cơ sở đào tạo thanh nhạc, việc truyền đạt không chỉ hướng đến kỹ năng thanh nhạc đơn thuần, mà còn nhấn mạnh đến việc truyền cảm hứng, bản sắc vùng miền và bản lĩnh biểu diễn. Để đạt hiệu quả, các giảng viên thường áp dụng phương pháp kết hợp đa chiều như sau:

1.3.3.1. Giảng giải, Phân tích tác phẩm

Đây là bước đầu tiên và quan trọng để giúp người học hiểu bản chất và linh hồn của ca khúc. Giảng viên tập trung: Phân tích bối cảnh lịch sử - văn hóa của bài hát: Bài hát ra đời trong thời kỳ nào, gắn với vùng đất nào, mang theo thông điệp hoặc tâm tư gì? Giải nghĩa lời ca, hình ảnh, biểu tượng: Nhằm khơi dậy cảm xúc và trí tưởng tượng trong người học. Chỉ rõ phong cách âm nhạc của từng vùng miền: Ví dụ chất Bắc với lối hát đối giao duyên, chất Trung đậm trữ tình tự sự, chất Nam thoáng đảng phóng khoáng,... Mục tiêu: Trang bị nền tảng hiểu biết sâu sắc để thể hiện ca khúc không chỉ đúng nốt nhạc mà còn đúng tinh thần.

1.3.3.2. Thị phạm kết hợp thực hành

Phương pháp này mang tính truyền nghề. Giảng viên hát mẫu từng câu, từng đoạn cho học viên được nghe và quan sát kỹ lưỡng các chi tiết nhỏ như luyện, lách, ngân, cách nhả chữ, lấy hơi, giảng viên chỉnh sửa từng chỗ ngay khi học viên thực hành. Nhấn mạnh kỹ thuật đặc trưng như rung nhẹ (vùng Bắc), ngân dài (vùng Nam), luyện mềm (vùng Trung). Mục tiêu: Giúp học viên tiếp nhận cảm âm và biểu cảm thông qua trực giác và thực hành, từ đó bắt chước, điều chỉnh và phát triển.

1.3.3.3. Học theo vùng miền

Vì dân ca Việt Nam gắn liền với ngữ âm, phương ngữ và phong cách vùng miền, nên người học được rèn luyện: Phát âm đúng giọng địa phương (giọng Nghệ Tĩnh, giọng Huế, giọng miền Tây Nam Bộ,...). Hát đúng tinh thần vùng miền: Từ cách nhả chữ, đến hơi thở và sắc thái biểu cảm đều mang “chất địa phương”. Mục tiêu: Tái hiện đúng “chất” dân ca gốc, tránh hát dân ca theo kiểu thính phòng hoặc hiện đại hóa quá mức làm mất bản sắc.

1.3.3.4. So sánh phong cách

Giảng viên cung cấp cho học viên nhiều bản thu âm của cùng một ca khúc (cùng là “Giận mà thương” nhưng nghệ sĩ A hát nhẹ nhàng, nghệ sĩ B lại da diết, sâu thẳm). Phân tích sự khác biệt về cách xử lý và định hướng học viên chọn cách phù hợp với chất giọng và cá tính âm nhạc của mình. Mục tiêu: Giúp học viên hiểu tính đa dạng trong biểu diễn, từ đó xây dựng bản sắc cá nhân thay vì rập khuôn.

1.3.3.5. Thực hành biểu diễn trên sân khấu

Sau khi rèn kỹ năng và thẩm thấu tinh thần bài hát, người học được trình diễn trước khán giả, có thể là trong lớp, hội diễn hoặc thi tốt nghiệp; Rèn luyện kỹ năng sân khấu như di chuyển, giao tiếp bằng ánh mắt, biểu cảm khuôn mặt, hình thể và sử dụng trang phục phù hợp với văn hóa vùng miền. Mục tiêu: Kiểm nghiệm khả năng chuyển hóa kỹ thuật thành nghệ thuật biểu cảm, đồng thời chuẩn bị cho học viên bản lĩnh biểu diễn chuyên nghiệp.

1.3.4. Một số khó khăn và hướng phát triển

Việc giảng dạy ca khúc dân ca trong thanh nhạc đang đứng trước những thách thức về môi trường văn hóa, phương pháp giảng dạy và nguồn tài liệu. Tuy nhiên, với sự đổi mới trong tư duy sư phạm, ứng dụng công nghệ và tăng cường thực hành sân khấu, quá trình đào tạo hoàn toàn

có thể khơi dậy tình yêu âm nhạc dân tộc trong thế hệ trẻ, giúp họ không chỉ hát hay mà còn giữ gìn, sáng tạo và lan tỏa giá trị truyền thống Việt Nam trong bối cảnh đương đại.

1.3.4.1. Thiếu trải nghiệm văn hóa dân gian

Một trong những thách thức lớn hiện nay là sự đứt gãy về trải nghiệm văn hóa truyền thống ở thế hệ trẻ. Nhiều HV-SV thanh nhạc hiện nay lớn lên trong môi trường đô thị, tiếp xúc chủ yếu với âm nhạc hiện đại, nên thiếu nền tảng cảm thụ tự nhiên với dân ca, một loại hình âm nhạc gắn với đời sống lao động, phong tục và ngôn ngữ địa phương. Điều này dẫn đến việc thẩm thấu tinh thần dân ca không sâu, hát kỹ thuật nhưng thiếu chất “hồn”, thiếu chiều sâu cảm xúc và bản sắc vùng miền. Giải pháp: Tổ chức các chuyến thực tế, về nguồn, giao lưu với nghệ nhân dân gian, đưa HV-SV tiếp xúc trực tiếp với đời sống âm nhạc truyền thống để nuôi dưỡng cảm xúc chân thật và vốn sống phong phú.

1.3.4.2. Thiếu sự kết nối giữa lý thuyết và thực hành

Trong một số chương trình đào tạo, việc học lý thuyết âm nhạc truyền thống tách biệt với hoạt động thực hành biểu diễn dẫn đến HV-SV hiểu nhưng không ứng dụng được, hát rập khuôn, thiếu sáng tạo. Thiếu cơ hội thử sức với sân khấu chuyên nghiệp, nên khả năng xử lý bài dân ca còn hạn chế về kỹ năng trình diễn và biểu cảm. Giải pháp: Thiết kế chương trình học theo mô hình học đi đôi với hành. Mỗi chuyên đề lý thuyết đi kèm với thực hành và biểu diễn; mở rộng hợp tác với các nhà hát, sân khấu truyền thống để HV-SV có cơ hội trình diễn và được phản biện thực tế.

1.3.4.3. Thiếu tài liệu chuyên sâu và chuẩn hóa

Hiện nay, các tài liệu chuyên biệt về phương pháp xử lý kỹ thuật ca khúc mang âm hưởng dân ca còn hạn chế, dẫn đến nhiều người học thiếu cơ sở nghiên cứu, giảng viên cũng khó có nguồn tham khảo để chuẩn hóa giảng dạy. Nhiều phương pháp truyền khẩu, thị phạm chưa

được hệ thống thành tài liệu chính quy, nên chất lượng giảng dạy không đồng đều giữa các cơ sở. Giải pháp: Đầu tư biên soạn giáo trình, tài liệu phân tích chuyên sâu về các kỹ thuật đặc trưng (luyến láy, rung, ngân), kết hợp ghi âm mẫu, video hướng dẫn chuẩn hóa theo vùng miền nhằm tạo kho tư liệu học tập hiệu quả.

1.3.4.4. Cần đổi mới phương pháp sư phạm và tích hợp công nghệ

Trong thời đại số, phương pháp giảng dạy truyền thống cần được làm mới để phù hợp với tâm lý và thói quen học tập hiện đại của HV-SV. Việc chỉ dựa vào thị phạm trực tiếp chưa đủ, mà cần thêm công cụ học trực tuyến, clip mẫu để luyện tập chủ động ngoài giờ; Giảng viên cũng cần cập nhật kỹ năng công nghệ, sử dụng các nền tảng số, phần mềm xử lý âm thanh, video minh họa,... Giải pháp: Đào tạo giảng viên theo hướng đa phương tiện hóa giảng dạy; xây dựng hệ thống học liệu mở, bài giảng điện tử, kho video mẫu có sự tham gia của nghệ sĩ, giảng viên và chuyên gia dân ca từng vùng.

1.4. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến biểu diễn ca khúc dân ca

Trong thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu, tài liệu chuyên khảo, luận văn, đề tài khoa học trong và ngoài nhà trường đề cập đến vấn đề đào tạo thanh nhạc, trong đó có liên quan đến phương pháp giảng dạy, biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca. Tuy nhiên, đa số các nghiên cứu mới dừng lại ở phương diện lý luận hoặc giảng dạy chung, chưa đi sâu vào khai thác và nâng cao phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền trong thực hành tại các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp. Cụ thể:

Cuốn sách “*Phương pháp Sư phạm Thanh Nhạc*” của GS. NSND Nguyễn Trung Kiên (Viện Âm nhạc, 2001) là một tài liệu có giá trị cao trong lĩnh vực đào tạo thanh nhạc tại Việt Nam. Tác phẩm gồm 14 chương, tập trung trình bày các kỹ thuật cơ bản như hơi thở, khẩu hình,

khoảng vang, nhả chữ, cùng các bài tập luyện giọng và sửa lỗi kỹ thuật. Tuy nhiên, nội dung cuốn sách chưa đề cập sâu đến việc áp dụng các ca khúc mang âm hưởng dân ca vào quá trình dạy và học.

Cuốn sách “*Phương pháp giảng dạy Thanh nhạc*” của NGƯT Hồ Mộ La (NXB Từ điển Bách khoa, 2008) chủ yếu bàn về khía cạnh giải phẫu học của cơ quan phát âm và việc ứng dụng khoa học trong kỹ thuật thanh nhạc. Mặc dù có giá trị lý luận chuyên sâu, tác phẩm này chưa khai thác vấn đề xử lý kỹ thuật thanh nhạc đối với các tác phẩm mang chất liệu dân ca Việt Nam trong biểu diễn thực tế.

Cuốn sách “*Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát*” của PGS.TS NSƯT Trần Ngọc Lan (NXB Giáo dục, 2011) tiếp cận vấn đề dạy thanh nhạc từ góc nhìn ngôn ngữ, tập trung phân tích đặc điểm tiếng Việt và việc sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật trong ca hát. Dù đề cập đến ca khúc Việt Nam, nhưng sách chưa đi sâu vào phương pháp biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền.

Cuốn sách “*Quá trình hình thành và phát triển ca hát chuyên nghiệp ở Việt Nam*” của tác giả Trương Ngọc Thắng (NXB Thuận Hóa, 2010) có đề cập đến giá trị của ca khúc dân ca trong ca hát chuyên nghiệp, tuy nhiên nội dung không đi sâu vào khía cạnh sư phạm hay phương pháp giảng dạy thể loại này trong môi trường đào tạo chính quy.

Đề tài khoa học cấp Bộ Tổng tham mưu năm 2014 của TS. NSƯT Nguyễn Thanh Nga với tiêu đề “*Đưa hát dân ca vào đào tạo thanh nhạc ở Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội*” là một nghiên cứu mang tính nền tảng. Đề tài đã khẳng định vai trò và tầm quan trọng của việc đưa các ca khúc mang âm hưởng dân ca vào chương trình đào tạo, là tiền đề quan trọng cho việc hình thành các định hướng mới trong đào tạo thanh nhạc tại trường.

Đề tài khoa học “*Phương pháp biểu diễn một số ca khúc tiếng Nga tiêu biểu*” của Thiếu tá, ThS Đỗ Phương Mai là công trình có định

hướng rõ ràng trong việc nâng cao chất lượng biểu diễn. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của đề tài lại tập trung vào ca khúc tiếng Nga, không đi vào nội dung liên quan đến ca khúc dân ca Việt Nam.

Luận án Tiến sĩ “*Giảng dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung trong đào tạo thanh nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam*” của NCS. Lê Anh Thơ bảo vệ năm 2022 đã đề xuất một số giải pháp giảng dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy thanh nhạc nói chung, giảng dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung nói riêng tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, từ đó góp phần hình thành nhiều hơn các ca sĩ thành danh trong dòng nhạc mang âm hưởng dân ca. Cùng với đó, luận án đưa ra một số khuyến nghị để cho các cơ sở đào tạo thanh nhạc ngoài Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam có thêm những gợi ý về cách chọn bài và kỹ thuật thanh nhạc khi giảng dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung.

Cuốn sách “*Dạy học ca khúc mang âm hưởng dân ca cho sinh viên Khoa Thanh nhạc Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Quân đội*” của NSUT Nguyễn Thị Hương Giang (NXB Dân Trí, 2025) đã bước đầu xây dựng được cơ sở lý luận và khảo sát thực trạng giảng dạy thể loại ca khúc dân ca tại trường. Tuy nhiên, luận văn chủ yếu tập trung vào khâu giảng dạy, chưa đi sâu vào nội dung gắn kết giữa phương pháp giảng dạy và kỹ thuật biểu diễn. Gần đây, NSUT Nguyễn Thị Hương Giang cũng đã có nhiều bài viết chuyên sâu, chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến việc sử dụng kỹ thuật thanh nhạc vào biểu diễn các ca khúc dân ca.

Từ các nghiên cứu đã công bố, có thể khẳng định rằng vấn đề biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca trong đào tạo thanh nhạc đã và đang thu hút sự quan tâm nhất định. Tuy nhiên, đến nay chưa có một công trình khoa học nào chuyên biệt đi sâu nghiên cứu về “Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền” một cách hệ thống, bài bản và cụ thể trong môi trường giảng dạy và biểu diễn tại các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp hiện nay.

NỘI DUNG CHÍNH CẦN GHI NHỚ TRONG CHƯƠNG 1

Biểu diễn dân ca Việt Nam không chỉ là một hoạt động nghệ thuật đơn thuần mà còn là hành trình sâu sắc khám phá và tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc. Để một tiết mục dân ca chạm đến trái tim người nghe và giữ được giá trị đích thực, người nghệ sĩ cần nắm vững cả cơ sở lý luận lẫn những yếu tố thực tiễn trong quá trình thể hiện. Hai yếu tố này bổ trợ, hòa quyện vào nhau, tạo nên sức sống bền bỉ cho dòng chảy âm nhạc truyền thống.

Thấu hiểu cái "hồn" của dân ca

Cơ sở lý luận đóng vai trò kim chỉ nam, giúp người biểu diễn có cái nhìn toàn diện và sâu sắc về nguồn cội, đặc trưng cũng như ý nghĩa của từng làn điệu. Đầu tiên, đó là sự hiểu biết về nguồn gốc và bối cảnh ra đời của các bài dân ca. Mỗi câu hát, mỗi điệu hò đều gắn liền với cuộc sống lao động, sinh hoạt, tập quán và tín ngưỡng của từng vùng miền, từng dân tộc cụ thể. Chẳng hạn, quan họ Bắc Ninh mang đậm nét giao duyên, đối đáp trong sinh hoạt hội làng, còn những điệu hò sông nước Nam Bộ lại chất chứa sự phóng khoáng, tinh tủy của người dân miền sông nước. Nắm bắt được bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa sẽ giúp người nghệ sĩ truyền tải đúng cái hồn, cái ý mà tiền nhân đã gửi gắm.

Kế đến là sự am hiểu đặc trưng âm nhạc. Dân ca Việt Nam vô cùng phong phú với hệ thống làn điệu đa dạng như quan họ, chèo, cải lương, ví dặm, hò. Mỗi làn điệu sở hữu cấu trúc, nhịp điệu, tiết tấu và thang âm riêng biệt, tạo nên "chất" riêng không thể lẫn. Ngoài ra, yếu tố ngẫu hứng, ứng tác trong biểu diễn cũng là một nét đặc sắc, đặc biệt là trong các hình thức hát đối đáp. Việc hiểu rõ vai trò của nhạc cụ dân tộc đi kèm như đàn bầu, đàn nguyệt, sáo, nhị cũng vô cùng quan trọng, giúp phối hợp hài hòa, tôn lên vẻ đẹp truyền thống của bài hát.

Cuối cùng, cơ sở lý luận còn giúp người biểu diễn nhận thức được giá trị văn hóa và tinh thần của dân ca. Dân ca là một phần không thể thiếu của di sản văn hóa phi vật thể, mang trong mình hồn cốt dân tộc, là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại. Biểu diễn dân ca không chỉ là giải trí mà còn là cách bảo tồn và phát huy bản sắc, đồng thời truyền tải những thông điệp giáo dục về đạo lý, tình yêu quê hương, con người, nâng cao tinh thần cộng đồng sâu sắc.

Biến tri thức dân gian thành hơi thở cuộc sống

Nếu lý luận là gốc rễ thì thực tiễn chính là cành lá, hoa trái, là quá trình hiện thực hóa những tri thức đó thành một buổi biểu diễn sống động. Quan trọng nhất là kỹ thuật thanh nhạc chuyên biệt. Khác với những thể loại âm nhạc khác, hát dân ca đòi hỏi những kỹ thuật rất riêng như luyến láy, nhả chữ, nắn nót, và rung ngân đặc trưng để giữ được cái "chất" mộc mạc, gần gũi nhưng cũng đầy tinh tế. Khả năng biểu cảm và truyền đạt cảm xúc cũng là yếu tố then chốt, giúp người nghe cảm nhận được niềm vui, nỗi buồn hay sự tự sự ẩn chứa trong từng lời ca.

Đồng thời, việc phát âm rõ ràng, tròn vành rõ chữ là yêu cầu bắt buộc, đặc biệt trong các làn điệu kể chuyện. Phong cách biểu diễn cũng cần được chú trọng. Mỗi vùng miền có những quy ước riêng về phong thái, trang phục, và đạo cụ. Hát quan họ cần sự duyên dáng, tinh tế trong giao tiếp; hát chèo văn lại cần sự uyển chuyển, linh hoạt. Việc lựa chọn trang phục truyền thống phù hợp (áo dài, áo tứ thân, nón quai thao) và sử dụng đạo cụ (quạt, khăn,...) không chỉ tạo không khí mà còn thể hiện sự tôn trọng đối với văn hóa dân tộc. Khả năng tương tác với khán giả cũng là một điểm cộng, đặc biệt trong các không gian biểu diễn cộng đồng, tạo sự kết nối và lan tỏa cảm xúc.

Trong bối cảnh hiện đại, việc thích nghi và sáng tạo là cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ. Người nghệ sĩ có thể thử nghiệm phối khí mới hoặc kết hợp dân ca với các thể loại âm nhạc khác để tiếp cận khán

giả trẻ, nhưng điều cốt yếu là không được làm mất đi hồn cốt, đặc trưng vốn có của dân ca. Đa dạng hóa hình thức biểu diễn như hợp xướng, tốp ca, hay kết hợp với múa, kịch cũng góp phần làm mới và hấp dẫn hơn.

Cuối cùng, thực hành và trải nghiệm là không thể thiếu. Sự luyện tập thường xuyên, kiên trì sẽ giúp người nghệ sĩ nhuần nhuyễn kỹ thuật và làm chủ tác phẩm. Đặc biệt, việc tìm kiếm và học hỏi trực tiếp từ các nghệ nhân, những báu vật sống của dân ca, là con đường hiệu quả nhất để lĩnh hội những tinh hoa không sách vở nào có thể truyền tải. Tham gia các hoạt động cộng đồng, lễ hội cũng giúp người hát cảm nhận rõ hơn không khí và tinh thần sống động của dân ca trong đời sống.

Tóm lại, biểu diễn dân ca Việt Nam là sự giao thoa hài hòa giữa tri thức và kỹ năng. Nền tảng lý luận vững chắc giúp người nghệ sĩ hiểu rõ "linh hồn" của tác phẩm, trong khi thực tiễn giúp họ biến những tri thức đó thành màn trình diễn sống động, chân thực và đầy cảm xúc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn này không chỉ bảo tồn di sản quý báu của dân tộc mà còn giúp dân ca tiếp tục lan tỏa, chạm đến trái tim của thế hệ hôm nay và mai sau.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA BA MIỀN

2.1. Các yếu tố nghệ thuật trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca

Biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca là một quá trình nghệ thuật tổng hợp, trong đó người nghệ sĩ không chỉ thể hiện âm thanh mà còn chuyển tải được cả hồn cốt văn hóa, phong vị vùng miền và cảm xúc đặc trưng. Những yếu tố nghệ thuật dưới đây đóng vai trò cốt lõi trong việc tạo nên một màn trình diễn giàu sức biểu cảm, mang đậm dấu ấn dân tộc.

2.1.1. Giai điệu, tiết tấu, hòa âm

Giai điệu của ca khúc mang âm hưởng dân ca thường mềm mại, uyển chuyển, mang tính trữ tình cao. Nhiều ca khúc được xây dựng trên thang âm ngũ cung (không có nửa cung), tạo cảm giác mộc mạc, gần gũi nhưng cũng sâu lắng và tha thiết. Giai điệu có thể mô phỏng tiếng ru, tiếng hò, điệu Lý đặc trưng của mỗi vùng miền.

Tiết tấu thường chậm rãi, khoan thai, uyển chuyển, gắn liền với nhịp sống nông nghiệp và sinh hoạt đời thường của người dân Việt. Trong một số ca khúc, tiết tấu có thể linh hoạt hơn, phản ánh đặc điểm sinh động, phóng khoáng như trong dân ca Nam Bộ.

Hòa âm trong các ca khúc mang âm hưởng dân ca thường đơn giản, ít chuyển điệu, chủ yếu nhằm nâng đỡ giai điệu chính mà không phá vỡ tính mộc mạc nguyên bản. Tuy nhiên, trong các bản phối hiện đại, hòa âm có thể được xử lý phong phú hơn, nhưng vẫn giữ được “hơi thở dân gian” trong âm sắc và cảm xúc.

2.1.2. Lời ca và phong cách thể hiện theo vùng miền

Lời ca trong ca khúc mang âm hưởng dân ca giàu hình ảnh, đậm tính biểu cảm và thường mang màu sắc trữ tình dân tộc. Nội dung lời ca phản ánh tình yêu quê hương, tình mẫu tử, tình yêu đôi lứa, đạo lý con người hoặc những tâm tình sâu kín gắn với đời sống lao động, phong tục tập quán.

Phong cách thể hiện chịu ảnh hưởng rõ nét từ đặc điểm vùng miền: Miền Bắc: Ca khúc thường mang dáng dấp lời đối đáp (như Quan họ, Trống quân), âm sắc sáng, kỹ thuật luyến láy mềm mại nhưng đều đặn, tiết chế cảm xúc. Miền Trung: Mang đậm tính tự sự và chất bi tráng; nghệ sĩ thường sử dụng kỹ thuật ngân dài, nhấn mạnh cảm xúc dồn nén. Lời ca có tính biểu cảm mạnh, giai điệu nhiều khi gọi nỗi niềm sâu kín. Miền Nam: Biểu diễn có phần phóng khoáng, gần gũi, thể hiện sự chân chất qua lối hát nhẹ nhàng, linh hoạt. Kỹ thuật xử lý lời ca thường lướt nhẹ, mang tính kể chuyện. Việc hiểu rõ chất vùng miền giúp người biểu diễn lựa chọn đúng lối hát, xử lý ca từ phù hợp với tinh thần nguyên bản của bài hát.

2.1.3. Kỹ thuật thanh nhạc phù hợp từng thể loại dân ca

Kỹ thuật thanh nhạc trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca yêu cầu sự linh hoạt và tinh tế, không máy móc theo trường phái cổ điển mà thiên về biểu cảm và xử lý theo ngữ cảnh bài hát. Luyến, láy, rung, nhả chữ: Là những kỹ thuật cốt lõi. Người hát cần thể hiện sự uyển chuyển của từng âm tiết, tạo cảm giác “chảy” trong âm thanh, điều đặc biệt quan trọng trong dân ca Bắc Bộ và Trung Bộ.

Ngân giọng và kiểm soát hơi thở đòi hỏi người biểu diễn giữ được độ dài và độ mềm của âm thanh, ngân nhưng không gằn, thở đều nhưng vẫn giữ được độ vang tự nhiên. Kỹ thuật phối hợp giọng nói – giọng hát trong một số bài hát dân ca, đặc biệt là ở Nam Bộ, cần sự pha trộn giữa lối hát kể và lối hát giàu nhạc tính, đòi hỏi nghệ sĩ kiểm soát tốt sự chuyển đổi giữa hai trạng thái này.

Chỉnh âm và giữ làn hơi ổn định trong những ca khúc sử dụng chất liệu dân ca có nhiều quãng xa, âm sắc đặc biệt (như chất giọng xứ Nghệ hoặc Huế), nghệ sĩ cần nắm vững kỹ năng điều tiết âm lượng, độ cao, độ vang một cách linh hoạt.

Các yếu tố nghệ thuật trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ nằm ở kỹ thuật thanh nhạc mà còn ở khả năng thẩm thấu văn hóa, xử lý tinh tế từng giai điệu và ca từ. Việc hiểu rõ và ứng dụng hiệu quả những yếu tố như giai điệu, tiết tấu, lời ca và kỹ thuật vùng miền là yếu tố quyết định giúp nghệ sĩ truyền tải được cái “thần” của dân ca, vừa mang tính dân tộc, vừa chạm đến cảm xúc của khán giả hiện đại.

2.2. Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca

2.2.1. Một số vấn đề chung về phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca

“Phương pháp biểu diễn” là một khái niệm rộng, bao gồm các kỹ thuật và cách thức mà một người sử dụng để thể hiện một tác phẩm, vai diễn, hoặc một ý tưởng nào đó trước khán giả. Tùy thuộc vào lĩnh vực, “phương pháp biểu diễn” sẽ có những đặc thù riêng.

Phương pháp biểu diễn trong âm nhạc là sự kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật thanh nhạc và phong cách biểu diễn, giúp nghệ sĩ truyền tải trọn vẹn ý nghĩa và cảm xúc của bài hát đến khán giả, đồng thời tạo dựng được dấu ấn cá nhân trong lòng người nghe. Đó là một quá trình không ngừng học hỏi, luyện tập và sáng tạo để ngày càng hoàn thiện bản thân và mang đến những màn trình diễn thăng hoa.

Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ thuật thanh nhạc và phong cách trình diễn mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, nhằm truyền tải trọn vẹn tinh thần, cảm xúc và giá trị nghệ thuật của các ca khúc mang âm hưởng dân ca đến với khán giả. Nó bao gồm việc làm chủ các kỹ thuật hơi thở, kiểm

soát giọng hát, sử dụng các kỹ thuật luyện láy, rung, ngân đặc trưng, cảm thụ sâu sắc âm nhạc dân tộc, kết hợp với phong cách trình diễn tự nhiên, chân thật, và thể hiện bản sắc văn hóa thông qua trang phục, ngôn ngữ cơ thể, và tương tác với khán giả. Mục tiêu cuối cùng là làm sống động các ca khúc dân ca, khơi gợi tình yêu quê hương đất nước và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca có những đặc trưng riêng biệt, khác biệt so với các thể loại âm nhạc khác. Dưới đây là các đặc trưng nổi bật:

Kỹ thuật thanh nhạc đặc thù: Một trong những đặc trưng quan trọng nhất của phương pháp biểu diễn này là kỹ thuật thanh nhạc đặc thù. Hơi thở đóng vai trò then chốt, đòi hỏi người nghệ sĩ phải luyện tập thở bụng (hoành cách mô) và kiểm soát luồng hơi tốt để tạo ra âm thanh ổn định, vang và có thể ngân dài. Bên cạnh đó, việc sử dụng các kỹ thuật luyện láy, rung, và ngân đặc trưng cũng là yếu tố không thể thiếu. Luyện (Legato) tạo sự mượt mà, liền mạch giữa các nốt nhạc, đặc biệt quan trọng trong các bài có giai điệu trữ tình. Rung (Vibrato) mang lại độ truyền cảm cho giọng hát, trong khi láy (Ornamentation) thêm các nốt nhạc trang trí, đặc biệt là các nốt láy đặc trưng của từng vùng miền, tạo nên sự độc đáo cho bài hát. Ngoài ra, việc phát âm (nhả chữ) rõ ràng và tròn vành, chú trọng phát âm chuẩn xác các nguyên âm và phụ âm, cũng như kiểm soát cao độ, âm lượng và âm sắc là những yếu tố quan trọng để thể hiện được sắc thái của bài hát.

Cảm thụ âm nhạc và thể hiện cảm xúc: Tuy nhiên, kỹ thuật thanh nhạc chỉ là một phần trong bức tranh toàn cảnh. Cảm thụ âm nhạc và thể hiện cảm xúc mới là yếu tố quyết định sự thành công của một màn trình diễn ca khúc dân ca. Người nghệ sĩ cần hiểu sâu sắc về ý nghĩa bài hát, phân tích lời ca, tìm hiểu về hoàn cảnh sáng tác, con người và văn hóa của vùng miền. Họ cũng cần cảm nhận được những nét đặc trưng của giai điệu và tiết tấu trong các làn điệu dân ca, từ đó thể hiện được hồn cốt

của bài hát. Quan trọng nhất là phải thể hiện cảm xúc chân thật, gần gũi, truyền tải những cung bậc cảm xúc trong bài hát một cách tự nhiên, dễ đồng cảm với người nghe.

Phong cách trình diễn đậm chất dân gian: Phong cách trình diễn đậm chất dân gian cũng là một đặc trưng không thể thiếu. Ngôn ngữ cơ thể và biểu cảm khuôn mặt cần phù hợp với nội dung bài hát và đặc trưng văn hóa của vùng miền. Trang phục truyền thống hoặc cách điệu giúp thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc. Sự tương tác với khán giả, thông qua giao tiếp bằng ánh mắt và sử dụng một số lời nói, câu chào đặc trưng của vùng miền, tạo nên sự gần gũi và thân thiện. Phong cách biểu diễn mang đậm dấu ấn cá nhân, thể hiện sự sáng tạo và đam mê với âm nhạc dân gian, giúp người nghệ sĩ tạo dựng được bản sắc riêng.

Sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại: Cuối cùng, phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca còn là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Người nghệ sĩ cần giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, âm nhạc truyền thống, đồng thời có thể kết hợp với các yếu tố âm nhạc hiện đại (phối khí, nhạc cụ) để thu hút khán giả trẻ, nhưng vẫn phải giữ được bản sắc dân tộc.

Những đặc trưng này tạo nên một phương pháp biểu diễn độc đáo, đòi hỏi người nghệ sĩ phải có sự am hiểu sâu sắc về âm nhạc dân gian, kỹ năng thanh nhạc điêu luyện, và khả năng thể hiện cảm xúc chân thật. Đồng thời, nó cũng đòi hỏi sự sáng tạo, đổi mới để làm mới các ca khúc mang âm hưởng dân ca, đưa âm nhạc truyền thống đến gần hơn với công chúng.

2.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca

Chất lượng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam là sự kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật, cảm xúc, sự am hiểu văn hóa và sự chuẩn bị chu đáo. Khi các yếu tố này được kết hợp một cách tinh

tế, người biểu diễn sẽ mang đến cho khán giả những màn trình diễn ấn tượng, giàu cảm xúc và đậm đà bản sắc dân tộc.

2.2.2.1. Kỹ thuật thanh nhạc

Kỹ thuật thanh nhạc là yếu tố cốt lõi, đóng vai trò nền tảng trong việc thể hiện thành công một ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam. Nó bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau, từ giọng hát, hơi thở, âm sắc đến các kỹ thuật hát đặc trưng. Việc nắm vững và vận dụng một cách nhuần nhuyễn những yếu tố này sẽ giúp người nghệ sĩ truyền tải trọn vẹn vẻ đẹp và tinh thần của âm nhạc dân gian.

Giọng hát: Chất giọng tự nhiên, không gò ép, phù hợp với phong cách dân ca là yếu tố quan trọng hàng đầu. Điều này có nghĩa là giọng hát không cần quá trau chuốt, kỹ thuật mà cần giữ được sự mộc mạc, chân chất vốn có của âm nhạc dân gian. Giọng hát tự nhiên giúp người nghệ sĩ thể hiện được sự gần gũi, chân thành và dễ dàng kết nối với khán giả. Việc cố gắng gồng mình để tạo ra một giọng hát “kỹ thuật” có thể làm mất đi vẻ đẹp vốn có của âm nhạc dân gian, khiến phần trình diễn trở nên giả tạo và thiếu cảm xúc.

Hơi thở: Khả năng kiểm soát hơi thở tốt, đặc biệt là kỹ thuật thở bụng, là yếu tố then chốt giúp ca sĩ hát liền mạch, ngân dài các nốt và thể hiện được các sắc thái tình cảm khác nhau. Thở bụng giúp người nghệ sĩ lấy hơi sâu, giữ hơi lâu và điều khiển hơi thở một cách linh hoạt. Điều này không chỉ giúp tạo ra những âm thanh ổn định, vang vọng mà còn giúp ca sĩ thể hiện được những đoạn ngân dài, những nốt luyến láy và những sắc thái tình cảm khác nhau một cách hiệu quả.

Âm sắc: Sử dụng âm sắc mộc mạc, gần gũi, tránh những kỹ thuật phô trương, gò bó, giúp ca sĩ thể hiện được sự chân thành, giản dị và gần gũi của âm nhạc dân gian. Âm sắc là màu sắc của âm thanh, là yếu tố tạo nên sự khác biệt giữa giọng hát của mỗi người. Trong âm nhạc dân gian, âm sắc mộc mạc, gần gũi thường được ưu tiên hơn những âm sắc

quá trau chuốt, kỹ thuật. Điều này giúp người nghệ sĩ truyền tải được sự chân thành, giản dị và gần gũi của âm nhạc dân gian đến với khán giả.

Kỹ thuật luyến láy: Sử dụng kỹ thuật luyến láy mềm mại, uyển chuyển, phù hợp với từng vùng miền, giúp ca sĩ thể hiện được sự duyên dáng, tinh tế và đặc trưng của âm nhạc dân gian. Luyến láy là một kỹ thuật quan trọng trong âm nhạc dân gian, giúp tạo ra sự mềm mại, uyển chuyển và duyên dáng cho giai điệu. Tuy nhiên, kỹ thuật luyến láy cần được sử dụng một cách phù hợp với từng vùng miền, tránh lạm dụng hoặc sử dụng không đúng cách, gây phản cảm.

Kỹ thuật nhấn nhá: Nhấn nhá đúng chỗ, giúp làm nổi bật cảm xúc và nội dung bài hát, tạo ra sự sinh động và hấp dẫn cho phần trình diễn. Nhấn nhá là một kỹ thuật giúp người nghệ sĩ làm nổi bật những từ ngữ, những câu hát quan trọng trong bài hát, từ đó truyền tải cảm xúc và nội dung một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên, nhấn nhá cần được sử dụng một cách tinh tế, tránh lạm dụng hoặc nhấn nhá không đúng chỗ, gây phản tác dụng.

Kỹ thuật rung giọng (Vibrato): Kiểm soát rung giọng một cách tự nhiên, không quá lạm dụng, giúp ca sĩ tạo ra âm thanh ấm áp, truyền cảm và thể hiện được sự rung động của trái tim. Rung giọng là một kỹ thuật giúp tạo ra âm thanh ấm áp, truyền cảm và thể hiện được sự rung động của trái tim. Tuy nhiên, rung giọng cần được kiểm soát một cách tự nhiên, tránh lạm dụng hoặc rung giọng quá mức, gây khó chịu cho người nghe.

Kỹ thuật phát âm: Phát âm rõ ràng, chuẩn xác, đặc biệt là các nguyên âm, phụ âm và các âm cuối, giúp người nghe hiểu rõ nội dung bài hát và cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ. Phát âm rõ ràng, chuẩn xác là yếu tố quan trọng giúp người nghe hiểu rõ nội dung bài hát và cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ. Trong âm nhạc dân gian, việc phát âm đúng phương ngữ của từng vùng miền cũng là một yếu tố quan trọng giúp thể hiện được bản sắc văn hóa của từng vùng miền.

Kỹ thuật thanh nhạc là một yếu tố quan trọng không thể thiếu trong việc biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam. Việc nắm vững và vận dụng một cách nhuần nhuyễn những yếu tố kỹ thuật thanh nhạc, kết hợp với sự cảm thụ âm nhạc sâu sắc và sự am hiểu văn hóa dân gian, sẽ giúp người nghệ sĩ tạo ra những màn trình diễn ấn tượng, giàu cảm xúc và đậm đà bản sắc dân tộc.

2.2.2.2. Cảm xúc và sự truyền cảm

Yếu tố “Cảm xúc và sự truyền cảm” là một phần không thể thiếu trong việc tạo nên chất lượng thể hiện một ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam. Nó đòi hỏi người ca sĩ phải có sự đồng cảm sâu sắc, khả năng truyền tải cảm xúc chân thật và sự diễn xuất tinh tế. Khi những yếu tố này được kết hợp một cách hài hòa, ca khúc sẽ trở nên sống động, đi vào lòng người và góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc.

Sự đồng cảm: Thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc với những tình cảm, tâm tư, nỗi niềm mà bài hát dân ca thể hiện. Để thể hiện một ca khúc dân ca thành công, người ca sĩ không chỉ cần nắm vững kỹ thuật thanh nhạc mà còn phải thực sự hiểu và cảm nhận được những gì mà bài hát muốn truyền tải. Điều này đòi hỏi ca sĩ phải đặt mình vào hoàn cảnh của nhân vật trong bài hát, cảm nhận những niềm vui, nỗi buồn, những khát vọng và những trăn trở của họ. Khi hát một bài ca dao về tình yêu đôi lứa, ca sĩ cần cảm nhận được sự rung động, xao xuyến của con tim, sự nhớ nhung da diết khi xa cách, hoặc niềm hạnh phúc vỡ òa khi được gặp lại người yêu. Sự đồng cảm giúp ca sĩ hát bằng cả trái tim, thổi hồn vào từng câu hát, khiến cho ca khúc trở nên sống động và gần gũi hơn với khán giả.

Truyền tải cảm xúc: Khả năng truyền tải những cảm xúc đã được cảm nhận một cách chân thật, tự nhiên, chạm đến trái tim người nghe. Sau khi đã đồng cảm với những cảm xúc trong bài hát, người ca sĩ cần có khả năng truyền tải những cảm xúc đó đến với khán giả một cách chân

thật và tự nhiên nhất. Điều này đòi hỏi ca sĩ phải sử dụng giọng hát, kỹ thuật thanh nhạc và ngôn ngữ cơ thể một cách khéo léo để diễn tả những cung bậc cảm xúc khác nhau.

Khi hát một bài hát về nỗi nhớ quê hương, ca sĩ có thể sử dụng giọng hát da diết, ngân nga, kết hợp với những động tác tay nhẹ nhàng để diễn tả nỗi buồn man mác, sự cô đơn và khao khát được trở về quê nhà.

Khả năng truyền tải cảm xúc tốt giúp ca khúc chạm đến trái tim người nghe, khiến họ cảm nhận được những gì mà ca sĩ muốn truyền tải và đồng cảm với những cảm xúc đó.

Sự diễn xuất: Sử dụng ngôn ngữ cơ thể, ánh mắt, cử chỉ một cách tinh tế, phù hợp để tăng tính biểu cảm cho bài hát. Ngôn ngữ cơ thể, ánh mắt và cử chỉ là những công cụ hỗ trợ đắc lực giúp ca sĩ tăng tính biểu cảm cho bài hát. Tuy nhiên, việc sử dụng những công cụ này cần phải tinh tế, phù hợp với nội dung và phong cách của ca khúc, tránh lạm dụng hoặc sử dụng một cách gượng gạo, giả tạo.

Khi hát một bài hát về niềm vui chiến thắng, ca sĩ có thể sử dụng ánh mắt rạng rỡ, nụ cười tươi tắn và những động tác tay mạnh mẽ để diễn tả niềm hân hoan, tự hào.

Sự diễn xuất tốt giúp ca sĩ tạo ra một màn trình diễn sinh động, hấp dẫn và thu hút sự chú ý của khán giả, đồng thời giúp họ hiểu rõ hơn về nội dung và ý nghĩa của bài hát.

2.2.2.3. Sự am hiểu về văn hóa và âm nhạc dân gian

Sự am hiểu về văn hóa và âm nhạc dân gian là yếu tố then chốt để ca sĩ thể hiện thành công ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam. Nó giúp ca sĩ không chỉ hát đúng nhạc, đúng lời mà còn truyền tải được trọn vẹn tinh thần, bản sắc văn hóa của từng vùng miền, chạm đến trái tim người nghe.

Kiến thức về dân ca: Hiểu biết sâu rộng về lịch sử, nguồn gốc, đặc điểm giai điệu, tiết tấu, lời ca của các làn điệu dân ca thuộc vùng miền liên quan. Hiểu rõ về quá trình hình thành và phát triển của từng làn điệu dân ca, giúp ca sĩ nắm bắt được bối cảnh văn hóa, xã hội đã sản sinh ra những giai điệu đó.

Đặc điểm giai điệu: Nắm vững những đặc trưng về âm vực, quãng, điệu thức của từng làn điệu, giúp ca sĩ hát đúng chất, không bị “lạc điệu”. Hiểu rõ về nhịp điệu, phách, trường độ của từng làn điệu, giúp ca sĩ hát đúng nhịp, tạo nên sự uyển chuyển, nhịp nhàng cho ca khúc. Hiểu sâu sắc về ý nghĩa, nội dung của từng câu chữ, từng hình ảnh trong bài hát, giúp ca sĩ truyền tải trọn vẹn thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.

Khi biểu diễn một ca khúc mang âm hưởng dân ca Quan họ Bắc Ninh, ca sĩ cần hiểu rõ về lịch sử hình thành và phát triển của Quan họ, nắm vững các làn điệu đặc trưng như “La rắng”, “Cây gạo”, “Hừ la”, hiểu ý nghĩa của những câu hát đối đáp, những lời mời trầu, mời nước... để vận dụng vào xử lý linh hoạt và sáng tạo trong quá trình biểu diễn.

Phong cách biểu diễn: Nắm vững phong cách biểu diễn đặc trưng của từng vùng miền, từ cách luyến láy, phát âm đến cách sử dụng nhạc cụ. Mỗi vùng miền có cách luyến láy riêng, thể hiện sự tinh tế, duyên dáng của từng làn điệu. Luyến láy trong ca Huế mang vẻ dịu dàng, sâu lắng, trong khi luyến láy trong hát Xoan lại thể hiện sự khỏe khoắn, tươi vui.

Cách phát âm cũng khác nhau giữa các vùng miền, thể hiện đặc trưng ngôn ngữ của từng địa phương. Người miền Bắc thường phát âm tròn vành rõ chữ, trong khi người miền Nam lại có xu hướng phát âm lướt, nhẹ nhàng.

Cách sử dụng nhạc cụ cũng góp phần tạo nên phong cách biểu diễn đặc trưng của từng vùng miền. Đàn bầu thường được sử dụng trong Ca trù, đàn tranh trong Đờn ca tài tử, còn trống cơm lại gắn liền với hát

Chèo. Khi biểu diễn một ca khúc mang âm hưởng dân ca Đờn ca tài tử Nam Bộ, ca sĩ cần nắm vững cách luyện láy đặc trưng của vùng này, phát âm theo giọng Nam Bộ và kết hợp với các nhạc cụ như đàn tranh, đàn kìm, đàn cò.

Ngữ điệu và phương ngữ: Sử dụng ngữ điệu, phương ngữ phù hợp để thể hiện rõ nét bản sắc văn hóa của từng vùng miền. Cách lên giọng, xuống giọng, nhấn nhá trong từng câu hát, thể hiện cảm xúc và ý nghĩa của lời ca.

Sử dụng những từ ngữ, cách diễn đạt đặc trưng của từng vùng miền, tạo nên sự gần gũi, thân thuộc với khán giả địa phương. Việc sử dụng đúng ngữ điệu và phương ngữ không chỉ giúp ca sĩ thể hiện được bản sắc văn hóa của từng vùng miền mà còn giúp khán giả dễ dàng đồng cảm và hiểu rõ hơn về nội dung bài hát. Khi biểu diễn một ca khúc mang âm hưởng dân ca Hò Huế, ca sĩ cần sử dụng ngữ điệu đặc trưng của vùng đất cố đô, kết hợp với những từ ngữ, cách diễn đạt mang đậm chất Huế như “mô”, “tê”, “rúra”.

2.2.2.4. Sự chuẩn bị và luyện tập

Sự chuẩn bị và luyện tập đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên chất lượng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam. Quá trình này không chỉ giúp ca sĩ làm chủ kỹ thuật mà còn giúp họ hiểu sâu sắc về tác phẩm, từ đó truyền tải trọn vẹn cảm xúc và thông điệp đến khán giả.

Chọn bài: Chọn bài hát phù hợp với chất giọng, phong cách và sở thích của người biểu diễn. Lựa chọn những bài hát có âm vực, quãng phù hợp với giọng hát của mình, giúp ca sĩ thoải mái thể hiện mà không bị gò bó hay đuối sức. Chọn những ca khúc có phong cách phù hợp với sở trường của mình, ví dụ như những bài hát trữ tình, sâu lắng hoặc những bài hát vui tươi, rộn ràng. Lựa chọn những ca khúc mình yêu thích, có cảm xúc, giúp ca sĩ có thêm động lực và sự hứng khởi trong quá trình luyện tập và biểu diễn.

Nghiên cứu kỹ lưỡng: Nghiên cứu kỹ lưỡng về bài hát, bao gồm lời ca, giai điệu, ý nghĩa và các yếu tố văn hóa liên quan. Tìm hiểu ý nghĩa của từng câu chữ, từng hình ảnh trong bài hát, giúp ca sĩ hiểu rõ thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm. Phân tích cấu trúc giai điệu, các nốt nhạc, quãng, điệu thức, giúp ca sĩ hát đúng nhạc, đúng chất. Tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của bài hát, những giá trị văn hóa, lịch sử mà bài hát thể hiện.

Tìm hiểu về phong tục tập quán, đời sống văn hóa của vùng miền liên quan đến bài hát, giúp ca sĩ thể hiện đúng tinh thần và bản sắc văn hóa. Khi hát một ca khúc mang âm hưởng dân ca Hồ Huế, ca sĩ cần tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người Huế, hiểu ý nghĩa của những câu hò, những hình ảnh về sông Hương, núi Ngự.

Luyện tập kỹ càng: Luyện tập thường xuyên, tập trung vào các kỹ thuật thanh nhạc, xử lý ca khúc và biểu diễn. Luyện tập các kỹ thuật thở, nhả chữ, luyến láy, rung giọng, giúp ca sĩ có giọng hát khỏe, vang, truyền cảm và thể hiện được các sắc thái tình cảm khác nhau. Luyện tập cách xử lý bài hát, nhấn nhá, tạo điểm nhấn, thể hiện cảm xúc, giúp ca sĩ truyền tải trọn vẹn thông điệp của bài hát. Luyện tập cách biểu diễn trên sân khấu, từ phong thái, cử chỉ, ánh mắt đến cách tương tác với khán giả, giúp ca sĩ tự tin, cuốn hút và tạo được ấn tượng tốt với người xem.

Tập dượt: Tập dượt cùng nhạc công, ban nhạc hoặc người hướng dẫn để hoàn thiện phần trình diễn. Tập dượt cùng nhạc công, ban nhạc giúp ca sĩ phối hợp ăn ý, tạo ra sự hài hòa giữa giọng hát và nhạc cụ. Nhận được sự hướng dẫn từ người có kinh nghiệm giúp ca sĩ hoàn thiện kỹ thuật, xử lý ca khúc và biểu diễn. Quá trình tập dượt giúp ca sĩ tự tin hơn, làm chủ sân khấu và có một buổi biểu diễn thành công.

Sự chuẩn bị và luyện tập kỹ lưỡng là yếu tố không thể thiếu để ca sĩ có một buổi biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca thành công. Quá trình này giúp ca sĩ làm chủ kỹ thuật, hiểu sâu sắc về tác phẩm và tự tin thể hiện bản thân trên sân khấu, từ đó truyền tải trọn vẹn vẻ đẹp của âm nhạc dân gian đến khán giả.

2.2.2.5. Các yếu tố khác

Ngoài các yếu tố về kỹ thuật, cảm xúc, sự am hiểu văn hóa và sự chuẩn bị, còn có những yếu tố ngoại cảnh khác cũng góp phần quan trọng vào sự thành công của một buổi biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam.

Trang phục: Lựa chọn trang phục phù hợp với nội dung bài hát, bối cảnh và phong cách biểu diễn. Trang phục cần thể hiện được nội dung, ý nghĩa của bài hát. Khi hát về tình yêu quê hương, đất nước, có thể lựa chọn áo dài truyền thống hoặc trang phục mang họa tiết dân tộc.

Trang phục cần phù hợp với không gian, địa điểm biểu diễn. Ví dụ, khi biểu diễn trong một sự kiện trang trọng, có thể lựa chọn trang phục lịch sự, trang nhã, còn khi biểu diễn trong một lễ hội dân gian, có thể lựa chọn trang phục truyền thống của vùng miền đó.

Trang phục cần phù hợp với phong cách biểu diễn của ca sĩ, giúp họ tự tin và thoải mái thể hiện bản thân. Trang phục không chỉ là vẻ bề ngoài mà còn là một phần của câu chuyện mà ca sĩ muốn kể, giúp khán giả hiểu rõ hơn về nội dung và ý nghĩa của bài hát.

Không gian biểu diễn: Lựa chọn không gian biểu diễn phù hợp để tạo ra bầu không khí phù hợp với bài hát. Không gian biểu diễn cần có hệ thống âm thanh tốt, đảm bảo âm thanh rõ ràng, vang vọng và không bị rè, nhiễu. Ánh sáng cần được thiết kế phù hợp với nội dung bài hát và phong cách biểu diễn, tạo ra hiệu ứng thị giác đẹp mắt và thu hút sự chú ý của khán giả. Bối cảnh sân khấu cần phù hợp với nội dung bài hát, tái hiện lại không gian văn hóa, lịch sử hoặc đời sống của vùng miền liên quan. Không gian biểu diễn không chỉ là nơi ca sĩ đứng hát mà còn là một phần của trải nghiệm âm nhạc, giúp khán giả hòa mình vào câu chuyện mà ca sĩ muốn kể.

Sự hỗ trợ: Nhận được sự hỗ trợ từ nhạc công, ban nhạc, đạo diễn và các chuyên gia về âm nhạc. Nhạc công, ban nhạc có vai trò quan trọng

trong việc tạo ra âm thanh chất lượng cao, phối hợp ăn ý với ca sĩ và tạo ra sự hài hòa giữa giọng hát và nhạc cụ.

Đạo diễn giúp ca sĩ xây dựng kịch bản biểu diễn, dàn dựng sân khấu, thiết kế ánh sáng và âm thanh, tạo ra một buổi biểu diễn chuyên nghiệp và ấn tượng.

Chuyên gia âm nhạc giúp ca sĩ hoàn thiện kỹ thuật thanh nhạc, xử lý ca khúc và biểu diễn, đưa ra những lời khuyên hữu ích để ca sĩ ngày càng tiến bộ.

Sự hỗ trợ từ những người có kinh nghiệm và chuyên môn cao giúp ca sĩ tự tin hơn, làm chủ sân khấu và có một buổi biểu diễn thành công.

Tóm lại, các yếu tố như trang phục, không gian biểu diễn và sự hỗ trợ từ đội ngũ chuyên nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam. Chúng không chỉ tạo ra một buổi biểu diễn đẹp mắt, ấn tượng mà còn giúp ca sĩ truyền tải trọn vẹn cảm xúc và thông điệp đến khán giả, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc.

2.2.3. Một số phương pháp xử lý kỹ thuật trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca

Kỹ thuật Thanh nhạc được xem là khó khăn lớn nhất khi luyện tập hát. Nếu hát không có kỹ thuật, người học sẽ dễ dàng mắc phải các lỗi như lệch tông (tone) giọng, vỡ giọng, mất màu giọng, lạc nhịp,... Đây là điều mà bất cứ người học thanh nhạc nào cũng luôn phải rèn luyện để hoàn thiện giọng hát của mình hơn.

Đối với việc dạy học hát ca khúc mang âm hưởng dân ca thì nếu hát sai kỹ thuật sẽ làm ảnh hưởng đến sự mượt mà, độ vang sáng, tinh tế trong luyện láy của giọng hát, thậm chí là mất giọng, hỏng giọng. Với các lý do đó, dựa trên những vấn đề yêu cầu của Thanh nhạc như khẩu hình, mở thanh quản, nhả chữ, ngân rung, lấy hơi, giữ giọng.

Trong Thanh nhạc có rất nhiều kỹ thuật khác nhau để áp dụng cho luyện tập ca hát, xin đề xuất một số phương pháp xử lý kỹ thuật trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, phù hợp và đáp ứng để hỗ trợ cho việc thể hiện đúng phong cách hát dân gian cho HV-SV Thanh nhạc.

2.2.3.1. Kiểm soát và luyện tập hơi thở

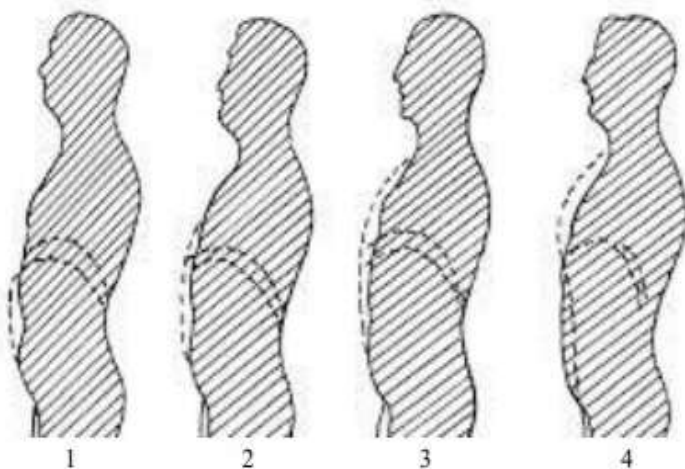
Qua nghiên cứu về phương pháp luyện tập hơi thở của tác giả Thomas Hemsley trong cuốn *Singing and imagination*, Thanh nhạc và sự trừu tượng cùng cuốn *Structure of singing*, Cấu trúc của Thanh nhạc, tác giả Richar Miller, cũng như trong cuốn phương pháp sư phạm Thanh nhạc, tác giả Nguyễn Trung Kiên, tất cả đều tổng kết lại được một số kiểu thở chính của Thanh nhạc như sau:

- **Kiểu thở ngực:** Chỉ có phần lồng ngực hoạt động tích cực, kiểu thở này có thể dùng để hát những câu hát nhẹ nhàng, hát sắc thái nhỏ hoặc một câu hát ngắn.

- **Kiểu thở bụng:** Chỉ có bụng tham gia hoạt động này, với động tác phình ra phía trước do hoành cách mô hạ xuống, các cơ bụng dưới hoạt động tích cực hỗ trợ cho hoành cách mô.

- **Kiểu thở ngực kết hợp bụng:** Bụng hơi phình ra (do hoành cách mô hạ xuống), các xương sườn giãn ra, trong lúc đó ngực trên nhấc lên. Lấy hơi theo kiểu thở này làn hơi vào sâu tận đáy phổi, vừa lan tỏa ra đều khắp hai bên trái và phải, lượng hơi sẽ được tối đa.

- **Kiểu thở ngực dưới và bụng:** Đây là kiểu thở phổ biến nhất trong luyện tập cũng như biểu diễn của các ca sĩ nói chung và nhất là đối với các ca sĩ hát phong cách dân gian.



Hình 2.1. Các kiểu thở trong Thanh nhạc (Hình ảnh trong cuốn “Phương pháp sư phạm Thanh nhạc - Nguyễn Trung Kiên”).

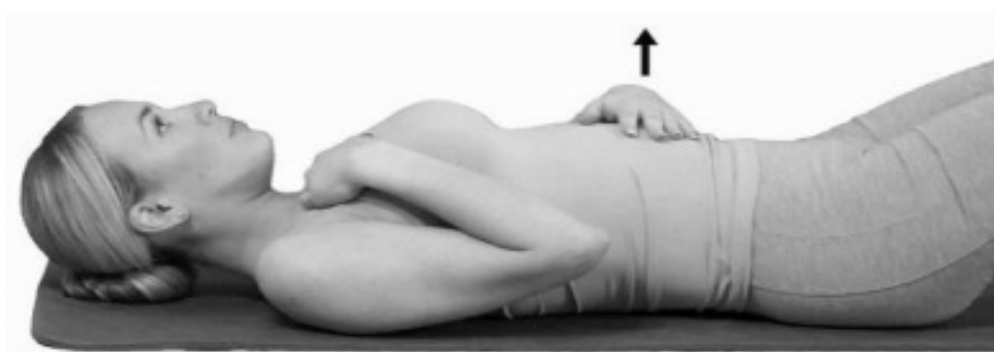
Trong bốn kiểu thở trên, có nhiều lợi điểm hơn cho việc luyện tập và kiểm soát hơi thở cho việc dạy học hát ca khúc mang âm hưởng dân ca. Ở nước ta, các ca sĩ chuyên nghiệp hát phong cách dân gian có một giọng hát khoẻ và đầy đặn đều hát với hơi thở kiểu thở ngực dưới và bụng.

Trong kiểu thở ngực dưới và bụng, cũng tương tự như kiểu thở ngực kết hợp với bụng, chỉ khác một điều là vai trò của cơ hoành ở đây tham gia với vai trò chủ đạo và hoạt động một cách tích cực hơn, tạo điều kiện tốt cho việc nén hơi thở, tạo điểm tựa cho một cột hơi đầy đặn, liên tục. Với kiểu thở này cho phép các ca sĩ phong cách dân gian khi hát những câu luyện láy mang âm hưởng dân ca cũng như hát được những nốt chuyển giọng sẽ mượt mà hơn, âm sắc không bị mờ ở những câu hát có yêu cầu phải “đóng chữ”.

Đặc biệt là đối với những ca khúc mà trong đó có những đoạn cần sử dụng lối ngâm, vịnh hay các điệu hò trong dân ca. Đó là “Một hơi thở đúng, sẽ cho một âm thanh đẹp”. Vì vậy, nếu hơi thở đúng sẽ giúp cho

tiếng hát rền và vang đẹp. Tuy nhiên trong bước đầu, GV cần phải cho HV-SV làm quen với kiểu thở đúng trong thanh nhạc.

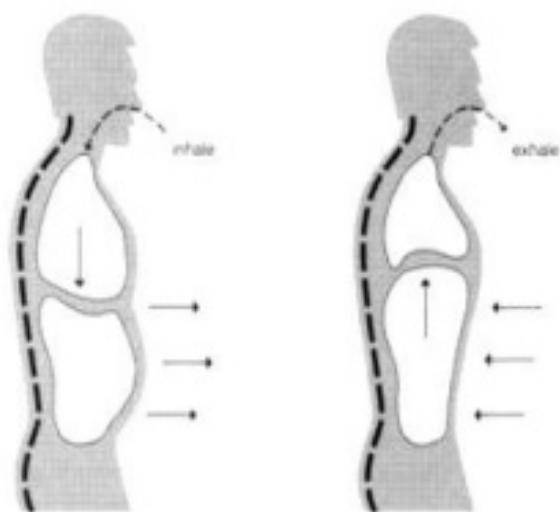
Kiểm soát hơi thở: GV yêu cầu HV-SV nằm ở tư thế ngửa trên một mặt phẳng, hai chân chụm rồi co đầu gối lại, hai bàn chân chạm sàn, tay trái đặt lên bụng, tay phải đặt trước ngực rồi GV hướng dẫn HV-SV thư giãn để tập trung kiểm soát hoạt động của nhịp thở và cơ bụng.



Hình 2.2. Tư thế nằm kiểm soát hơi thở

(Hình ảnh trong cuốn “Singing and imagination-Th. Hemsley”).

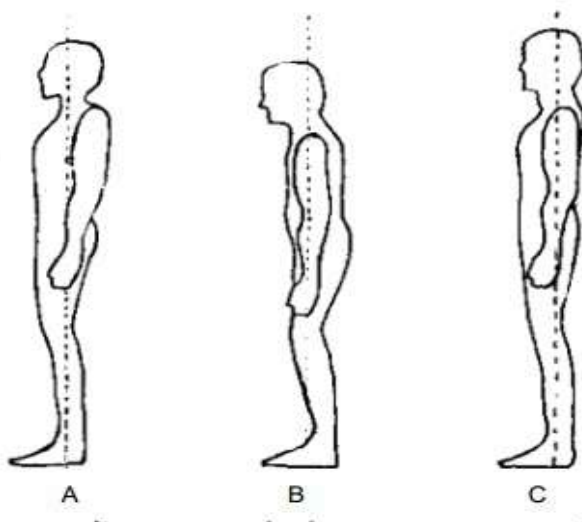
Sau khi luyện tập cách kiểm soát để có một hơi thở đúng, GV hướng dẫn HV-SV thực hiện các bước sau: Đứng thẳng người, thẳng lưng, thẳng đầu, áp mặt hai bàn tay vào sau lưng để ngón cái nằm bên hông ngang thắt lưng để kiểm soát cơ bụng khi lấy và đẩy hơi. Đặt hai bàn chân chách nhau 20cm, chân và người ở tư thế thư giãn. Rút chân phải về sau (bàn chân vẫn chạm đất) sau đó đổi động tác sang chân trái ra như thực hiện với chân phải, theo nhịp hít thở trong quá trình tập hơi thở, người có thể di chuyển chậm, cơ thể nghiêng qua nghiêng lại đôi chút, nhưng không để vai nhô lên, nhô xuống.



Hình 2.3. Kiểm soát cơ bụng và cơ hoành (Hình ảnh trong cuốn Structure of singing - R. Miller) Kiểm soát lồng ngực và tìm cảm giác điểm tựa của làn hơi

Tư thế đứng thẳng, không buông lỏng hay bẻ vai ra phía sau để tránh việc ngực bị ép, khó kiểm soát lồng ngực và điểm tựa cho làn hơi. Hai bàn tay nắm nhẹ, cánh tay luôn thẳng song song. Hắt mạnh hai tay ra phía sau cùng với động tác hít nhanh vào, sau đó đẩy thẳng hai cánh tay ra phía trước và thở ra từ từ.

Đưa hai tay ra phía trước như lúc đầu, thở ra từ từ rồi dừng lại một vài giây với động tác nén (giữ) hơi để tìm cảm giác điểm tựa của làn hơi. Làm động tác thổi hơi ra phía trước mặt (như thổi bụi) nhưng ngậm miệng (bịt mũi nếu cần) để cho hơi không thoát ra ngoài, HV-SV sẽ có cảm giác hơi thở như dội lại xuống hoành cách mô và tác động lên bụng, lên vùng xương chậu, làm căng các cơ ở xung quanh vùng đó. Đó được coi như điểm tựa của làn hơi mà GV cần hướng dẫn và yêu cầu HV-SV luyện tập để áp dụng vào khi hát, nhất là khi phải hát cao những câu mang tính ngâm ngợi, hò vè cần có một làn hơi dài.



Hình 2.4. Tư thế đứng đúng để kiểm soát ngực và tìm điểm tựa làn hơi.
(Hình ảnh trong cuốn *Structure of singing* - R. Miller).

Như hình trên cho thấy, hình A vai đã bị đưa quá về sau nên ngực bị căng cứng không kiểm soát được ngực, còn hình B thì ngực bị ép lại, chân bị trùng nên vừa không kiểm soát được hơi thở, vừa không tìm được điểm tựa của làn hơi. Chỉ có tư thế của hình C là đúng và HV-SV có thể luyện tập để tự kiểm soát và tìm điểm tựa cho làn hơi của mình.

Tập hơi thở với các mẫu luyện thanh

Ngoài việc kiểm soát và luyện tập hơi thở bằng việc sử dụng các động tác thì sử dụng các mẫu âm luyện thanh giúp cho hoạt động này cũng rất cần thiết, xin đề xuất 2 bài tập cơ bản và yêu cầu dành cho các bài tập như sau:

Bài tập 1: Hát chùm 3 với giọng trường - thứ.



Yêu cầu của bài tập 1:

- GV hướng dẫn HV-SV hát một hơi không lấy hơi ngắt quãng ở bài tập này.

- Yêu cầu HV-SV hát liền tiếng (Legato) ép bụng thật chậm cho tới cuối câu hát.

- GV lưu ý khi luyện tập: HV-SV thả lỏng cánh tay, càng lên cao cần giữ căng lồng ngực, nâng hàm ếch một cách mềm mại và buông lỏng hàm dưới.



Hình 2.5. Tư thế đứng khi thực hiện bài tập 1 (Hình ảnh trong cuốn *Singing and imagination* -Th. Hemsley).

Bài tập 2: Hát ngân mũi, vang sống mũi

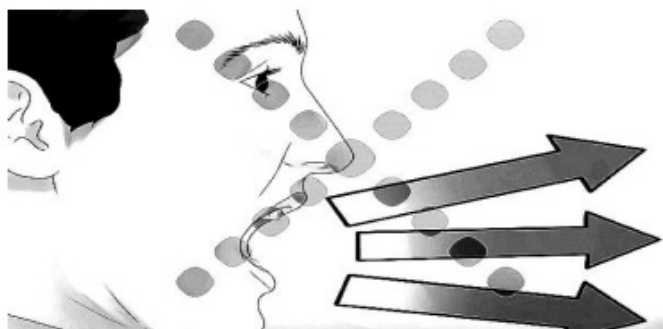


Yêu cầu của bài tập 2

- Đây là mẫu âm rất hữu ích cho HV-SV hát phong cách dân gian, bởi nó tạo được vị trí âm thanh đặc trưng áp dụng cho hát dân gian và việc kiểm soát, luyện tập hơi thở cũng rất thuận lợi. GV yêu cầu HV-SV không gắng sức để hát quá to.

- Cũng giống như bài tập 1, GV yêu cầu HV-SV thực hiện theo các bước.

- Hát các âm trong bài tập này, trước khi đẩy hơi GV yêu cầu HV-SV ép nhẹ vòm mềm lên trên bằng cách và nhấc cuống lưỡi, HV-SV sẽ thấy một lực phản nhẹ từ hơi thở xuống cơ hoành, tạo điều kiện cho âm thanh đi lên, vang trên sống mũi.



Hình 2.6. Hát gắng sức sẽ phản tác dụng bài tập (Hình ảnh trong cuốn Singing and imagination - Th. Hemsley).

Một số lưu ý trong hoạt động kiểm soát và luyện tập hơi thở Khi lấy hơi:

- Không nên lấy hơi hoàn toàn qua miệng mà lấy hơi chủ yếu qua mũi, bởi luồng không khí đi qua mũi được sưởi ẩm sẽ bảo vệ tốt cho dây thanh, chỉ sử dụng một phần là miệng nhưng phải nhanh, kết hợp với lấy hơi mũi nhịp nhàng.

- Không nén hơi quá lâu, làm căng thẳng các cơ bụng, ngực,... ảnh

hưởng đến việc phát âm. Cần tập lấy hơi theo mức dài ngắn, mạnh nhẹ của câu nhạc.

- Không nên để hết hơi hoàn toàn mới lấy hơi khác, như vậy âm thanh cuối câu dễ bị đuối đi, tạo thói quen hát gượng sức, có thể làm đỏ mặt, đỏ cổ,...

- Vai không nhô lên khi hít hơi vì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của cơ hoành và lấy hơi không được sâu.

- Bụng không được phình ra sẵn trước khi lấy hơi: Chính luồng hơi đi sâu vào phổi, đồng thời hoành cách mô hạ xuống làm bụng phình ra. Nếu phình bụng trước sẽ làm cho các cơ bụng, ngực căng cứng, ảnh hưởng xấu đến việc luyện tập.

Khi đẩy hơi:

- Không đẩy hơi quá mạnh khi hát quãng cao, đành rằng có tốn nhiều hơi hơn hát quãng trầm (vì thanh đới không khép kín hoàn toàn khi hát đầu cao), nhưng nếu quá mạnh, sẽ làm thanh đới quá căng, ảnh hưởng tới âm sắc.

- Không nên phí phạm hơi thở, phải biết điều chế hơi thở sao cho phù hợp với tính cách của từng câu, để âm thanh vẫn âm vang đầy đặn từ đầu đến cuối câu.

Tóm lại. Kiểm soát, luyện tập nhằm mục đích điều chế hơi thở (nhờ hoành cách mô nâng lên dần dần và mềm mại với sự hỗ trợ của các cơ bụng, còn lồng ngực vẫn căng tạo thành một cột hơi phía trên luôn luôn liên tục, đầy đặn).

Vì vậy, việc luyện tập hơi thở thường phải đi đôi với việc luyện thanh, nghĩa là tập hơi thở với âm thanh, có như vậy ta mới dễ kiểm tra được hoạt động của hơi thở qua chất lượng của âm thanh phát ra. Ở phương pháp này, cần thực hiện với tiêu chí đã đề ra, đó là: “Một hơi thở đúng, sẽ cho một âm thanh đẹp”. Hơi thở đúng sẽ giúp đặt vị trí âm thanh

đúng, làm cho tiếng vang đẹp. Hơi thở đúng giúp cho việc đẩy hơi được dễ dàng, tiết kiệm được hơi thở và vị trí âm thanh sẽ đúng, bởi vị trí âm thanh và hơi thở là hai yếu tố hỗ trợ nhau để phát ra âm thanh có chất lượng. Tuy nhiên, cần tập hơi thở riêng để làm quen với kiểu thở tích cực trong thanh nhạc, hoặc để tăng cường lực hít hơi và đẩy hơi.

2.2.3.2. Kỹ thuật hát liền giọng (*Legato - Cantinela*)

Nhắc đến kỹ thuật hát liền giọng, hầu hết mọi người đều nhận định đây là kiểu kỹ thuật Thanh nhạc cơ bản trên thế giới. Nhưng ở đây cần nhấn mạnh tới hai tính chất của kỹ thuật Thanh nhạc này như sau:

- Legato là cách hát liền giọng với tính chất tĩnh lặng, êm, phù hợp với lối hát trì tục, liên tiếp không ngừng.

- Cantilena là cách hát liền giọng với tính chất du dương, duyên dáng, phù hợp với lối hát luyến bay bổng, giai điệu uyển chuyển liên tiếp không ngừng. Do đó, đề xuất thực hiện kỹ thuật hát liền giọng với tính chất của cách hát Cantinela trong phương pháp dạy học hát ca khúc mang âm hưởng dân ca. Muốn đạt được hiệu quả hát Cantinela, GV có thể sử dụng mẫu âm luyện thanh sau đây cho SV rèn luyện kỹ thuật hát liền tiếng này để đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong hát ca khúc mang âm hưởng dân ca:



Với hai mẫu âm này đều được xây dựng trên cơ sở nguyên âm A hay Ô và phụ âm M. Dùng phụ âm M với mục đích tạo cử động cho môi mềm mại. Âm thanh phát ra cùng một lúc của cả phụ âm và nguyên âm trong quá trình luyện tập, dùng làn hơi bật nhẹ tạo ra một bật âm cho

phụ âm “m” mà không ngắt tiếng, nguyên âm “a” tạo điều kiện cho khẩu hình mở và nhắc hàm trên sao cho khẩu hình mở vừa phải.

Dạy học ca khúc mang âm hưởng dân ca có thể sử dụng kỹ thuật hát liền giọng này với các bài hát có tính chất ngâm ngợi hoặc hò, một thể loại điển hình đòi hỏi việc hát Cantilena.

Ví dụ trong ca khúc “Tiếng hát sông Lam” của nhạc sĩ Đinh Quang Hợp. Bài hát dựa trên làn điệu hò khoan Nghệ Tĩnh, GV có thể áp dụng có thể áp dụng kỹ thuật hát Cantilena vào đoạn mở đầu của ca khúc này trong câu hát: “*O...oi...Ai biết nước sông Lam rằng là trong là đục. Thì biết sông trên đời rằng là nhục là vinh. Thuyền em lên thác xuống ghềnh. Nước non là nghĩa là tình ai oi...*”.

Tiếng hát sông Lam
(Trích)

Nhạc và lời: ĐINH QUANG HỢP

Nhịp nhàng

Ở ơ... ơ. Ai biết nước

sông Lam rằng là trong là đục. Thì biết sông

cuộc đời rằng là nhục là vinh. Thuyền em lên

thác xuống ghềnh. Nước non là nghĩa là

tình ai ơ ơ. Hồ Đông ơ (ơ) đô sông khoan. Lam.

Ca khúc “Em tôi” của nhạc sĩ Thuận Yến, phổ thơ Xuân Trường, là một tác phẩm mang đậm âm hưởng dân ca với phong cách ngâm vịnh, gợi nhớ đến lối hát Ru con của vùng Bắc Bộ. Giai điệu mềm mại, thấm đẫm chất tự sự và hoài niệm, kết hợp với ca từ giàu hình ảnh như: “*Mây*

buồn dẫu nắng ở đâu. Để mưa nặng hạt em lâu chưa về...”, tạo nên một không gian âm nhạc trữ tình, sâu lắng và đầy cảm xúc.

Để thể hiện hiệu quả ca khúc này, giáo viên cần hướng dẫn học viên, sinh viên áp dụng kỹ thuật hát Cantilena – kỹ thuật hát Legato, giàu nhạc tính, tập trung vào sự liền mạch, uyển chuyển và kiểm soát âm thanh tinh tế. Cantilena sẽ giúp người hát truyền tải trọn vẹn màu sắc dân gian pha chất hiện đại trong ca khúc, giữ được chất ngấm đặc trưng nhưng vẫn tôn vinh được sự trong trẻo, truyền cảm của giọng hát. Đặc biệt ở đoạn: “*Ước gì là gió mùa hè, xua mây mưa để nắng về em tôi...*”, người hát cần xử lý giai điệu với độ ngân vừa phải, luyến nhẹ tinh tế và giữ độ vang ổn định để tạo nên dòng chảy âm nhạc mượt mà. Việc vận dụng đúng kỹ thuật Cantilena trong tác phẩm này không chỉ giúp khơi gợi tinh thần dân ca mà còn tạo chiều sâu cảm xúc, làm sống dậy hồn quê trong từng câu hát. Đây chính là mục tiêu trọng tâm trong đào tạo thanh nhạc với những ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam.

EM TÔI
(1994)
(Trích)

NHỊP VỪA - TÌNH CẢM

Thơ: XUÂN TRƯỜNG



Mây buồn giấu nắng ở đâu! Để mưa nặng
hạt em lâu chưa về (Nhạc) Ước
gì là gió mùa hè. Xua mây mưa để nắng về em
tôi (Nhạc.....) Ước là gió thổi mây trôi
để cho tôi ngắm mặt trời Em tôi!

Ca khúc “Miền Nam nhớ mãi ơn Người” của nhạc sĩ Lưu Cầu, phổ thơ Trần Nhật Lam, là một tác phẩm mang đậm tính truyền cảm và tinh thần biết ơn sâu sắc của nhân dân miền Nam đối với Chủ tịch Hồ

Chí Minh. Ngay từ câu hát mở đầu: “*Dầu núi có mòn mà sông kia có cạn. Miền Nam ơi! miền Nam nhớ mãi ơn Người. Ơ...ơn Người thiết tha...*”, người nghe đã cảm nhận được rõ âm hưởng của điệu Hồ Đồng Tháp – một làn điệu dân ca đặc trưng của miền Tây Nam Bộ, mộc mạc mà tha thiết, gắn liền với nhịp chèo, nhịp mái, với đời sống của người dân vùng sông nước.

Để thể hiện trọn vẹn tinh thần ấy, giáo viên cần hướng dẫn học viên, sinh viên áp dụng kỹ thuật hát Cantilena. Đây là kỹ thuật chú trọng việc hát liền mạch, mượt mà và giàu cảm xúc, rất phù hợp với những giai điệu mang chất dân gian như trong ca khúc này. Khi xử lý câu hát “Ơ...ơn Người thiết tha”, kỹ thuật Cantilena sẽ giúp người hát giữ được sự mềm mại trong đường nét giai điệu, đồng thời làm nổi bật tình cảm triu mến, biết ơn sâu sắc được gửi gắm trong ca từ.

Việc sử dụng Cantilena trong giảng dạy không chỉ giúp nâng cao khả năng biểu cảm, kiểm soát hơi thở và đường nét giai điệu, mà còn là phương pháp hiệu quả để truyền tải tinh thần dân ca trong các ca khúc sáng tác mới mang âm hưởng truyền thống. Đây là hướng đi cần thiết trong đào tạo thanh nhạc hiện nay, nhằm kết nối kỹ thuật thanh nhạc hàn lâm với âm nhạc dân tộc một cách hài hòa và thuyết phục.

Miền Nam nhớ mãi ơn người

Andantino
Chậm vừa - Tự do

Nhạc: LƯU CẦU
Lời: Thơ TRẦN NHẬT LAN

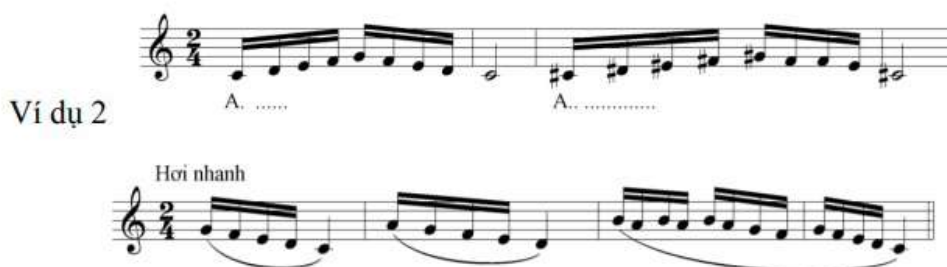
Dầu núi có mòn, mà sông kia có cạn. Miền
Nam ơi! Miền Nam nhớ mãi ơn Người
Ơ...ơn Người thiết tha (Nhạc..)

Tóm lại, kỹ thuật Cantinela (hát liền tiếng) là một trong những kỹ thuật được dùng phổ biến nhất. Việc áp dụng kỹ thuật này vào hoạt động dạy hát ca khúc mang âm hưởng dân ca sẽ cho được kết quả tối ưu. Để hát tốt kỹ thuật này, yêu cầu khi dạy hát ca khúc mang âm hưởng dân ca, ngoài đòi hỏi luyện tập kỹ thuật còn cần phải rèn luyện việc hát liền các âm với nhau tạo thành một dải âm thanh êm dịu, nhưng vẫn vang và sáng.

2.2.3.3. Kỹ thuật hát nhanh (Passage)

Hát nhanh là một kỹ thuật khó của Thanh nhạc, nhưng có nhiều tác dụng tốt cho việc làm nổi bật giọng hát, nhất là đối với việc hát các ca khúc mang âm hưởng dân ca. Vì sử dụng kỹ thuật hát nhanh (Passage) với đặc điểm là hát gọn âm, nhanh như lướt qua các âm, rất thuận lợi để hát lên những nốt (note) ở quãng giọng cao. Tập kỹ thuật hát nhanh (Passage) sẽ tạo ra thói quen giữ vị trí âm thanh luôn cao và đúng, hoạt động kiểm soát sẽ được nâng lên.

Trong phần này, xin đề xuất phương pháp dạy học kỹ thuật hát nhanh (Passage) với mẫu âm và áp dụng kỹ thuật này vào một số ca khúc mang âm hưởng dân ca. Nhưng trước hết GV cần giúp HV-SV hiểu, hát nhanh (Passage) là cách đặt âm thanh nhẹ nhàng, gọn tiếng, linh hoạt, tạo ra cơ sở để phát triển âm khu cao của giọng hát. Mẫu âm luyện cho kỹ thuật này GV có thể vận dụng như hai bài tập dưới đây:



Cũng như việc sử dụng nguyên âm luyện thanh các bài luyện của kỹ thuật hát liền giọng, ở kỹ thuật này GV có thể sử dụng thêm nguyên

âm I. Yêu cầu khi hát phải buông lỏng hàm dưới, môi và hàm trên nhấc lên để tạo khoảng vang cho âm thanh bay lên, càng lên cao khẩu hình càng mở rộng hơn. Vị trí âm thanh phải sáng (mỏng) như phát ra từ chân răng hàm trên. Hơi thở phải liên tục, nhẹ nhàng, không đẩy hơi theo kiểu tổng hơi từng đợt vào thanh đới theo từng nốt nhạc, phải giữ cho bụng tương đối ổn định, mềm mại, mà vẫn phải nén hơi. Với yêu cầu phải linh hoạt, trong sáng, âm thanh bắt buộc phải có vị trí đặt nhẹ và cao, giúp khắc phục dần những sai lệch nói trên của giọng hát về âm sắc của giọng cũng như hát sâu, tối, gần cổ.

Áp dụng kỹ thuật này vào ca khúc mang âm hưởng dân ca, có thể thấy một số ca khúc áp dụng được kỹ thuật này, ví dụ như ca khúc “*Tiếng đàn Ta Lư*”, sáng tác của nhạc sĩ Huy Thục. Ca khúc lấy chất liệu từ dân ca với âm thanh của cây đàn Talu của dân tộc Pako - Vân Kiều, tác giả muốn diễn tả khí thế tiến công và niềm tin chiến thắng trong cuộc kháng chiến. Những thứ tưởng như vô tri, vô giác cũng biết “thể hiện tình cảm” với anh giải phóng quân thì đó là sự diệu kì của tinh thần lạc quan. Với việc áp dụng kỹ thuật hát nhanh (Passage) vào trong các ca khúc này sẽ có nhiều lợi thế cho giọng hát rèn luyện kỹ thuật.

Tiếng đàn Ta Lư

(Trích)

Nhạc và lời: HUY THỤC

Nhanh vui

Đi chiến trường gửi trên vai nặng trĩu. Đàn Ta - lư em
 Tiếng trống trận từ Gio An vọng tới. Rừng núi ta ơi

cất tiếng ca vui cùng núi rừng. Mừng thắng trận quê em.
 hãy thức dậy vui cùng bản làng. Mừng thắng trận Gio An.

Trong phần hai của ca khúc là phần mà GV có thể hướng dẫn HV-SV sử dụng kỹ thuật sẽ rất phù hợp và HV-SV có thể cảm nhận rõ nhất,

“*Tính tính tính tính tính tính tính tính tang tang tình
Con chim Đ’rao xinh hót trên cành vui mừng công anh, ...*”.

Tiếng đàn Ta Lư

(Trích)

Tinh tinh tinh tính tính tính tính tính tính tính tính tang tang tình.
Tinh tinh tinh tính tính tính tính tính tính tính tang tang tình.
Con chim Đ’rao xinh hót trên cành vui mừng công anh.
Oí anh pháo binh hót pháo ta găm đạn nở như hoa.

Kỹ thuật hát nhanh (Passage) này GV cũng có thể hướng dẫn HV-SV áp dụng trong ca khúc *Cô dân quân làng đỏ*, sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Nhung, sẽ giúp cho SV nắm rõ tác dụng của kỹ thuật hát này với câu hát trong phần hai:

“*...Em đi tiếp đạn lên núi, em xông pha giữa chiến hào và tiếng súng em găm vang trong lửa khói vạch từng đường, đạn sáng rực trời cao. Ngày theo vết đường cây, đêm về xây đường đắp ụ. Nắng dù sém má em. Mưa gió giải sầu lòng vẫn vui như pháo hoa đổ rọi, ...*”.

Cô dân quân làng đỏ

(Trích)

lửa đã đứng lên em đi tiếp đạn lên núi em xông pha
giữa chiến hào và tiếng súng em găm vang trong lửa khói vạch từng
đường đạn sáng rực trời cao ngày theo vết
đường cây đêm về xây đường đắp ụ. Nắng dù sém má em. Mưa
gió giải sầu lòng vẫn vui như

Hay như trong đoạn điệp khúc ở ca khúc “Xa khơi” của nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ với câu hát:

“Ơi mênh mông sóng xô du thuyền ta xa bờ.

Âm vang tiếng hò nhịp chèo ta mong chờ

Thuyền ra xa khơi đưa nhịp chèo nổi liền

Thuyền đi muôn nơi mái chèo chung đôi miền...”

thì việc áp dụng kỹ thuật hát nhanh (Passage) sẽ cho hiệu quả cao.

XA KHƠI

(Trích)

Sáng tác: NGUYỄN TÀI TUỆ

Allegro

mf Ơi mênh mông sóng xô du thuyền ta xa
Ơi phong ba lướt xô mái chèo ta xa
bờ. Âm vang tiếng hò nhịp chèo ta mong chờ.
bờ. Phong ba sóng cồn lòng ta luôn mong chờ.
Thuyền ra xa khơi, đưa nhịp chèo nổi liền.
Kề vai bên nhau, nắng biển cùng mưa nguồn.
Đường đi muôn khơi mái chèo chung đôi miền. Ở
Kề vai bên nhau em kề bên anh thương. Ở

2.2.3.4. Kỹ thuật hát luyến

Đây là các kỹ thuật khó của Thanh nhạc nhưng lại phổ biến trong hát ca khúc mang âm hưởng dân ca. Hát luyến là để nói đến cách hát nổi giai điệu (thông thường là từ 2 nốt đến 3, 4 thậm chí là 5 nốt) trong một

hơi. Mục đích dùng để nhấn mạnh note, tăng tính sinh động, uyển chuyển cho câu hát mà không làm gián đoạn mạch cảm xúc khi chuyển cao độ. Với kỹ thuật này GV có thể hướng dẫn HV-SV theo 2 mẫu âm sau:

Ví dụ 3



Với cách hát kỹ thuật này, GV hướng dẫn HV-SV khi hát càng lên cao thì hàm ếch nâng nhẹ và hàm dưới buông lỏng, nhưng phải giữ căng lồng ngực. GV có thể sử dụng nguyên âm “a” và phụ âm “l” và hát nhấn mạnh vào các nốt thứ hai.

Yêu cầu của kỹ thuật này, HV-SV phải kiểm soát âm lượng và vị trí âm thanh, nếu thực hiện trong tình trạng chưa vững chắc dễ bị lạc phô (faul) hoặc đuối hơi. Áp dụng kỹ thuật này vào dạy hát ca khúc mang âm hưởng dân ca, ví dụ như trong ca khúc “*Từ trên đỉnh núi*” sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Nhung với câu hát: “*Gió vờn cánh hoa đào giữa rừng chim ca Lúa bạt ngàn ôm đỉnh núi, hết cuộc đời xưa tắm tới, ...*”.

Những giai điệu tha thiết, dặt dìu ấy không chỉ là tiếng lòng của người mẹ H’mông dành cho con, mà còn là tiếng lòng của triệu triệu con tim Việt Nam khi hướng về Đảng, về công lao của Bác Hồ dẫn đường cho cách mạng Việt Nam. Trong ca khúc này, việc áp dụng kỹ thuật luyến - lướt (Glissando) sẽ đạt hiệu quả khá cao cho giọng hát cũng như ca khúc.

TỪ TRÊN ĐỈNH NÚI

(Trích)

Sáng tác: NGUYỄN NHUNG

Chậm vừa ***p***

U' a ư a nĩa mây nhòa
 ơ. Mẹ sinh con từ trên đỉnh
 núi Gió vờn cánh hoa đào giữa rừng chim
 ca (ia) Lúa bạt ngàn ôm đỉnh núi,
 Hết cuộc đời xưa tâm tới. U' a

Kỹ thuật hát này còn áp dụng trong ca khúc, **Đóng nhanh lúa tốt**, sáng tác của nhạc sĩ Lê Lô, phổ thơ Huyền Tâm với câu hát mang đậm âm hưởng dân ca của vùng đồng bằng Bắc Bộ:

“Đóng nhanh nhanh khắp xóm làng
 Em thách thôn chàng nộp đủ nộp mau
 Thóc vàng muôn hạt như nhau
 Chớ mang thóc lép qua cầu gió bay...”.

ĐÓNG NHANH LÚA TỐT

(Trích)

hò lại vang. Đóng nhanh nhanh khắp xóm
 làng. Em thách thôn chàng nộp đủ nộp
 mau. Thóc vàng muôn hạt như nhau. Chớ
 mang thóc lép qua cầu gió bay.

Để hát tốt kỹ thuật này, GV hướng dẫn HV-SV khi hát luôn cần chú ý tới dấu luyện giữa các nốt và áp dụng kỹ thuật luyện. Bởi khi hát, nếu áp dụng càng triệt để thì càng làm cho giọng hát thêm nổi bật âm sắc dân ca Bắc Bộ. Hay như trong ca khúc “*Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh*” sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý cũng vậy.

**MỘT KHÚC TÂM TÌNH
CỦA NGƯỜI HÀ TĨNH**
(Trích)

Chậm vừa - Mãnh mông - Đằm thắm Nhạc và lời: NGUYỄN VĂN TÝ

Nhạc...

Tình nghĩa - Yêu thương

Đi mô rồi cũng nhớ về Hà Tĩnh

Nhớ núi Hồng Lĩnh Nhớ dòng sông

La nhớ biển rộng quê ta ơ ơ ơ

Ngay từ câu hát đầu tiên GV có thể cho HV-SV áp dụng kỹ thuật luyện, cùng với những đặc trưng trong phát âm phương ngữ trong ca khúc sẽ làm cho ca khúc thêm thân thương, gần gũi với con người Hà Tĩnh.

2.2.3.5. Kỹ thuật hát rung láy (Trillo)

Kỹ thuật này là một trong những kỹ thuật đặc biệt khó của Thanh nhạc, đòi hỏi sự tinh tế trong cách hát và kiểm soát hơi thở một cách thuần thục. Hát rung láy (Trillo) có nghĩa là hát láy đi láy lại nốt (note) liên tiếp với tốc độ cực nhanh. Hát rung láy (Trillo) đôi khi được kết hợp

với 1 note cao ngân dài sử dụng rung giọng. Kỹ thuật này GV chỉ nên cho HV-SV của những năm cuối luyện tập, sau khi đã kiểm soát hơi thở và những kỹ thuật khác vững vàng. Để luyện tập kỹ thuật này, xin đưa ra 2 mẫu âm để GV có thể luyện tập cho HV-SV như sau:



Bài tập sử dụng các nốt kép nhằm giúp việc luyện tập kỹ thuật cho giọng hát. GV yêu cầu HV-SV mở khẩu hình mềm, kiểm soát cuống lưỡi và hàm mềm phối hợp nhịp nhàng, làn hơi luôn ổn định và không căng cứng cơ bụng. Bài tập này có thể sử dụng nguyên âm “ô” hoặc “a”, phụ âm nên dùng phụ âm kép “ng” sẽ hiệu quả hơn. Kỹ thuật rung láy (Trillo) tuy khó nhưng khi thực hiện áp dụng vào các ca khúc mang âm hưởng dân ca lại cho hiệu quả rất cao, bởi nó thể hiện được sự tinh tế của những làn điệu dân ca trong giọng hát.

Như trong ca khúc “*Mái đình làng Biển*”, sáng tác của Nguyễn Cường. Với câu hát mở đầu trong ca khúc, được tác giả viết mang âm hưởng của hát ả Đào, thì việc áp dụng kỹ thuật rung láy (Trillo) sẽ đáp ứng tốt và cho hiệu quả cao, làm nổi bật lời hát nảy hạt của hát ả Đào.

*“Thi gan cùng tuế nguyệt, bao lâu bao lâu rồi.
Mái đình xưa làng Biển, thênh thênh một góc trời...”*

MÁI ĐÌNH LÀNG BIỂN

(Trích)

Nhạc và lời: NGUYỄN CƯỜNG



Kỹ thuật *Cantilena* cũng được áp dụng rất hiệu quả trong ca khúc “*Xa khơi*” của nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ, một tác phẩm tiêu biểu mang âm hưởng dân ca Nghệ Tĩnh, vừa sâu lắng vừa hùng tráng. Trong đó, các câu hát như “*Nắng toả chiều nay...*”, đặc biệt là chữ “*nay*”, đòi hỏi người thể hiện phải có khả năng kiểm soát tốt hơi thở, xử lý mềm mại đường nét giai điệu và truyền tải được chiều sâu cảm xúc.

Việc sử dụng kỹ thuật *Cantilena* ở chữ “*nay*” giúp người hát tạo nên âm thanh tròn đầy, liền mạch và vang sáng, giữ cho dòng chảy giai điệu được mượt mà mà không đứt quãng. Đồng thời, kỹ thuật này còn cho phép nhấn nhá đúng lúc, làm nổi bật tính tự sự, nỗi mong chờ và vẻ trữ tình tha thiết, vốn là linh hồn của ca khúc.

Giáo viên khi giảng dạy ca khúc này cần hướng dẫn học viên xử lý tinh tế những đoạn giai điệu mang tính kể lể kết hợp lối luyến láy đặc trưng của dân ca Nghệ Tĩnh, đồng thời luyện tập *Cantilena* để giữ được chất nhạc mềm mại, có chiều sâu. Nhờ đó, người học không chỉ thể hiện đúng kỹ thuật mà còn chạm được đến cảm xúc, góp phần làm nổi bật giá trị nghệ thuật và bản sắc văn hóa trong ca khúc.

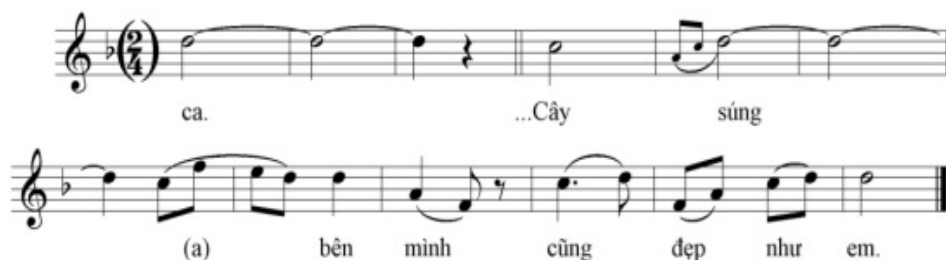


hay như câu hát: “...*khoan giọng hò thương anh cách vời...*” với hai ca từ *Anh* và *Vời*.



Cũng có thể sử dụng kỹ thuật rung láy (*Trillo*) này vào trong ca từ Súng; Ổ và Em của ca khúc “*Những cô gái đồng bằng sông Cửu Long*”

sáng tác của nhạc sĩ Huỳnh Thơ với câu kết: “... *Cây súng ở bên mình, cũng đẹp như em...*”.



2.2.4. Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca

Những làn điệu dân ca là sản phẩm tinh thần của tổ tiên từ thuở sơ khai, phản ánh phong tục tập quán, thói quen, cách cảm, nếp nghĩ và cả những tư tưởng, tình cảm của cha ông. Hơn thế, các làn điệu dân ca còn đóng vai trò quan trọng đối với việc hình thành bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần nâng cao ý thức trân trọng di sản văn học cho thế hệ sau. Cùng với việc nghiên cứu về dạy học ca khúc mang âm hưởng dân ca, bản thân còn là một GV trực tiếp giảng dạy thể loại này cho HV-SV thanh nhạc.

Nhận thấy sự cấp thiết phải thay đổi lối dạy học đối với bộ môn hát Dân gian nói chung và dạy học các ca khúc mang âm hưởng dân ca nói riêng áp dụng những phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo trong hoạt động học của HV-SV. Do đó, xin đề xuất phương pháp thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca với một số bước như sau:

2.2.4.1. Cảm thụ về màu sắc dân ca trong ca khúc

Những làn điệu dân ca không bao giờ cũ, bởi chúng luôn gắn chặt với mạch nguồn cảm xúc của biết bao thế hệ, nuôi dưỡng tâm hồn hướng thiện của mỗi con người Việt Nam. Cảm xúc tự trong mỗi người đều có cả, chỉ là đôi khi, lúc hát người thể hiện để ý quá nhiều vào cao độ, tiết tấu, lời hát mà quên đi phần cốt lõi quan trọng nhất của hát ca khúc mang âm hưởng dân ca đó là cảm thụ và xử lý ca khúc.

Đề cập vấn đề này trong cuốn phương pháp sư phạm Thanh nhạc, tác giả Nguyễn Trung Kiên đã nêu: “Mỗi thể loại tác phẩm Thanh nhạc có những đặc tính riêng biệt, đòi hỏi ở từng mức độ khác nhau về kỹ thuật cũng như nghệ thuật, mỗi loại mang lại lợi ích khác nhau trong chương trình học tập. Sử dụng các thể loại tác phẩm một cách hợp lý, tạo nên một hệ thống cho quy trình đào tạo, người thầy luôn phải bám sát các nguyên tắc sư phạm để tránh những sai lầm đáng tiếc trong giảng dạy” [14, tr.31].

Như đã nêu ở trên, khi dạy hát các ca khúc mang âm hưởng dân ca, GV cũng cần giảng giải những ca khúc mang âm hưởng của những làn điệu dân ca luôn được các nhạc sĩ lấy chất liệu để viết ca khúc. Để việc dạy hát ca khúc mang âm hưởng dân ca vừa đạt được về mặt học thuật (kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo) của Thanh nhạc, vừa phát huy được màu sắc cũng như nét đặc trưng trong các làn điệu dân ca Việt Nam, thì việc giúp HV-SV tìm hiểu và cảm thụ âm nhạc dân gian Việt Nam cần phải được GV lưu ý, bởi những yếu tố được rút ra từ kho tàng văn hóa dân gian và âm nhạc cổ truyền của dân tộc chính là những yếu tố biểu hiện bản sắc văn hóa trong ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam, bao gồm: âm điệu của các bài dân ca nhạc cổ, yếu tố ngũ cung, lối biến đổi giai điệu giữa có tiết nhịp và không có tiết nhịp, các thủ pháp ca từ trong dân ca và các hình tượng ca từ được rút từ đời sống bình dị của người dân hoặc ca dao, tục ngữ của dân tộc. Đây cũng chính là những yếu tố góp phần quan trọng trong việc tạo nên sức sống và sức lôi cuốn của bản sắc văn hóa dân tộc trong ca khúc sáng tác mới mang âm hưởng dân ca Việt Nam.

Để giúp cho việc dạy của GV trong bước dạy cảm thụ và xử lý ca khúc cho SV đạt hiệu quả cao, xin lấy ví dụ cụ thể, với ca khúc “*Quảng Nam yêu thương*” sáng tác của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu. GV lấy ví dụ câu hát trong ca khúc này để HV-SV thấy được những nét có âm hưởng của làn điệu Lý tang tít với giai điệu trong một câu hát “xô” của bài dân ca này như sau:



Giai điệu này đã được nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu sử dụng như là một chất liệu chính trong ca khúc. Trước hết là sự mô phỏng gần trùng khớp trong âm hình trong câu hát: “... *Lời hát xưa sao nghe thấm đượm tình...*”.



Điều này cũng gặp trong ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý. Chú ý lắng nghe và so sánh chúng ta sẽ thấy giai điệu của ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*” có nhiều nét mang âm hưởng của làn điệu Ru con của dân ca Nam Bộ. Cho dù không phải là người làm về âm nhạc chuyên nghiệp nhưng chắc chắn nếu ai chú ý lắng nghe thì cũng nhận ra rằng giai điệu hai bài hát có những điểm chung nhất định.

Đây là điều mà GV phải giảng giải cho HV-SV hiểu rõ, trong ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*” nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý đã sử dụng khá nhiều chất liệu dân ca của đồng bằng Nam Bộ, trong đó nổi bật nhất là các nét giai điệu đặc trưng trong bài Ru con. GV có thể lấy một câu trong bài dân ca Ru con - Nam Bộ làm ví dụ:



Giai điệu này xuất hiện trong ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*” nhiều lần dưới những hình thức khác nhau, có khi gần như nguyên dạng, chỉ thay đổi bằng cách thêm một vài nốt bằng thủ pháp biến tấu. GV hát lại

câu hát với phần giai điệu tương ứng ở các cụm ca từ “*Mỗi lúc đi xa và Vườn trái trái xum xuê*” để thấy sự giống nhau rất gần với làn điệu hát *Ru con* ở trên.



Hay như trong câu hát: “... *Ơi tóc ai dài, để lại dáng đứng Bến Tre...*”.



Ta thấy nét giai điệu cuối ca khúc này còn có nhiều nét tương đồng với câu hát kết bài *Ru con* - dân ca Nam bộ hơn những câu hát trước.



Ngoài ra, còn thấy những ca khúc mang âm hưởng dân ca, bóng dáng của từng bộ phận nhỏ với chất liệu từ những làn điệu dân ca thấp thoáng ở một số vị trí khác trong một ca khúc khác, tái hiện phong cách đặc trưng của mỗi một vùng miền hoặc thể loại mà không mô phỏng một làn điệu cụ thể nào. Âm hưởng từ những làn điệu dân ca đó có thể được biểu hiện ở thang âm, điệu thức, phong tục tập quán, nét văn hóa, phương ngữ của một cộng đồng cư dân rộng lớn trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Có thể điểm qua một số ca khúc tiêu biểu như: Các ca khúc viết về Tây Nguyên như: “*Rặng Trâm bầu*” của Thái Cơ, “*Em là hoa Pơ lang*” của Đức Minh, “*Tháng ba Tây Nguyên*” của Văn Thắng, “*H’Ren lên rẫy*” của Nguyễn Cường... Phong cách đó, cũng có thể được biểu hiện qua kỹ thuật và sắc thái diễn xướng cổ truyền, chẳng hạn những bài hát mang âm hưởng Ca trù miền Bắc như các ca khúc: *Đất nước lời ru* của Văn Thành Nho, *Trên đỉnh phù vân* của Phó Đức Phương, *Chiều phủ Tây Hồ* của Phú Quang, *Giọt sương bay lên* của Nguyễn Vĩnh Tiến,

2.2.4.2. Phương pháp thể hiện màu sắc của ca khúc mang âm hưởng dân ca

Mỗi thể loại ca khúc có một lối thể hiện khác nhau, đó là một thực tế, ca khúc mang âm hưởng dân ca cũng không ngoại lệ. Để thể hiện sắc thái của ca khúc mang âm hưởng dân ca thì trước hết người hát phải được trang bị và hiểu biết về âm nhạc dân tộc Việt Nam nói chung và những làn điệu dân ca nói riêng, đó chính là lối hát sử dụng từ đệm (từ không có nghĩa) trong hát dân ca, chúng thay cho tiếng nói của tâm tư, tình cảm cũng như tư tưởng của con người Việt.

Vì vậy trong phần này, xin đề xuất phương pháp cho thể hiện sắc thái đặc trưng phong cách hát dân gian và cách luyện tập cho một số nguyên âm, phụ âm chính trong Thanh nhạc được đề cập sau đây:

- Với việc sử dụng từ đệm và ngữ điệu trong các làn điệu dân ca. GV có thể giảng giải, hướng dẫn giúp HV-SV tìm hiểu và tự nghiên cứu rằng, Chúng ta có thể thấy trong các làn điệu dân ca Việt Nam có những từ đệm (từ không có nghĩa) như: à, í, í, a, chăng, ư, hự, hội, ối a, ư, tang tình, uầy, oả, những từ đệm không có nghĩa đó lại rất cần thiết đối với những làn điệu dân ca, bằng ngữ điệu, những từ đệm đã trở thành thực từ (từ có nghĩa) để biểu đạt sắc thái tình cảm.

Chính từ cách biểu hiện nội dung ngữ nghĩa từ giọng điệu, ngữ điệu ấy, với chiều dài lịch sử từng bước loài người nâng cao dần lên,

phát triển thêm, xây dựng thành những quy ước với một hệ thống những phương tiện diễn tả của loại hình dân ca như ngày nay. Từ ngôn ngữ đến ngữ điệu, từ ngữ điệu đến âm nhạc, đó là một quá trình vận động và phát triển ngôn ngữ trong quan hệ giao tiếp của xã hội loài người.

Ví dụ: GV cho HV-SV nghe kỹ giọng điệu (ngữ điệu) nựng con của người mẹ! Để thấy tình yêu thương, tha thiết nâng niu đứa con qua câu gọi con à, con ơi,...! Chính từ giọng điệu (ngữ điệu) này GV phân tích để HV-SV hiểu đó là nguồn gốc cho những giai điệu của bài hát ru con do sự nâng cao, cách điệu với những từ đệm để phát triển lên thành các bài hát ru của cả ba miền như ngày nay chúng ta vẫn nghe.

Hát ru Bắc Bộ

Thong thả - tình cảm



à a ơi, à ơi. Cái ngủmày ngủ chơlâu mẹmày li cây i ơ

Hát ru Quảng Bình

Buồn man mác



à ơ ơ ơ à Mẹ rằng lẹch gối nghiêng chân

Hát ru Nam Bộ



ầu ơ ơ ơ chứ trách ai trông chuối ơ dưới bầu

Với việc áp dụng lối hát các từ đệm cùng ngữ điệu vào ca khúc mang âm hưởng dân ca cần chú ý những điểm sau:

- Việc phát ca từ phải theo ngữ điệu của từng phương ngữ khi hát các ca khúc mang âm hưởng dân ca với những giọng điệu, thanh điệu, cần phải làm nổi bật được sự khác nhau giữa các vùng, miền, các địa phương mà ta vẫn quen gọi là giọng Bắc, giọng Nghệ Tĩnh, giọng Huế, giọng khu năm (cũ), giọng Nam Bộ,

- Lối hát kèm với các từ đệm trong những ca khúc mang âm hưởng dân ca là yêu cầu tiên quyết, nhưng mỗi vùng miền lại có cách sử dụng từ đệm rất khác nhau, do đó để làm nổi bật những sắc thái phong phú, đa dạng của mỗi vùng miền thì việc sử dụng từ đệm đúng thì nó sẽ trở thành tiếng nói của tình cảm, là sự biểu hiện một dạng tình cảm của người nghệ sĩ trước hiện thực cuộc sống.

- Đảm bảo sự liên hệ mật thiết giữa từ đệm với lối hát, cách luyện láy, ngân nga trên cơ sở phương ngữ và nhờ có từ đệm mới hình thành lên màu sắc của mỗi làn điệu dân ca mỗi vùng miền như: giọng Nghệ Tĩnh là gắn liền với các làn điệu dân ca Ví, Giặm, giữa giọng Huế với các điệu Hò mái Nhì, mái Đầy, hoặc giữa giọng Nam Bộ với các làn điệu ca Vọng cổ, Lý, Hò,

2.2.4.3. Áp dụng kỹ thuật Thanh nhạc cho một số nguyên âm, phụ âm

Đối với việc dạy hát phong cách Dân gian nói chung và ca khúc mang âm hưởng dân ca nói riêng, GV cần chú ý tới luyện hát các nguyên âm cho hát phong cách dân gian theo tiêu chuẩn của kỹ thuật Thanh nhạc, sẽ giúp HV-SV có được một khẩu hình mở đẹp, đúng và khi hát âm thanh sẽ mềm mại và rõ, đồng thời nhằm giảm bớt sự phụ thuộc một cách máy móc, cứng, gò bó khi áp dụng kỹ thuật Thanh nhạc vào việc thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca.

Để đảm bảo cho việc dạy hát ca khúc mang âm hưởng dân ca thì chúng ta không thể không nhớ đến tiêu chí “tròn vành rõ chữ” mà trong dân gian cũng như nhiều thế hệ thầy giáo thanh nhạc, những lớp ca sĩ chuyên nghiệp đi trước đã luôn lấy đó làm thước đo chuẩn trong việc thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca.

Ngoài hát tốt các nguyên âm nhằm đạt sự “tròn vành” thì các phụ âm lại chính là cách để đạt được “rõ chữ”. Ở phần này, xin đề xuất về cách luyện tập nói của một số phụ âm (âm đóng) mà HV-SV Thanh

nhạc vẫn thường mắc lỗi về khi hát. Một số nguyên âm sử dụng cho hát ca khúc mang âm hưởng dân ca, nguyên cứu về vấn đề này, chúng tôi đã tham khảo phương pháp sử dụng kỹ thuật thanh nhạc vào việc phát âm lời trong ca khúc từ các cuốn “*Structure of singing*” của tác giả R. Miller; “*Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát*” của tác giả Trần Ngọc Lan và cuốn “*Phương pháp dạy Thanh nhạc*” của tác giả Hồ Mộ La.

Bên cạnh đó, tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn giảng dạy của những thế hệ GV đi trước đã cho thấy, do bởi trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt gồm ba bộ phận chính: Thanh điệu, Phần đầu và Phần sau. Phần đầu của âm tiết được xác định là Âm đầu; phần sau của âm tiết gọi là Vần. Vì vậy, xin lưu ý GV, trước khi cho HV-SV thực hiện câu hát trong bài, GV cũng cần giải thích và yêu cầu học sinh nắm rõ các yếu tố tạo thành âm tiết như: Âm đầu, âm đệm (bán nguyên âm), nguyên âm, âm cuối và thanh điệu.

Trong đó nguyên âm giữ vai trò chính để “khuếch đại” âm thanh theo cách sau: Nguyên âm mở khẩu hình ngang:

- Nguyên âm “i”/”y”: Khẩu hình hẹp nhất, khi hát nguyên âm này hai mép hơi nhàn ra như khi cười, tạo điều kiện cho chiều ngang được mở rộng hơn, răng lộ ra đôi chút, thân lưỡi nâng lên phía trước gần vòm miệng, răng sát nhau mà không chạm nhau.

- Nguyên âm “e”: Khẩu hình mở như nguyên âm I nhưng rộng hơn. Khi hát mép vẫn mở ngang ra hai bên, lưỡi hơi đưa ra phía trước, răng trên hơi lộ ra, hai hàm răng không chạm vào nhau.

- Nguyên âm “ê”: Như khẩu hình nguyên âm “e” nhưng mép gọn lại hơn nguyên âm “e”, lưỡi nâng lên hơn một chút.

- Nguyên âm “ư”: Trên cơ sở mở khẩu hình của âm “ê” nhưng khẩu hình mở rộng hơn “ê” cằm hơi hạ xuống.

- Nguyên âm “a”: Khẩu hình mở rộng, mép hơi nhàn ra, cằm hạ xuống tự nhiên, tạo thành hình dáng khẩu hình hơi bẹt. Hàm răng cửa phía trên có thể lộ ra đôi chút. Mặt lưỡi bằng, đầu lưỡi tiếp giáp nhẹ với răng dưới. Khi hát “a” nét mặt vui như cười (như tiếng “a” reo vui). Nguyên âm khẩu hình mở dẹt:

- Nguyên âm “u”: Toàn bộ môi chúm lại, nhô ra như khi ta muốn huýt sáo. Khẩu hình nguyên âm này thu nhỏ nhất.

- Nguyên âm “ô”: Môi nhô ra và hai mép chúm lại, khẩu hình phía ngoài mở rộng hơn “u”. Hạ lưỡi và nâng hàm ếch mềm.

- Nguyên âm “o”: Khẩu hình mở khá rộng tròn, phần giữa của môi hơi nhô ra trước. Lưỡi rút vào phía sau, mặt lưỡi cong lên gần che lấp lưỡi gà.

- Nguyên âm “ơ”: Cũng giống như nguyên âm “a”, nhưng khẩu hình gọn hơn. Khi hát, hai mép thu gọn một chút, nhắc tếp hàm trên nhưng cằm giữ nguyên. Bên cạnh đó còn có các nguyên âm đôi như: “ơì”, “eo”, “ao”, “ui”, “oa”, “ai”,... và nguyên âm ba “oai”, “yêu”, “uơì”, “uôi”.

Khi luyện tập với các nguyên âm đôi và ba, vị trí âm thanh của nguyên âm phải vang, sáng và hướng ra phía trước. Cần lưu ý. Với loại nguyên âm kép đôi và ba, môi phải đổi vị trí từ hai đến ba lần.

Do đó, GV phải chú ý tới hoạt động của môi và hàm ếch khi HV-SV hát các ca khúc với những loại nguyên âm kép trên, để tạo sự đồng nhất về mở khẩu hình và áp dụng vào lời hát trong ca khúc. Một số phụ âm sử dụng cho hát ca khúc mang âm hưởng dân ca Cũng như các nguyên âm, phụ âm cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc phát âm (nhả chữ) trong hát ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam.

Các phụ âm chia thành 2 loại đơn và kép. Phụ âm đơn: s, x, v, p, n, c, t, l, r,... Phụ âm kép: kh, ng, nh, ch, tr, ngh, ph,... Do lối hát dân ca

của Việt Nam có nhiều vần đóng mà hầu hết là rơi vào các phụ âm, cùng với việc vị trí của phụ âm đứng trước hay sau nguyên âm thì sự cảm nhận và vận dụng cách phát âm tiếng Việt đi liền với hơi thở khi dạy học cũng như biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca là vấn đề mà GV cần nhắc HV-SV luôn lưu ý. Khi hát việc phát âm (nhả chữ) cần chú ý đặt mềm, nhẹ các phụ âm đầu, khép âm cuối phù hợp với từng từ để đảm bảo các âm không bị biến dạng bởi ngôn ngữ Việt mà vẫn giữ được âm thanh, cao độ chuẩn mực nhưng hết sức tự nhiên. Ví dụ lời hát trong ca khúc “*Neo đậu bến quê*” của nhạc sĩ An Thuyên làm mẫu:

*“Câu đò đưa thềm gọi tôi ghé về tuổi thơ
Vàng trắng non ngơ ngác theo tôi đi chân trần”*

Trong câu hát này, ta thấy phụ âm đơn và khép ở vị trí đứng trước nguyên âm như: V (trong tiếng về; vàng), Đ (trong tiếng đò; đi), TH (trong tiếng thơ), NG (trong tiếng ngơ ngác), GH (trong tiếng ghé)... Để hát chính xác các phụ âm này, GV hướng dẫn HV-SV chú ý chỉ bật môi thành tiếng rồi hát nguyên âm đi liền ngay sau đó, cần bảo đảm độ sáng của âm thanh. Khi hát các phụ âm đứng sau nguyên âm: N (trong tiếng non; chân trần), M (trong tiếng thềm), NG (trong tiếng vàng trắng)... Lúc này GV lưu ý HV-SV cẩn thận và chú ý khép từ sao cho rõ lời mà âm thanh vẫn vang, vị trí âm thanh cao, sáng.

2.2.5. Đánh giá chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca

Việc nâng cao chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca cần đánh giá sáu tiêu chí: tính chuẩn mực về phong cách dân ca, kỹ thuật thanh nhạc, phong thái biểu cảm, sự kết nối các yếu tố phụ trợ, tính sáng tạo có kiểm soát, và khả năng truyền cảm hứng giáo dục.

2.2.5.1. Tính chuẩn mực về phong cách dân ca

Trong nghệ thuật biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, có một tiêu chí được xem là cốt lõi, giữ vai trò như “linh hồn” của toàn bộ tác phẩm: Sự thể hiện đúng bản sắc vùng miền và tinh thần dân gian. Đây không chỉ là yêu cầu về kỹ thuật, mà là biểu hiện sâu sắc của hiểu biết văn hóa, khả năng cảm thụ nghệ thuật và tinh thần trách nhiệm của người nghệ sĩ đối với giá trị âm nhạc truyền thống.

Biểu diễn một ca khúc dân ca không chỉ dừng lại ở việc hát đúng giai điệu, đúng lời, đúng nhịp, mà là cả một quá trình tái hiện được cái hồn của một vùng đất, một phương ngữ, một không gian sống, và trên hết là một hệ thống văn hóa đã được tích lũy qua nhiều thế hệ. Vì vậy, người nghệ sĩ muốn chạm được đến trái tim người nghe, trước hết phải hiểu là sống cùng ca khúc mình thể hiện.

Thể hiện đúng đặc trưng vùng miền và thể loại âm nhạc dân ca

Dân ca Việt Nam rất phong phú và đa dạng, mỗi vùng miền lại có những thể loại, cách hát, phong cách thể hiện khác nhau. Để thể hiện thành công một ca khúc mang âm hưởng dân ca, người hát cần phải nắm vững những đặc điểm riêng biệt của từng dòng dân ca như: Quan họ, chèo, cải lương, ví giặm, hò Huế, hát xoan, dân ca Nam Bộ, dân ca miền núi phía Bắc,...

Không chỉ là hát đúng giai điệu, mà còn là việc tái hiện đúng ngữ điệu, cách luyện láy, nhả chữ, cách nén buông hơi, và cả những kỹ thuật đặc trưng như “láy” giọng, “roi chữ”, “trượt âm” vốn chỉ xuất hiện trong dân ca.

Chẳng hạn, hát Quan họ không thể thiếu sự mượt mà, luyện láy uyển chuyển, còn hát Cải lương lại cần độ da diết, nhiều rung ngân và lối thể hiện mang tính kể chuyện sâu sắc. Nếu biểu diễn dân ca mà không thể hiện được đúng sắc thái thì ca khúc dù có được hát tròn trịa đến đâu cũng sẽ trở nên rời rạc, thiếu cảm xúc, không có sự lôi cuốn và hấp dẫn.

Chất giọng và kỹ thuật hơi thở tạo nên cái “chất dân gian”

Một giọng hát hợp với dân ca không nhất thiết phải dày, vang hay kỹ thuật điêu luyện, mà quan trọng là giữ được sự mộc mạc, tự nhiên, chân phương. Dân ca là tiếng lòng của người dân quê, là tiếng nói từ cuộc sống, vì vậy sự gần gũi và giản dị trong giọng hát mới thực sự chạm đến cảm xúc người nghe.

Hơi thở trong dân ca cũng có những yêu cầu đặc trưng. Người biểu diễn cần biết cách lấy hơi sâu, giữ hơi đều và buông hơi nhẹ nhàng, tinh tế. Âm thanh trong dân ca không bộc phát mãnh liệt, mà cần sự ngân nga, thấm thía. Mỗi làn điệu dân ca lại yêu cầu cách điều khiển hơi khác nhau: Ví Giặm cần hơi mềm, dẻo, trôi chảy; Hò Huế đòi hỏi cách ngắt câu hợp lý, giữ độ ngân dài; Chèo hoặc cải lương yêu cầu hơi có lực nhưng vẫn linh hoạt để thể hiện sự dí dỏm hoặc bi cảm.

Tính tế trong xử lý tiết tấu và giai điệu

Dân ca có một đặc trưng đáng quý: Tính ngẫu hứng trong khuôn khổ. Người hát được phép linh hoạt trong xử lý giai điệu, tiết tấu, nhưng không được đi lệch khỏi “chất gốc” của bài hát. Điều này đòi hỏi người biểu diễn phải hiểu rõ cấu trúc giai điệu, nhạc tính truyền thống và cảm xúc ẩn chứa trong mỗi câu hát.

Sự mềm mại, uyển chuyển, không cứng nhắc là điều cần thiết, nhưng nếu hiện đại hóa quá đà, ví dụ như lạm dụng các kỹ thuật rung ngân kiểu Pop, lên nốt cao kịch tính, phô trương giọng sẽ làm mất đi bản sắc, khiến bài hát dân ca bị biến dạng.

Ngược lại, hát quá “khuôn mẫu”, cứng nhắc, lại làm dân ca trở nên khô khan, thiếu cảm xúc. Người nghệ sĩ cần tìm được điểm cân bằng giữa kỹ thuật và cảm xúc, giữa cái mới và cái gốc sao cho phù hợp.

Truyền tải lời ca và cảm xúc

Dân ca là lời kể, là tâm sự, vì vậy cảm xúc trong lời hát phải đến từ sự trải nghiệm, sự rung cảm chân thành không thể là cảm xúc gượng ép hay kịch hóa. Nội dung lời ca dân gian thường mộc mạc, gần gũi, nhưng chứa đựng chiều sâu về cuộc sống, tình yêu, con người và quê hương.

Người biểu diễn thông qua ngôn ngữ hình thể và cảm xúc để lôi cuốn khán giả, điều quan trọng là truyền tải được trong lời hát biểu cảm, sắc thái thông qua giọng hát. Chất dân gian không đến từ vẻ ngoài, mà đến từ bên trong, từ cách rung cảm với ca từ, từ sự giản dị trong cách thể hiện và từ khả năng giao tiếp cảm xúc qua giọng hát.

Tiêu chí thể hiện đúng bản sắc vùng miền, đúng tinh thần chất liệu âm nhạc dân gian là yếu tố quan trọng nhất, là linh hồn của ca khúc mang âm hưởng dân ca. Người nghệ sĩ phải không chỉ biết hát, mà còn phải biết cảm nhận, biết sống với chất liệu âm nhạc dân tộc. Dân ca không phải là nơi để trưng trổ kỹ thuật, mà là không gian để kể chuyện, để chia sẻ, để gìn giữ và lan tỏa hồn quê, hồn đất Việt.

Chỉ khi người biểu diễn thực sự hiểu, thực sự yêu và tôn trọng giá trị âm nhạc dân gian, thì tiếng hát mới có thể chạm đến trái tim người nghe không phải bằng âm thanh hào nhoáng, mà bằng tình cảm chân thật cảm xúc sâu lắng mang hồn dân tộc.

2.2.5.2. Kỹ thuật biểu diễn

Trong nghệ thuật biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, cảm xúc là yếu tố quan trọng, nhưng kỹ thuật lại chính là nền tảng cốt lõi, là “bệ đỡ” vững chắc giúp người nghệ sĩ truyền tải trọn vẹn ý đồ nghệ thuật, sắc thái âm nhạc và chiều sâu nội dung. Dù dân ca vốn thiên về sự mộc mạc, tự nhiên, thì để thể hiện được vẻ đẹp đó một cách tinh tế, người

hát cần phải nắm vững các kỹ thuật thanh nhạc cơ bản và nâng cao. Đó không chỉ là yêu cầu chuyên môn, mà còn là cách để tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống.

Hơi thở nền móng của giọng hát dân gian

Hơi thở trong hát dân ca đóng vai trò vô cùng quan trọng, không chỉ đơn thuần để “hát được”, mà còn là yếu tố tạo nên sắc thái biểu cảm đặc trưng như ngân nga, luyến láy, ngắt nhịp hợp lý, hoặc kéo dài cảm xúc.

Người biểu diễn cần kiểm soát hơi thở tốt, lấy hơi sâu từ cơ hoành, giữ hơi đều và đủ dài để thể hiện trọn vẹn những câu hát kéo dài đặc trưng của dân ca, tránh hụt hơi hoặc gãy mạch cảm xúc. Đặc biệt, trong các làn điệu Ví Giặm, Quan họ hay hò Huế, việc điều khiển luồng hơi tinh tế sẽ giúp giọng hát có độ mềm, trôi chảy, giàu nhạc tính.

Âm sắc và âm lượng thể hiện vẻ đẹp và chiều sâu của giọng hát

Một giọng hát hay không chỉ nằm ở cao độ, mà còn ở âm sắc, tức là chất giọng và màu giọng. Với dân ca, người hát cần giữ được âm sắc tự nhiên, trong sáng nhưng ấm áp, không gọt giũa quá mức để vẫn giữ sự chân phương, gần gũi. Âm lượng linh hoạt là khả năng điều chỉnh độ mạnh yếu của giọng hát, rất cần thiết để biểu đạt cảm xúc từ sâu lắng, thủ thỉ đến cao trào mãnh liệt, tùy vào từng câu hát, từng nội dung. Đây chính là yếu tố làm nên tính nhạc cảm và chiều sâu biểu diễn.

Cao độ và trường độ giữ tính chính xác và ổn định trong giai điệu

Dù mang đậm tính tự nhiên, mềm mại, dân ca vẫn đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối về cao độ (độ cao của nốt nhạc) và trường độ (độ dài của âm thanh). Người hát cần hát đúng nốt, không chênh phôi, đặc biệt trong những đoạn luyến láy, nếu cao độ sai sẽ làm mất đi đặc trưng của làn điệu. Đồng thời, giữ trường độ chuẩn giúp giai điệu không bị chệch nhịp, đảm bảo sự ổn định và tính mạch lạc của bài hát, nhất là trong những câu hát dài, nhiều biến chuyển.

Nhả chữ và phát âm giữ gìn ngôn ngữ và bản sắc vùng miền

Một trong những nét đặc trưng của ca khúc mang âm hưởng dân ca là sử dụng ngôn ngữ đời thường, từ ngữ cổ, phương ngữ. Do đó, kỹ thuật phát âm tròn vành rõ chữ là yếu tố không thể xem nhẹ. Việc nhả chữ đúng cách, phát âm rõ ràng nhưng vẫn tự nhiên giúp người nghe cảm nhận được từng tầng ý nghĩa trong lời ca. Kỹ thuật “roi chữ”, “lướt chữ”, “vuốt âm” cũng là những yếu tố đặc thù trong dân ca, giúp giọng hát thêm mềm mại, duyên dáng mà không khô cứng như khi hát nhạc thính phòng hay nhạc hiện đại. Ngoài ra, giữ nguyên cách phát âm đặc trưng của vùng miền giúp tôn vinh bản sắc dân tộc và tạo sự chân thực, gần gũi cho bài hát.

Kỹ thuật xử lý bài hát tạo dấu ấn cá nhân trên nền tảng truyền thống

Một nghệ sĩ có kỹ thuật tốt không chỉ thể hiện bài hát một cách trọn vẹn mà còn biết cách xử lý tinh tế để tạo dấu ấn riêng. Chuyển giọng mượt mà ở các quãng chuyển (từ thấp lên cao, từ mạnh sang nhẹ...) là điều rất quan trọng, đặc biệt trong những làn điệu như cải lương hay chèo có nhiều cung bậc cảm xúc. Tạo điểm nhấn đúng lúc bằng kỹ thuật ngân dài, nhấn nhá, rung nhẹ,... sẽ giúp bài hát sinh động, giàu cảm xúc và cuốn hút người nghe hơn. Kỹ năng xử lý các đoạn khó (chạy nốt, đảo phách, luyến phức tạp) đòi hỏi nghệ sĩ phải thật bản lĩnh, nhưng vẫn giữ sự mềm mại, không làm mất chất dân ca.

Kỹ thuật trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca không phải là sự khoa trương, phô trương khả năng thanh nhạc, mà là công cụ cần thiết để giữ gìn và truyền tải hồn cốt văn hóa Việt. Một nghệ sĩ có kỹ thuật vững chắc sẽ làm chủ được âm thanh, cảm xúc và câu chữ, từ đó thể hiện bài hát một cách sâu sắc, tinh tế và gần gũi. Nếu dân ca là tiếng nói tâm hồn của dân tộc, thì kỹ thuật chính là “ngôn ngữ âm nhạc” giúp tiếng nói ấy bay xa, vang vọng trong lòng người nghe. Chính sự kết hợp hài

hòa giữa kỹ thuật và cảm xúc mới làm nên một tiết mục biểu diễn trọn vẹn đúng tinh thần và phong cách âm nhạc dân gian nhưng vẫn mang dấu ấn cá nhân đậm nét.

2.2.5.3. Phong thái, biểu cảm sân khấu

Trong nghệ thuật biểu diễn, đặc biệt là với các ca khúc mang âm hưởng dân ca, phong thái biểu cảm chính là “chìa khóa vàng” để truyền tải cảm xúc và kết nối sâu sắc với khán giả. Dù không phát ra âm thanh như giọng hát, nhưng biểu cảm khuôn mặt, ánh mắt, ngôn ngữ hình thể và thần thái sân khấu lại có khả năng nói lên cảm xúc, nội dung và tinh thần bài hát một cách chân thực, sinh động. Có thể nói, phong thái biểu cảm chính là “ngôn ngữ không lời” giúp hoàn thiện toàn bộ tác phẩm biểu diễn, đặc biệt là trong dòng nhạc giàu tính tự sự và giàu chất văn hóa như dân ca.

Biểu cảm khuôn mặt và ánh mắt

Khuôn mặt và ánh mắt là nơi cảm xúc hiện diện rõ rệt nhất. Với các ca khúc dân ca thường mang đậm tính chất kể chuyện, trữ tình - người nghệ sĩ không chỉ hát hay mà còn cần biểu cảm qua ánh mắt và sắc thái thông qua giọng hát.

Những ca khúc vui tươi, duyên dáng như quan họ Bắc Ninh, hát ghẹo, hò đối đáp cần ánh mắt liếc đưa nhẹ nhàng, nụ cười kín đáo, đầy tình tứ. Những bài hát buồn, da diết như ví dặm Nghệ Tĩnh, dân ca Nam Bộ trầm lắng lại cần ánh nhìn xa xăm, biểu cảm nhẹ nhàng, trầm mặc gợi nên nỗi nhớ, nỗi niềm sâu kín.

Người nghệ sĩ phải thực sự “sống” trong ca khúc thì biểu cảm mới tự nhiên, không gượng ép, và có khả năng lan tỏa đến người nghe.

Ngôn ngữ cơ thể và cử chỉ

Trong biểu diễn dân ca, ngôn ngữ hình thể không cầu kỳ nhưng lại vô cùng quan trọng. Những cử chỉ tay, dáng đứng, bước đi, cái nghiêng

đầu, nếu được thực hiện đúng lúc, đúng tinh thần sẽ làm bài hát trở nên sống động, gần gũi hơn.

Cử chỉ trong dân ca Bắc Bộ thường nhẹ nhàng, kín đáo và đầy duyên thầm. Người nghệ sĩ có thể chỉ cần một cái nghiêng đầu, một bước chậm, một tay đưa nhẹ,... cũng đủ nói lên trọn vẹn một câu chuyện tình cảm.

Trong khi đó, dân ca Nam Bộ hay hò miền Trung lại cho phép biểu cảm hình thể phóng khoáng hơn, linh hoạt hơn để phù hợp với không khí sôi nổi, hài hước hoặc dân dã của bài hát.

Dù là hình thức nào, thì tiêu chí hàng đầu là tự nhiên và vừa phải. Cần tránh sự gò bó, cứng nhắc, nhưng cũng không nên quá khoa trương, dễ làm mất đi tính mộc mạc vốn có của dân ca.

Sự tự tin và thần thái

Sự tự tin chính là điểm cộng lớn cho bất kỳ người biểu diễn nào, đặc biệt với dòng nhạc dân ca, nơi khán giả không chỉ “nghe” mà còn “cảm”. Một nghệ sĩ có thần thái tốt sẽ làm chủ sân khấu, giữ được sự bình tĩnh, ổn định trong suốt quá trình biểu diễn. Từ ánh mắt, nụ cười, đến cách chào hỏi, giới thiệu bài hát... tất cả đều cho thấy sự chuyên nghiệp và cá tính nghệ thuật riêng. Thần thái biểu diễn cũng cần linh hoạt tùy theo từng phong cách dân ca. Với dân ca Bắc Bộ, đó có thể là vẻ đằm thắm, kín đáo; với dân ca miền Trung là vẻ mộc mạc, nồng nàn; còn với dân ca Nam Bộ, thần thái cần gần gũi, vui tươi, sáng khoái.

Sự tự tin không chỉ đến từ tập luyện mà còn từ sự thấu hiểu âm nhạc, cảm xúc nội tại và tình yêu với văn hóa truyền thống. Khi người nghệ sĩ thực sự yêu mến dân ca, sự tự tin sẽ đến một cách rất tự nhiên.

Khả năng kết nối với khán giả

Một phần quan trọng của phong thái biểu cảm là kết nối với người nghe. Trong không gian biểu diễn dân ca, mối quan hệ giữa ca sĩ và khán giả không chỉ là “trình diễn thưởng thức” mà còn là giao cảm và chia sẻ.

Người nghệ sĩ có thể giao tiếp với khán giả bằng ánh mắt, nụ cười nhẹ, một cái gật đầu, hoặc cử chỉ tay vẫy nhẹ. Những hành động nhỏ nhưng đúng lúc có thể tạo nên sự gần gũi và tăng tính tương tác mạnh mẽ.

Trong nhiều lần điệu có yếu tố đối đáp hoặc giao lưu như quan họ, hò Huế, người hát cần thể hiện sự ăn ý, linh hoạt, vừa biểu cảm với bạn diễn, vừa giữ được kết nối với người nghe.

Khi nghệ sĩ biết kết nối bằng cảm xúc và ánh nhìn, khán giả sẽ không còn là người đứng ngoài, mà sẽ trở thành người đồng cảm, người đồng hành với câu chuyện âm nhạc đang được kể trên sân khấu.

Phong thái biểu cảm không đơn thuần là một yếu tố phụ trợ trong biểu diễn, mà chính là linh hồn phi ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu. Trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, nơi tiếng hát gắn liền với đời sống, văn hóa, cảm xúc và ký ức cộng đồng phong thái biểu cảm càng có vai trò đặc biệt.

Một người nghệ sĩ biết cách biểu cảm bằng khuôn mặt, cử chỉ, ánh mắt; giữ được sự tự nhiên, chân thành trong từng chuyển động; đồng thời có thần thái tự tin và biết kết nối với người nghe chắc chắn sẽ đưa bài hát đến trái tim khán giả một cách trọn vẹn hơn. Đó chính là nghệ thuật biểu diễn dân ca trong thời hiện đại: vừa kế thừa tinh thần mộc mạc, dân dã, vừa thể hiện được chiều sâu cảm xúc và sự tinh tế của người nghệ sĩ đương đại.

2.2.5.4. Tính kết nối giữa các yếu tố phụ trợ

Trong nghệ thuật biểu diễn, giọng hát là yếu tố trung tâm, nhưng để tạo nên một màn trình diễn thực sự ấn tượng và giàu cảm xúc, đặc biệt với ca khúc mang âm hưởng dân ca, không thể thiếu sự phối hợp của nhiều yếu tố khác như hòa âm phối khí, ban nhạc, trang phục, ánh sáng và sân khấu. Đây là những thành phần quan trọng tạo nên một tổng thể hài hòa, góp phần khắc họa rõ nét tinh thần dân ca, đồng thời giúp người nghệ sĩ truyền tải trọn vẹn thông điệp và cảm xúc đến với khán giả.

Hòa âm phối khí

Hòa âm phối khí đóng vai trò nền tảng trong việc định hình không gian âm nhạc của bài hát. Đối với ca khúc mang âm hưởng dân ca, việc phối khí cần có sự tinh tế, vừa giữ được tinh thần mộc mạc, truyền thống của làn điệu gốc, vừa có sự sáng tạo phù hợp với sân khấu biểu diễn đương đại.

Một bản phối hiệu quả phải làm nổi bật được giai điệu đặc trưng của từng vùng miền, đồng thời tôn vinh chất liệu âm nhạc dân gian thông qua việc sử dụng các nhạc cụ truyền thống như đàn bầu, sáo trúc, đàn nhị, đàn nguyệt, trống cơm. Những âm thanh đặc trưng này không chỉ làm giàu thêm sắc thái âm nhạc mà còn góp phần khơi gợi không gian văn hóa của bài hát.

Tuy nhiên, điều quan trọng là sự tiết chế. Phối khí cần vừa đủ, tránh hiện đại hóa quá mức khiến mất đi bản sắc dân tộc. Một bản phối tốt không “lấn át” giọng hát mà “nâng đỡ” và “làm nền” để cảm xúc bài hát được thăng hoa.

Ban nhạc và nhạc công

Bên cạnh phần phối khí, sự đồng điệu giữa ca sĩ và ban nhạc là một yếu tố không thể thiếu. Trong biểu diễn dân ca, nhạc công không chỉ đơn thuần là người chơi nhạc đệm, mà là bạn diễn, là người góp phần tạo nên không khí và cảm xúc của toàn bộ tác phẩm.

Sự ăn ý thể hiện ở cách giữ nhịp, hỗ trợ nhấn nhá, xử lý các đoạn chuyển, điểm cao trào một cách khéo léo, không làm lu mờ giọng hát. Những người nhạc công am hiểu chất liệu dân ca sẽ biết cách tạo ra những đoạn lặng đúng lúc, những tiếng lách, ngân hoặc rung nhẹ nhàng để nâng đỡ từng hơi thở, từng câu hát của người nghệ sĩ.

Một màn trình diễn dân ca chất lượng không chỉ là kết quả của người ca sĩ thể hiện tốt, mà còn là thành quả của sự kết hợp ăn ý giữa

giọng hát và nhạc đệm, điều này đặc biệt rõ trong các bài hát đòi hỏi kỹ thuật xử lý phức tạp hoặc có yếu tố ngẫu hứng.

Trang phục và hóa trang

Trang phục là một phần quan trọng tạo nên ấn tượng thị giác và góp phần định hình hình ảnh nghệ thuật của người biểu diễn. Đặc biệt với dân ca, trang phục không chỉ mang tính thẩm mỹ mà còn thể hiện giá trị văn hóa và đặc trưng vùng miền.

Chẳng hạn, một ca khúc quan họ Bắc Ninh sẽ trở nên trọn vẹn hơn khi nghệ sĩ mặc áo tứ thân, đầu đội khăn mỏ quạ; dân ca miền Trung gắn liền với tà áo dài nền nã và chiếc nón lá; dân ca Tây Bắc không thể thiếu sắc màu rực rỡ của váy áo thổ cẩm.

Hóa trang bao gồm cách trang điểm, kiểu tóc cũng cần được chú ý sao cho mộc mạc, giản dị, không quá hiện đại hoặc cầu kỳ, nhằm giữ được vẻ đẹp truyền thống và sự gần gũi vốn có của dân ca. Khi được đầu tư đúng mức, trang phục và hóa trang sẽ góp phần truyền tải thông điệp bài hát một cách sinh động, tự nhiên và dễ chạm đến cảm xúc người xem.

Ánh sáng và sân khấu

Trong một chương trình biểu diễn, ánh sáng và sân khấu là những yếu tố kỹ thuật hỗ trợ đắc lực, góp phần tăng hiệu ứng thị giác và cảm xúc cho phần trình bày của ca sĩ.

Ánh sáng cần được thiết kế linh hoạt, phù hợp với nội dung bài hát: màu vàng ấm áp cho những bài dân ca trữ tình, màu xanh lam nhẹ cho không gian hoài niệm, hoặc ánh sáng rực rỡ, chuyển động nhanh cho những bài hát mang âm hưởng sôi động, vui tươi. Ánh sáng không chỉ giúp làm nổi bật nghệ sĩ trên sân khấu mà còn góp phần định hướng cảm xúc cho người xem.

Bối cảnh sân khấu nên được tối giản nhưng vẫn giữ được hơi thở dân gian có thể là một phong nền đồng quê, một chiếc cầu tre, chiếc nón, hay chiếc quạt nan để tạo sự liên kết với không gian văn hóa dân ca.

Âm thanh cũng là yếu tố then chốt. Hệ thống âm thanh cần đảm bảo giọng hát rõ ràng, hài hòa với phần đệm, đồng thời giúp người nghe cảm nhận được từng tiếng sáo, tiếng đàn đặc trưng, không bị nhiễu, rè hoặc lẫn át nhau.

Biểu diễn một ca khúc mang âm hưởng dân ca không đơn giản chỉ là hát đúng nốt, rõ lời, mà là một quá trình tổng hợp nghệ thuật, nơi giọng hát được nâng đỡ, tôn vinh bởi hòa âm phối khí, nhạc công, trang phục, ánh sáng và sân khấu.

Chính sự hòa quyện giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa giọng ca và hình ảnh, giữa nghe và nhìn, mới tạo nên một không gian nghệ thuật trọn vẹn. Người nghệ sĩ biểu diễn dân ca không chỉ là người hát, mà còn là người kể chuyện, là cầu nối văn hóa và để làm tốt điều đó, họ cần có sự chuẩn bị toàn diện cả về giọng hát lẫn hình ảnh, kỹ thuật lẫn cảm xúc. Một màn trình diễn thành công là khi tất cả các yếu tố ấy cùng nhau góp phần tôn vinh vẻ đẹp mộc mạc, sâu lắng nhưng đầy sức sống của dân ca Việt Nam.

2.2.5.5. Tính sáng tạo có kiểm soát

Trong dòng chảy âm nhạc đương đại, dân ca với vẻ đẹp mộc mạc, giàu bản sắc đang dần được làm mới và lan tỏa mạnh mẽ hơn nhờ sự tiếp cận sáng tạo của các nghệ sĩ trẻ. Tuy nhiên, sáng tạo trong biểu diễn dân ca không đồng nghĩa với việc phá cách hoàn toàn hay hiện đại hóa vô tội vạ. Ngược lại, đây là một hành trình cần được kiểm soát khéo léo, bởi nếu không giữ gìn, những giá trị cốt lõi sẽ dễ bị phai nhạt, khiến dân ca dần đánh mất bản chất và sức sống bền lâu trong lòng công chúng.

Sự đổi mới hợp lý

Một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu khi biểu diễn dân ca theo hướng sáng tạo chính là sự đổi mới có chọn lọc và hợp lý. Người nghệ sĩ có thể đưa vào những nét mới như cách xử lý ca từ uyển chuyển hơn, làm mới giai điệu, thay đổi hòa âm phối khí hay tạo điểm nhấn cảm

xúc bằng lối hát hiện đại. Tuy nhiên, tất cả những điều đó phải nhằm tôn vinh vẻ đẹp nguyên gốc của làn điệu dân ca, không làm mất đi bản sắc vốn có của từng vùng miền.

Sự đổi mới đúng chừng mực sẽ giúp dân ca trở nên gần gũi hơn với thế hệ khán giả hôm nay, nhất là người trẻ. Một bài dân ca Ví giặm, Quan họ, hò Huế hay dân ca Nam Bộ khi được làm mới khéo léo vẫn có thể chạm đến trái tim người nghe.

Tính đột phá nhưng không phá vỡ bản chất

Sáng tạo không chỉ là điểm nhấn để nghệ sĩ gây ấn tượng, mà còn là yếu tố giúp tác phẩm sống động và có chiều sâu hơn. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất trong quá trình này là không làm mất đi tinh thần gốc của bài hát. Một điểm nhấn đột phá dù là về giọng hát, nhịp điệu, hòa âm hay hình thức thể hiện. Nếu không dựa trên kiến thức và sự thấu hiểu sâu sắc về dân ca, rất dễ trở nên lệch lạc, thậm chí phản cảm.

Nhiều nghệ sĩ thành công trong việc tạo ra nét riêng biệt trong biểu diễn dân ca chính là nhờ họ biết cách "đi xa trong khuôn khổ". Tính đột phá phải là sự phát triển từ bên trong phong cách gốc, chứ không phải là sự phủ định hay cắt rời khỏi cội nguồn.

Kết hợp hài hòa yếu tố truyền thống và hiện đại

Việc kết hợp dân ca với các yếu tố hiện đại như nhạc cụ phương Tây, hòa âm điện tử, phong cách hát mới mẻ,... ngày càng phổ biến, nhất là trong các chương trình truyền hình, sân khấu chuyên nghiệp hoặc các sản phẩm âm nhạc trực tuyến. Tuy nhiên, không phải sự kết hợp nào cũng thành công.

Để dân ca thực sự "giao hòa" được với hiện đại, người nghệ sĩ cần hiểu rõ đặc trưng từng thể loại dân ca để có sự kết hợp nhuần nhuyễn, không tạo cảm giác "lắp ghép" hoặc "phô diễn". Khi nhạc cụ hiện đại hay beat điện tử được đưa vào nhưng vẫn nhường chỗ cho giai điệu dân gian

phát triển mạch lạc, cảm xúc đậm đà, lúc ấy, khán giả sẽ không còn cảm thấy ranh giới giữa cũ và mới.

Sáng tạo mang dấu ấn cá nhân

Một yếu tố làm nên sự thành công trong biểu diễn dân ca sáng tạo chính là cá tính nghệ thuật của người nghệ sĩ. Một giọng ca đặc trưng, cách xử lý giai điệu linh hoạt, khả năng truyền cảm xúc mạnh mẽ, tất cả đều tạo nên dấu ấn riêng biệt.

Tuy nhiên, cá tính không đồng nghĩa với việc lấn át tác phẩm. Sự sáng tạo cần hướng đến việc khơi dậy chiều sâu văn hóa của bài hát, không phải để người nghệ sĩ "khoe mình", mà để kể lại câu chuyện của dân ca bằng một hình thức gần gũi, sống động hơn. Sự hiện diện của bản ngã nghệ sĩ trong dân ca là điều cần thiết, nhưng bản ngã đó phải hòa quyện trong tinh thần tôn trọng và gìn giữ bản sắc văn hóa.

Sáng tạo trong biểu diễn dân ca là một hành trình vừa cần dũng cảm, vừa cần sự tinh tế. Người nghệ sĩ phải liên tục đổi mới để dân ca không bị cũ kỹ, lạc hậu, nhưng đồng thời cũng phải biết điểm dừng để không làm mai một giá trị truyền thống.

Chỉ khi sự sáng tạo được đặt trên nền tảng hiểu biết sâu sắc về chất liệu gốc, sự tôn trọng đối với văn hóa dân tộc, và tình yêu thực sự dành cho âm nhạc dân gian, thì những màn trình diễn dân ca mới có thể vừa mang tinh thần thời đại, vừa giữ được hồn cốt của cha ông.

2.2.5.6. Khả năng truyền cảm hứng và giáo dục

Trong bất kỳ màn trình diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca nào, yếu tố quan trọng không chỉ là kỹ thuật hát hay phần hòa âm phối khí mà còn là khả năng truyền tải cảm xúc và giá trị văn hóa sâu sắc đến người nghe. Để đánh giá một màn trình diễn thành công, cần xem xét đồng thời nhiều tiêu chí bổ trợ lẫn nhau nhằm tạo nên tổng thể hoàn chỉnh và ấn tượng.

Sự lan tỏa cảm xúc

Một màn trình diễn dân ca xuất sắc phải có khả năng chạm đến trái tim người nghe, khơi gợi những cảm xúc sâu sắc như tình yêu quê hương, gia đình, hay niềm tự hào dân tộc. Qua cách thể hiện chân thành và mộc mạc, người nghệ sĩ truyền tải được tinh thần và tâm hồn của bài hát, khiến khán giả không chỉ nghe mà còn cảm nhận được sự đồng cảm và rung động nội tâm. Chính sự lan tỏa cảm xúc này giúp màn trình diễn trở nên sống động và ý nghĩa hơn rất nhiều.

Khả năng kể chuyện

Dân ca vốn gắn liền với những câu chuyện, phong tục tập quán và nét văn hóa đặc trưng của từng vùng miền. Do đó, một màn trình diễn được đánh giá cao cần giúp người nghe hình dung được bối cảnh, nội dung, và ý nghĩa sâu xa của bài hát dân ca đó. Nghệ sĩ không chỉ đơn thuần hát mà còn như một người kể chuyện, dẫn dắt người nghe bước vào thế giới văn hóa truyền thống với những nét đặc sắc và câu chuyện đầy cảm xúc.

Giá trị giáo dục và văn hóa

Âm nhạc dân gian không chỉ mang tính giải trí mà còn có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Một màn trình diễn có giá trị văn hóa cao sẽ góp phần giới thiệu và đưa dân ca đến gần hơn với công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ những người sẽ kế thừa và phát triển di sản âm nhạc dân tộc. Màn trình diễn có thể khơi dậy sự tò mò, lòng yêu thích và khát vọng tìm hiểu sâu hơn về truyền thống, từ đó góp phần nâng cao ý thức giữ gìn văn hóa dân tộc.

Tính gợi mở

Ngoài việc truyền tải chính xác và cảm xúc, một màn trình diễn thành công còn phải mang tính gợi mở truyền cảm hứng để người nghe yêu mến và khám phá sâu hơn về dòng nhạc dân ca. Màn trình diễn ấy

như một cánh cửa mở rộng, mời gọi công chúng bước vào không gian văn hóa truyền thống phong phú và đầy màu sắc, góp phần không nhỏ vào việc phát triển và bảo tồn dân ca trong đời sống âm nhạc hiện đại.

Tóm lại, để đánh giá một màn trình diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca một cách toàn diện, cần dựa trên bốn tiêu chí chủ đạo: sự lan tỏa cảm xúc, khả năng kể chuyện, giá trị giáo dục, văn hóa và tính gợi mở. Mỗi yếu tố đều đóng vai trò quan trọng và bổ trợ cho nhau, góp phần tạo nên một tổng thể hoàn chỉnh, sống động và sâu sắc. Khi các tiêu chí này được vận dụng một cách linh hoạt và đồng bộ, màn trình diễn sẽ không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật mà còn trở thành cầu nối văn hóa giữa quá khứ và hiện tại, giữa nghệ sĩ và khán giả.

NỘI DUNG CẦN GHI NHỚ TRONG CHƯƠNG 2

Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca là tập hợp những kỹ thuật, kỹ năng và cách thức mà người sử dụng để truyền tải nội dung, cảm xúc và ý nghĩa của ca khúc đến khán giả một cách hiệu quả và lôi cuốn nhất. Nó bao gồm nhiều yếu tố khác nhau, từ cảm thụ sâu sắc âm nhạc, kỹ thuật thanh nhạc điêu luyện, phong cách biểu diễn ấn tượng đến điều kiện kỹ thuật hỗ trợ phù hợp.

Cảm thụ sâu sắc âm nhạc truyền thống

Trong hành trình chinh phục và lan tỏa vẻ đẹp của những ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền, việc cảm thụ âm nhạc dân gian là “linh hồn” không thể thiếu trong phương pháp biểu diễn. Nó không chỉ là kỹ năng thanh nhạc điêu luyện hay kiến thức uyên bác về âm nhạc, mà còn là sự kết nối sâu sắc, sự thấu hiểu văn hóa, lịch sử và tâm hồn dân tộc.

Cảm thụ âm nhạc dân gian chính là chìa khóa giúp người nghệ sĩ giải mã những thông điệp cốt lõi của ca khúc mang âm hưởng dân ca. Đó là sự thấu hiểu cội nguồn, đặc trưng của từng làn điệu, từ Quan họ mượt mà, Chèo duyên dáng, Xẩm điêu luyện của miền Bắc, đến Ví, Giặm sâu lắng, Ca Huế trữ tình của miền Trung, hay Đờn ca tài tử ngọt ngào, Cải lương đậm đà của miền Nam. Người nghệ sĩ cần nắm vững kiến thức về lịch sử hình thành, đặc điểm cấu trúc, thể loại và phong cách biểu diễn của từng dòng nhạc, để từ đó cảm nhận được “màu sắc” riêng, cái âm hưởng, giai điệu, tiết tấu, lời ca và cung bậc cảm xúc đặc trưng của từng vùng miền. Quan trọng hơn, họ cần hiểu rõ bối cảnh văn hóa, xã hội, lịch sử liên quan đến từng làn điệu, để có thể truyền tải những giá trị văn hóa và thông điệp ý nghĩa của tác phẩm một cách trọn vẹn nhất.

Cảm thụ và xử lý ca khúc là quá trình người nghệ sĩ “sống” cùng tác phẩm, thấu hiểu được ý nghĩa, thông điệp và cảm xúc mà tác giả muốn gửi gắm. Từ đó, người nghệ sĩ có thể truyền tải những điều này đến người nghe một cách chân thật và sâu sắc nhất. Nhận diện “màu sắc”

dân ca là khả năng phân biệt và cảm nhận được những đặc trưng riêng của từng làn điệu, từ giai điệu, tiết tấu đến ca từ và phong cách biểu diễn. Điều này giúp người nghệ sĩ thể hiện ca khúc một cách chính xác và phù hợp nhất với bản sắc văn hóa của vùng miền đó. Sử dụng “hư từ” một cách điều luyện là một kỹ năng đặc biệt quan trọng trong dân ca. “Hư từ” không chỉ là những từ ngữ đệm vào cho đủ câu, mà còn là những âm thanh, tiếng thở, tiếng láy, tiếng rung, giúp tạo nên sự mềm mại, uyển chuyển và truyền cảm cho giọng hát. Việc sử dụng “hư từ” một cách tinh tế sẽ làm tăng thêm giá trị nghệ thuật và bản sắc văn hóa cho ca khúc.

Chỉ khi cảm thụ được sâu sắc chất liệu âm nhạc dân gian, thì người nghệ sĩ mới xử lý tinh tế ca khúc mang âm hưởng dân ca đặc trưng của từng vùng miền. Hãy hình dung một nghệ sĩ biểu diễn một ca khúc mang âm hưởng dân ca Quan họ Bắc Ninh. Họ không chỉ hát đúng giai điệu và lời ca, mà còn thể hiện được sự duyên dáng, ý nhị trong từng cử chỉ, ánh mắt, nụ cười. Họ không chỉ mặc trang phục Quan họ truyền thống, mà còn thấm nhuần tinh thần của những liền anh, liền chị, những người hát Quan họ xưa. Hay một nghệ sĩ biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca Huế, họ không chỉ hát hay, mà còn thể hiện được sự dịu dàng, sâu lắng, man mác buồn của giai điệu, cũng như những hình ảnh, cảm xúc về sông Hương, núi Ngự, về cuộc sống và con người xứ Huế. Hoặc một nghệ sĩ biểu diễn một ca khúc mang âm hưởng dân ca Nam Bộ, họ không chỉ có giọng hát truyền cảm, mà còn có khả năng diễn xuất tài tình, thể hiện được những cung bậc cảm xúc khác nhau, từ vui tươi, rộn ràng đến bi ai, sầu thảm.

Cảm thụ âm nhạc dân gian là sự kết hợp hài hòa giữa kiến thức, kỹ năng và cảm xúc, giữa lý trí và trái tim, giữa cá nhân và cộng đồng. Để thành công trên con đường này, người nghệ sĩ cần không ngừng học hỏi, trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng và nuôi dưỡng tình yêu, sự trân trọng đối với âm nhạc dân gian. Chỉ khi đó, họ mới có thể chạm đến trái tim của khán giả và góp phần vào việc bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa vô giá của âm nhạc dân gian Việt Nam.

Kỹ thuật thanh nhạc điêu luyện

Để thể hiện thành công một ca khúc mang âm hưởng dân ca, người nghệ sĩ không chỉ cần sự thấu hiểu sâu sắc về văn hóa dân tộc, khả năng cảm thụ và xử lý ca khúc tinh tế, nhận diện “màu sắc” dân ca độc đáo và sử dụng “hư từ” một cách điêu luyện, mà còn cần một nền tảng kỹ thuật thanh nhạc bài bản để có thể làm chủ giọng hát, thể hiện được những sắc thái biểu cảm khác nhau và xử lý tinh tế từng khúc thức của tác phẩm. Sự kết hợp nhuần nhuyễn này sẽ tạo nên một màn trình diễn không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam.

Để làm được điều đó, người nghệ sĩ cần vận dụng linh hoạt các kỹ thuật thanh nhạc, từ kiểm soát hơi thở, phát âm tròn vành rõ chữ, đến luyến láy, rung giọng, nhưng phải đảm bảo sự tự nhiên và không gượng ép. Họ cần biết cách sử dụng giọng hát để làm nổi bật giai điệu, tiết tấu và cảm xúc của ca khúc, đồng thời thể hiện được cái “hồn” của dân ca, cái tinh túy của văn hóa dân tộc.

Kiểm soát hơi thở là nền tảng quan trọng nhất. Sử dụng kiểu thở bụng (cơ hoành) để lấy hơi sâu và giữ hơi lâu giúp âm thanh ổn định, vang và hỗ trợ việc thể hiện những đoạn nhạc dài, phức tạp. Trong những ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền, kỹ thuật này được ứng dụng một cách đa dạng: Quan họ miền Bắc đòi hỏi hơi thở đều, ổn định để ngân nga những câu hát kéo dài; Ví, Giặm miền Trung cần hơi thở linh hoạt để luyến láy, rung giọng tinh tế; còn cải lương, vọng cổ miền Nam cần hơi thở mạnh mẽ, dứt khoát để thể hiện những đoạn cao trào.

Phát âm “tròn vành rõ chữ” là yếu tố không thể thiếu, đặc biệt trong những ca khúc mang âm hưởng dân ca, nơi lời ca thường mang ý nghĩa sâu sắc và gắn liền với văn hóa địa phương. Việc luyện tập phát âm chính xác các nguyên âm và phụ âm, chú ý đến khẩu hình và vị trí đặt lưỡi giúp tạo ra âm thanh rõ ràng, vang, truyền tải trọn vẹn nội dung và cảm xúc của bài hát. Chất liệu Chèo, Xẩm miền Bắc cần phát âm rõ

các thanh điệu; Ví Giặm, hò Huế miền Trung đòi hỏi sự tinh tế trong phát âm; còn Đờn ca tài tử miền Nam lại cần phát âm tự nhiên, gần gũi với khẩu ngữ địa phương.

Kỹ thuật hát liền giọng (Legato - Cantilena) tạo sự mượt mà, du dương, êm ái cho giai điệu bằng cách hát các nốt nhạc liên tục, không có khoảng ngắt quãng. Để thực hiện kỹ thuật này, người hát cần luyện tập chuyển giọng một cách nhẹ nhàng, sử dụng hơi thở và khẩu hình để tạo sự liên kết giữa các nốt nhạc. Đối với ca khúc mang âm hưởng chất liệu Quan họ, Chèo miền Bắc, Ca Huế, Hò mái nhì miền Trung và vọng cổ miền Nam đều sử dụng kỹ thuật này để tạo sự mềm mại, trữ tình cho giai điệu.

Kỹ thuật luyện láy, rung giọng làm phong phú thêm âm sắc và tạo sự mềm mại, uyển chuyển cho giọng hát. Người hát cần luyện tập luyện láy giữa các nốt nhạc liên kè một cách nhẹ nhàng, sử dụng rung giọng tự nhiên, không quá mạnh hoặc quá yếu. Với chất liệu Xẩm, Chèo miền Bắc, Ví, Giặm, Ca Huế miền Trung và Cải lương, Vọng cổ miền Nam đều sử dụng kỹ thuật này để tạo sự đặc trưng và thể hiện sự tinh tế trong âm nhạc.

Ngoài ra, một số kỹ thuật khác như hát nhanh (Passage), hát nảy âm (Staccato) và kiểm soát âm lượng (Dynamics) cũng có thể được sử dụng để tăng thêm sự đa dạng và biểu cảm cho màn trình diễn, tùy thuộc vào đặc điểm của từng chất liệu âm nhạc dân ca và phong cách của người hát.

Phong cách biểu diễn ấn tượng

Kỹ thuật dù có điều luyện đến đâu cũng vẫn là phương tiện để truyền tải cảm xúc, còn trái tim và tâm hồn của người nghệ sĩ mới là yếu tố quyết định để tạo nên một màn trình diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca thực sự lay động lòng người. Người nghệ sĩ cần không ngừng tìm tòi, sáng tạo để tạo ra phong cách biểu diễn riêng, mang đậm dấu ấn cá nhân, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa vô giá của âm nhạc dân gian Việt Nam.

Từ việc cảm thụ âm nhạc dân gian một cách sâu sắc, đến việc rèn luyện kỹ thuật thanh nhạc điêu luyện, người nghệ sĩ dần dần định hình cho mình một phong cách trình diễn phù hợp với đặc trưng của ca khúc, từ cách hát, trang phục, đến cử chỉ, điệu bộ, đảm bảo sự hài hòa và tôn trọng giá trị văn hóa. Họ cần sáng tạo trong cách xử lý ca khúc, thêm vào những yếu tố cá nhân, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa của dân ca, tránh sự khô khan, cứng nhắc hoặc sao chép máy móc. Điều quan trọng nhất là phải thể hiện cảm xúc một cách chân thành, tự nhiên, gần gũi với đời sống, chạm đến trái tim người nghe và tạo sự đồng cảm sâu sắc.

Phong cách biểu diễn ở đây không chỉ là vẻ bề ngoài mà còn là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa kỹ thuật và cảm xúc, giữa cá nhân và cộng đồng, nhằm tạo nên một màn trình diễn đặc sắc, ý nghĩa và chạm đến trái tim người nghe.

Trước hết, trang phục đóng vai trò quan trọng trong việc định hình phong cách biểu diễn. Sự lựa chọn trang phục cần dựa trên tính truyền thống, phù hợp với từng loại hình dân ca và vùng miền. Khi hát ca khúc mang âm hưởng dân ca Quan họ, áo tứ thân, yếm, khăn mỏ quạ là những lựa chọn không thể thiếu; Hát ca khúc mang âm hưởng Chèo (Bắc Bộ), thì áo cánh, váy đụp lại mang đến vẻ duyên dáng; Ca Huế cần áo dài the, khăn đóng để thể hiện sự trang trọng; còn áo bà ba lại là biểu tượng của Đờn ca tài tử. Bên cạnh kiểu dáng, màu sắc và họa tiết trên trang phục cũng cần được cân nhắc kỹ lưỡng, đảm bảo sự hài hòa, trang nhã và mang tính biểu tượng văn hóa của vùng miền. Quan trọng nhất, trang phục cần tạo sự thoải mái để người nghệ sĩ có thể tự tin biểu diễn và thể hiện các động tác, cử chỉ một cách tự nhiên.

Biểu cảm là yếu tố không thể thiếu để truyền tải cảm xúc và thông điệp của ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền. Biểu cảm trên khuôn mặt cần phù hợp với nội dung và cảm xúc của từng đoạn nhạc, khi vui tươi thì rạng rỡ, khi buồn thì trầm tư. Ánh mắt cần có sự kết nối với khán giả, tạo sự gần gũi và thân thiện. Cử chỉ, điệu bộ cần tự nhiên, uyển

chuyên, phù hợp với phong cách của từng loại hình dân ca, tránh những động tác quá.

Các điều kiện hỗ trợ kỹ thuật phù hợp

Biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là hoạt động nghệ thuật đơn thuần, mà còn là sự kiện văn hóa mang đậm tính truyền cảm và cộng hưởng tinh thần dân tộc. Để một buổi biểu diễn đạt đến sự thành công trọn vẹn, bên cạnh giọng hát và kỹ thuật của nghệ sĩ, cần có sự phối hợp chặt chẽ và khoa học giữa các yếu tố hỗ trợ, từ bản phối, âm thanh, ánh sáng, đến không gian sân khấu, đạo cụ và tổ chức hậu trường.

Hòa âm phối khí đóng vai trò quan trọng trong việc định hình không gian âm nhạc. Đối với dân ca, bản phối cần đảm bảo giữ được nét mộc mạc, giản dị nhưng vẫn có sự mới mẻ, hấp dẫn khán giả hiện đại. Sự kết hợp giữa nhạc cụ truyền thống (như đàn bầu, đàn tranh, sáo trúc...) và nhạc cụ hiện đại (piano, guitar, string,...) nếu được xử lý tinh tế sẽ tạo nên bản nhạc vừa đậm chất dân gian vừa đầy sức sống đương đại. Điều quan trọng nhất là không phá vỡ chất liệu gốc. Bản phối hay phải làm nền để tôn vinh giai điệu, không “lấn át” giọng hát, và đặc biệt phải giúp người nghe cảm nhận được “hơi thở” vùng miền ẩn chứa trong bài hát.

Một hệ thống âm thanh chất lượng sẽ giúp truyền tải trọn vẹn giọng hát và âm nhạc đến khán giả. Với ca khúc dân ca vốn đề cao sự tinh tế và tự nhiên, thì micro phải có độ nhạy cao, bắt giọng tốt và không làm biến dạng âm thanh. Các hiệu ứng âm thanh như reverb, delay,... cần sử dụng có chọn lọc, vừa đủ để tăng chiều sâu mà không làm mất “chất mộc”. Kỹ thuật âm thanh viên phải đảm bảo sự cân bằng giữa nhạc cụ và giọng hát, tránh lấn át, tránh hú rít, và xử lý linh hoạt trong từng tiết mục, nhất là khi biểu diễn trực tiếp hoặc thay đổi nhiều thể loại nhạc cụ trong chương trình.

Ánh sáng sân khấu là yếu tố thị giác góp phần thể hiện cảm xúc của bài hát. Mỗi gam màu, mỗi hướng chiếu đều có vai trò nhất định

trong việc tạo không khí. Với những làn điệu buồn, trữ tình (Ví, Giặm, dân ca Nam Bộ,...), ánh sáng vàng ấm hoặc lam nhạt sẽ giúp khơi gợi cảm xúc hoài niệm. Với các bài hát vui tươi, đối đáp (Quan họ, hò Huế,...), ánh sáng trắng hoặc màu sắc rực rỡ sẽ tạo hiệu ứng sinh động. Quan trọng hơn, ánh sáng cần theo sát mạch cảm xúc của bài hát có thể thay đổi cường độ và màu sắc tại các điểm cao trào hoặc chuyển đoạn để tăng tính kịch tính, đồng thời làm nổi bật người nghệ sĩ, nhạc công và không gian biểu diễn.

Sân khấu biểu diễn dân ca không cần cầu kỳ, hiện đại hóa, mà cần tạo được không gian gần gũi, gợi văn hóa truyền thống. Các phong nền đơn giản như lũy tre, mái đình, con đò, đồng ruộng kết hợp với trang trí mang màu sắc vùng miền sẽ giúp khán giả dễ dàng “hình dung” được câu chuyện âm nhạc đang kể. Bố cục sân khấu hợp lý, có chiều sâu, ánh sáng tạo khối và khoảng trống di chuyển thuận lợi sẽ giúp tiết mục trở nên sinh động và dễ kiểm soát hơn. Đây cũng là yếu tố giúp các nghệ sĩ thể hiện được phong thái tự nhiên, không gò bó khi biểu diễn.

Việc sử dụng đạo cụ trong biểu diễn ca khúc dân ca cần tinh tế và có chọn lọc. Những vật dụng như nón lá, khăn rằn, quạt giấy, thùng mủng, váy thổ cẩm khi sử dụng đúng ngữ cảnh sẽ tạo chiều sâu hình ảnh, giúp minh họa nội dung bài hát, tăng tính trực quan và truyền cảm. Tuy nhiên, cần tránh lạm dụng đạo cụ hoặc sử dụng sai ý nghĩa, sai bối cảnh, gây phản cảm hoặc “làm màu”. Nguyên tắc là ít nhưng đúng, đơn giản nhưng hiệu quả.

Dù ít khi xuất hiện trước khán giả, nhưng đội ngũ quản lý sân khấu và kỹ thuật hậu trường lại là “người giữ nhịp” của toàn bộ chương trình. Công tác này bao gồm: Lập kế hoạch biểu diễn chi tiết: thời lượng, kịch bản, lịch chạy sân khấu, sơ đồ vị trí thiết bị; Phân công nhân sự rõ ràng: người phụ trách ánh sáng, âm thanh, phục trang, đạo cụ, dẫn chương trình; Chuẩn bị và kiểm tra thiết bị kỹ lưỡng: đảm bảo không có lỗi kỹ thuật, micro hết pin hay loa rè; Xử lý tình huống phát sinh nhanh

chóng như: Mất điện, sự cố âm thanh, lỗi chuyển cảnh, thay đổi thứ tự tiết mục,... Một buổi biểu diễn chỉ thực sự chuyên nghiệp và trọn vẹn khi hậu trường được vận hành trơn tru, nhịp nhàng, không gián đoạn.

Thành công của một buổi biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ nằm ở giọng hát hay, cảm xúc tốt, mà còn phụ thuộc vào sự kết hợp hài hòa và chuyên nghiệp của hàng loạt yếu tố hỗ trợ. Từ bản phối tinh tế, âm thanh chuẩn, ánh sáng giàu cảm xúc, sân khấu đậm chất văn hóa, đạo cụ phù hợp, đến hậu trường vận hành hiệu quả, tất cả tạo nên một không gian nghệ thuật vừa chân thực, vừa hấp dẫn. Chính sự phối hợp đồng bộ ấy không chỉ giúp khán giả thưởng thức trọn vẹn một tác phẩm dân ca, mà còn gìn giữ, lan tỏa và làm mới vẻ đẹp truyền thống trong đời sống âm nhạc đương đại.

CHƯƠNG 3

BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA BA MIỀN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUÂN ĐỘI

3.1. Thực trạng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội

Hiện nay ở nước ta có nhiều trường đào tạo chuyên ngành nghệ thuật như: Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Âm nhạc Huế, Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội, Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng VHNT Tây Bắc, Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc, Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội Đại học Văn hoá Hà Nội... Trong đó, Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội Quân đội là một trong những cơ sở đào tạo có uy tín và ảnh hưởng lớn trong và ngoài quân đội.

3.1.1. Sơ lược về Trường Đại học VHNT Quân đội

Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội, trực thuộc Tổng cục Chính trị - Quân đội Nhân dân Việt Nam, là cơ sở đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật, báo chí, và văn thư lưu trữ phục vụ cho quân đội và quốc gia. Trường có sứ mệnh phát triển các văn nghệ sĩ biểu diễn, nhạc sĩ, biên đạo múa, và cán bộ quản lý văn hóa. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhân viên hoạt động trên các lĩnh vực VHNT trong Quân đội. Nghiên cứu khoa học về các lĩnh vực VHNT phục vụ cho công tác giảng dạy và giáo dục văn hoá, tư tưởng trong Quân đội. Là một đơn vị biểu diễn nghệ thuật phục vụ cho Quân đội và xã hội.

Thực hiện các nhiệm vụ của một trường đại học theo quy định của Nhà nước. Đào tạo cán bộ có trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp trong lĩnh vực VHNT cho các đoàn nghệ thuật, nhà văn hoá, cơ quan nghiên cứu và các đơn vị sự nghiệp VHNT của Quân đội và cho các cơ sở đào tạo nghệ thuật khác. (Gồm các chuyên ngành: Văn hoá cơ sở, Thư viện, Bảo tàng, Viết văn, Biên đạo Múa, Huấn luyện múa, Nhạc cụ, Thanh nhạc, Sáng tác âm nhạc, Chỉ huy âm nhạc, Lý luận phê bình âm nhạc, Sân khấu,...). Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác VHNT cho cán bộ chuyên trách, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp. Tham gia đào tạo cán bộ, nhân viên VHNT và cán bộ chuyên trách các đoàn nghệ thuật cho các nước bạn. Kết hợp đào tạo với việc tham gia các hoạt động VHNT phục vụ bộ đội và nhân dân. Nghiên cứu khoa học các lĩnh vực VHNT phục vụ cho công tác đào tạo và ứng dụng trong thực tiễn. Hợp tác quốc tế đại học và sau đại học trong lĩnh vực VHNT. Đào tạo cán bộ, diễn viên VHNT cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa và nguồn lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trường được thành lập vào năm 1955, là cơ sở đầu tiên đào tạo sĩ quan VHNT trong quân đội Việt Nam. Trong suốt quá trình phát triển, trường đã mở rộng chương trình đào tạo không chỉ cho quân nhân mà còn cho các đối tượng khác, đặc biệt là con em dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

Ngày 03/01/2006, trường được chính thức nâng cấp thành Trường Đại học VHNT Quân đội theo quyết định của Phó Thủ tướng Chính phủ, trở thành một trường đại học có tư cách pháp nhân và hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ luôn đi đầu trong công tác đổi mới phương pháp đào tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin vào giảng dạy. Nhiều kinh nghiệm trong thực hành và biểu diễn. Đặc biệt là đội ngũ giảng viên cộng tác là các Giáo sư đầu ngành và nhiều kinh nghiệm và năng động. Cơ sở đào tạo của Nhà trường tương

đối kháng trang với hệ thống phòng học, trang thiết bị giảng dạy hiện đại và đồng bộ để phục vụ các chuyên ngành đào tạo. Hệ thống giáo trình, tài liệu, băng đĩa hình, tiếng và các loại nhạc cụ hiện đại phục vụ giảng dạy đã được đầu tư khá tốt.

Trường có trụ sở chính tại số 101 đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội, với quy mô khoảng 2.000 HV-SV. Cơ sở vật chất được đầu tư hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập cho HV-SV và giảng viên.

Trường hiện nay tổ chức nhiều khoa chuyên ngành, bao gồm: Khoa Văn hóa cơ bản, Khoa Quân nhạc, Khoa Âm nhạc, Khoa Thanh nhạc, Khoa Sư phạm âm nhạc, Khoa Múa, Khoa Nghệ thuật dân tộc và miền núi, Khoa Quản lý văn hóa, Khoa Sân khấu, Điện ảnh, Viết văn, Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn.

Trong đó, Khoa Thanh nhạc nằm trong khối các khoa giảng dạy của Trường Đại học VHNT Quân đội, và là một trong bốn khoa đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp. Khoa Thanh nhạc là khoa tiêu biểu luôn gắn liền với tên tuổi của Nhà trường từ những ngày đầu thành lập và có vị trí quan trọng trong mục tiêu phát triển cũng như quá trình đào tạo của nhà trường. Hiện nay, Khoa Thanh nhạc với đội ngũ giảng viên gồm 18 thầy cô, 100% có trình độ Thạc sĩ trở lên, có năng lực chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm trong giảng dạy và thực hành biểu diễn.

Bên cạnh đó, giảng viên và học viên của Khoa Thanh nhạc đạt nhiều giải thưởng lớn trong các Hội diễn, các cuộc thi tài năng trong lĩnh vực Thanh nhạc trong và ngoài nước, 04 thầy cô là Nghệ sĩ ưu tú; Khoa đã đào tạo ra nhiều những thế hệ nghệ sĩ, ca sĩ nổi tiếng, được khán giả nghe nhạc biết đến và yêu mến, đóng góp phần lớn lực lượng diễn viên hát có trình độ chuyên môn vững vàng cho các đoàn trong và ngoài quân đội, tham gia đạt chất lượng cao trong những chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

Công tác đào tạo chuyên ngành thanh nhạc của Khoa Thanh nhạc xác định mục tiêu nhằm thích ứng với nhu cầu thưởng thức âm nhạc của xã hội mang tính tiên phong, định hướng thẩm mỹ. Ngoài việc dạy kỹ thuật ca hát mang tính kế thừa nền tảng từ các thế hệ đi trước, trong quá trình nâng cao chất lượng đào tạo, tập thể Khoa Thanh nhạc còn hướng đến tiếp cận, nắm bắt kịp thời với sự phát triển của nền âm nhạc hiện đại, tạo điều kiện cho học viên phát triển phù hợp với khả năng riêng theo các phong cách khác nhau, dựa trên nền tảng kiến thức thẩm mỹ âm nhạc đã được định hướng, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc, hội nhập với nền âm nhạc tiên tiến trên thế giới.

Về cơ cấu tổ chức, Khoa Thanh nhạc có 18 thầy cô, chia thành 03 Tổ bộ môn, gồm: Tổ Bộ môn Hát Cổ điển, Thính phòng; Tổ Bộ môn Hát Dân gian; Tổ Bộ môn Hát Nhạc nhẹ. Ngoài ra, Khoa Thanh nhạc còn thu hút được đội ngũ các chuyên gia, giảng viên, nghệ sĩ tên tuổi giàu kinh nghiệm giảng dạy Thanh nhạc là Giảng viên cộng tác.

Trường đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, bao gồm: Huân chương Chiến công hạng Nhất (năm 1995); Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2001); Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2005).

Trường Đại học VHNT Quân đội là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Quốc phòng, có bề dày truyền thống và uy tín hàng đầu trong đào tạo văn hóa, nghệ thuật tại Việt Nam. Trường đóng vai trò trung tâm đào tạo trọng điểm, phục vụ hiệu quả cả trong và ngoài Quân đội, với đội ngũ giảng viên giàu chuyên môn và hệ thống đào tạo đa ngành. Không chỉ cung cấp nhân lực chất lượng cao cho Quân đội, trường còn đào tạo nhiều nghệ sĩ, cán bộ văn hóa cho các địa phương và quốc tế. Là nơi phát hiện, nuôi dưỡng tài năng, trường tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm hàng đầu về đào tạo, nghiên cứu và biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

3.1.2. Thực trạng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân Đội

Để hiểu rõ thực trạng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội cần xem xét trên nhiều khía cạnh, bao gồm: Chương trình đào tạo, hoạt động biểu diễn, đội ngũ giảng viên, và sự quan tâm của HV-SV. Dưới đây là những kết quả khảo sát của tác giả trong giai đoạn 2021 – 2025.

3.1.2.1. Về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đóng vai trò then chốt trong việc bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa âm nhạc truyền thống, đặc biệt là ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền. Tại Trường Đại học VHNT Quân đội, chương trình này có những ưu điểm và hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và thực hành của HV-SV.

Ưu điểm: Chương trình đào tạo bao gồm các môn học về âm nhạc dân gian, cung cấp cho HV-SV kiến thức nền tảng về lịch sử hình thành và phát triển của từng loại hình dân ca (Quan họ Bắc Ninh, ca Huế, Hò Đồng Tháp). HV-SV nhận diện các yếu tố đặc trưng về giai điệu, tiết tấu, cấu trúc, làn điệu, và cách sử dụng nhạc cụ của từng vùng miền. Đồng thời, HV-SV nhận thức được giá trị văn hóa, lịch sử, xã hội, và nghệ thuật của dân ca, từ đó thêm yêu quý và trân trọng di sản của cha ông. HV-SV có thể được học về các làn điệu Quan họ cổ, các bài lý của miền Nam, hoặc các điệu Hò của miền Trung, hiểu rõ về bối cảnh ra đời và ý nghĩa của từng loại hình.

Chương trình tạo điều kiện cho HV-SV thể hiện cá tính và phong cách riêng thông qua việc (sắp xếp lại) và cải biên các ca khúc dân ca. Sử dụng các nhạc cụ hiện đại để phối khí cho các ca khúc dân ca, tạo nên những bản phối mới mẻ, hấp dẫn hơn. Thể hiện các ca khúc dân ca trên sân khấu với phong cách độc đáo, mang hơi thở của thời đại. Tìm tòi và thử nghiệm các cách hát, cách diễn mới, giúp dân ca trở nên gần

gũi hơn với khán giả trẻ. HV-SV có thể phối khí một bài Quan họ cổ với nhạc điện tử, hoặc biểu diễn một bài lý theo phong cách acoustic. Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm mời các chuyên gia, nghệ sĩ tên tuổi gắn với bộ môn nghệ thuật âm nhạc dân gian truyền thống đến giao lưu chia sẻ.

Hạn chế: Chương trình đào tạo phải đáp ứng nhiều nội dung khác nhau (nhạc lý, hòa âm, phối khí, thanh nhạc), dẫn đến việc thời lượng dành cho dân ca có thể bị hạn chế. Các môn học chuyên ngành (thanh nhạc, nhạc cụ) thường được ưu tiên hơn, khiến HV-SV ít có thời gian để tìm hiểu và thực hành dân ca. Điều này có thể khiến HV-SV không có đủ thời gian để nắm vững kiến thức và kỹ năng cần thiết để biểu diễn dân ca một cách chuyên nghiệp.

Mức độ chuyên sâu về từng loại hình dân ca có thể chưa đáp ứng được nhu cầu của những HV-SV muốn đi sâu vào nghiên cứu và biểu diễn. Chương trình có thể tập trung vào lý thuyết mà ít chú trọng đến thực hành, khiến HV-SV gặp khó khăn khi biểu diễn trên sân khấu. HV-SV có thể được học về lý thuyết của Ca trù, nhưng lại ít có cơ hội được nghe, xem, và thực hành Ca trù một cách bài bản. Điều này có thể khiến HV-SV không thể cảm thụ được hết vẻ đẹp và giá trị của Ca trù.

Hiện nay, chương trình cũng như giáo trình giảng dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca của bộ môn hát Dân gian vẫn chưa thực sự phù hợp, phần lớn là đều theo giáo trình giảng dạy của Nhạc viện Hà Nội nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, khi áp dụng vào chương trình giảng dạy thực tế cho bộ môn hát Dân gian hiện nay thì còn nhiều điểm chưa thống nhất. Cũng giống như những nội dung chương trình, giáo trình của các bộ môn hát Cổ điển và hát Nhạc nhẹ, số lượng tác phẩm bộ môn Dân gian lại bao gồm những Romance nhỏ - ca khúc trích trong các tổ khúc Thanh nhạc, bài luyện thanh (Vocalise) cùng các ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam, các bài dân ca nước ngoài và Việt Nam.

Tài liệu, giáo trình liên quan đến các môn học về dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca thiếu tính hệ thống và chuyên sâu; Nội dung chưa phong phú và đa dạng; Phương pháp tiếp cận chưa phù hợp. Thiếu những tài liệu hướng dẫn chi tiết.

Để có cái nhìn tổng quát về các tác phẩm trong chương trình đào tạo của bộ môn Dân gian chúng tôi đã tổng hợp tại bảng sau:

Số lượng tác phẩm	Năm đào tạo				Tổng
	1	2	3	4	
Bài luyện thanh (Vocalise)	4	4	4	2	14
Romance - ca khúc trích tổ khúc Thanh nhạc	2	3	4	3	12
Bài hát dân ca nước ngoài và Việt nam	5	3	3	2	13
Ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam	6	6	5	5	22

Bảng 3.1. Các tác phẩm trong chương trình đào tạo
Đại học bộ môn Dân gian

Thực trạng giáo trình giảng dạy của bộ môn hát Dân ca của Khoa Thanh nhạc thường là dựa trên khung chương trình của bộ môn hát Cổ điển, nhưng lại thiếu bài bản, quy chuẩn của từng năm chưa chặt chẽ, bởi chưa có trình tự nhất định. Trình độ, quan niệm về phong cách Dân gian và dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca của GV còn có sự chênh lệch nên việc thực hiện còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả trong giảng dạy phong cách hát dân gian cũng phần nào chưa thực sự tốt.

Hầu hết các tác phẩm mang âm hưởng dân ca đều do các GV tự chọn bằng cách mua sách tham khảo, hoặc tự sưu tầm bằng nhiều nguồn khác nhau. Điều này dẫn đến tình trạng GV cho bài chưa phù hợp với

thực lực của SV. Vì vậy, cần có một quy định chung về tiêu chí chọn bài cho bộ môn hát Dân gian, từ đó để hàng năm các GV rút kinh nghiệm, bổ sung, nâng cao thêm chất lượng giảng dạy theo chuẩn đào tạo tại Trường Đại học VHNT Quân đội, bộ môn hát Dân gian thường sử dụng tài liệu tham khảo từ những giáo trình dành cho thanh nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam và một số tài liệu do các GV sưu tầm và biên soạn như: *Sách học thanh nhạc* của PGS Mai Khanh; *50 bài hát luyện thanh* của G. Concone – Op; *Bài tập luyện quãng giọng - Vajcal - 30 năm ca khúc Việt Nam*, Nhiều tác giả (NXB Âm nhạc); *Duyên tình lý ngựa ô*, Nhiều tác giả, NXB Phương Đông; *Tuyển tập bài hát mang âm hưởng dân ca Nam Bộ*, Nhiều tác giả, NXB Trẻ; *Tình khúc Huế thế kỷ XX*, Nhiều tác giả, NXB Âm nhạc; *Về Miền Trung*, Nhiều tác giả, NXB Âm nhạc.

Chương trình đào tạo ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội có những ưu điểm trong việc cung cấp kiến thức nền tảng và khuyến khích sáng tạo. Tuy nhiên, thời lượng có hạn và tính chuyên sâu chưa cao là những hạn chế cần được khắc phục để nâng cao chất lượng đào tạo và giúp HV-SV phát huy tối đa khả năng của mình trong lĩnh vực âm nhạc truyền thống.

3.1.2.2. Về hoạt động biểu diễn

Hoạt động biểu diễn là một phần không thể thiếu trong quá trình đào tạo nghệ sĩ, đặc biệt là đối với những người theo đuổi dòng nhạc dân gian. Tại Trường Đại học VHNT Quân đội, hoạt động này có những điểm mạnh và hạn chế riêng, ảnh hưởng đến việc lan tỏa và phát triển dòng nhạc truyền thống này.

Ưu điểm: Trong cơ cấu của Trường Đại học VHNT Quân đội có Nhà hát Nghệ thuật thực hành biểu diễn với nhiều mô hình sân khấu khác nhau, từ sân khấu nhỏ trong các buổi học, phòng trà, đến sân khấu lớn hơn trong các sự kiện, hội diễn và các sự kiện biểu diễn phục vụ các sự kiện trong và ngoài quân đội. Sự đa dạng này tạo điều kiện cho HV-SV

làm quen với nhiều không gian biểu diễn khác nhau. Các sân khấu này phục vụ nhiều mục đích khác nhau, như thực hành, thi cử, giao lưu văn hóa, hoặc biểu diễn phục vụ cộng đồng. Việc được biểu diễn trên nhiều sân khấu giúp HV-SV có cơ hội cọ xát, rèn luyện kỹ năng biểu diễn, và tự tin hơn trên sân khấu. HV-SV có thể tập luyện dân ca trong phòng học, sau đó biểu diễn trước lớp, rồi tham gia vào các buổi diễn nhỏ trong trường, và cuối cùng là góp mặt trong các chương trình lớn.

Các chương trình nghệ thuật lớn của quân đội và đất nước trong các dịp lễ kỷ niệm và các sự kiện kinh tế, xã hội do Nhà trường tổ chức hoặc phối hợp thực hiện thường có sự tham gia của các ca khúc dân ca, giúp lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống đến đông đảo khán giả, không chỉ trong trường mà còn ra ngoài xã hội. HV-SV có cơ hội hợp tác với các nghệ sĩ, giảng viên, và các đơn vị nghệ thuật khác, mở rộng mối quan hệ và học hỏi kinh nghiệm. Việc tham gia vào các chương trình lớn giúp nâng cao vị thế của dân ca trong trường, khuyến khích các HV-SV khác quan tâm và yêu thích dòng nhạc này.

Hạn chế: Số lượng các tiết mục dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca chưa nhiều so với các thể loại âm nhạc khác (nhạc trẻ, nhạc pop, nhạc cách mạng). Các tiết mục dân ca có thể chỉ tập trung vào một số vùng miền hoặc một số loại hình nhất định, thiếu sự đa dạng và phong phú. Số lượng tiết mục ca khúc mang âm hưởng dân ca chưa tương xứng với tiềm năng và giá trị của dòng nhạc này.

Đôi khi, hình thức biểu diễn còn mang tính khuôn mẫu, rập khuôn, thiếu sự sáng tạo và đổi mới. Các tiết mục dân ca có thể được dàn dựng một cách đơn giản, sơ sài, không đủ sức hấp dẫn đối với khán giả trẻ. Hình thức biểu diễn có thể quá chú trọng vào tính truyền thống mà xa rời thực tế, chưa phù hợp với thị hiếu của khán giả hiện đại. Các tiết mục dân ca có thể chỉ đơn thuần là hát và múa, thiếu sự kết hợp với các yếu tố sân khấu khác (ánh sáng, âm thanh, trang phục, đạo cụ) để tạo nên một màn trình diễn ấn tượng.

Hoạt động biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội có những ưu điểm nhất định, như sân khấu đa dạng và các chương trình lớn. Tuy nhiên, số lượng tiết mục còn hạn chế và hình thức biểu diễn đôi khi còn mang tính khuôn mẫu là những vấn đề cần được giải quyết để phát huy tối đa tiềm năng của dòng nhạc truyền thống này. Để làm được điều này, cần có sự đầu tư hơn nữa về cả vật chất và tinh thần, khuyến khích sự sáng tạo của HV-SV, và tìm kiếm những hình thức biểu diễn mới mẻ, hấp dẫn hơn.

3.1.2.3. Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên đóng vai trò then chốt trong việc truyền lửa đam mê và kiến thức về âm nhạc dân gian cho thế hệ trẻ. Tại Trường Đại học VHNT Quân đội, đội ngũ này có những điểm mạnh và hạn chế cần được xem xét để có những giải pháp phù hợp, nâng cao chất lượng đào tạo.

Ưu điểm: Các giảng viên Thanh nhạc tại Trường Đại học VHNT Quân đội nói riêng, Tổ bộ môn Dân gian nói riêng phần lớn có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo bài bản về âm nhạc dân gian, am hiểu sâu sắc về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán liên quan đến các làn điệu dân ca. Đặc biệt, có nhiều thầy cô là nghệ sĩ có nhiều năm kinh nghiệm biểu diễn chuyên nghiệp. Nhiều người đã đạt danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú và đạt giải cao tại các cuộc thi âm nhạc Quốc gia và Quốc tế. Bên cạnh đó, các chuyên gia công tác là những nghệ nhân, nghệ sĩ có kinh nghiệm biểu diễn lâu năm, trực tiếp tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát huy âm nhạc dân gian.

Giảng viên có khả năng truyền đạt kiến thức một cách dễ hiểu, sinh động, giúp HV-SV tiếp thu và nắm vững các kỹ năng cần thiết. Giảng viên có thể là những nghệ nhân hát xẩm, hát Chèo, hoặc các nhà nghiên cứu âm nhạc dân gian hàng đầu, có nhiều công trình nghiên cứu và biểu diễn được công nhận.

Các giảng viên có tình yêu và đam mê sâu sắc với âm nhạc dân gian, luôn mong muốn truyền lại những giá trị văn hóa tốt đẹp cho thế hệ sau. Giảng viên tận tâm, nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ HV-SV trong quá trình học tập và rèn luyện. Giảng viên luôn khuyến khích HV-SV tìm tòi, sáng tạo, làm mới các làn điệu dân ca để phù hợp với thị hiếu của khán giả hiện đại, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa truyền thống. Giảng viên luôn dành nhiều thời gian ngoài giờ để hướng dẫn HV-SV luyện tập, tham gia các hoạt động biểu diễn, hoặc nghiên cứu về âm nhạc dân gian.

Hạn chế: Số lượng giảng viên chuyên về dân ca có thể còn hạn chế so với các chuyên ngành âm nhạc khác (thanh nhạc, nhạc cụ phương Tây). Số lượng giảng viên có kinh nghiệm về các loại hình dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca chưa thực sự cân đối, dẫn đến việc HV-SV khó tiếp cận được đầy đủ các loại hình âm nhạc dân gian. Số lượng giảng viên chưa nhiều dẫn đến áp lực công việc lớn, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

Phương pháp giảng dạy có thể còn mang tính truyền thống, chưa thực sự phù hợp với sự thay đổi của xã hội và thị hiếu của HV-SV. Phương pháp giảng dạy có thể thiếu sự tương tác giữa giảng viên và HV-SV, khiến HV-SV ít có cơ hội tham gia vào quá trình học tập và sáng tạo.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy còn hạn chế, chưa tận dụng được các công cụ và tài nguyên trực tuyến để hỗ trợ quá trình học tập của HV-SV. Giảng viên ít sử dụng các phương tiện trực quan (video, hình ảnh, âm thanh) hoặc các phần mềm hỗ trợ giảng dạy.

Đội ngũ giảng viên dân gian giảng dạy ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội có nhiều ưu điểm về chuyên môn và tâm huyết. Tuy nhiên, số lượng giảng viên còn hạn chế và phương pháp giảng dạy cần được đổi mới để đáp ứng yêu cầu của thời đại. Để nâng cao chất lượng đào tạo, cần có những giải pháp như tăng cường số lượng giảng viên, đa dạng hóa đội ngũ giảng viên, và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, sáng tạo và tương tác.

3.1.2.4. Về sự quan tâm của HV-SV

Sự quan tâm và tham gia của HV-SV là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của bất kỳ hoạt động nào, đặc biệt là trong lĩnh vực VHNT. Tại Trường Đại học VHNT Quân đội, sự quan tâm của HV-SV đến hoạt động biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca có những đặc điểm đáng chú ý, cả tích cực lẫn tiêu cực.

Ưu điểm: Nhiều HV-SV có tình yêu sâu sắc với văn hóa truyền thống của dân tộc, trong đó có âm nhạc dân gian và ca khúc mang âm hưởng dân ca. HV-SV mong muốn tìm hiểu về lịch sử, nguồn gốc, ý nghĩa của các làn điệu dân ca, cũng như các phong tục tập quán liên quan. HV-SV có khát khao được thể hiện tài năng và đóng góp vào việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống thông qua việc biểu diễn các ca khúc dân ca. HV-SV có thể chủ động tìm đến các câu lạc bộ, đội nhóm về âm nhạc dân gian để học hỏi, giao lưu và tham gia biểu diễn.

HV-SV có khả năng tiếp thu nhanh các kiến thức và kỹ năng liên quan đến âm nhạc dân gian, như hát, chơi nhạc cụ, múa, diễn xuất. HV-SV có khả năng sáng tạo, biết cách làm mới các ca khúc dân ca theo phong cách riêng, phù hợp với thị hiếu của khán giả hiện đại, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa truyền thống.

HV-SV có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc học tập và biểu diễn, như sử dụng các phần mềm chỉnh sửa âm thanh, video, hoặc các ứng dụng hỗ trợ học hát, chơi nhạc cụ. HV-SV có thể phối khí một ca khúc dân ca với nhạc điện tử, hoặc dàn dựng một tiết mục dân ca kết hợp với múa đương đại.

Hạn chế: Chương trình học tập tại trường có thể khá nặng, với nhiều môn học chuyên ngành và các hoạt động ngoại khóa khác, khiến HV-SV cảm thấy quá tải. HV-SV ít có thời gian dành cho việc tìm hiểu, luyện tập và tham gia biểu diễn các ca khúc dân ca.

HV-SV có xu hướng ưu tiên các môn học chuyên ngành hơn là các hoạt động VHNT, đặc biệt là những hoạt động không liên quan trực

tiếp đến điểm số. HV-SV có thể phải dành nhiều thời gian cho việc luyện thanh, tập nhạc cụ, hoặc học lý thuyết âm nhạc, ít có thời gian để tìm hiểu về dân ca.

Âm nhạc hiện đại (nhạc trẻ, nhạc Pop, K-Pop...) đang chiếm ưu thế trong giới trẻ, thu hút sự quan tâm của đông đảo HV-SV. Một số HV-SV có thể cảm thấy âm nhạc dân gian quá “cũ kỹ”, “lỗi thời”, không phù hợp với thị hiếu của mình, dẫn đến việc ít quan tâm đến hoạt động biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca.

HV-SV có thể thiếu kiến thức về giá trị văn hóa, nghệ thuật của âm nhạc dân gian, dẫn đến việc không đánh giá đúng tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa này. HV-SV có thể thích nghe nhạc K-Pop hơn là nghe Quan họ, hoặc thích xem các chương trình truyền hình thực tế hơn là xem các buổi biểu diễn dân ca.

Sự quan tâm của HV-SV đến hoạt động biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội có nhiều điểm tích cực, như tình yêu văn hóa truyền thống và khả năng tiếp thu nhanh. Tuy nhiên, áp lực học tập và sự ảnh hưởng của âm nhạc hiện đại là những thách thức không nhỏ. Để thu hút và duy trì sự quan tâm của HV-SV, cần có những giải pháp như giảm tải chương trình học tập, tạo điều kiện cho HV-SV tham gia các hoạt động VHNT, đổi mới phương pháp giảng dạy và biểu diễn, và tăng cường tuyên truyền, giáo dục về giá trị văn hóa của âm nhạc dân gian.

Một thực tế dễ nhận thấy là, mặc dù Trường Đại học VHNT Quân đội có truyền thống và thế mạnh trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị VHNT dân tộc, số lượng các tiết mục biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền trong các chương trình lớn của trường vẫn còn khá khiêm tốn so với các thể loại âm nhạc khác. Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có việc HV-SV còn chịu nhiều áp lực từ các môn học chuyên ngành khác, dẫn đến việc ít có thời gian đầu tư cho việc luyện tập và biểu diễn dân ca. Bên cạnh đó, hình thức biểu diễn dân ca

đôi khi còn mang tính khuôn mẫu, chưa thực sự sáng tạo và hấp dẫn đối với giới trẻ. Để khắc phục tình trạng này, nhà trường cần có những giải pháp đồng bộ, từ việc tăng cường thời lượng giảng dạy về dân ca trong chương trình đào tạo, đến việc khuyến khích HV-SV sáng tạo và làm mới các ca khúc dân ca theo phong cách riêng.

Thực trạng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội có nhiều điểm sáng, nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế. Để phát huy hơn nữa giá trị của dân ca, cần có sự quan tâm và đầu tư hơn nữa từ nhà trường, đội ngũ giảng viên, và đặc biệt là sự yêu thích, sáng tạo của HV-SV.

3.1.3. Những cơ sở đánh giá chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân Đội

Kết quả khảo sát việc đánh giá chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội trong những năm gần đây cho thấy, những cơ sở đánh giá chất lượng phương pháp biểu diễn đang áp dụng tại Nhà trường là những cơ sở đang được áp dụng tại phần lớn các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp ở Việt Nam.

3.1.3.1. Tính chuẩn mực về phong cách dân ca

Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội luôn xác định việc giữ gìn và phát huy âm nhạc dân gian là nhiệm vụ cốt lõi trong đào tạo nghệ thuật. Với tinh thần tôn trọng nguyên bản, nhà trường giảng dạy dân ca theo hướng chuẩn mực, đúng phong cách từng vùng miền như Quan họ, Ví Giặm, Hò Huế, Lý Nam Bộ. Mỗi thể loại đều được phân tích kỹ về tiết tấu, ngữ điệu, phong cách trình diễn và đưa vào giảng dạy bài bản.

Trường không cổ súy sự biến tấu quá đà, mà chủ trương kết hợp chùng mực giữa truyền thống và hiện đại, giữ gìn cái “hồn” dân ca trong

từng tiết mục. Việc học và biểu diễn không dừng lại ở kỹ thuật, mà còn là hành trình hiểu, yêu và lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc. Đây chính là nền tảng giúp dân ca tiếp tục "sống" mạnh mẽ trong đời sống âm nhạc hôm nay.

3.1.3.2. Kỹ thuật biểu diễn

Biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca đòi hỏi kỹ thuật thanh nhạc cao, đặc biệt là khả năng kiểm soát hơi thở, độ vang và xử lý luyện láy uyển chuyển. Tại Trường Đại học VHNT Quân đội, học viên được đào tạo kỹ thuật lấy hơi sâu, chắc, đều, đặt âm vang và tạo rung tự nhiên, giúp làm chủ giọng hát và thể hiện chuẩn xác đặc trưng từng làn điệu.

Trường đặc biệt chú trọng kỹ thuật luyện láy, yếu tố quan trọng tạo nên cảm xúc dân ca, đồng thời rèn luyện khả năng cảm nhận và xử lý ngữ điệu tự nhiên, không máy móc. Học viên còn được đào tạo toàn diện về phong cách biểu diễn: từ ánh mắt, cử chỉ, đến khả năng tương tác và làm chủ sân khấu.

Nhà trường hướng đến hình mẫu nghệ sĩ toàn diện: Giọng tốt, cảm xúc tốt, bản lĩnh sân khấu vững vàng. Qua đó, dân ca không chỉ được thể hiện đúng kỹ thuật mà còn sống động, gần gũi và lan tỏa sâu sắc trong lòng công chúng hiện đại.

3.1.3.3. Phong thái, biểu cảm sân khấu

Trường Đại học VHNT Quân đội đề cao phong cách biểu diễn dân ca thân thiện, gần gũi và mang tính giao lưu cao. Thay vì trình diễn khô cứng, các tiết mục thường được dàn dựng như một không gian sinh hoạt âm nhạc dân gian, tạo sự gắn kết giữa nghệ sĩ và khán giả.

Trước mỗi tiết mục, học viên thường giới thiệu ngắn gọn về bài hát để giúp người xem dễ tiếp cận. Trong quá trình biểu diễn, họ sử dụng ánh mắt, nét mặt, động tác hình thể để truyền tải cảm xúc và tạo kết nối

trực tiếp. Một số tiết mục còn khuyến khích khán giả vỗ tay theo nhịp, hát đối đáp, từ đó biến người xem thành một phần của màn trình diễn.

Khả năng tương tác tự nhiên này là kết quả của quá trình đào tạo bài bản, giúp dân ca không chỉ sống động trên sân khấu mà còn chạm tới trái tim người nghe, lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc một cách chân thực và bền vững.

3.1.3.4. Tính kết nối và các yếu tố phụ trợ

Chất lượng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ nằm ở kỹ thuật hát, mà còn phụ thuộc vào khả năng kết nối với khán giả và các yếu tố phụ trợ. Một phương pháp biểu diễn được đánh giá cao là khi người nghệ sĩ làm cho dân ca trở nên sống động, dễ tiếp cận, giàu cảm xúc và giữ được bản sắc văn hóa trong từng chi tiết.

Người biểu diễn cần thể hiện được cảm xúc chân thật, biết “giao tiếp bằng ánh mắt, nụ cười, và biểu cảm gương mặt”, để tạo nên sự đồng cảm tự nhiên với khán giả. Biểu diễn dân ca thường có yếu tố giao lưu, Mời khán giả hát cùng, đối đáp, hoặc vỗ tay theo nhịp. Trình bày ngắn gọn về hoàn cảnh, nội dung, nguồn gốc là cách giúp người nghe hiểu và cảm thụ tốt hơn, nhất là với đối tượng chưa quen dân ca.

Các yếu tố phụ trợ phù hợp với vùng miền, thể loại dân ca, góp phần thể hiện đúng tinh thần và bối cảnh văn hóa. Hỗ trợ làm nổi bật cảm xúc, không gian biểu diễn. Ca khúc mang âm hưởng dân ca cần ánh sáng dịu, âm thanh mộc, rõ lời. Tay, chân, tư thế, bước đi cần uyển chuyển, tiết chế, đúng với tinh thần dân gian không lạm dụng hình thể kịch tính hay sân khấu hóa quá mức. Tổ chức không gian mở, tạo cảm giác gần gũi, có thể tái hiện sinh hoạt văn hóa dân gian để tăng tính trải nghiệm.

3.1.3.5. Tính sáng tạo có kiểm soát

Trường Đại học VHNT Quân đội nổi bật với khả năng kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại trong biểu diễn ca khúc

mang âm hưởng dân ca. Thay vì sao chép khuôn mẫu cũ, nhà trường khuyến khích học viên tái hiện dân ca một cách sáng tạo, giàu cảm xúc và mang dấu ấn cá nhân, nhưng vẫn giữ đúng tinh thần cốt lõi.

Học viên được tạo điều kiện ứng dụng trình diễn đa phương tiện như múa phụ họa, ánh sáng, video nền để tăng chiều sâu nghệ thuật và giúp dân ca trở nên gần gũi hơn với khán giả trẻ. Đồng thời, sự khuyến khích thể hiện cá tính qua cách chọn bài, xử lý giọng hát, phong cách biểu diễn giúp tiết mục thêm sinh động, tránh lặp lại hoặc đơn điệu.

Nhờ định hướng đổi mới, nhiều tiết mục dân ca đã vươn khỏi sân khấu học đường, lan tỏa mạnh mẽ trên truyền hình, mạng xã hội, trở thành điểm kết nối giữa văn hóa truyền thống và đời sống hiện đại. Đây là mô hình tiêu biểu cho việc bảo tồn dân ca bằng tư duy sáng tạo, bền vững và đầy sức sống.

3.1.3.6. Khả năng truyền cảm hứng và giáo dục

Khả năng truyền cảm hứng và giáo dục cho thấy biểu diễn dân ca không chỉ là kỹ năng chuyên môn, mà còn là sứ mệnh văn hóa. Một phương pháp biểu diễn chất lượng cao là khi nó không chỉ làm người xem rung động, mà còn khiến họ suy ngẫm, yêu mến và có trách nhiệm gìn giữ giá trị truyền thống lâu bền.

Biểu diễn dân ca không chỉ là hoạt động nghệ thuật, mà còn là cách kể chuyện về cội nguồn, về phong tục, tập quán và đời sống tinh thần của người Việt. Một tiết mục dân ca được thể hiện đúng và hay sẽ khơi dậy lòng yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc, đặc biệt với thế hệ trẻ.

Qua những câu hát mộc mạc, ca từ dung dị, dân ca chứa đựng nhiều bài học nhân sinh, đạo lý và tình cảm gia đình, làng xóm. Việc biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca góp phần nuôi dưỡng tâm hồn trong sáng, biết yêu cái đẹp giản dị và chân thành.

Một phương pháp biểu diễn hiệu quả có thể đánh thức sự quan tâm của khán giả đến các làn điệu vùng miền, tạo động lực tìm hiểu sâu hơn về âm nhạc dân gian và các giá trị văn hóa truyền thống.

Những tiết mục dân ca biểu diễn sáng tạo, giữ được hồn cốt, có chiều sâu cảm xúc sẽ trở thành hình mẫu tích cực, lan tỏa cảm hứng nghệ thuật chân chính và khơi dậy tinh thần gìn giữ văn hóa trong cộng đồng biểu diễn trẻ.

Có thể nói, chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường VHNT Quân đội đã thể hiện sự hài hòa giữa bảo tồn giá trị truyền thống và sáng tạo nghệ thuật hiện đại. Với định hướng giáo dục đúng đắn, kỹ thuật chuyên sâu và tinh thần trách nhiệm với văn hóa dân tộc, trường không chỉ đào tạo những nghệ sĩ tài năng mà còn góp phần giữ gìn và lan tỏa tinh hoa dân ca Việt Nam đến với công chúng trong và ngoài nước.

3.2. Thực hành biểu diễn một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội

3.2.1. Mục đích, yêu cầu

Việc đưa các ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền Bắc - Trung - Nam vào chương trình thực hành biểu diễn tại Trường Đại học VHNT Quân đội không chỉ đơn thuần là hoạt động rèn luyện chuyên môn, mà còn mang nhiều mục tiêu, yêu cầu giáo dục, nghệ thuật và văn hóa sâu sắc.

3.2.1.1. Mục đích

Việc lựa chọn các ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tiêu biểu để thực hành biểu diễn, giúp cho HV-SV tiếp cận sâu sắc hơn với di sản âm nhạc dân tộc, đồng thời phát huy tinh thần dân tộc trong hoạt động nghệ thuật.

Các ca khúc mang âm hưởng dân ca có đặc điểm riêng về tiết tấu, luyện láy, nhả chữ, và cách thể hiện cảm xúc,... Việc thực hành biểu diễn giúp HV-SV rèn luyện kỹ thuật thanh nhạc truyền thống, thành thạo kỹ năng làm chủ sân khấu, nâng cao khả năng nhập tâm và truyền cảm. Từ đó, hình thành bản lĩnh biểu diễn vững vàng, điều cần thiết với nghệ sĩ chuyên nghiệp.

Âm nhạc dân gian chứa đựng chất thơ và triết lý sống của cha ông. Khi thực hành những làn điệu mộc mạc, HV-SV được nuôi dưỡng cảm xúc chân thật, học cách sống nhân văn, yêu quê hương và con người Việt Nam. Đây chính là mục tiêu giáo dục thẩm mỹ và đạo đức, yếu tố quan trọng trong đào tạo nghệ sĩ toàn diện.

Dù bám sát nguyên bản, việc thực hành dân ca thông qua biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca còn tạo điều kiện để HV-SV phối khí mới, sáng tạo trong cách trình diễn; kết hợp đa phương tiện, ánh sáng, vũ đạo,...; làm mới dân ca để phù hợp với thị hiếu khán giả trẻ. Từ đó, học viên không chỉ là người kế thừa, mà còn là người sáng tạo, phát triển dân ca theo cách tiếp cận hiện đại.

Trường Đại học VHNT Quân đội, nơi đào tạo các nghệ sĩ phục vụ trong môi trường quân đội, nơi âm nhạc là phương tiện quan trọng để động viên tinh thần chiến sĩ. Việc thực hành ca khúc mang âm hưởng dân ca giúp HV-SV chuẩn bị tốt cho các chương trình biểu diễn phục vụ bộ đội, đồng bào vùng sâu vùng xa góp phần xây dựng đời sống văn hóa quân đội lành mạnh, giàu bản sắc.

Thông qua những buổi thực hành, liên hoan, giao lưu văn hóa,... HV-SV có cơ hội mang dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca đến gần hơn với công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Điều này góp phần quảng bá dân ca như một phần không thể thiếu của văn hóa Việt, khơi dậy niềm tự hào và sự quan tâm trong xã hội.

Việc thực hành biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội không chỉ là hoạt động chuyên môn mà còn là chiến lược giáo dục văn hóa toàn diện, giúp HV-SV trở thành những nghệ sĩ có trình độ, có tâm hồn dân tộc và có vai trò lan tỏa văn hóa Việt trong thời đại mới.

3.2.1.2. Yêu cầu

Trong chương trình đào tạo thanh nhạc và biểu diễn tại Trường Đại học VHNT Quân đội, việc thực hành các ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền được xem là nội dung trọng tâm nhằm phát triển toàn diện năng lực nghệ thuật và tư duy văn hóa. Để đạt được hiệu quả cao trong quá trình thực hành này, cả giảng viên và HV-SV đều cần đáp ứng những yêu cầu cụ thể, rõ ràng.

Đối với giảng viên

Giảng viên cần có kiến thức chuyên môn sâu rộng về dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca. Đây là nền tảng cốt lõi để giảng viên truyền đạt hiệu quả cho HV-SV. Giảng viên cần nắm vững đặc trưng vùng miền: Mỗi loại dân ca đều mang đậm sắc thái địa phương. Dân ca Quan họ giàu chất đối đáp và tình tứ, dân ca Ví Giặm mộc mạc, sâu lắng với chất lao động miền Trung, trong khi các điệu lý, hò Nam Bộ lại mang tinh thần khoáng đạt, vui tươi. Việc phân biệt và làm rõ những đặc trưng này giúp giảng viên có định hướng giảng dạy chính xác theo từng thể loại.

Giảng viên phải hiểu rõ bối cảnh và giá trị văn hóa - xã hội. Bởi dân ca không chỉ là âm nhạc, mà còn là sản phẩm của đời sống, phong tục và tâm hồn cộng đồng. Giảng viên cần có khả năng lý giải hoàn cảnh ra đời, nội dung ẩn chứa trong mỗi ca khúc để dẫn dắt HV-SV đi sâu vào nghệ thuật gắn với văn hóa dân tộc.

Bên cạnh đó, giảng viên cần có kinh nghiệm để giải mã kỹ thuật đặc trưng có liên quan đến dân ca các vùng miền. Việc giảng dạy các yếu tố như ngữ điệu, tiết tấu, cách phát âm, nhấn nhá, luyện láy đặc trưng là

yêu cầu bắt buộc. Giảng viên cần phân tích được từng yếu tố trong biểu hiện thanh nhạc dân gian, giúp HV-SV thực hành chính xác, tinh tế.

Giảng viên phải có phương pháp sư phạm phù hợp. Để truyền đạt hiệu quả kiến thức nghệ thuật đòi hỏi giảng viên có phương pháp linh hoạt và hiện đại khi phân tích, thị phạm, luyện tập và phản biện. Đây là quy trình giảng dạy thiết yếu. Giảng viên không chỉ lý giải tác phẩm mà còn thị phạm mẫu mực, sau đó hướng dẫn HV-SV luyện tập và biết phản biện, chỉnh sửa từng lỗi sai trong quá trình thực hành.

Giảng viên cần lưu ý việc dạy kỹ thuật gắn với cảm xúc. Trong dân ca, cảm xúc là linh hồn. Giảng viên không dừng ở việc luyện thanh, mà phải hướng dẫn HV-SV biết “nhập vai”, biết thể hiện tình cảm, câu chuyện thông qua ánh mắt, hơi thở, và sắc thái giọng. Giảng viên giỏi không áp đặt mà mở đường cho HV-SV phát huy phong cách cá nhân. Tuy nhiên, vẫn phải đảm bảo giữ được tinh thần nguyên bản, cốt cách văn hóa dân gian trong từng bài hát.

Ngoài chuyên môn, giảng viên còn giữ vai trò của người truyền cảm hứng nghệ thuật và định hình nhân cách nghề nghiệp cho HV-SV. Bằng sự đam mê, trải nghiệm và kiến thức của mình, giảng viên cần gieo mầm cảm xúc, tình yêu dân ca nơi HV-SV, để từ đó họ ý thức được trách nhiệm giữ gìn và lan tỏa những giá trị truyền thống. Cách giảng viên hát, nói, truyền đạt, ứng xử,... tất cả đều trở thành chuẩn mực về phong thái và đạo đức nghề nghiệp cho HV-SV noi theo. Vai trò này đặc biệt quan trọng trong môi trường nghệ thuật quân đội, nơi đề cao kỷ luật, bản lĩnh và phẩm chất nghệ sĩ.

Giảng viên tại Trường Đại học VHNT Quân đội không chỉ là người dạy hát, mà còn là người bảo tồn và tiếp lửa văn hóa dân tộc. Họ phải có kiến thức sâu, kỹ năng vững, phương pháp giảng dạy hiệu quả và khả năng truyền cảm hứng để góp phần hình thành những thế hệ nghệ sĩ trẻ vừa giỏi chuyên môn, vừa giàu bản sắc văn hóa Việt Nam.

Đối với HV-SV

Thái độ học tập nghiêm túc và tôn trọng bản sắc văn hóa là nền tảng quan trọng nhất giúp HV-SV tiếp cận đúng và thấu hiểu ca khúc mang âm hưởng dân ca, một loại hình nghệ thuật giàu giá trị văn hóa.

HV-SV không thể học ca khúc mang âm hưởng dân ca như học một bài hát đơn thuần cần chủ động tìm hiểu bối cảnh ra đời, đặc điểm vùng miền, tinh thần dân tộc mà bài hát chứa đựng. Điều này giúp việc thể hiện có chiều sâu, không bị hời hợt hay trùng lặp khuôn mẫu. Việc sao chép bản thu âm hay hiện đại hóa quá đà có thể làm mất đi chất mộc, nét duyên dáng và đặc trưng dân gian của dân ca. Thái độ tôn trọng nguyên gốc sẽ giúp HV-SV biết cách “cách tân trong giới hạn”, không làm lệch bản sắc.

Thay vì hát lại một cách đơn giản, HV-SV cần tư duy nghệ thuật ở mức sáng tạo có trách nhiệm vừa kế thừa, vừa làm giàu thêm cho dân ca bằng cảm nhận cá nhân và ứng dụng sân khấu phù hợp.

HV-SV cần nắm vững kỹ thuật thanh nhạc phù hợp với dân ca và ca khúc mang âm hưởng dân ca. Kỹ thuật là công cụ để thể hiện đúng tinh thần dân ca. Với thể loại này, HV-SV cần đặc biệt lưu ý việc lấy hơi, nhả chữ, luyện láy, ngân rung. Đây là những kỹ thuật cốt lõi tạo nên chất dân ca. Không giống nhạc cổ điển hay nhạc nhẹ, dân ca yêu cầu sự dẻo dai, tự nhiên và mềm mại trong cách xử lý giọng, nên HV-SV phải luyện tập thuần thục từng yếu tố kỹ thuật nhỏ.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca không cần phô trương âm lượng mà cần truyền cảm xúc chân thật, mộc mạc qua cách lên xuống, ngắt nghỉ và truyền hơi thở. HV-SV phải biết khai thác nội lực giọng hát để kể chuyện bằng âm nhạc một cách tinh tế, dễ đi vào lòng người.

HV-SV cần rèn luyện khả năng nhập tâm và biểu diễn sinh động. Biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là hát hay, mà là thể hiện linh hồn của bài hát bằng ngôn ngữ hình thể, ánh mắt và tương tác.

Khi trình bày ca khúc mang âm hưởng dân ca, HV-SV cần nhập vai, hóa thân vào nhân vật, hoàn cảnh, từ đó biểu lộ cảm xúc thật qua từng cái nhìn, dáng đứng, động tác tay, cách thở. Điều này làm nên sự chân thành và sức chạm của bài hát.

HV-SV cần lưu ý, không chỉ hát cho khán giả nghe, mà phải kể câu chuyện bằng âm nhạc, dẫn dắt người nghe cảm nhận được tình cảm, tâm tư trong bài dân ca. Kỹ năng này giúp bài biểu diễn trở nên sống động, dễ đi vào lòng người, nhất là trong các sân khấu mang tính giáo dục văn hóa.

HV-SV cũng cần phải học cách làm mới dân ca theo hướng gần gũi với người trẻ, mà vẫn giữ gìn được hồn cốt văn hóa. Việc ứng dụng kỹ thuật hiện đại phải có chọn lọc. Kết hợp dân ca với múa, sân khấu hóa, ánh sáng, hoặc sử dụng nhạc cụ mới là điều cần thiết để làm tăng tính hấp dẫn. Tuy nhiên, HV-SV phải hiểu rõ giá trị gốc để không “đánh mất chất” dân ca khi làm mới.

HV-SV cần rèn luyện cho mình hệ tư duy nghệ thuật mở, biết lắng nghe. Trong môi trường học tập nghệ thuật, việc tiếp nhận góp ý, phản biện và hoàn thiện tiết mục biểu diễn là kỹ năng thiết yếu. Một HV-SV giỏi không chỉ sáng tạo tốt mà còn biết điều chỉnh đồng thời phát triển bài biểu diễn đúng hướng thẩm mỹ và phù hợp với định hướng văn hóa trường học.

HV-SV Trường Đại học VHNT Quân đội cần hội tụ đủ các yếu tố: thái độ nghiêm túc, kỹ thuật vững vàng, cảm xúc chân thật và khả năng sáng tạo có định hướng. Chỉ khi đó, họ mới có thể trở thành những nghệ sĩ trẻ vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vừa đủ bản lĩnh đưa dân ca đến gần hơn với công chúng hôm nay.

3.2.2. Tổ chức thực hành biểu diễn

Việc tổ chức thực hành biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội là một hoạt động vừa mang

tính nghệ thuật vừa mang ý nghĩa giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc. Để tổ chức hiệu quả, cần triển khai qua các khâu cụ thể, kèm theo những lưu ý quan trọng như sau:

3.2.2.1. Các khâu tổ chức thực hành biểu diễn

Khâu chuẩn bị nội dung: Là bước nền tảng để đảm bảo hoạt động thực hành diễn ra hiệu quả, đúng định hướng học thuật và mang tính giáo dục nghệ thuật cao. Việc chuẩn bị cần khoa học, có chọn lọc và phù hợp với mục tiêu đào tạo tại trường. Lựa chọn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền phải dựa trên tính đại diện cho đặc trưng dân ca từng vùng miền (Bảng 3.2).

Bài hát được chọn cần phản ánh văn hóa, phong tục, đời sống tinh thần của nhân dân vùng miền đó, giúp HV-SV hiểu sâu sắc hơn về bản sắc dân tộc qua âm nhạc.

Ưu tiên tác phẩm đã được phối khí phù hợp với học đường: Tác phẩm nên có bản phối khí sẵn hoặc dễ dàng hòa âm, phục vụ cho việc dàn dựng và luyện tập tại giảng đường. Tránh chọn các bài quá phức tạp về nhịp điệu, tiết tấu hoặc đòi hỏi kỹ thuật cao không phù hợp với trình độ HV-SV năm đầu.

Cần nhắc mức độ phù hợp với khả năng thể hiện của HV-SV: Đảm bảo phù hợp với trình độ thanh nhạc, khả năng biểu cảm, phong cách trình diễn của từng lớp/nhóm. Giúp HV-SV phát huy được sở trường, đồng thời rèn luyện kỹ năng còn yếu một cách vừa sức.

Phân công bài hát: Phân chia bài hát cho nhóm thầy cô trong khoa Thanh nhạc và học sinh các khóa Trường Đại học VHNT Quân đội. Tùy vào kế hoạch thực hành (biểu diễn cá nhân, nhóm, đồng ca,...) mà phân công phù hợp. HV-SV năng khiếu tốt có thể đảm nhiệm hát solo, xử lý khó. Nhóm yếu hơn có thể thực hành các bài dân ca đơn giản, dễ nhớ, mang tính tập thể. Cụ thể như sau:

Thứ tự	Ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tiêu biểu	Phân công người biểu diễn
1	<i>Ngẫu hứng Sông Hồng</i> (Trần Tiến)	Mai Nguyễn Anh, Hữu Thắng, Trịnh Núi, Tuấn Anh
2	<i>Đất nước lời ru</i> (Văn Thành Nho)	Tăng Quỳnh Nga
3	<i>Trầu Không</i> (Nhạc: Nguyễn Quang Hưng - Phạm Kim Anh)	Thu Hà
4	<i>Về quê</i> (Phó Đức Phương)	Minh Thế
5	<i>Gọi Trăng</i> (Hồ Trọng Tuấn)	Tốp ca nữ: Kiều Trinh, Hoàng Liên, Bảo Châm, Minh Trang, Ánh Nguyệt, Hà Phương, Diễm Thanh
6	<i>Huế Thương</i> (Sáng tác: An Thuyên);	NSƯT Hương Giang
7	<i>Lời Ru</i> (Nhạc Lê Minh - Thơ: Hoàng Hạnh)	Trịnh Núi - Gia Quân
8	<i>Đi đâu để thấy hoa bay</i> (Quang Dũng)	Tốp nam: Trịnh Núi, Gia Quân, Mai Nguyễn Anh, Tuấn Anh, Hữu Thắng
9	<i>Giận mà thương</i> (Trần Hoàn)	NSƯT Hương Giang
10	<i>Dáng đứng Bến Tre</i> (Nguyễn Văn Tý)	NSƯT Hương Giang

11	<i>Khúc hát sông quê</i> (Nhạc: Nguyễn Trọng Tạo, Lời: Lê Huy Mậu)	Minh Thế
12	<i>Trông cây lại nhớ tới Người</i> (Cải biên và đặt lời: Đỗ Nhuận)	NSUT Hương Giang
13	<i>Ngược dòng Hương Giang</i> (Sáng tác: Đức Trịnh)	Gia Quân
14	<i>Lời ru trên nường</i> (Nhạc: Trần Hoàn, Thơ: Nguyễn Khoa Điềm);	Kiều Trinh
15	<i>Quảng Nam yêu thương</i> (Sáng tác: Phan Huỳnh Điểu)	NSUT Hương Giang
16	<i>Tiếng khèn mùa ban nở</i> (Nhạc: Lê Minh - Thơ: Nguyễn Như)	Kiều Trinh - Dương Đức
17	<i>Bài ca đất Phương Nam</i> (Nhạc: Lư Nhất Vũ, Thơ: Lê Giang)	NSUT Hương Giang
18	<i>Đàn sáo Hậu Giang</i> (Sáng tác: Trần Long Ẩn)	NSUT Hương Giang

Bảng 3.2. Một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tiêu biểu lựa chọn thực hành biểu diễn.

Nghiên cứu bài hát: Phân tích lời ca, âm điệu, chất liệu dân gian. Trong phần này, giảng viên hướng dẫn HV-SV tìm hiểu cấu trúc bài hát, giai điệu chủ đạo. Kỹ thuật luyện láy đặc trưng (hơi dài - ngắt nghỉ - rung ngân). Cách dùng ngôn từ, hình ảnh dân gian (con đò, khói lam, ru hời, câu lý,...).

Phân tích một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền

Căn cứ vào khung lý thuyết đã trình bày ở trên để phân tích một số ca khúc mang âm hưởng dân ca. Từ đó, làm cơ sở để triển khai thử nghiệm các phương pháp giảng dạy đã được thiết kế trên nhóm HV-SV cụ thể, ghi nhận quá trình học tập và biểu diễn để đánh giá hiệu quả.

Ca khúc “Ngẫu hứng Sông Hồng” (Sáng tác: Trần Tiến)

Nhạc sĩ Trần Tiến, sinh năm 1947 tại Sơn Tây, Hà Nội, là một trong những tên tuổi lớn của âm nhạc Việt Nam hiện đại. Với phong cách sáng tác giàu cảm xúc, gần gũi và đầy cá tính, ông đã để lại dấu ấn đậm nét qua nhiều ca khúc gắn liền với những thời kỳ khó khăn nhưng đầy ý chí của đất nước. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông là ca khúc “*Ngẫu hứng Sông Hồng*”, dòng sông gắn liền với lịch sử, ký ức và tâm hồn người Việt.

Ca khúc được viết theo cấu trúc ba đoạn phức (mở đầu - phát triển - kết thúc), trong nhịp 4/4, giọng thứ, với tiết tấu linh hoạt và mang tính ngẫu hứng. Điều này tạo nên không gian âm nhạc tự nhiên, gần gũi như lời trò chuyện, chia sẻ, rất đặc trưng trong phong cách sáng tác của Trần Tiến.

Giai điệu mang màu sắc dân gian đương đại, kết hợp khéo léo giữa truyền thống và hiện đại, gợi nhắc đến dân ca đồng bằng Bắc Bộ và đặc biệt là âm hưởng của bài dân ca “Trống cơm”. Các đoạn luyến láy, sử dụng kỹ thuật hát lướt nhanh (Glissando) tạo cảm giác bay bổng, mềm mại và đầy biểu cảm, thể hiện rõ nét cái hồn của dân ca Bắc Bộ trong một diện mạo âm nhạc mới mẻ, trẻ trung.

Bối cảnh ra đời của tác phẩm là vào những năm 1980, giai đoạn đất nước còn nhiều gian khó đã ảnh hưởng sâu sắc tới nội dung và thông điệp bài hát. Ca khúc như một lời an ủi, khích lệ tinh thần, cổ vũ sự đoàn kết, sẻ chia trong cộng đồng. Qua hình ảnh Sông Hồng, nhạc sĩ Trần Tiến gửi gắm một tình ca sâu lắng về cội nguồn, về lòng tri ân đất nước và con

người Việt Nam, nơi những giá trị văn hóa truyền thống luôn hiện diện và bền vững giữa dòng chảy không ngừng của thời gian.

Sông Hồng, biểu tượng của dòng chảy lịch sử, của sự phát triển và ký ức dân tộc trong tác phẩm trở thành hình ảnh ẩn dụ cho sự trường tồn của những giá trị tốt đẹp, dù xã hội có đổi thay. Đó là lời nhắc nhở về cội nguồn, về nghĩa tình, và khát vọng gìn giữ những gì thiêng liêng nhất trong tâm hồn người Việt.

Với lời viết dân dã, phóng khoáng nhưng giàu chiều sâu, Trần Tiến đã biến bài hát trở thành một bản giao hưởng dân gian hiện đại, dễ đi vào lòng người nghe và chạm tới những cảm xúc rất thật, rất Việt. “*Ngẫu hứng Sông Hồng*” là một trong những sáng tác tiêu biểu của nhạc sĩ Trần Tiến, giao thoa nhuần nhuyễn giữa chất liệu dân gian và ngôn ngữ âm nhạc hiện đại. Bài hát là minh chứng sống động cho một hướng đi mới: đưa dân ca lên sân khấu chuyên nghiệp mà không làm mất hồn cốt, đồng thời chạm đến trái tim người nghe hôm nay bằng sự chân thành và sáng tạo nghệ thuật.

Ca khúc “Đất nước lời ru” (Sáng tác: Văn Thành Nho)

Nhạc sĩ Văn Thành Nho, sinh năm 1949 tại Vũ Bản, Nam Định, là một trong những gương mặt tiêu biểu trong nền âm nhạc cách mạng Việt Nam. Ông ghi dấu ấn với nhiều tác phẩm sâu sắc về đề tài đất nước, con người và quân đội. Trong đó, ca khúc “*Đất nước lời ru*”, sáng tác năm 1983 nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, là một tác phẩm tiêu biểu, giàu giá trị nghệ thuật và tinh thần dân tộc.

Tác phẩm được xây dựng theo cấu trúc 3 đoạn đơn, sử dụng nhịp 2/4, giọng thứ, với tiết tấu linh hoạt, tạo nên không khí vừa gần gũi, vừa giàu cảm xúc. Giai điệu của bài hát mang đậm chất liệu dân gian Ca trù, với âm sắc mộc mạc, nhẹ nhàng, sâu lắng. Nhờ đó, bài hát không chỉ kể một câu chuyện, mà còn như một khúc ru ngân dài trong tâm thức người Việt.

Về kỹ thuật, tác phẩm sử dụng rung, láy, âmغام đặc trưng của âm nhạc dân gian Bắc Bộ, kết hợp với lối hát nảy (Marcato) rõ lời, góp phần khắc họa chân thực nội tâm của nhân vật và chiều sâu cảm xúc của toàn bài. Những kỹ thuật ấy không chỉ làm giàu màu sắc âm nhạc mà còn tăng khả năng truyền tải cảm xúc, đặc biệt là hình ảnh người mẹ Việt Nam âm thầm, kiên cường.

Bối cảnh ra đời của ca khúc là thời kỳ chiến tranh đầy mất mát, hy sinh. Chính vì vậy, bài hát chứa đựng những suy tư về đất nước vượt qua bão giông, về sự hy sinh thầm lặng của những người mẹ và sức mạnh của cả dân tộc trong hành trình gìn giữ quê hương. Ca khúc như một lời ru đất nước, dịu dàng mà sâu thẳm, bền bỉ như tâm hồn người mẹ Việt Nam trong gian khó.

Thông điệp của tác phẩm không chỉ dừng ở tình cảm cá nhân mà lan rộng đến ý nghĩa văn hóa và tinh thần dân tộc. Đó là tình yêu đất nước, là sự tri ân với người mẹ đã tiễn con ra trận, là biểu tượng của lòng nhân ái, sự bền bỉ, và khát vọng hòa bình. “*Đất nước lời ru*” trở thành một biểu tượng văn hóa, nhắc nhở thế hệ hôm nay về trách nhiệm gìn giữ và bảo vệ những giá trị thiêng liêng của dân tộc.

Với “*Đất nước lời ru*”, nhạc sĩ Văn Thành Nho không chỉ viết nên một bài ca, mà còn gieo vào lòng người nghe một hồn quê sâu lắng, đầy yêu thương, hy sinh và bất khuất như chính hình ảnh đất nước Việt Nam trong những năm tháng không thể nào quên.

Ca khúc “Trầu Không” (Nhạc: Nguyễn Quang Hưng, Thơ: Phạm Kim Anh)

Nhạc sĩ Nguyễn Quang Hưng, sinh năm 1982 tại Nam Định, là một trong những gương mặt trẻ của âm nhạc đương đại Việt Nam, đặc biệt ở mảng nhạc phim. Một trong những tác phẩm nổi bật của anh là ca khúc “*Trầu Không*”, viết cho bộ phim truyền hình “*Thương nhớ ở ai*”, một tác phẩm khai thác sâu sắc bi kịch thân phận phụ nữ nông thôn miền Bắc giai đoạn 1954-1980.

“*Trầu Không*” được sáng tác dưới hình thức ba đoạn đơn, viết ở nhịp 2/4, giọng thứ, với tiết tấu vừa phải, không gấp gáp, phù hợp với không khí trầm lắng, sâu sắc của bộ phim. Giai điệu bài hát mang đậm âm hưởng dân ca Bắc Bộ, nhẹ nhàng, tình cảm nhưng cũng day dứt, gợi mở những nội tâm sâu kín, đầy xót xa. Âm nhạc giàu tính tự sự, như lời thầm thì của những người phụ nữ tảo tần, cam chịu trong bối cảnh xã hội đầy biến động.

Ca khúc sử dụng nhiều kỹ thuật đặc trưng của dân ca Bắc Bộ như rung, láy, ngắt nhịp *Marcato*, nhấn nhá gọn và âm ngậm, tạo nên sắc thái mộc mạc, gần gũi, đồng thời làm nổi bật chất “hát ru” truyền thống. Đây cũng là một trong những yếu tố giúp bài hát thể hiện trọn vẹn vẻ đẹp của lối hát ru, hát kể, một cách kể chuyện bằng âm nhạc rất riêng trong văn hóa dân gian.

Ca khúc không đơn thuần là một phần nhạc nền, mà trở thành linh hồn của phim, làm nổi bật nỗi ai oán, uất nghẹn và khát khao được thấu hiểu của những người phụ nữ góa bụa trong làng Đông, những con người sống âm thầm trong nỗi đau, chịu đựng định kiến và thiệt thòi của thời cuộc. “*Trầu Không*” như một lời tâm sự cất lên khi đêm về, như một khúc ru xoa dịu linh hồn trong những năm tháng buồn thương.

Tác phẩm thể hiện rõ tài năng của Nguyễn Quang Hưng trong việc kết hợp giữa âm nhạc truyền thống và tính hiện đại, đưa dân ca Bắc Bộ đến gần hơn với khán giả đương thời, đồng thời phản ánh chân thực thân phận con người, đặc biệt là phụ nữ, trong dòng chảy lịch sử và xã hội Việt Nam. “*Trầu Không*” không chỉ là nhạc phim, mà còn là một bản ngâm ca đầy ám ảnh, vang vọng mãi trong lòng người nghe về tình yêu, mất mát và số phận.

Ca khúc Về quê (Sáng tác: Phó Đức Phương)

Nhạc sĩ Phó Đức Phương, sinh năm 1944 tại Hưng Yên, là một trong những tên tuổi tiêu biểu của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại. Gắn bó sâu sắc với văn hóa dân gian, ông được biết đến như người nhạc sĩ

của “cây đa, bến nước, sân đình”, với nhiều ca khúc mang đậm hồn quê Việt. Trong số đó, ca khúc “*Về quê*”, sáng tác năm 1998, là một dấu ấn đặc biệt trong sự nghiệp âm nhạc của ông, đồng thời trở thành bản tình ca bất hủ về làng quê Việt Nam cuối thế kỷ XX.

Tác phẩm được xây dựng theo hình thức hai đoạn đơn không tái hiện, sử dụng nhịp 4/4, giọng thứ, với tiết tấu nhẹ nhàng, khoan thai, mang đến cảm giác như một lời tự sự thủ thỉ chảy trôi theo ký ức. Giai điệu ca khúc mềm mại, thấm đẫm chất liệu Chèo, không chỉ tái hiện âm hưởng dân gian mà còn gợi lên hình ảnh yên bình, giản dị của vùng quê Bắc Bộ.

Về kỹ thuật, “*Về quê*” sử dụng cách hát luyến mềm mại, kết hợp nhuần nhuyễn rung láy đặc trưng với kỹ thuật Legato (hát liền giọng), giúp tạo nên sự mượt mà và uyển chuyển trong từng câu hát. Sự kết hợp này không chỉ thể hiện rõ kỹ thuật thanh nhạc mà còn làm nổi bật tinh thần mộc mạc, chan chứa tình cảm quê nhà mà tác phẩm muốn truyền tải.

Điểm đặc biệt của “*Về quê*” không chỉ nằm ở giai điệu trữ tình êm ái như dòng sông quê, mà còn ở phần ca từ gần gũi, gợi nhớ sâu sắc về tuổi thơ, về nơi chôn rau cắt rốn của mỗi người. Những hình ảnh dân dã như “bánh đa, bánh đúc”, “hạt gạo củ khoai” được đưa vào bài hát một cách tự nhiên, tạo nên một bức tranh quê đậm đà bản sắc, phản ánh rõ nét cuộc sống nông thôn Việt Nam những năm cuối của thế kỷ XX.

“*Về quê*” không đơn thuần là một bài hát, mà còn là một khúc tâm tình, một hồi ức đẹp đẽ về quê hương, nơi lưu giữ những ký ức ngọt ngào và những giá trị văn hóa truyền thống. Tác phẩm đại diện tiêu biểu cho dòng ca khúc quê hương, nơi tôn vinh vẻ đẹp bình dị, tình yêu sâu sắc và sự gắn bó thiêng liêng giữa con người với đất mẹ.

Với “*Về quê*”, nhạc sĩ Phó Đức Phương đã để lại một tác phẩm không chỉ hay về âm nhạc, mà còn sâu sắc về cảm xúc, góp phần làm phong phú thêm kho tàng âm nhạc Việt Nam giàu bản sắc dân tộc.

Ca khúc “Gọi Trăng” (Sáng tác Hồ Trọng Tuấn)

Nhạc sĩ Hồ Trọng Tuấn, sinh năm 1973 tại Quỳnh Lưu, Nghệ An, là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ nhạc sĩ hiện đại, có phong cách sáng tác dung hòa giữa âm nhạc truyền thống dân gian và những cảm xúc đương đại. Năm 2021, ông cho ra đời ca khúc “*Gọi Trăng*”, một tác phẩm âm nhạc mang âm hưởng núi rừng, thấm đẫm chất liệu dân tộc và chiều sâu văn hóa tâm linh.

Tác phẩm được xây dựng theo hình thức hai đoạn đơn, viết ở nhịp 4/4, giọng thứ, với tiết tấu vui vẻ, linh hoạt, mang lại cảm giác nhẹ nhàng, tươi mới nhưng vẫn giàu chất tự sự. Giai điệu ca khúc phát triển từ hát Then, loại hình dân ca độc đáo của dân tộc Tày, từ đó tạo nên một không gian âm nhạc vui tươi, trong sáng, gợi nhớ đến vẻ đẹp mộc mạc, thanh bình của núi rừng vùng Tây Bắc.

Kỹ thuật thanh nhạc trong “*Gọi Trăng*” sử dụng Maccato (hát nảy, rõ lời), kết hợp với lối hát đối dân gian, tạo nên sự linh hoạt và gần gũi trong cách thể hiện. Những yếu tố này không chỉ giúp tái hiện âm nhạc truyền thống một cách sinh động mà còn truyền tải cảm xúc một cách sâu sắc, lắng đọng.

Điểm đặc biệt của ca khúc nằm ở hình ảnh “trăng”, một biểu tượng quen thuộc trong văn hóa phương Đông. “*Gọi Trăng*” không chỉ là hành động giao tiếp với thiên nhiên mà còn là khát vọng tìm kiếm sự an ủi, kết nối với những giá trị tinh thần cao đẹp. Lời ca như một tiếng vọng từ cõi lòng da diết, sâu lắng, gợi nhớ quê hương, đất nước và những cảm xúc thiêng liêng của con người Việt Nam đối với cuộc sống, vũ trụ và cội nguồn văn hóa.

Bằng chất liệu dân gian vùng núi phía Bắc dân ca Tày đặc trưng, ngôn ngữ hình ảnh gần gũi và cảm xúc mộc mạc, “*Gọi Trăng*” không chỉ là một ca khúc ca ngợi quê hương mà còn là một khúc tâm tình sâu sắc, nơi thiên nhiên, con người và tinh thần văn hóa hòa quyện làm một. Đây

là một tác phẩm mang giá trị nghệ thuật và tinh thần, giúp khơi gợi trong lòng người nghe niềm tự hào, sự gắn bó và những suy tư đầy nhân văn về quê hương, cội nguồn của mọi cảm xúc.

Ca khúc “Tiếng khèn mùa ban nỏ” (Nhạc: Lê Minh, Thơ: Nguyễn Như)

Nhạc sĩ Lê Minh, sinh năm 1947 tại Đông Sơn, Thanh Hóa, là một gương mặt quen thuộc trong nền âm nhạc Việt Nam với nhiều sáng tác gắn bó sâu sắc với đời sống văn hóa các dân tộc miền núi. Ông không chỉ nổi bật bởi lối sáng tác dung dị, đậm chất dân gian mà còn bởi khả năng chuyển tải tinh tế vẻ đẹp của thiên nhiên và con người vùng cao.

Ca khúc “*Tiếng khèn mùa ban nỏ*”, phổ thơ Lê Như, là một tác phẩm tiêu biểu thể hiện phong cách ấy. Tác phẩm có cấu trúc hai đoạn đơn, viết ở nhịp 2/4, giọng thứ, sử dụng tiết tấu vui tươi, linh hoạt, tạo nên cảm giác rộn ràng như nhịp bước của mùa xuân đang về trên những sườn núi.

Giai điệu ca khúc phát triển từ chất liệu dân gian miền núi phía Bắc, trong sáng, mộc mạc mà tha thiết. Âm nhạc như dòng suối mát lành, khơi dậy trong lòng người nghe cảm xúc hân hoan, yêu đời giữa mùa xuân rực rỡ mùa của hoa ban nở trắng núi rừng, mùa của yêu thương đôi lứa đông đầy.

Tác phẩm sử dụng kỹ thuật hát luyện nhanh đặc trưng miền núi, kết hợp hát Marcato (nảy, gọn), rõ lời, giúp khắc họa sinh động không khí vùng cao với tiếng khèn, điệu xòe, với những phiên chợ tình rộn rã, nơi cô gái xuống núi trong màn sương sớm, xôn xang nghe tiếng khèn vọng từ đỉnh núi gọi về.

Không gian nghệ thuật trong “*Tiếng khèn mùa ban nỏ*” là một bức tranh Tây Bắc rực rỡ hương sắc: hoa cải vàng dưới nắng, hoa ban trắng trên triền đồi, điệu múa xòe thắm tình và khúc khèn nồng nàn như tiếng gọi của tình yêu. Tác phẩm không chỉ là một bản nhạc xuân tươi

vui mà còn là lời ngợi ca cuộc sống, tình yêu và bản sắc văn hóa dân tộc nơi rẻo cao.

Ca khúc “Giận mà thương” (Sáng tác: Trần Hoàn)

Nhạc sĩ Trần Hoàn, sinh năm 1928, quê tại Hải Lăng, Quảng Trị, là một trong những nhạc sĩ có phong cách sáng tác gắn bó sâu sắc với âm nhạc dân gian Việt Nam. Ông thường sử dụng chất liệu dân ca để diễn tả những trạng thái cảm xúc tinh tế, gần gũi trong đời sống thường nhật.

Ca khúc “*Giận mà thương*”, được sáng tác năm 1996, là một minh chứng tiêu biểu cho phong cách ấy, đồng thời là một trong những tác phẩm đặc sắc gợi nhắc đến nét văn hóa âm nhạc Ví Giặm của vùng Nghệ Tĩnh.

Tác phẩm có hình thức ba đoạn đơn, được viết ở nhịp 4/4, giọng thứ, mang tiết tấu nhẹ nhàng, khoan thai, như chính mạch cảm xúc âm thầm, sâu lắng trong tình yêu đôi lứa. Giai điệu của bài hát được phát triển từ dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh, mềm mại và đầy tính tự sự. Nó như lời thủ thỉ của một người vợ hiền dịu đang trải lòng qua từng câu hát, từng tiếng thở dài ẩn giấu trong âm thanh.

“*Giận mà thương*” sử dụng kỹ thuật hát Legato (hát liền mạch) tạo cảm giác uyển chuyển, trôi chảy. Đi kèm là cách luyện láy đặc trưng của Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, cùng với kỹ thuật rung nhẹ, hát nói tự do gắn với ngữ âm và phương ngữ miền Trung, khiến bài hát không chỉ hay về nhạc mà còn đậm đà tính bản sắc.

Nội dung ca khúc không chỉ nói về một tình yêu thủy chung, sâu sắc giữa vợ và chồng, mà còn thể hiện sự tinh tế, khéo léo của người phụ nữ Việt Nam khi giải bày cảm xúc qua giận hờn, trách móc, nhưng luôn lẫn trong đó là tình thương và sự bao dung. Những lúc hiểu lầm, những phút buồn lòng lại càng khiến tình nghĩa vợ chồng thêm gắn bó keo sơn.

“*Giận mà thương*” không chỉ là một bài hát tình cảm, mà còn là thông điệp nhẹ nhàng về nghệ thuật giữ gìn hạnh phúc gia đình, về sự

chịu thương chịu khó và đức hy sinh của người phụ nữ trong đời sống vợ chồng truyền thống Việt Nam.

Ca khúc “Dáng đứng Bến Tre” (Sáng tác: Nguyễn Văn Tý)

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, sinh năm 1925 tại thành phố Vinh, Nghệ An, là một trong những cây đại thụ của nền âm nhạc cách mạng Việt Nam. Ông sở hữu nhiều ca khúc nổi tiếng gắn liền với hình tượng người phụ nữ Việt Nam và vẻ đẹp của các vùng quê đất nước. Ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*” được ông sáng tác vào năm 1980, sau chuyến đi đầu tiên đến mảnh đất Bến Tre, vùng đất ông từng được nghe kể nhiều nhưng chưa từng đặt chân đến. Những xúc cảm sâu sắc sau chuyến đi ấy đã thôi thúc ông viết nên một bản nhạc để đời, vừa chan chứa yêu thương vừa mang khí chất hào hùng.

Tác phẩm có cấu trúc hai đoạn đơn, được viết ở nhịp 2/4, giọng thứ, mang tiết tấu nhẹ nhàng, khoan thai, như dòng chảy lặng lẽ của con sông quê hiền hòa mà vẫn chất chứa chiều sâu cảm xúc. Giai điệu phát triển từ chất liệu dân ca Nam Bộ, mềm mại, sâu lắng, đậm tính tự sự. Âm nhạc như lời tâm tình của người nhạc sĩ dành cho một vùng đất và những con người đã để lại dấu ấn không phai mờ trong lòng ông.

Cách hát mộc mạc, giản dị nhưng đầm thắm, mượt mà đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long, kết hợp cùng âm hưởng man mác buồn và chất Đờn ca tài tử Nam Bộ, khiến ca khúc càng trở nên sâu lắng và gợi cảm.

“*Dáng đứng Bến Tre*” là lời ngợi ca những người con gái kiên trung của vùng đất Đồng Khởi, tiêu biểu là hình ảnh nữ tướng Nguyễn Thị Định, người phụ nữ đã trở thành biểu tượng của lòng dũng cảm và khí phách kiên cường. Trong bài hát, cây dừa, hình ảnh gắn liền với Bến Tre, không chỉ là biểu tượng của quê hương mà còn là ẩn dụ cho người phụ nữ nơi đây dịu dàng, kiên gan, bất khuất.

Không chỉ là một ca khúc mang giá trị nghệ thuật, “*Dáng đứng Bến Tre*” còn là một tác phẩm mang đậm tình cảm yêu nước, yêu quê hương, là bản tình ca sâu lắng về con người miền Tây Nam Bộ giàu tình nghĩa, hiền hậu nhưng cũng đầy khí chất anh hùng.

Ca khúc “Lời Ru” (Nhạc: Lê Minh, Thơ: Hoàng Hạng)

Nhạc sĩ Lê Minh, sinh năm 1947 tại Đông Sơn, Thanh Hóa, là một trong những gương mặt quen thuộc của dòng nhạc mang âm hưởng dân gian Việt Nam. Với khả năng khai thác tinh tế chất liệu dân ca và chuyển tải cảm xúc chân thành qua từng giai điệu, ông đã để lại dấu ấn riêng trong lòng công chúng yêu nhạc. Một trong những tác phẩm nổi bật thể hiện rõ điều đó là ca khúc “*Lời Ru*”, được ông sáng tác như một lời tri ân sâu sắc dành cho người mẹ, cho quê hương và cho những giá trị văn hóa truyền thống.

Ca khúc có hình thức ba đoạn phức, viết ở nhịp 4/4, giọng thứ, với tiết tấu nhẹ nhàng, khoan thai, như một dòng chảy chậm rãi dẫn người nghe về không gian của những lời ru ầu ơ thấm đẫm tình mẹ.

Giai điệu phát triển từ chất liệu dân ca Đồng bằng Bắc Bộ, đậm chất trữ tình, chứa chan cảm xúc, thể hiện sự âu yếm, dịu dàng và tình cảm sâu sắc của người mẹ dành cho con. Âm nhạc không chỉ chạm đến cảm xúc yêu thương mà còn gợi nhắc về những hình ảnh thân thuộc của làng quê Việt Nam, mái nhà, dòng sông, bờ ruộng, những đêm trăng và tiếng ru trầm ấm trong lời mẹ.

Cách hát mộc mạc, giản dị, kết hợp cùng kỹ thuật hát Legato (liền giọng) mềm mại giúp tạo nên sự liền mạch trong cảm xúc và làm nổi bật được sự gắn bó, thủy chung trong tình mẫu tử.

“*Lời Ru*” không chỉ đơn thuần là một bài hát về tình mẹ mà còn là một bản hòa ca thấm đẫm tình quê, tình người, gửi gắm trong đó tình yêu thương, sự hy sinh thầm lặng và nỗi nhớ da diết. Tác phẩm cũng góp phần gìn giữ và tôn vinh các giá trị đạo lý truyền thống, văn hóa dân tộc, khơi dậy tình cảm gia đình, lòng biết ơn và ý thức hướng về cội nguồn.

Ca khúc “Đi đâu để thấy hoa bay” (Sáng tác: Hoàng Dũng)

Nhạc sĩ Hoàng Dũng, sinh năm 1995 tại thành phố Thái Nguyên, là một nhạc sĩ trẻ, được khán giả biết đến rộng rãi từ chương trình Sing My Song năm 2016, nơi ca khúc “*Đi đâu để thấy hoa bay*” lần đầu tiên được vang lên và nhanh chóng chạm đến trái tim người nghe bởi giai điệu nhẹ nhàng và thông điệp đầy xúc cảm.

Ca khúc mang hình thức ba đoạn phức, viết ở nhịp 4/4, giọng thứ, với tiết tấu nhẹ nhàng theo phong cách Ballad, đem đến cảm giác sâu lắng, mệnh mang như dòng chảy ký ức.

Giai điệu của bài hát phát triển từ âm hưởng dân ca Bắc Bộ, vừa thân quen vừa mới mẻ, tạo nên một không gian âm nhạc giàu cảm xúc. Chất liệu dân gian được lồng ghép khéo léo vào cấu trúc hiện đại, khiến ca khúc vừa gần gũi với tâm hồn người Việt, vừa mang tính thời đại rõ nét.

Kỹ thuật hát Bel Canto được sử dụng một cách tinh tế, với cách giữ hơi thở ổn định và âm sắc nhẹ nhàng, giúp truyền tải cảm xúc chân thành mà không phô trương. Giọng hát như lời thủ thỉ, tự sự, khắc họa rõ nét nỗi niềm thầm lặng của người con khi nhớ về cha.

“*Đi đâu để thấy hoa bay*” là một bức tranh âm nhạc chan chứa tình cảm gia đình, nơi người cha hiện lên qua ký ức, là điểm tựa vững chắc và là nguồn động viên lặng lẽ suốt hành trình trưởng thành của con. Không ồn ào hay bi lụy, ca khúc thấm đẫm nỗi nhớ thương, sự tri ân và tình yêu thiêng liêng dành cho đấng sinh thành, gọi nhắc mỗi người về giá trị bất biến của tình cha trong trái tim mỗi chúng ta.

Ca khúc “Đàn sáo Hậu Giang” (Sáng tác: Trần Long Ân)

Nhạc sĩ Trần Long Ân, sinh năm 1943 tại tỉnh Bình Định, là một trong những gương mặt tiêu biểu trong dòng nhạc cách mạng và trữ tình Việt Nam. Với phong cách sáng tác mộc mạc, gần gũi và đậm chất dân

gian, ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị về nghệ thuật lẫn cảm xúc dân tộc. Một trong những ca khúc tiêu biểu của ông là “Đàn sáo Hậu Giang”, được sáng tác vào năm 1976, ngay sau khi đất nước thống nhất, mang âm hưởng sâu đậm của dân ca Nam Bộ.

Ca khúc được viết theo hình thức hai đoạn đơn, sử dụng nhịp 2/4, giọng thứ, với tiết tấu hơi nhanh, vui tươi, tạo nên không khí hân hoan và tràn đầy sức sống. Giai điệu mang đậm chất dân ca Nam Bộ, không chỉ phản ánh sự sôi động của thiên nhiên mà còn bộc lộ tình yêu tha thiết với quê hương Hậu Giang, nơi gắn bó với hình ảnh đàn sáo, cánh đồng lúa và những con người hiền hòa, chân chất.

Về kỹ thuật biểu diễn, ca khúc đòi hỏi cách hát mộc mạc, giản dị, gần với phong cách dân gian truyền miệng, trong đó nổi bật là những nốt luyến nhanh và ngân rung đặc trưng của dân ca Nam Bộ. Người biểu diễn cần thể hiện được sự tươi vui, tự nhiên như kể chuyện bằng âm nhạc, đồng thời tránh lạm dụng kỹ thuật thanh nhạc hàn lâm như cộng minh quá mức hay xử lý âm cao kiêu “thính phòng”, để giữ được cái hồn dân dã và xúc cảm mộc mạc mà tác phẩm hướng tới.

“Đàn sáo Hậu Giang” không chỉ là một bản nhạc giàu âm sắc dân tộc, mà còn là biểu tượng của niềm tin và tinh thần lạc quan sau chiến tranh. Hình ảnh đàn sáo trên cánh đồng Hậu Giang hiện lên như một ẩn dụ về khát vọng tự do, hòa bình và cuộc sống mới tràn đầy hy vọng. Tác phẩm không chỉ gắn liền với vùng đất miền Tây mà còn sống mãi trong lòng người yêu nhạc bởi giai điệu tươi sáng và thông điệp nhân văn sâu sắc.

Ca khúc “Bài ca đất Phương Nam” (Nhạc: Lư Nhất Vũ, Thơ: Lê Giang)

Nhạc sĩ Lư Nhất Vũ, sinh năm 1936, quê tại tỉnh Bình Dương, là một trong những gương mặt tiêu biểu của âm nhạc Việt Nam hiện đại với phong cách sáng tác đậm chất dân gian, đặc biệt là âm nhạc

Nam Bộ. Ông là tác giả của nhiều ca khúc nổi tiếng gắn liền với hình ảnh quê hương, đất nước và con người miền Nam. Trong số đó, “*Bài ca đất Phương Nam*” sáng tác năm 1997 là một tác phẩm tiêu biểu, giàu tính nghệ thuật và đậm đà bản sắc dân tộc.

Tác phẩm được viết theo hình thức hai đoạn đơn, ở nhịp 2/2, giọng thứ, thể hiện rõ sự đan xen giữa nhịp điệu chậm rãi, da diết và nhịp nhanh, mạnh mẽ. Đây chính là sự giao thoa giữa chất mộc mạc, trữ tình của vùng sông nước Nam Bộ và tinh thần hào sảng, phóng khoáng, tự hào của con người nơi đây.

Về mặt giai điệu, ca khúc mang đậm âm hưởng dân gian Nam Bộ, với sự kết hợp hài hòa giữa các điệu Hò Nam Bộ và những yếu tố đặc trưng của Đờn ca tài tử và Cải lương. Đoạn một chậm rãi, gợi lên không gian trữ tình của những điệu hò trên sông nước, tái hiện âm sắc quê hương một cách nhẹ nhàng và sâu lắng. Đoạn hai chuyển sang tiết tấu nhanh, rộn ràng như nhịp vó ngựa, thể hiện khí thế mở đất, chinh phục thiên nhiên, với cách sử dụng điệu thức khéo léo, tận dụng ngũ cung đặc trưng của dân ca Nam Bộ để làm nổi bật tinh thần hào hùng.

Cách thể hiện ca khúc đòi hỏi lối hát dân gian mộc mạc, gần gũi, linh hoạt trong xử lý tiết tấu: Đoạn chậm cần sâu lắng, trữ tình, đoạn nhanh phải mạnh mẽ, đầy khí thế. Người biểu diễn cần thể hiện luyến láy dân gian, âm sắc giọng nói Nam Bộ, cũng như sự tinh tế khi hát nốt cao, tạo độ vang và ngân rung hợp lý để truyền tải trọn vẹn cảm xúc của bài hát.

“*Bài ca đất Phương Nam*” không chỉ là một tác phẩm âm nhạc, mà còn là bản tuyên ngôn tình cảm sâu sắc về niềm tự hào, lòng yêu nước, tình yêu quê hương của người dân Nam Bộ. Bài hát gợi nhớ về một thời kỳ mở đất đầy gian khổ mà hào hùng, nơi những người dân chân chất, kiên cường đã tạo dựng nên vùng đất giàu bản sắc và chan chứa tình người.

Với giá trị nghệ thuật và nội dung sâu sắc, ca khúc đã và đang trở thành tượng đài âm nhạc đại diện cho tinh thần Nam Bộ, đồng thời là chất liệu quý trong đào tạo, biểu diễn và bảo tồn âm nhạc dân gian Việt Nam.

Ca khúc “Huế Thương” (Sáng tác: An Thuyên)

Nhạc sĩ An Thuyên, sinh năm 1949, quê ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, là một trong những cây bút âm nhạc nổi bật của Việt Nam cuối thế kỷ XX, đặc biệt nổi tiếng với những ca khúc mang âm hưởng dân gian, giàu chất trữ tình và bản sắc văn hóa vùng miền. Ông đã để lại nhiều tác phẩm sâu sắc, gần gũi với công chúng, trong đó “*Huế Thương*” được sáng tác năm 1992 là một trong những ca khúc tiêu biểu nhất thể hiện tình yêu và sự ngưỡng vọng với vùng đất Cố Đô.

“*Huế Thương*” được viết theo hình thức ba đoạn đơn, sử dụng nhịp 4/4, với tiết tấu chậm vừa, tạo nên một không gian âm nhạc trữ tình, sâu lắng. Giai điệu bài hát được phát triển từ chất liệu dân ca Huế, mang nét duyên dáng, mềm mại, như tiếng lòng thầm thì qua từng giai điệu. Những nhạc cụ truyền thống như đàn tranh, sáo, kèn được phối hợp khéo léo, góp phần làm nổi bật vẻ đẹp âm nhạc đặc trưng của Huế, vừa mộng mơ, vừa cổ kính.

Ca từ của “*Huế Thương*” được nhạc sĩ viết một cách tinh tế, sâu sắc, sử dụng nhiều hình ảnh đặc trưng của Huế như sông Hương, những con đường cổ, nhà mái ngói kết hợp với giọng điệu thơ mộng, gợi cảm, gợi nên nỗi nhớ, sự thương yêu và niềm tự hào về một miền đất mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc.

Cách thể hiện ca khúc đòi hỏi lời hát nhẹ nhàng, bay bổng, với sự kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật thanh nhạc Legato (hát liền mạch, mượt mà) và cách hát dân gian truyền thống của người dân xứ Huế. Đặc biệt, khi hát các nốt trầm, người biểu diễn cần nhấn nhẹ để tạo độ vang và âm áp; còn với các nốt cao, cần giữ độ ngân dài và đưa hơi đều, nhất là ở

đoạn sử dụng Hò Huế, điểm nhấn đặc sắc trong toàn bộ bài hát, thể hiện chiều sâu văn hóa và yêu cầu kỹ thuật cao trong điều tiết hơi thở và sắc thái biểu cảm.

“*Huế Thương*” không chỉ là một tác phẩm âm nhạc mang tính nghệ thuật cao mà còn là biểu tượng cảm xúc gắn liền với văn hóa cố đô, đưa người nghe đến với không gian trầm mặc, nên thơ và đầy hoài niệm của vùng đất kinh kỳ. Bài hát thể hiện sự tự hào về văn hóa Huế, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa âm nhạc truyền thống và hiện đại, giữa chất dân gian và cách thể hiện mới mẻ, đầy xúc cảm.

Với giai điệu da diết và lời ca sâu lắng, “*Huế Thương*” không chỉ làm say lòng người dân xứ Huế, mà còn đánh thức ký ức và tình cảm quê hương trong lòng mỗi người Việt, dù ở bất cứ nơi đâu. Đây là một trong những ca khúc có giá trị bền vững trong kho tàng âm nhạc Việt Nam, và luôn giữ được vị trí đặc biệt trong trái tim công chúng yêu nhạc.

Ca khúc “Ngược dòng Hương Giang” (Sáng tác: Đức Trịnh)

Nhạc sĩ Đức Trịnh, sinh năm 1957, quê ở Bắc Giang, là một trong những gương mặt tiêu biểu của âm nhạc Việt Nam hiện đại. Ông không chỉ nổi bật với vai trò là một nhạc sĩ có nhiều tác phẩm giàu cảm xúc, mà còn là người luôn nặng lòng với văn hóa dân tộc, đặc biệt là âm nhạc mang âm hưởng dân ca. Trong số những sáng tác của ông, “*Ngược dòng Hương Giang*” là ca khúc tiêu biểu thể hiện tình yêu sâu nặng với đất và người xứ Huế mảnh đất cổ kính, thơ mộng.

Ca khúc “*Ngược dòng Hương Giang*” được sáng tác năm 1991 với hình thức hai đoạn đơn, viết ở nhịp 4/4, giọng thứ, với tiết tấu nhẹ nhàng, vừa phải, tạo nên không khí trầm lắng, lãng mạn và đậm chất suy tư. Giai điệu bài hát được phát triển từ chất liệu âm nhạc dân ca Huế, mềm mại và tinh tế, gợi lên vẻ duyên dáng, đắm thắm của dòng sông Hương cũng như tâm hồn sâu lắng của con người nơi đây.

Cách thể hiện bài hát đòi hỏi kỹ thuật luyện lấy mượt mà, đặc trưng của dân ca Huế, kết hợp với lối hát Legato (hát liền giọng) để tạo nên sự sang trọng và tinh tế. Các nốt luyện từ thấp lên cao, nhấn nhẹ ở đầu nốt được lặp lại nhiều lần, tạo nên màu sắc âm nhạc rất riêng của Huế, nhẹ nhàng mà sâu lắng, bay bổng nhưng đầy nội lực.

Về mặt nội dung, “*Ngược dòng Hương Giang*” là một bản tình ca trữ tình, chất chứa nỗi nhớ quê hương, tình yêu tha thiết với đất trời xứ Huế. Dòng sông Hương hiện lên không chỉ như một hình ảnh thiên nhiên thơ mộng, mà còn là biểu tượng văn hóa nơi lưu giữ ký ức, tâm tình và chiều sâu hồn Việt. Ca khúc mang đến thông điệp nhân văn về sự gắn bó với cội nguồn, và nhắc nhở chúng ta về trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống trong dòng chảy hiện đại hóa hôm nay.

Với giai điệu sâu lắng, ca từ tinh tế, và tình cảm chân thành, “*Ngược dòng Hương Giang*” không chỉ là một tác phẩm âm nhạc mang giá trị nghệ thuật cao, mà còn là một lời nhắn gửi nhẹ nhàng nhưng đầy sức nặng về tình quê, về vẻ đẹp văn hóa cần được gìn giữ như dòng Hương Giang dịu dàng chảy mãi trong tâm hồn người Việt.

Ca khúc “Khúc hát sông quê” (Nhạc: Nguyễn Trọng Tạo, Thơ: Lê Huy Mậu)

Nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tạo, sinh năm 1947, quê ở Nghệ An, là một nghệ sĩ đa tài không chỉ nổi tiếng trong vai trò nhạc sĩ, ông còn là một nhà thơ, nhà báo có nhiều đóng góp cho văn hóa nghệ thuật Việt Nam. Ông sở hữu phong cách sáng tác giàu chất trữ tình, đậm bản sắc dân tộc, đặc biệt là tình cảm tha thiết với quê hương xứ Nghệ. Trong số những tác phẩm âm nhạc tiêu biểu, “*Khúc hát sông quê*”, ra đời năm 2002, là một dấu ấn sâu đậm trong lòng công chúng yêu nhạc.

Ca khúc được viết theo hình thức hai đoạn đơn, nhịp 6/8, sử dụng giọng trưởng, mang tiết tấu nhẹ nhàng, khoan thai, mở ra một không gian

âm nhạc êm dịu, đầy hoài niệm. Giai điệu bài hát được phát triển từ chất liệu dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh, với phong cách mượt mà, trữ tình, rất đặc trưng cho chất giọng và phong cách âm nhạc của vùng đất miền Trung giàu văn hóa này.

Lời ca giản dị, gần gũi như lời trò chuyện, như lời tự sự của người xa quê, được khéo léo lồng ghép trong giai điệu sâu lắng. Cách hát của ca khúc đòi hỏi sự nhẹ nhàng, tự nhiên, dùng khoảng vang ở lồng ngực để tạo độ rền, kết hợp với lời hát nói dân gian tạo nên một hình thức thể hiện tình cảm sâu sắc mà không phô trương, vừa mộc mạc vừa đầy xúc động.

“*Khúc hát sông quê*” không chỉ là một bài hát, mà còn là một lát cắt tinh tế của ký ức, tái hiện tuổi thơ bên dòng sông, những buổi chiều quê thanh bình, tiếng ru, câu hò, và cả những khao khát được trở về, được tìm lại chính mình trong nhịp sống xô bồ hiện đại. Tác phẩm là sự kết hợp hài hòa giữa âm nhạc dân gian và thơ ca hiện đại, tạo nên một không gian nghệ thuật lãng mạn, đầy chiều sâu.

Bằng tất cả những giá trị nghệ thuật và cảm xúc mà nó mang lại, “*Khúc hát sông quê*” đã trở thành một phần của đời sống tinh thần người Việt, là biểu tượng âm nhạc gợi nhắc về quê hương, tuổi thơ, và những điều thân thuộc nhất trong tâm hồn mỗi người. Đây thực sự là một tác phẩm nghệ thuật giàu ý nghĩa, góp phần nuôi dưỡng tình yêu quê hương trong lòng bao thế hệ.

Ca khúc “Quảng Nam yêu thương (Sáng tác: Phan Huỳnh Điểu)

Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, sinh năm 1924 tại Điện Bàn, Quảng Nam, là một trong những cây đại thụ của nền âm nhạc cách mạng Việt Nam, được mệnh danh là “Con chim sơn ca của dòng nhạc trữ tình”. Ông để lại nhiều tác phẩm gắn bó sâu sắc với quê hương, đất nước và con người Việt Nam.

Ra đời năm 1982, ca khúc “*Quảng Nam yêu thương*” là một sáng tác giàu cảm xúc, thấm đượm tình yêu quê hương, là lời tri ân chân thành

của nhạc sĩ dành cho mảnh đất xứ Quảng, nơi chôn nhau cắt rốn của ông. Ca khúc được viết theo hình thức hai đoạn đơn, nhịp 2/4, giọng thứ, với tiết tấu vừa phải, tạo cảm giác nhẹ nhàng, trầm lắng.

Giai điệu bài hát mang đậm chất dân gian, được phát triển từ âm hưởng dân ca Bài Chòi Quảng Nam, mềm mại, chân chất mà sâu lắng. Lời ca giản dị, gần gũi, đậm tình quê hương, dễ dàng chạm đến trái tim người nghe.

Phong cách trình diễn đòi hỏi sự mộc mạc, tự nhiên, mang hơi hướng tự sự, như lời thủ thỉ, tâm tình của người con xa quê gửi về miền đất mẹ. Kỹ thuật Legato (hát liền giọng) được vận dụng linh hoạt, kết hợp với chất giọng đầy cảm xúc, tạo nên âm thanh mượt mà, ấm áp, đúng với tinh thần trữ tình của tác phẩm.

“*Quảng Nam yêu thương*” không chỉ là lời ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên, văn hóa, con người xứ Quảng, mà còn là biểu tượng thiêng liêng của tình cảm quê hương. Bài hát đã trở thành một dấu ấn văn hóa đặc biệt của vùng đất Quảng Nam, được nhiều thế hệ khán giả yêu mến và ngân nga như một bản tình ca bất hủ.

Ca khúc “Lời ru trên nường” (Nhạc: Trần Hoàn, Thơ: Nguyễn Khoa Điềm)

Đây là một ca khúc được phát triển từ âm nhạc dân gian, dân tộc Tây Nguyên nổi bật của nhạc sĩ Trần Hoàn, được phổ nhạc từ bài thơ “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” do nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm sáng tác vào năm 1971 trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tác phẩm là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất liệu dân gian vùng Tây Nguyên và tinh thần cách mạng, ca ngợi hình ảnh người mẹ Tà Ôi tảo tần, giàu đức hy sinh.

Ca khúc có hình thức hai đoạn đơn, viết ở nhịp 2/4, giọng trưởng (La trưởng - Adur), tiết tấu chậm, tha thiết, giàu tính trữ tình. Giai điệu mượt mà, liền mạch, mang đậm chất dân ca Tây Nguyên, như dòng suối

nhỏ róc rách giữa đại ngàn. Từ đầu đến cuối là lời ru của người mẹ dành cho con một đứa trẻ lớn lên giữa rẫy nương, giữa kháng chiến.

Phần đầu của bài hát là lời ru nhẹ nhàng, sâu lắng, được thể hiện qua kỹ thuật hát Legato (hát liền giọng), với các âm sắc mềm mại, ấm áp, gợi tình mẫu tử thiêng liêng. Đến phần hai, tiết tấu trở nên hoạt bát, trong sáng, phản ánh hình ảnh người mẹ lao động miệt mài, say sưa gĩa gạo, phát rẫy, đập rừng chuyển lán, nuôi bộ đội đánh Mỹ những việc làm vừa bình dị, vừa cao cả.

Ca khúc đòi hỏi người thể hiện có khả năng xử lý linh hoạt kỹ thuật thanh nhạc: Từ luyện láy mềm mại, đến hát Maccato (hát nảy gọn) rõ ràng, dứt khoát trong phần có tiết tấu nhanh. Người hát cần chú ý đến cách nhả chữ, vị trí âm thanh, hơi thở dài ở những âm khu cao, đặc biệt khi ngân dài các câu mang tính cao trào cảm xúc.

“*Lời ru trên nương*” không chỉ là tiếng hát của người mẹ ru con, mà còn là khát vọng sống, khát vọng hòa bình, là tình yêu con hòa vào tình yêu bộ đội, tình yêu làng bản, và tình yêu đất nước. Tình mẫu tử trong bài hát không dừng lại ở tình riêng, mà mở rộng thành tình dân tộc, thể hiện qua hình ảnh người mẹ nhỏ bé mà kiên cường, gánh trên vai cả tương lai của quê hương.

Tác phẩm là khúc hát ru hiện đại giữa thời bom đạn, giữa “con giông tối tăm mù mịt”, nhưng vẫn tỏa sáng bằng những hình ảnh đẹp đẽ của cuộc sống thanh bình trong mơ ước. Hình ảnh “mồ hôi mẹ rơi rơi”, “vai mẹ gầy nháp nhô trên nương rẫy” là biểu tượng cho sự hy sinh thầm lặng nhưng cao cả của người phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến.

“*Lời ru trên nương*” là một tác phẩm đặc sắc của nền âm nhạc cách mạng Việt Nam, kết hợp hài hòa giữa chất dân ca Tây Nguyên và âm hưởng trữ tình sâu sắc. Bài hát không chỉ là tiếng lòng của người mẹ mà còn là bản anh hùng ca nhẹ nhàng, sâu lắng về sức sống, sự kiên cường và tình yêu thương vô bờ bến dành cho con, cho làng bản và cho Tổ quốc.

Ca khúc “Trồng cây lại nhớ tới Người” (Cải biên và đặt lời: Đỗ Nhuận)

Nhạc sĩ Đỗ Nhuận, sinh năm 1922 tại Bình Giang, Hải Dương, là một trong những nhạc sĩ tiêu biểu của nền âm nhạc Cách mạng Việt Nam. Ông có đóng góp to lớn trong việc sáng tác nhiều ca khúc đi cùng năm tháng, mang đậm tính dân tộc và cách mạng. Trong sự nghiệp sáng tác đồ sộ của mình, ca khúc *“Trồng cây lại nhớ đến Người”*, ra đời năm 1969, là một minh chứng rõ nét cho tài năng và tình cảm sâu sắc của ông dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.

“Trồng cây lại nhớ đến Người” được viết ở hình thức hai đoạn đơn, sử dụng nhịp 2/4 và giọng thứ, tạo nên một không gian âm nhạc trữ tình, da diết. Điểm đặc biệt của ca khúc nằm ở chỗ, nhạc sĩ đã khéo léo sử dụng âm nhạc tự do, gợi nhớ đến lối hát dân gian của dân ca Ví Giặm, một loại hình nghệ thuật truyền thống của vùng Nghệ Tĩnh. Từ chất liệu dân gian này, nhạc sĩ đã cải biên giai điệu và tiết tấu theo âm hình giống với bài hát dân ca *“Giận mà thương”*, tạo nên sự gần gũi, thân quen đối với người nghe.

Giai điệu của ca khúc mượt mà, da diết, thể hiện tình cảm sâu sắc, lòng kính yêu vô bờ bến đối với Bác Hồ. Lối hát tự do như kể chuyện, kết hợp với âm hưởng dân ca Ví Giặm, giúp nhạc sĩ kể về Bác một cách mộc mạc, giản dị nhưng vô cùng tinh tế và thuyết phục. Cách luyến láy đặc trưng từ giọng nói của người Xứ Nghệ, cùng với tiết tấu đơn giản, tạo cho người nghe cảm nhận được sự ấm áp, hòa quyện giữa lời ca và âm nhạc.

Để biểu diễn ca khúc này một cách thành công, cần chú trọng đến cách hát mộc mạc, luyến láy mềm mại và ngân rung đặc trưng của dân ca Xứ Nghệ. Có thể kết hợp với kỹ thuật hát Legato (hát liền giọng) để tạo độ dày và ấm trong từng câu hát. Đặc biệt, cần chú ý các nốt luyến từ thấp lên cao, giữ vị trí âm thanh và điều tiết hơi thở sao cho âm thanh tròn đầy, mỗi câu hát được tròn vành rõ chữ. Việc nắm vững và vận dụng

linh hoạt những kỹ thuật này, sẽ giúp người biểu diễn truyền tải trọn vẹn cảm xúc và thông điệp của ca khúc đến với khán giả.

Mục tiêu trong phần này, giúp HV-SV không chỉ hát đúng kỹ thuật mà còn truyền tải được cảm xúc và chiều sâu văn hóa. Hiểu bối cảnh văn hóa, lịch sử và tinh thần của bài hát qua hoàn cảnh sáng tác, tâm tư, tình cảm của người dân vùng nơi ca khúc mang âm hưởng; liên hệ với giá trị lịch sử - xã hội - truyền thống dân tộc. Điều này đặc biệt quan trọng với HV-SV việc hiểu dân ca không chỉ là biểu diễn nghệ thuật mà còn là một phần của giáo dục tư tưởng và lòng yêu nước.

Khâu chuẩn bị nội dung không đơn thuần là chọn bài hát, mà là cả một quá trình xây dựng nền tảng học thuật, nghệ thuật và giáo dục tư tưởng. Chuẩn bị tốt sẽ giúp HV-SV thực hành biểu diễn một cách sâu sắc, giàu bản sắc, đúng định hướng của Nhà trường và quan trọng hơn góp phần giữ gìn, phát huy âm nhạc truyền thống dân tộc Việt Nam.

3.2.2.2. Luyện tập

Sau khi đã lựa chọn được bài hát phù hợp và phân công rõ ràng, khâu luyện tập đóng vai trò then chốt để chuyển hóa chất liệu âm nhạc dân gian thành biểu hiện nghệ thuật sống động, mang đậm bản sắc vùng miền và cá tính người biểu diễn. Giai đoạn này cần sự kèm cặp chặt chẽ của giảng viên, đồng thời phát huy tính sáng tạo, khả năng cảm thụ của HV-SV.

Hướng dẫn kỹ thuật âm nhạc dân gian

Giảng viên giúp HV-SV luyện tập kỹ năng luyện láy, nhả chữ, xử lý giai điệu theo đúng phong cách dân ca từng vùng: Dân ca Việt Nam không nhấn mạnh kỹ thuật hát cổ điển mà yêu cầu lối xử lý mềm mại, tinh tế, mang đậm phong cách truyền khẩu dân gian.

HV-SV cần luyện tập nhiều về kỹ thuật rung láy và cách luyện đặc trưng của ca khúc mang âm hưởng dân ca Bắc Bộ (chất liệu Chèo, Xẩm, Ca Trù, Quan họ). Tiêu biểu như ca khúc “*Về quê*” của Nhạc sĩ Phó Đức Phương, thực hiện kỹ thuật này ngay từ tiết nhạc đầu tiên.

VỀ QUÊ

Nhạc và lời: Phó Đức Phương

Theo em anh thì về, theo em anh thì
(Đưa nhau ta thì) ...về, đưa nhau ta thì

về thăm lại miền quê. Nơi có một triển
về nơi mẹ đưa nôi, nơi sáo diều chơi

đẽ, có hàng tre ru khi chiều về.
vời với dòng sông bên bờ

Ở đoạn nhạc này, người hát cần kết hợp giữa cách hát dân gian mộc mạc giản dị, sử dụng hơi thở ngực kết hợp với kỹ thuật thanh nhạc, Legato (hát liền giọng) một cách mềm mại để tạo cảm giác ấm áp và sâu lắng hơn.

Giảng viên hướng dẫn HV-SV hát đảm bảo tròn vành rõ chữ, xử lý giai điệu uyển chuyển, đúng đặc trưng của âm hưởng dân ca Trung Bộ (Ví Giặm, Hò Huế,...). Như ca khúc mang âm hưởng dân ca Ví Giặm - “Giận mà thương” của Nhạc sĩ Trần Hoàn:

GIẬN MÀ THƯƠNG

Nhạc và lời: Trần Hoàn

Em xa anh nghe câu dân ca. Giận mà thương sao mà da diết

thế. Ôi câu ca nặng tình nặng nghĩa có lúc nào anh giận em không.

Có lúc nào em giận anh không. Để thương suốt cả ngày em giận khi xa

nhau đến ngàn vạn dặm. Giận chẳng còn mà thương rộng dài thêm.

Ở đoạn nhạc này, giảng viên cần hướng dẫn cho HV-SV cách hát nói tự sự thể hiện đúng âm sắc và chất liệu âm nhạc dân ca Ví Giặm (Nghệ Tĩnh). Trong đó, lưu ý nhấn mạnh vào các nốt luyến đặc trưng (các phương ngữ như “răng”, “rứa”, “chứ”,...).

Giảng viên hướng dẫn HV-SV cách hát rung, ngân, lướt hơi theo chất liệu dân ca Nam Bộ (Đờn ca tài tử, Hò, Ví,...) như ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*” của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý:

*“Hò...ơi! Tóc dài ai xõ ngang vai
Phải người con gái, Mỏ Cà, Bến Tre”.*

Câu hò đặc trưng của dân ca Nam Bộ nêu trên, giúp HV-SV hiểu và vận dụng đúng chất liệu mộc mạc, giản dị, nhưng cũng không kém phần mượt mà mang đặc trưng dân ca của vùng đồng bằng sông nước Cửu Long. Điều này đã được tác giả thể hiện ngay trong những nốt nhạc dạo đầu của ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*”:

DÁNG ĐỨNG BẾN TRE

Vừa phải - Đằm thắm, yêu thương

Nhạc và lời: Nguyễn Văn Tý



Trong đoạn nhạc dạo đầu này, Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý đã sử dụng thang âm ngũ cung và cách luyện nhanh (Patinot), cách luyện từ dưới lên được lặp lại liên tục thể hiện rõ màu sắc âm nhạc dân ca Nam Bộ.

Đặc biệt, đoạn cao trào của ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*”, tác giả viết theo lối giai điệu đi lên, âm thanh treo nên người hát cần chú ý giữ hơi thở và vị trí âm thanh để thể hiện tốt cảm xúc, mà vẫn giữ được sự mềm mại của chất liệu âm nhạc dân ca Nam Bộ:

Giảng viên hướng dẫn HV-SV cách hát rung nhẹ, lướt hơi linh hoạt trong các điệu dân ca mang tính diễn xướng, hát đối đáp giao duyên của dân ca miền núi phía Bắc (Tày, Mông, Thái,...) với kỹ thuật thanh nhạc hàn lâm Marcato, Saccato (hát nảy ngon, sắc nét) tạo nên tính chuyên nghiệp và hiệu quả cảm xúc hơn. Điều này, có thể thấy rõ trong ca khúc “*Gọi Trăng*” của Nhạc sĩ Hồ Trọng Tuấn.

GỌI TRĂNG

Tốp nữ

Sáng tác: Hồ Trọng Tuấn

Pa pa pa pa hãy chờ. Pa pa pa pa hãy chờ. Pa pa pa pa hãy chờ.

Ấy ơi ầy ơi ơ. Gọi trăng lên sáng soi núi rừng, suối róc
(Cùng tiếng) hát ngân vang núi rừng, Em xòa

rách hát mãi chuyện tình. Lung linh sao trời lạc vào đôi mắt
tóc dưới suối then thùng. Trăng cũng như vui đùa ngập tràn trong suối với..

Em. Cùng tiếng... Em, hát lời tình yêu.
(Ơ)

Giảng viên chú ý hướng dẫn HV-SV kỹ thuật ngân rung kéo dài, các âm ngân đặc trưng trong chất liệu Xẩm, hát Vần, Ca trù khi thể hiện

ca khúc mang âm hưởng dân ca Bắc Bộ đạt được hiệu quả và mang tính nghệ thuật cao. Điều này, rất quan trọng trong việc kết hợp hài hòa giữa âm nhạc truyền thống và âm nhạc hiện đại trong quá trình thể hiện. Tiêu biểu như ca khúc “*Đất nước lời ru*” của Nhạc sĩ Văn Thành Nho.

ĐẤT NƯỚC LỜI RU

Chậm - Sâu lắng **Nhạc và lời: Văn Thành Nho**

Ru con mẹ ru con tiếng ru cả cuộc đời. Ru con lời ru cất
(Ru) con mẹ ru con tiếng ru cả cuộc đời. Ru con lời ru cất
lên tự ngàn đời. Mẹ Âu Cơ từ xa xưa đi khai thiên lập
lên tự ngàn đời. Biển xanh xanh, trời xanh xanh cho con bao hy
địa. Lạc Long Quân cùng bao con đi ra nơi biển cả.
vọng. Rừng xanh xanh, dòng sông xanh cho con bao hy vọng.

Nóng nhiệt

Đề đất nước mây rục rờ một gấm vóc mãi
Lửa đã cháy ở phía trước, lửa sáng mãi tình

Ở đoạn mở đầu của ca khúc “*Đất nước lời ru*”, nhạc sĩ sử dụng âm khu thấp kết hợp với các chuỗi nốt luyến liên tục, gợi nên không khí sâu lắng, trầm tư như lời ru của mẹ vang vọng giữa không gian ký ức. Âm hình tiết tấu tuy chậm rãi nhưng lại xuất hiện nhiều nốt chấm đôi, tạo nên nhịp ngắt đặc trưng trong câu hát. Điều này đòi hỏi người biểu diễn phải kiểm soát tốt hơi thở và tiết chế lực giọng, đồng thời sử dụng khoảng vang ở ngực để tạo độ rền, nền và nảy phù hợp. Việc nhấn vào các nốt thấp không chỉ giúp câu hát rõ ràng về âm thanh mà còn truyền tải trọn vẹn chiều sâu cảm xúc, đó là nỗi niềm, sự tĩnh tại và thiêng liêng gắn với hình tượng người mẹ, với đất nước.

Sang đoạn phát triển, tác phẩm chuyển lên âm khu cao, thể hiện cao trào về cảm xúc và tinh thần. Giọng hát cần thể hiện được sự mạnh mẽ, dứt khoát nhưng vẫn giữ độ mềm mại và truyền cảm. Đặc biệt, việc nhấn và ngân rung ở cuối câu đóng vai trò quan trọng trong việc khắc họa nỗi da diết, khát vọng vươn tới một tương lai yên bình. Đây chính là điểm giao thoa giữa kỹ thuật thanh nhạc và biểu cảm nội tâm, nơi người nghệ sĩ không chỉ hát bằng giọng mà còn bằng trái tim để “thổi hồn” vào từng ca từ của bài hát.

Nồng nhiệt

Đề đất nước mấy rục rờ một gấm vóc mãi
 Lửa đã cháy ở phía trước, lửa sáng mãi tinh
 rạng rỡ. Qua bao gian lao Việt Nam ta, Ôi bao yêu thương Việt
 đất nước. Nên bao năm cha hành quân xa, Nay thêm bao con cùng
 Nam ta, ngàn lời ru trong bão giông, mà ngọt ngào sao
 đi xa, một màu xanh như áo cha để mẹ lại ru
 1. câu dân ca. Ru 2. ...la. À ơ ơ à
 trong bao

Tập luyện phong cách biểu diễn

Giảng viên chỉ cho HV-SV hiểu rõ tầm quan trọng của tư thế, điệu bộ, ánh mắt phù hợp với tinh thần của âm nhạc dân gian. Giảng viên hướng dẫn HV-SV cách đứng, ngồi, di chuyển tự nhiên, không gò bó như trình diễn cổ điển; Ánh mắt biểu cảm, ánh nhìn giao tiếp với người nghe, gần gũi, dân dã; Nét mặt vui tươi, hiền hậu hoặc sâu lắng tùy theo nội dung bài hát.

Ví dụ khi thể hiện ca khúc “*Tiếng khèn mùa ban nở*” của Nhạc sĩ Lê Minh, với tiết tấu vui tươi, trong sáng của cô gái, chàng trai miền Tây Bắc trong lễ hội mùa xuân, thì người hát phải thể hiện ánh mắt vui tươi, nụ cười rạng rỡ, bước chân nhanh nhẹn và đôi tay uyển chuyển linh hoạt phù hợp tiết tấu âm nhạc của tác phẩm. Người biểu diễn cần điều tiết từ cảm xúc đến hơi thở, phong cách biểu diễn phù hợp.

Người hát phải có phong cách biểu diễn phải thấm đẫm hơi thở đời sống, không sân khấu hóa quá mức, giữ đúng “hồn dân gian”. Với những ca khúc mang âm hưởng dân ca Quan Họ, Ví Giặm cần chú ý đến phong cách giao duyên, đối đáp. Quan họ và Ví Giặm là những thể loại có tính đối đáp giữa nam, nữ hướng dẫn HV-SV tương tác linh hoạt trên sân khấu, luyện sự phối hợp nhịp nhàng về lời, động tác, ánh mắt giữa các cặp hát. Đồng thời tái hiện được không khí giao duyên mộc mạc, tinh tế và đầy trân trọng.

Tập luyện đệm nhạc

Cần luyện tập sự phối nhịp nhàng giữa các bộ phận của đệm nhạc. Sử dụng nhạc cụ dân tộc (sáo, đàn bầu, đàn tranh, đàn nguyệt, trống,...) hoặc nhạc cụ phương Tây phối theo phong cách dân ca. Giảng viên hướng dẫn HV-SV làm quen với: Âm sắc nhạc cụ dân tộc: sáo - mượt mà, đàn tranh, réo rắt, đàn bầu, ngân vang,...

Giảng viên giúp HV-SV nhận biết sự tương quan giữa giọng hát và nhạc cụ để tạo lớp nền đệm tinh tế, không lấn át phần hát; Kết hợp khéo léo các yếu tố dân tộc và hiện đại giúp tạo chiều sâu âm nhạc; Có thể kết hợp hát mộc hoặc phối khí nhẹ nhàng tùy mục đích thực hành hát mộc phù hợp với dân ca Ru, Lý, Ví, nhấn mạnh cảm xúc mộc mạc, gần gũi; Phối khí nhẹ nhàng: khi cần dàn dựng bài bản, biểu diễn chính thức, giúp bài hát có chiều sâu về bố cục và âm sắc.

Trong ca khúc “*Ngẫu hứng Sông Hồng*” của Nhạc sĩ Trần Tiến, một ca khúc mang chất liệu âm nhạc đồng bằng Bắc Bộ với phong cách

dân gian đương đại. Vì thế, trong bản phối khí ca khúc này, cần kết hợp một số nhạc cụ phương Tây (trống điện tử, Guitar, Violin, Bass,...) với nhạc cụ âm nhạc truyền thống (Sáo trúc, đàn nhị, đàn đáy,...).

3.2.2.3. Dàn dựng và tổng duyệt

Đây là giai đoạn quyết định chất lượng biểu diễn, bảo đảm chương trình được thể hiện mượt mà, truyền cảm, đúng tinh thần nghệ thuật dân gian. Khâu này gồm hai phần chính: dàn dựng sân khấu và tổng duyệt chương trình.

Dàn dựng sân khấu

Mục tiêu của việc dàn dựng sân khấu là tạo dựng không gian biểu diễn gần gũi, gợi cảm xúc truyền thống, giúp người xem dễ dàng “nhập tâm” vào nội dung chương trình. Thiết kế bối cảnh gần gũi với không gian dân gian. Cụ thể, bối cảnh được xây dựng theo phong cách làng quê Việt Nam với các hình ảnh quen thuộc như con đò, dòng sông, lũy tre, đình làng, trong ca khúc “*Về quê*” của Nhạc sĩ Phó Đức Phương. Hay những hình ảnh minh họa về miền sông nước Cửu Long với hình ảnh con đò, rừng dừa trong màn trình diễn ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*” của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý. Cách dàn dựng này giúp khán giả dễ dàng liên tưởng đến nếp sống xưa, làm nổi bật yếu tố bản sắc văn hóa và tạo không gian trữ tình, ấm cúng.

Lựa chọn trang phục như áo tứ thân, áo dài khăn đóng, áo bà ba,... nhằm khắc họa rõ nét tính chất địa phương của tiết mục. Việc sử dụng đúng phục trang không chỉ tăng tính thẩm mỹ mà còn giúp tôn vinh bản sắc vùng miền, nâng cao giá trị nghệ thuật và sự đồng điệu giữa trang phục và nội dung biểu diễn. Trong màn trình diễn ca khúc “*Gọi Trăng*” của Nhạc sĩ Hồ Trọng Tuấn, nhóm nghệ sĩ thể hiện hóa thân vào những cô gái Tày với trang phục đặc trưng.

Tổng duyệt chương trình

Mục tiêu của việc tổng duyệt chương trình là hoàn thiện các kỹ năng biểu diễn, đảm bảo sự phối hợp ăn ý giữa các thành viên và điều chỉnh các lỗi kỹ thuật trước khi diễn chính thức. Rà soát kỹ năng hát, đệm, dàn dựng để kiểm tra khả năng hát đúng cao độ, trường độ. Đảm bảo phần đệm đàn, nhạc cụ ăn khớp với phần hát và bố cục sân khấu hợp lý. Kiểm tra sự nhất quán giữa phần âm nhạc, lời ca và các động tác biểu diễn.

Chỉnh sửa các lỗi về cao độ, tiết tấu, phối hợp nhóm, phong cách biểu diễn như: Hiệu chỉnh những chỗ sai trong cao độ, nhịp phách, lỗi xử lý câu nhạc; Điều chỉnh phong cách biểu diễn cho đúng chất dân ca/truyền thống (tránh hiện đại hóa quá mức); Góp ý và hướng dẫn các nhóm phối hợp tốt hơn, ăn ý trong từng tiết mục để tạo nên một tổng thể hòa quyện.

Khâu dàn dựng và tổng duyệt không chỉ là bước kỹ thuật mà còn mang tính nghệ thuật sâu sắc. Việc thiết kế bối cảnh hợp lý, lựa chọn phục trang phù hợp và rà soát chương trình cẩn thận giúp nâng cao chất lượng chuyên môn, giá trị văn hóa, đồng thời tạo nên những ấn tượng cảm xúc sâu đậm trong lòng khán giả. Đây là yếu tố quyết định để chương trình thành công về cả hình thức lẫn nội dung.

3.2.2.4. Tổ chức biểu diễn

Đây là giai đoạn quan trọng để hiện thực hóa toàn bộ quá trình tập luyện, dàn dựng thành một chương trình biểu diễn hoàn chỉnh. Khâu tổ chức tốt không chỉ đảm bảo chương trình diễn ra suôn sẻ, mạch lạc mà còn giúp tôn vinh giá trị nghệ thuật dân gian một cách trọn vẹn.

Sắp xếp thứ tự tiết mục hợp lý

Mục tiêu của việc kiểm tra sắp xếp lại thứ tự tiết mục nhằm tạo mạch diễn hợp lý, giữ được hứng thú và sự theo dõi của khán giả trong

suốt chương trình. Xen kẽ các miền để giữ sự đa dạng và liên mạch việc sắp xếp tiết mục cần cân nhắc yếu tố vùng miền theo bảng một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tiêu biểu lựa chọn thực hành biểu diễn (Bảng 3.2.)

Cách xen kẽ này giúp tránh nhàm chán, tăng tính đa dạng, đồng thời thể hiện rõ bản sắc của từng vùng trong tổng thể chương trình. Cũng cần tính toán giữa các tiết mục sôi động và trữ tình để chương trình có nhịp điệu thăng trầm, tạo cảm xúc tự nhiên.

Đảm bảo kỹ thuật sân khấu

Mục tiêu của việc đảm bảo kỹ thuật sân khấu hỗ trợ hiệu quả cho phần biểu diễn, đảm bảo khán giả nghe nhìn trọn vẹn, đồng thời giữ đúng tinh thần dân gian. Âm thanh, ánh sáng hỗ trợ phù hợp. Âm thanh cần rõ ràng, không vang dội hoặc xử lý kỹ thuật quá hiện đại làm biến dạng tiếng hát dân gian. Ánh sáng đủ sáng để làm nổi bật diễn viên, nhưng không dùng hiệu ứng quá rực rỡ, tránh làm mất đi vẻ mộc mạc vốn có. Kỹ thuật sân khấu ở đây mang tính “trợ diễn”, không được lấn át hoặc làm sai lệch bản sắc truyền thống của chương trình.

Ghi hình, đánh giá

Mục tiêu của việc ghi hình đánh giá nhằm lưu giữ và nâng cao giá trị chương trình qua đánh giá và tư liệu hóa. Ghi lại để làm tư liệu học tập, nghiên cứu. Việc ghi hình giúp lưu trữ toàn bộ chương trình, tạo cơ hội để xem lại, chia sẻ và khai thác trong các hoạt động giáo dục, nghiên cứu sau này. Đây cũng là cách để quảng bá và lan tỏa giá trị nghệ thuật dân gian đến cộng đồng.

Giáo viên hướng dẫn đánh giá chuyên môn từng tiết mục

Sau biểu diễn, giáo viên sẽ nhận xét cụ thể về giọng hát, cách thể hiện, phối hợp nhóm, thần thái biểu diễn,... Việc đánh giá này giúp học sinh/ diễn viên tự rút kinh nghiệm, hoàn thiện kỹ năng, đồng thời nâng cao tư duy nghệ thuật và nhận thức về giá trị dân gian.

Khâu tổ chức biểu diễn là điểm chốt quan trọng của toàn bộ quá trình chuẩn bị. Từ việc sắp xếp tiết mục một cách nghệ thuật, đảm bảo kỹ thuật sân khấu hợp lý cho đến công tác ghi hình và đánh giá chuyên môn, tất cả đều góp phần làm nên một chương trình trọn vẹn, hấp dẫn, đúng chất dân gian. Đây không chỉ là một buổi biểu diễn mà còn là cơ hội lan tỏa văn hóa truyền thống đến cộng đồng một cách hiệu quả và sâu sắc.

3.2.2.5. Một số lưu ý thực hành biểu diễn

Về chuyên môn âm nhạc

Mục tiêu về chuyên môn âm nhạc cần giữ gìn hồn cốt của dân ca truyền thống, tránh lai tạp hoặc hiện đại hóa làm sai lệch bản chất nghệ thuật. Dân ca là kết tinh của đời sống lao động, sinh hoạt và tâm hồn dân tộc qua nhiều thế hệ. Việc hiện đại hóa quá mức. Ví dụ phối khí ca khúc “*Ngẫu hứng Sông Hồng*”, “*Tiếng khèn mùa ban nỡ*”, “*Đất nước lời ru*”, “*Về quê*”, “*Gọi Trăng*”,... cần cân đối và điều tiết để phần nhạc đệm hiện đại để tạo nên sự sang trọng, gần gũi trong tiếp cận với giới trẻ nhưng vẫn không làm mất đi chất mộc mạc, tinh tế vốn có của âm nhạc truyền thống.

Hát rõ lời, tròn vành, mang màu sắc vùng miền. Dân ca không chỉ là âm thanh mà còn là ngôn ngữ. Người hát cần phát âm chuẩn tiếng địa phương, hát rõ chữ, đúng cao độ, tiết tấu và giai điệu, truyền tải đúng thông điệp và cảm xúc của bài dân ca đó. Điều này thể hiện rõ trong ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*”, “*Giận mà thương*” đều có những đặc trưng đậm chất vùng miền được thể hiện rõ nét qua các phương ngữ và âm hình, tiết tấu và giai điệu của tác phẩm.

Tránh kỹ thuật Belting, Vibrato kiểu nhạc nhẹ phương Tây. Những kỹ thuật như Belting (hát căng giọng) hay Vibrato (rung giọng) vốn phổ biến trong nhạc nhẹ phương Tây không phù hợp với chất mềm mại, nhẹ nhàng của dân ca. Việc lạm dụng các kỹ thuật này dễ khiến bài hát bị mất chất truyền thống, nghe “lai căng”. Điều này được thể hiện rõ trong ca khúc “*Trầu Không*”, “*Đi đâu để thấy hoa bay*”, “*Ngẫu hứng Sông Hồng*”.

Về trang phục đạo cụ

Mục tiêu của trang phục, đạo cụ là góp phần tái hiện bối cảnh văn hóa truyền thống, hỗ trợ biểu diễn mà không lấn át nội dung. Trang phục phù hợp vùng miền, tránh sân khấu hóa hiện đại. Trang phục biểu diễn cần đúng với vùng miền thể hiện áo tứ thân, áo dài khăn đóng, áo bà ba, váy Mùng, khăn Piêu,... Tránh dùng các trang phục lấp lánh, kiểu dáng cách tân quá đà, hoặc mang phong cách trình diễn ca nhạc hiện đại. Đạo cụ đơn giản, mang tính biểu trưng truyền thống. Nên sử dụng các đạo cụ dân gian như nón lá, quạt giấy, khăn mỏ quạ, thúng, gánh, chiếu cói,... Đây là những vật dụng quen thuộc giúp gợi hình ảnh đời sống nông thôn Việt Nam, đồng thời tạo sự mộc mạc, gần gũi trên sân khấu.

Về tinh thần thể hiện

Mục tiêu tinh thần thể hiện đúng tinh thần của dân ca, chân thực, truyền cảm, giản dị mà sâu sắc. Hát dân ca không chỉ là hát đúng mà còn là “diễn” bằng trái tim, với sự khiêm nhường và niềm tự hào văn hóa. Cần truyền được cảm xúc thật, sự rung động với giá trị truyền thống. Biểu diễn dân ca không nên giống như sân khấu kịch hay ca nhạc sôi động. Việc lạm dụng động tác hình thể, diễn quá “gồng”, hay dùng ánh sáng màu sắc lòe loẹt dễ làm lệch tinh thần nguyên bản, mất đi vẻ bình dị vốn có của dân ca.

Về giáo dục

Mục tiêu về giáo dục biến quá trình dàn dựng, biểu diễn dân ca thành một trải nghiệm học tập, nuôi dưỡng hiểu biết và niềm yêu quý văn hóa dân tộc. Giải thích ý nghĩa, xuất xứ bài hát. Trước hoặc sau mỗi tiết mục, nên lồng ghép phần giới thiệu về lịch sử, bối cảnh ra đời của ca khúc mang âm hưởng dân ca giúp người nghe hiểu được thông điệp, nét đặc trưng của từng vùng, đồng thời nâng cao giá trị giáo dục và truyền thông. Khuyến khích tìm hiểu, phân tích, sáng tạo. Không nên chỉ học thuộc lòng bài hát. Thay vào đó, nên tạo cơ hội cho HV-SV nghiên cứu

các làn điệu khác nhau, phân tích giai điệu, lời ca, thậm chí tự dàn dựng hoặc phối lại theo tinh thần dân gian để tăng tính chủ động, sáng tạo và gắn bó với di sản.

Những lưu ý cụ thể này không chỉ là nguyên tắc kỹ thuật mà còn là định hướng tư duy khi tiếp cận nghệ thuật dân gian. Giữ được hồn cốt, biết tôn trọng bản sắc, đồng thời hiểu, cảm, sáng tạo có ý thức chính là cách giúp dân ca “sống” trong thế hệ trẻ, lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống đương đại một cách bền vững.

3.2.3. Đánh giá về chất lượng phương pháp biểu diễn một số ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội

Sau khi giảng viên và HV-SV Khoa Thanh nhạc tổ chức thực hành biểu diễn một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tiêu (Bảng 3.2) tại Nhà hát Nghệ thuật thực hành – Trường Đại học VHNT Quân đội.

Các chuyên gia đã tiến hành đánh giá chất lượng phương pháp biểu diễn cần được thực hiện một cách toàn diện, kết hợp giữa các tiêu chí chuyên môn, tính nghệ thuật và tinh thần văn hóa. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

3.2.3.1. Tính chuẩn mực về phong cách dân ca

Tính chuẩn mực về phong cách dân ca là một yếu tố cốt lõi trong việc thể hiện đúng tinh thần và giá trị văn hóa của các ca khúc mang âm hưởng dân ca. Vì vậy khi đánh giá, các chuyên gia đã tập trung phân tích và đánh giá trên hai khía cạnh chính:

Một là, sự phù hợp với dòng dân ca đã lựa chọn biểu diễn: Với một số ca khúc mà GV và HV-SV Khoa Thanh nhạc lựa chọn biểu diễn, mang những đặc trưng riêng biệt về cách hát, giai điệu, cách luyến láy, phát âm, tiết tấu và phong thái biểu diễn. Người biểu diễn đã thể hiện được sự hiểu biết và tuân thủ đúng phong cách, thể hiện đúng chất liệu dân ca phù hợp. Cụ thể, Hội đồng đánh giá như sau:

- **Ngẫu hứng Sông Hồng** (Trần Tiến): Học viên đã thể hiện rõ tính chất của tác phẩm. Đó là giai điệu mang màu sắc dân gian đương đại, kết hợp khéo léo giữa truyền thống và hiện đại, gợi nhắc đến dân ca đồng bằng Bắc Bộ và đặc biệt là âm hưởng của bài dân ca “Trống cơm”. Nhóm đã kết hợp giữa cách hát ca khúc mang âm hưởng dân ca Bắc Bộ và kỹ thanh nhạc hiện đại. Trong đó đã xử các đoạn luyến láy, sử dụng kỹ thuật hát lướt nhanh (Glissando) tạo cảm giác bay bổng, mềm mại và đầy biểu cảm, thể hiện rõ nét cái hồn của dân ca Bắc Bộ trong một diện mạo âm nhạc mới mẻ, trẻ trung.

- **Đất nước lời ru** (Văn Thành Nho): Giảng viên đã thể hiện rõ chất liệu âm nhạc dân gian Bắc Bộ, cụ thể là Ca Trù. Nghệ sĩ đã thể hiện tốt sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại trong xử lý tác phẩm. Đặc biệt, nghệ sĩ đã sử dụng kỹ thuật rung, luyến, âm ngâm đặc trưng của âm nhạc dân gian Bắc Bộ (Ca Trù), kết hợp với lối hát nảy, ngọn (Marcato) rõ lời, góp phần khắc họa chân thực nội tâm của nhân vật và chiều sâu cảm xúc của toàn ca khúc.

- **Trầu Không** (Nhạc: Nguyễn Quang Hưng – Phạm Kim Anh): Học viên đã thể hiện ca khúc thành công trên phương diện dung hòa giữa các yếu tố âm nhạc truyền thống và cách hát hiện đại. Trong đó đã sử dụng nhiều kỹ thuật đặc trưng của dân ca Bắc Bộ như rung, luyến, ngắt nhịp (Marcato), nhấn nhá, nảy gọn và âm ngâm, tạo nên sắc thái mộc mạc, gần gũi, đồng thời làm nổi bật chất “hát ru” truyền thống. Đây cũng là một trong những yếu tố giúp bài hát thể hiện trọn vẹn vẻ đẹp của lối hát ru, hát kể, một cách kể chuyện bằng âm nhạc rất riêng trong văn hóa dân gian.

- **Về quê** (Phó Đức Phương): Học viên đã thể hiện sự dày dặn trong xử lý tác phẩm mang âm hưởng dân ca Bắc Bộ, đặc biệt là chất liệu Chèo. Học viên đã kết hợp được lối hát dân gian truyền thống và kỹ thuật thanh nhạc hàn lâm. Trong đó đã sử dụng cách hát luyến-láy mềm mại, kết hợp nhuần nhuyễn với rung-ngâm đặc trưng với kỹ thuật hát Legato (hát liền giọng) tạo nên sự mượt mà và uyển chuyển trong từng câu hát.

Sự kết hợp này không chỉ thể hiện rõ kỹ thuật thanh nhạc mà còn làm nổi bật tinh thần mộc mạc, chan chứa tình cảm quê nhà mà tác phẩm muốn truyền tải.

- **Gọi Trăng** (Hò Trọng Tuấn): Tốp ca nữ đã thể hiện xuất sắc ca khúc “*Gọi Trăng*” với sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại. Nhóm đã vận dụng kỹ thuật hát Marcato (hát nảy, rõ lời) cùng lối hát đối dân gian, tạo nên sự sinh động, gần gũi và giàu cảm xúc trong biểu diễn. Đặc biệt, các học viên thể hiện rõ chất liệu dân ca miền núi phía Bắc, nổi bật là âm sắc Then Tày truyền thống, mang lại màu sắc âm nhạc đặc trưng, đậm đà bản sắc. Tiết mục không chỉ là lời ca ngợi quê hương, thiên nhiên, con người mà còn là một khúc tâm tình sâu sắc, giúp khơi gợi trong lòng người nghe sự xúc động, niềm tự hào và tình yêu tha thiết với cội nguồn văn hóa dân tộc.

- **Tiếng khèn mùa ban nở** (Nhạc: Lê Minh – Thơ: Nguyễn Như): Tiết mục gây ấn tượng nhờ kỹ thuật luyến nhanh đặc trưng của dân ca Mông kết hợp với hát Marcato (nảy, gọn, rõ lời), giúp phác họa sinh động hình ảnh vùng cao Tây Bắc mùa xuân với hoa ban trắng, điệu múa xòe, tiếng khèn tình tứ và những phiên chợ rộn ràng. Tác phẩm không chỉ là bản nhạc xuân tươi vui, mà còn là bức tranh nghệ thuật đầy sắc màu, ngợi ca tình yêu, cuộc sống và bản sắc văn hóa dân tộc nơi rẻo cao, mang đến nhiều cảm xúc đẹp cho người nghe.

- **Lời Ru** (Nhạc Lê Minh – Thơ: Hoàng Hạnh): Học viên đã mang đến một phần trình diễn độc đáo khi kết hợp hài hòa giữa lối hát dân gian truyền thống và phong cách Rap hiện đại. Qua đó, khắc họa rõ chất liệu dân ca đồng bằng Bắc Bộ (Hát Ru) – trữ tình, sâu lắng và chan chứa tình cảm mẫu tử. Phần trình bày sử dụng kỹ thuật hát Legato mềm mại, kết hợp giọng hát mộc mạc, giản dị, giúp liên mạch cảm xúc và làm nổi bật tình yêu thương, sự gắn bó giữa mẹ và con. Tác phẩm “*Lời Ru*” không chỉ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, mà còn là bản hòa ca đong đầy tình quê, tình người, góp phần gìn giữ giá trị đạo lý truyền thống, văn hóa dân tộc, và khơi dậy lòng biết ơn, hướng về cội nguồn trong lòng người nghe.

- ***Đi đâu để thấy hoa bay*** (Quang Dũng): Nhóm học viên đã thể hiện thành công ca khúc với chất liệu dân ca Bắc Bộ, mang đến một không gian âm nhạc vừa thân thuộc vừa mới mẻ. Giai điệu dân gian được lồng ghép tinh tế trong kết cấu hiện đại, giúp tác phẩm gần gũi nhưng vẫn bắt nhịp với hơi thở thời đại. Các học viên vận dụng hiệu quả kỹ thuật hát Bel Canto, giữ hơi thở ổn định, âm sắc nhẹ nhàng, tạo nên lối hát thủ thỉ, tự sự, góp phần truyền tải nỗi nhớ cha sâu lắng và chân thành. Tác phẩm “*Đi đâu để thấy hoa bay*” được thể hiện như một bức tranh âm nhạc đậm chất nhân văn, chan chứa tình cảm gia đình, sự tri ân và tình yêu thương dành cho cha, người lặng lẽ đồng hành, là điểm tựa trong suốt hành trình trưởng thành. Phần trình diễn không phô trương nhưng đầy cảm xúc, để lại dư âm sâu sắc trong lòng người nghe.

- ***Giận mà thương*** (Trần Hoàn): Tiết mục được nhận định là sự kết hợp hài hòa giữa chất liệu dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh và kỹ thuật thanh nhạc học thuật. Với giọng Soprano trữ tình, nghệ sĩ xử lý tinh tế từng khúc thức, sử dụng nhuần nhuyễn kỹ thuật Legato, luyến láy mềm mại, rung nhẹ, cùng lối hát nói tự do theo ngữ điệu miền Trung, tất cả tạo nên mạch cảm xúc liền mạch, sâu lắng. Tiết mục thể hiện rõ thông điệp về tình nghĩa vợ chồng Việt Nam, những cảm xúc giận, thương, trách, nhớ đan xen, đồng thời tôn vinh đức hy sinh và sự bao dung của người phụ nữ trong đời sống truyền thống. Hội đồng nhận định đây là phần biểu diễn giàu bản sắc, giàu cảm xúc, là minh chứng cho năng lực gìn giữ, làm mới và lan tỏa giá trị dân ca Việt trong nghệ thuật thanh nhạc.

- ***Dáng đứng Bến Tre*** (Nguyễn Văn Tý): Nghệ sĩ khéo léo kết hợp chất liệu dân ca Nam Bộ với âm hưởng Đờn ca tài tử, tái hiện rõ nét không gian văn hóa đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Điểm nổi bật là việc vận dụng kỹ thuật Legato tinh tế, tạo nên âm thanh mềm mại, đầy cảm xúc, đồng thời vẫn giữ được sự sang trọng mang tính học thuật. Sự hòa quyện giữa kỹ thuật thanh nhạc hiện đại và chất liệu dân gian cho thấy trình độ chuyên môn vững vàng và sự am

hiểu sâu sắc văn hóa bản địa. Tiết mục không chỉ đạt chất lượng nghệ thuật cao mà còn lay động cảm xúc, khắc họa hình ảnh người phụ nữ Bến Tre hiền hậu, kiên cường, biểu tượng đẹp của quê hương Nam Bộ. Qua đó, “Dáng đứng Bến Tre” trở thành một bản tình ca sâu lắng, góp phần khơi dậy niềm tự hào dân tộc và ý thức gìn giữ văn hóa truyền thống trong lòng công chúng.

- **Đàn sáo Hậu Giang** (Sáng tác: Trần Long Ân): Nghệ sĩ đã vận dụng linh hoạt kỹ thuật *Marcato* và *Legato*, kết hợp nhịp nhàng giữa những đoạn vui tươi, rộn ràng và những đoạn trữ tình sâu lắng, tạo nên sự uyển chuyển và truyền cảm trong đường nét giai điệu. Đáng chú ý, nghệ sĩ không lạm dụng kỹ thuật thanh nhạc hàn lâm, mà lựa chọn lối thể hiện mộc mạc, chân thành, giữ được “cái hồn dân dã” vốn là tinh thần cốt lõi của tác phẩm. Cách hát như lời kể chuyện, cùng biểu cảm tự nhiên, giúp tái hiện sinh động không gian sông nước Hậu Giang, gợi lên niềm vui, khát vọng và tình yêu quê hương sâu sắc. Tổng thể, đây là một tiết mục tiêu biểu cho sự giao thoa giữa kỹ thuật thanh nhạc và bản sắc văn hóa dân tộc, mang giá trị nghệ thuật, tinh thần giáo dục và truyền cảm hứng mạnh mẽ.

- **Bài ca đất Phương Nam** (Nhạc: Lư Nhất Vũ, Thơ: Lê Giang): Nghệ sĩ xử lý tiết tấu một cách linh hoạt: Đoạn chậm sâu lắng, trữ tình như lời kể chân thành từ lòng đất mẹ; đoạn nhanh mạnh mẽ, dứt khoát, thể hiện rõ khí thế hào sảng và tinh thần quật cường của con người Nam Bộ trong hành trình khai mở, giữ nước. Việc sử dụng kỹ thuật luyến láy mang màu sắc dân gian đặc trưng vùng miền, cùng khả năng xử lý nốt cao có độ vang và ngân rung hợp lý, giúp phần trình bày đạt được sự tròn trịa về kỹ thuật thanh nhạc lẫn chiều sâu cảm xúc. Đặc biệt, nghệ sĩ khéo léo kết hợp kỹ thuật hát *Legato* để giữ được sự mềm mại và sang trọng, trong khi vẫn bảo tồn vẻ đẹp dân dã của ca khúc. Tổng thể, đây không chỉ là một tiết mục ca nhạc, mà còn là lời tuyên ngôn nghệ thuật giàu cảm xúc về tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc, và sức sống mãnh

liệt của con người vùng đất phương Nam. Tiết mục đã chạm đến trái tim người nghe và góp phần lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống một cách sâu sắc và đầy tự hào.

- **Huế Thương** (Sáng tác: An Thuyên): Phần trình bày đã thể hiện thành công tinh thần sâu lắng và lãng mạn mà nhạc sĩ An Thuyên gửi gắm, thông qua hình ảnh đặc trưng của cố đô như sông Hương, mái ngói rêu phong, con đường cổ kính tất cả được tái hiện bằng chất giọng trữ tình, đầy cảm xúc, gọi lên một miền ký ức dịu dàng, tự hào về vùng đất giàu bản sắc văn hóa. Nghệ sĩ vận dụng kỹ thuật Legato điêu luyện, tạo nên giai điệu liền mạch, bay bổng nhưng vẫn giữ được vẻ mộc mạc đặc trưng của dân gian xứ Huế. Những nốt trầm được xử lý tinh tế, nhẹ nhàng và có chiều sâu, trong khi các nốt cao ngân dài mềm mại, nổi bật ở đoạn Hò Huế, mang đậm tính văn hóa và đòi hỏi cao về hơi thở và biểu cảm thanh nhạc. Sự kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật và cảm xúc đã góp phần tôn vinh giai điệu da diết, lời ca thấm đẫm tình quê, không chỉ lay động trái tim người con xứ Huế, mà còn lan tỏa tình yêu quê hương đến khán giả khắp mọi miền. Đây là tiết mục có giá trị nghệ thuật cao, góp phần gìn giữ và lan truyền vẻ đẹp văn hóa Huế trong không gian âm nhạc đương đại.

- **Ngược dòng Hương Giang** (Sáng tác: Đức Trịnh): Người thể hiện đã khai thác hiệu quả các yếu tố truyền thống đặc trưng của dân ca Huế để làm nổi bật chiều sâu giai điệu, sự tinh tế trong ca từ và tình cảm chân thành của tác phẩm. “Ngược dòng Hương Giang” không chỉ được trình bày như một ca khúc nghệ thuật có cấu trúc chuẩn mực, mà còn là một bản hòa ca cảm xúc về tình quê, về vẻ đẹp văn hóa Huế, dịu dàng, lặng lẽ nhưng thấm đẫm trong lòng người nghe như chính dòng sông Hương chảy mãi không ngừng trong tâm hồn người Việt. Kỹ thuật thanh nhạc được xử lý điêu luyện, đặc biệt là các luyến láy mượt mà, đặc trưng của dân ca xứ Huế, được kết hợp nhuần nhuyễn với lối hát Legato (liền giọng), tạo nên âm sắc sang trọng và tinh tế. Những nốt nhấn nhẹ

ở đầu câu, luyện từ thấp lên cao, được xử lý nhiều lớp tạo nên chiều sâu và màu sắc rất riêng, vừa bay bổng, vừa có nội lực. Sự hòa quyện giữa truyền thống và hiện đại, giữa kỹ thuật và cảm xúc trong tiết mục này đã tạo nên một phần biểu diễn ấn tượng, giàu giá trị nghệ thuật và lan tỏa thông điệp văn hóa sâu sắc. Đây là một cách tiếp cận đáng biểu dương trong việc giữ gìn và phát huy di sản âm nhạc dân tộc trong đời sống nghệ thuật đương đại.

- **Khúc hát sông quê** (Nhạc: Nguyễn Trọng Tạo, Thơ: Lê Huy Mậu): Tiết mục đã thể hiện tốt giai điệu được phát triển từ chất liệu dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh, với phong cách mượt mà, trữ tình đặc trưng của vùng đất miền Trung giàu bản sắc văn hóa. Lời ca giản dị, gần gũi như lời trò chuyện, lời tự sự của người xa quê đã được lồng ghép khéo léo trong giai điệu sâu lắng, tạo nên một không gian âm nhạc đậm chất hoài niệm. Nghệ sĩ thể hiện ca khúc với lối hát nhẹ nhàng, tự nhiên, sử dụng khoảng vang ở lồng ngực để tạo độ rền ấm, kết hợp lối hát nói dân gian, mang đến sự truyền cảm sâu sắc mà không phô trương. Cách thể hiện vừa mộc mạc vừa đầy xúc động, giúp truyền tải hiệu quả tâm tư của người con xa quê, gợi nhắc tình quê hương da diết trong lòng người nghe. Tổng thể, đây là một phần trình diễn giàu cảm xúc, cho thấy sự hiểu rõ về chất liệu dân ca cũng như khả năng xử lý kỹ thuật thanh nhạc phù hợp với phong cách biểu diễn truyền thống.

- **Quảng Nam yêu thương** (Sáng tác: Phan Huỳnh Điểu): Nghệ sĩ đã thể hiện ca khúc với lối hát mộc mạc, tự nhiên, mang hơi hướng tự sự như lời thủ thỉ, tâm tình của người con xa quê gửi về miền đất mẹ. Phong cách trình bày này rất phù hợp với giai điệu dân gian sâu lắng, được phát triển từ âm hưởng dân ca Bài Chòi Quảng Nam, vốn mềm mại, chân chất và giàu cảm xúc. Lời ca giản dị, đậm tình quê hương, kết hợp với kỹ thuật hát Legato linh hoạt, đã giúp tạo nên âm thanh mượt mà, ấm áp. Chất giọng đầy cảm xúc của nghệ sĩ góp phần làm nổi bật tinh thần trữ tình của tác phẩm, giúp tiết mục dễ dàng chạm đến trái tim người nghe và khơi dậy tình yêu quê hương một cách nhẹ nhàng mà sâu sắc.

- **Lời ru trên nường** (Nhạc: Trần Hoàn, Thơ: Nguyễn Khoa Điềm): Nghệ sĩ linh hoạt chuyển đổi giữa lời hát luyến láy mềm mại và maccato dứt khoát, mang đến sự uyển chuyển về tiết tấu và sắc thái biểu cảm. Phần đầu được thể hiện bằng kỹ thuật Legato nhẹ nhàng, khắc họa hình ảnh người mẹ dịu dàng trong tình mẫu tử. Sang phần hai, tiết tấu được thay đổi sinh động, gợi tả hình ảnh người mẹ Tây Nguyên táo tợn, kiên cường, gắn bó với cách mạng qua công việc thường ngày. Sự kết hợp hài hòa giữa chất dân ca Tây Nguyên mộc mạc và âm hưởng trữ tình sâu sắc, cùng kỹ năng nhả chữ, điều tiết hơi thở và xử lý cao trào đầy nội lực, đã giúp tiết mục thuyết phục về cả kỹ thuật lẫn cảm xúc. Đây là một phần trình diễn ấn tượng, lan tỏa tình mẫu tử, tinh thần cách mạng và vẻ đẹp văn hóa vùng cao nguyên.

- **Trông cây lại nhớ tới Người** (Cải biên và đặt lời: Đỗ Nhuận): Phần trình bày đã khai thác chất liệu dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh đã cho thấy lựa chọn tinh tế và sự am hiểu sâu sắc về âm nhạc vùng miền của nghệ sĩ. Giai điệu gợi nhắc đến bài “Giận mà thương” tạo nên cảm giác gần gũi, thân thuộc, đồng thời làm nổi bật phong vị dân gian mộc mạc. Nghệ sĩ sử dụng kỹ thuật Legato linh hoạt, kết hợp lời hát luyến láy, ngân rung đặc trưng của dân ca Xứ Nghệ, mang đến những câu hát liền mạch, sâu lắng và đậm tính biểu cảm. Kỹ năng xử lý nốt luyến từ thấp lên cao thể hiện khả năng kiểm soát tốt hơi thở và âm thanh, giúp từng câu hát rõ lời, giàu sắc thái. Với sự hòa quyện giữa kỹ thuật thanh nhạc và cảm xúc biểu diễn, nghệ sĩ đã truyền tải trọn vẹn tinh thần ca khúc, chạm đến cảm xúc người nghe và góp phần lan tỏa vẻ đẹp mộc mạc, sâu sắc của Ví Giặm trong không gian nghệ thuật hiện đại.

Giữ được hồn cốt dân gian

Các ca khúc dù được cách tân hay phối khí hiện đại đến đâu, phần trình diễn vẫn phải thể hiện được linh hồn của dân ca. Ở đó, tính mộc mạc, chân thật được tôn trọng tối đa. Dân ca vốn sinh ra từ đời sống lao động, sinh hoạt của người dân quê. Biểu diễn dân ca không cần cầu kỳ

hóa trang, mà cần sự gần gũi, tự nhiên, như lời thủ thi tâm tình từ trái tim đến trái tim.

Ca từ dân ca thường giàu chất thơ, mang đậm tâm sự, nỗi niềm. Người biểu diễn cần thực sự “nhập tâm”, không chỉ hát mà còn truyền tải cảm xúc, chạm đến trái tim người nghe. Người thể hiện phải duyên dáng, tinh tế trong cách thể hiện, không phải phô trương hình thể, không cần kỹ thuật rườm rà, mà là sự nhẹ nhàng, uyển chuyển trong lối hát, cái nghiêng đầu, nụ cười, ánh mắt. Đó là cái duyên của dân gian, không thể học thuộc mà phải thấm thấu.

Một tiết mục thành công là khi người xem cảm nhận được giá trị truyền thống, thấy được hình ảnh làng quê, dòng sông, tiếng ru, lời mời trầu trong từng câu hát.

Tính chuẩn mực trong phong cách dân ca không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà là một chuẩn mực văn hóa. Khi HV-SV Trường Đại học VHNT Quân đội thực hành biểu diễn, cần được hướng dẫn để hiểu sâu, cảm đúng, thể hiện thật, nhằm gìn giữ và lan tỏa giá trị tinh thần đặc sắc của dân ca Việt Nam. Việc này góp phần đào tạo những nghệ sĩ quân đội không chỉ giỏi chuyên môn, mà còn thấm nhuần bản sắc dân tộc, có trách nhiệm với văn hóa truyền thống.

3.2.3.2. Kỹ thuật biểu diễn

Với môi trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp, đặc biệt là với mục tiêu gìn giữ và phát huy âm nhạc truyền thống, kỹ thuật biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội, Hội đồng khoa học đánh giá cao cách tiếp cận bài bản, khoa học nhưng vẫn giữ được hồn cốt dân gian. Dưới đây là đánh giá chi tiết theo từng yếu tố kỹ thuật:

Giọng hát

Về cao độ, trường độ, tiết tấu trong quá trình thể hiện các ca khúc mang âm hưởng dân ca nêu trên, các GV và HV-SV của Khoa Thanh nhạc Trường Đại học VHNT Quân đội đã thể hiện rất chuẩn xác. Trong dân ca, giai điệu không quá phức tạp nhưng yêu cầu tính chuẩn xác và sự mềm mại cao. Việc xử lý cao độ đúng không chỉ tránh phô chênh, mà còn thể hiện sự tinh tế trong thang âm dân gian, vốn khác biệt với nhạc nhẹ hay nhạc cổ điển.

Trong quá trình biểu diễn, GV và HV-SV của Khoa Thanh nhạc đã chế làm dụng quá mức việc sử dụng kỹ thuật hiện đại trong quá trình thể hiện các ca khúc mang âm hưởng dân ca. Các kỹ thuật như Belting, Vibrato mạnh, hay Riff-run (lối chạy nốt nhanh) thường thấy trong nhạc nhẹ phương Tây không phù hợp với tinh thần dân ca. Những kỹ thuật này có thể gây lệch phong cách, phá vỡ tính mộc mạc vốn là linh hồn của dân ca. Việc dùng các kỹ thuật hiện đại nên được tiết chế tối đa, hoặc thay thế bằng các luyện láy, nhấn nhá đặc trưng vùng miền.

Phát âm – lời ca

Thể hiện rõ lời, tròn vành rõ chữ là một trong những yêu cầu quan trọng khi đánh giá phương pháp thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca. Các chuyên gia đã nghe được từng từ, từng âm tiết một cách rõ ràng và cảm xúc. Các chuyên gia cũng đánh giá cao phần thể hiện của GV và HV-SV Khoa Thanh nhạc trong quá trình thể hiện đã chú ý đến khẩu hình, vị trí đặt âm và hơi thở để đảm bảo lời ca mượt mà, không bị nuốt chữ hoặc cứng nhắc. Giữ đúng bản sắc ngôn ngữ vùng miền trong quá trình thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca. Dân ca gắn liền với địa phương nên việc phát âm theo chuẩn vùng miền là điều tối quan trọng.

Ví dụ đối với ca khúc “*Giận mà thương*” của nhạc sĩ Trần Hoàn, NSUT Nguyễn Thị Hương Giang đã thể hiện rất rõ âm hưởng dân ca Ví Giặm, đã phát âm chuẩn chất giọng Nghệ Tĩnh và dung những phương

ngữ, thổ ngữ rất đặc trưng của vùng đất này. Hay trong ca khúc “Về quê” của nhạc sĩ Phó Đức Phương, học viên Minh Thế đã thể hiện rõ âm hưởng của dân ca Bắc Bộ, chất liệu Chèo và những âm sắc đặc trưng cũng được thể hiện rất mạch lạc.

Việc các tiết mục đã để lại những dấu ấn rất riêng biệt, vừa sáng tạo, vừa thể hiện được những phong cách riêng biệt. Không có tiết mục nào bị “làm phẳng” phát âm theo giọng phổ thông sẽ làm mất hẳn không khí và linh hồn của bài hát. Đây là vấn đề không chỉ kỹ thuật mà còn ý thức văn hóa của người biểu diễn.

Sự kết hợp các yếu tố kỹ thuật khác

Nhóm biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca đã khai thác tốt kỹ thuật Acappella (không nhạc đệm) hoặc có phần đệm từ nhạc cụ dân tộc hay phối khí hiện đại. Ở đó, phần giọng hát vẫn cần là trung tâm, còn nhạc đệm chỉ đóng vai trò hỗ trợ. Việc sử dụng phần đệm từ nhạc cụ dân tộc và phối khí hiện đại không bị lấn át hoặc lệch pha. Việc phối hợp với nhạc đệm cần đảm bảo sự ăn khớp về nhịp, tiết tấu, sắc thái. Phối khí hiện đại đã được tiết chế, không làm phá vỡ chất dân ca.

Kỹ thuật biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca đã được nhóm biểu diễn, không chỉ chính xác về chuyên môn, mà còn góp phần bảo tồn văn hóa dân tộc trong từng chi tiết thể hiện. HV-SV đã thể hiện đúng chất, đúng vùng, đúng tinh thần, từ đó góp phần làm giàu bản sắc âm nhạc dân tộc trong môi trường nghệ thuật chuyên nghiệp.

3.2.3.3. Phong thái, biểu cảm sân khấu

Nhóm biểu diễn đã có biểu cảm sân khấu tốt. Đây không chỉ là phần phụ họa cho giọng hát, mà còn là yếu tố quan trọng giúp truyền tải đầy đủ tinh thần và văn hóa của ca khúc mang âm hưởng dân ca. Các thành viên có phong thái biểu diễn chuẩn mực, đúng chất dân ca là yếu tố then chốt để giữ gìn bản sắc âm nhạc truyền thống.

Tự nhiên, gần gũi, không kịch hóa quá mức

Nhóm biểu diễn đã thể hiện được cảm xúc chân thành, mộc mạc những ca khúc mang âm hưởng dân ca. Và điều này rất quan trọng, bởi ca khúc mang âm hưởng dân ca cần biểu diễn bằng cảm xúc thật. Dân ca xuất phát từ đời sống lao động và sinh hoạt của người dân, mang chất mộc mạc, giản dị nên khi đưa lên sân khấu, người thể hiện cần giữ được tính tự nhiên, không gò ép. Phong thái biểu diễn không nên gượng gạo, cũng không được rập khuôn theo kiểu sân khấu hóa quá mức hoặc theo “trend” nhạc thị trường.

Các thành viên đã tránh được việc lạm dụng hình ảnh hiện đại. Một số sai lầm phổ biến là dùng động tác biểu diễn quá đà, biểu cảm cường điệu, ánh mắt, nụ cười tạo hình theo kiểu ca sĩ giải trí,... điều này sẽ làm lệch phong cách dân ca, khiến khán giả mất đi cảm giác gần gũi, chân chất vốn là linh hồn của thể loại này.

Thể hiện cảm xúc đúng tinh thần bài hát

Mỗi ca khúc mang âm hưởng dân ca do nhóm lựa chọn biểu diễn gắn liền với một tâm trạng, một hoàn cảnh cụ thể. Từ đó, các thành viên của nhóm biểu diễn đã thể hiện phong thái biểu cảm phù hợp với thông điệp và sắc thái âm nhạc của ca khúc.

Phong thái và biểu cảm sân khấu các thành viên trong quá trình biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca đã có sự kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật và cảm xúc, giữa nội dung bài hát và tinh thần vùng miền. Các thành viên biểu diễn không cần “diễn”, mà đã thực sự “sống” với ca khúc. Qua đó, truyền tải đến khán giả tình yêu văn hóa dân tộc, làm cho dân ca không chỉ là âm nhạc, mà còn là trải nghiệm tinh thần và bản sắc Việt. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng trong đào tạo nghệ thuật biểu diễn tại Trường Đại học VHNT Quân đội.

3.2.3.4. Tính kết nối giữa các yếu tố phụ trợ

Một ca khúc mang âm hưởng dân ca được đưa lên sân khấu, bản thân giai điệu, lời ca chỉ là “phần hồn”. “Phần xác”, bao gồm trang phục, đạo cụ, bối cảnh sân khấu, ánh sáng và âm thanh phải đồng điệu thì khán giả mới cảm nhận trọn vẹn tinh thần truyền thống.

Trang phục – đạo cụ – sân khấu

Yêu cầu	Điểm cần làm rõ	Biểu hiện tích cực	Sai lầm thường gặp
Phù hợp không gian dân gian	Bố trí bối cảnh “gợi” chứ không “kể lể”: thêm đình, lũy tre, con đò, sạp chợ... được cách điệu vừa đủ, chất liệu thô mộc (tre, nứa, vải thô)	Khán giả thoáng nhìn đã “đặt chân” vào không gian thôn quê	Dàn dựng phòng LED 3D hiện đại, sân khấu xoay, laser... làm vỡ không khí dân gian
Hỗ trợ tinh thần bài hát	Mỗi đạo cụ phải “nói đúng ngôn ngữ” bài hát: nón quai thao cho quan họ, quang gánh cho ví dặm, quạt nan cho hò lý...	Đạo cụ trở thành “nhân vật phụ”, làm nổi bật câu chuyện ca từ	Đạo cụ thừa thãi hoặc gây “tẩu hài”, chiếm spotlight của giọng hát
Tránh lờo lẹt – hiện đại hóa thái quá	Sắc màu trang phục nên thiên tông trầm, chất vải tự nhiên; hoa văn truyền thống (bông sen, mây lượn, sóng nước) thay vì sequin, kim sa	Khán giả tập trung vào giọng hát – lời ca	Áo tứ thân dính đá lấp lánh, váy lụa neon, phông nền LED city-light

Trong quá trình biểu diễn các tiết mục mang âm hưởng dân ca, các thành viên nhóm biểu diễn đã thể hiện sự mộc mạc, tinh tế và truyền thống việc kiểm soát tính thẩm mỹ thị giác là yếu tố then chốt giúp người xem thấm được tinh thần bài hát ngay từ ánh nhìn đầu tiên. Trong đó, nhóm biểu diễn đã khai thác tốt các yếu tố:

Bản demo thị giác – Mood-board/sa bàn trước tổng duyệt

Đây là bước lên kế hoạch hình ảnh trực quan, nơi tổng hợp các yếu tố như màu sắc chủ đạo, kiểu dáng trang phục, chất liệu đạo cụ, không gian sân khấu, nhằm tạo ra một “bản phác thảo thị giác” cho toàn tiết mục. Dân ca Ví, Giặm cần tông nâu đất, chất vải thô mộc, đạo cụ mang hơi thở làng quê; dân ca Nam Bộ cần sự tươi tắn, mềm mại của áo bà ba, khăn rằn,... Tránh chấp vá phong cách: Mood-board sẽ giúp phát hiện sự “lệch tông” giữa các yếu tố. Một chiếc áo dính đá đặt giữa khung cảnh rom ra sẽ phá vỡ toàn bộ không khí dân gian. Tối ưu hóa hiệu ứng thị giác: Giúp chọn đúng điểm nhấn, biết nên đẩy, nên giảm ở đâu (màu, ánh sáng, bố cục).

Cách thực hiện hiệu quả: Dùng ảnh mẫu từ các chương trình dân ca thành công, kết hợp với hình ảnh trang phục/đạo cụ đang có. Trình bày theo nhóm: từng mảng (trang phục, sân khấu, đạo cụ, ánh sáng) đặt song song với lời bài hát tương ứng. Có thể tạo bảng điện tử trên các công cụ như Canva, Pinterest, Miro, hoặc dựng sa bàn mô hình nhỏ cho sân khấu lớn.

Nguyên tắc “Ít mà đắt”, điểm nhấn tinh tế, không rườm rà

Thay vì “lấp đầy” sân khấu bằng nhiều chi tiết, hãy chọn 1–2 điểm nhấn đắt giá để khơi gợi không gian dân gian và giúp người xem tập trung vào *chủ thể biểu diễn*. Lý do hiệu quả tạo khoảng thở cho mắt: Giữa sân khấu, một chiếc nón quai thao duyên dáng hay đụn rơm đặt đúng vị trí có thể gợi cảm mạnh mẽ hơn một loạt đạo cụ dàn đều. Giữ trọng tâm vào người hát: Người biểu diễn là trung tâm cảm xúc. Nếu sân khấu quá nhiều yếu tố thị giác cạnh tranh, cảm xúc bài hát dễ bị chìm. Truyền đạt tinh thần mộc mạc, tiết chế đúng với dân ca, văn hóa dân gian không phô trương, mà sâu sắc qua chi tiết.

Với bài hát mang âm hưởng Quan họ Bắc Ninh: chỉ cần hai người đứng bên khung cửa sổ gỗ, mỗi người cầm một nón quai thao, là đủ gợi không gian thân thuộc. Với Ví Giặm Nghệ Tĩnh đặt một gánh hàng, một chiếc áo toại và ánh sáng nhẹ gợi chiều muộn là đã gợi được khung cảnh chợ quê. Tránh dựng sân khấu thành chợ nổi hay bến sông tràn ngập chi tiết mô phỏng, vừa tốn chi phí, vừa dễ tạo cảm giác sân khấu kịch/ca nhạc hiện đại.

Hai lưu ý trên tuy nhỏ nhưng có sức mạnh định hình toàn bộ không khí dân ca trên sân khấu. Đặc biệt với môi trường đào tạo nghệ thuật như Trường Đại học VHNT Quân đội, việc rèn luyện cho HV-SV tư duy thị giác tinh tế, biết “thiết kế cảm xúc” thông qua chi tiết, là bước chuẩn bị cần thiết để sau này các em có thể dựng nên những chương trình biểu diễn mang giá trị nghệ thuật đích thực và bản sắc văn hóa sâu sắc.

Ánh sáng – âm thanh

Về ánh sáng đảm bảo các yếu tố: Tông ấm, cường độ nhẹ: Đèn vàng ấm (3.000–3.200K) gọi chiều quê, đêm hội. Tránh Moving-head đổi màu liên tục; Điểm sáng vừa đủ: Tập trung vùng biểu diễn, hạn chế Back-light mạnh gây lóa hoặc hắt bóng “sân khấu ca nhạc”; Hiệu ứng chuyển cảnh mượt: Fade in/out chậm theo nhịp hát dân ca (thường chậm rãi), không Cut-flash.

Về âm thanh đã đảm bảo: Âm lượng cân đối: Micro chỉ khuếch đại, không “màu sắc hóa” (đừng dùng Reverb phòng to lớn, auto-tune); Chọn nhạc cụ phù hợp: Sáo trúc, đàn bầu, sênh tiền hoặc dàn nhạc Semi-acoustic có dây và bộ gõ nhẹ; tránh dàn trống điện hay Synth bass dày; Hòa âm giản dị: Tiết tấu đơn sơ (2/4, 3/4) với bè nền nhẹ giúp giọng chính nổi bật; các Fill phải “né” khoảng hờ của câu hát thay vì chen lấn.

Gắn kết giác quan

Khi tai nghe âm thanh mộc, mắt thấy hình ảnh mộc, não bộ sẽ “khóa” vào không gian dân gian, tăng tính nhập vai cho khán giả. Yếu tố phụ trợ đúng mực nâng giọng hát lên, không “đề” xuống; người xem vì thế tập trung vào thông điệp văn hóa thay vì hiệu ứng công nghệ. HV-SV nhận ra giá trị của sự tối giản, biết rằng “ít kỹ xảo, nhiều hồn cốt” mới là điều làm dân ca sống lâu dài.

Kiểm tra, hiệu chỉnh trước đêm diễn

Nhóm biểu diễn đã làm tốt công tác kiểm tra, hiệu chỉnh trước bước vào biểu diễn. Nhóm đã cử một nhóm giảng viên và HV-SV ngồi cuối khán phòng chấm thử, ghi chú những chỗ ánh sáng chói, âm thanh lẫn át. Mỗi tiết mục tự hỏi 3 lần “Yếu tố phụ trợ này có cần thiết không? Có phục vụ bài hát không? Có làm mất chất dân gian không?”, nếu “không” cho bất kỳ câu hỏi nào, mạnh dạn cắt bỏ. Ghi hình, xem lại thật lặng: Tắt tiếng, xem hình có “ra chất dân gian”? Ngược lại, tắt hình, nghe tiếng có “ra chất dân gian”?

Tính kết nối giữa trang phục, đạo cụ, sân khấu và ánh sáng, âm thanh giống như sợi chỉ đỏ giữ “hồn” dân ca không bị rơi rụng trên sân khấu hiện đại. Biết tiết chế, trân trọng sự mộc mạc sẽ giúp tiết mục tại Trường Đại học VHNT Quân đội vang lên đúng tinh thần truyền thống, đồng thời gieo mầm thẩm mỹ dân tộc cho người xem hôm nay.

3.2.3.5. Tính sáng tạo có kiểm soát

Tính sáng tạo có kiểm soát của nhóm biểu diễn Khoa Thanh nhạc. Sáng tạo là yếu tố được khuyến khích trong quá trình biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca để làm mới trải nghiệm âm nhạc, tăng sức hút cho tiết mục. Tuy nhiên, với thể loại ca khúc mang âm hưởng dân ca, vốn đặt nặng yếu tố bản sắc và truyền thống, sự sáng tạo phải đi cùng kiểm soát chặt chẽ, tránh “lạc đường” khỏi tinh thần dân gian.

Những sáng tạo được khuyến khích

Việc sáng tạo trong quá trình biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca đòi hỏi sự tinh tế và đúng chừng mực. Những hình thức sáng tạo được khuyến khích như việc phối bè, hòa âm nhẹ nhàng. Sử dụng bè nền hoặc bè đối ứng giúp tăng chiều sâu âm nhạc. Hòa âm có thể thêm chút chấm phá hiện đại nhưng vẫn giữ mạch mộc mạc, không biến thành phong cách nhạc Pop hay Bolero.

Nhóm đã chú ý dẫn chuyện ngắn trước khi hát. Một đoạn độc thoại hoặc dẫn chuyện ngắn giới thiệu bối cảnh bài hát có thể làm rõ cảm xúc và ý nghĩa tác phẩm. Nên giữ giọng kể chân thật, giản dị, đúng với không khí dân ca, tránh kiểu dẫn sôi nổi như Gameshow. Đan xen động tác sân khấu nhẹ nhàng, điệu bộ nhẹ, uyển chuyển, giúp tăng tính biểu cảm. Không biến sân khấu dân ca thành một tiết mục múa minh họa hiện đại.

Chẳng hạn, một câu hò Nam Bộ dẫn chuyện nhẹ nhàng “Hò... ơi, tóc dài ai xõa ngang vai, phải người con gái...ơ...ơ...ờ, Mỏ Cày Bến Tre” trước khi trình bày ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*”. Hay trình bày một câu hò Ví Giặm Nghệ Tĩnh để dẫn chuyện: “*À...ơi...chứ muối ba*

năm, muối đường còn mặn. Gừng chín tháng, gừng hầy còn cay, ... Chứ đôi ta, tình nặng nghĩa dày, dù có xa nhau đi chẳng nữa, thì ba vạn sáu ngàn ngày cũng nở xa” trước khi thể hiện khúc “Giận mà thương” của Nhạc sĩ Trần Hoàn. Trước khi trình bày ca khúc “*Về quê*” của Nhạc sĩ Phó Đức Phương, người thể hiện ngâm một câu hát nói Bắc Bộ “*Một chiều bùng bát cơm quê. Rưng rưng ta hát, giọng quê dãi dề*”.

Nhóm biểu diễn đã không lạm dụng kỹ thuật thanh nhạc hiện đại như Belting, Riff-run, Vibrato dày đặc vốn không phù hợp với chất dân gian; Không hòa âm “cách tân” đến mức đánh mất giai điệu gốc, làm người nghe không còn nhận ra tinh thần dân ca; Không dùng trang phục phá cách, ánh sáng sân khấu rực rỡ hay đạo cụ “show diễn” khiến tiết mục mất đi sự mộc mạc, trữ tình vốn có.

Đánh giá cao sự sáng tạo giữ được cái “gốc”

Các thành viên trong nhóm biểu diễn của Khoa Thanh nhạc, cần tiếp tục phát huy sự sáng tạo những vấn giữ được “hồn cốt” của tác phẩm. Theo đó, những tiết mục vừa mới mẻ, vừa truyền thống là minh chứng cho sự hiểu biết sâu sắc của người biểu diễn về bản chất của dân ca, từ đó biết cách “làm mới” mà không làm sai lệch. Tiêu chí đánh giá ý tưởng mới nhưng không làm lu mờ nội dung truyền thống: Ví dụ, lòng tiếng sáo tre trong Intro của ca khúc mang âm hưởng dân ca Quan họ để gợi không khí làng quê, nhưng vẫn giữ nguyên giai điệu và cách hát Quan họ. Dàn dựng thông minh, biểu cảm phù hợp: Dù thêm chuyển động hay sắp đặt đạo cụ sáng tạo, tiết mục vẫn thể hiện được chất chân thành, mộc mạc, gần gũi của văn hóa dân gian. Sự gắn kết giữa sáng tạo và nội dung bài hát: Những đổi mới về hình thức cần phục vụ cảm xúc và thông điệp bài hát, không làm phân tán hoặc phản cảm.

Ca khúc “*Giận mà thương*” của Nhạc sĩ Trần Hoàn mang âm hưởng dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, ca khúc “*Về quê*” của Nhạc sĩ Phó Đức Phương mang âm hưởng dân ca Bắc Bộ, ca khúc “*Dáng đứng Bến Tre*” của Nhạc sĩ

Nguyễn Văn Tý mang âm hưởng dân ca Nam Bộ đã được phối khí với nhạc cụ truyền thống và hiện đại. Âm thanh hiện đại đã giúp cho những ca khúc mang âm hưởng dân ca trở nên dễ tiếp cận hơn với giới trẻ mà vẫn giữ nguyên phần lời và tinh thần của tác phẩm. Sự sáng tạo này thể hiện tư duy âm nhạc linh hoạt không rập khuôn, không cổ hủ, mà tìm cách mở rộng không gian thể hiện cho dân ca, để dân ca không chỉ “thuộc về quá khứ” mà bước vào hiện tại một cách tự nhiên và thuyết phục.

Sáng tạo trong biểu diễn dân ca là sự làm mới trong cái khuôn của truyền thống. Đó không phải là “thay đổi để khác biệt”, mà là làm phong phú thêm bản sắc, khiến dân ca sống động hơn trong mắt khán giả hiện đại nhưng vẫn không mất đi “chất quê”, “chất dân gian” vốn có. Việc khuyến khích HV-SV Trường Đại học VHNT Quân đội sáng tạo có kiểm soát không chỉ nâng cao kỹ năng dàn dựng, biểu diễn mà còn giúp họ hiểu sâu sắc hơn về giá trị văn hóa dân tộc.

3.2.3.6. Khả năng truyền cảm hứng và giáo dục

Nỗ lực của nhóm giảng viên và HV-SV Khoa Thanh nhạc trong việc tái hiện một cách chân thực và giàu cảm xúc các giá trị văn hóa dân gian thông qua phân biểu diễn. Nhóm đã sử dụng những yếu tố dân gian gốc một cách cẩn trọng, từ giai điệu, lời ca đến nhạc cụ, trang phục và phong cách trình bày, góp phần phản ánh đúng tinh thần của loại hình dân ca được lựa chọn. Tính chân thực này giúp khán giả không chỉ nghe, mà còn “thấy” và “cảm” được vẻ đẹp nguyên bản của dân ca Việt Nam.

Trong phần dàn dựng và trình diễn, sự sáng tạo được thể hiện có chừng mực, giữ được “hồn cốt” của dân ca mà vẫn tạo nên sức hút thị giác và cảm xúc, nhất là với khán giả trẻ. Các yếu tố đổi mới như ánh sáng, động tác phụ họa, hay cách dàn dựng sân khấu được sử dụng có kiểm soát, giúp làm nổi bật ý nghĩa văn hóa mà không làm mất đi bản sắc truyền thống.

Về thông điệp, phần biểu diễn đã truyền tải rõ nét giá trị lịch sử, văn hóa, cũng như đời sống con người trong từng câu hát, từng nhịp điệu. Khán giả cảm nhận được câu chuyện phía sau mỗi lời ca, từ đó nâng cao sự thấu hiểu và đồng cảm với tinh thần dân tộc.

Đặc biệt, khả năng khơi gợi cảm xúc và sự kết nối của nhóm biểu diễn với người xem. Những ánh mắt, nụ cười, giọng hát và phong thái tự tin của HV-SV tạo nên không khí gần gũi, ấm áp, khơi dậy lòng tự hào văn hóa dân tộc. Tập thể biểu diễn thể hiện rõ sự hiểu biết sâu sắc về dân ca cũng như ý thức gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống.

Bên cạnh kỹ năng chuyên môn vững vàng, HV-SV còn thể hiện sự đam mê và tinh thần trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy dân ca. Nhiều bạn đã tự tin chia sẻ về hoàn cảnh ra đời bài hát, ý nghĩa của từng chi tiết văn hóa, qua đó giúp khán giả hiểu rõ hơn và thêm trân trọng giá trị của nghệ thuật dân gian.

Đây là một phần biểu diễn chất lượng, mang tính truyền cảm hứng và giáo dục cao, là hình mẫu tốt trong việc lan tỏa dân ca theo hướng hiện đại mà vẫn giữ gìn bản sắc truyền thống.

Phần thực hành biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca tiêu biểu ba miền (Bảng 3.2), Hội đồng khoa học đã tiến hành đánh giá một cách khách quan và toàn diện, xem xét bài biểu diễn không chỉ ở khía cạnh kỹ thuật nghệ thuật mà còn ở chiều sâu văn hóa và khả năng truyền cảm hứng. Việc kết hợp giữa yếu tố biểu cảm, kỹ thuật thanh nhạc, dàn dựng sân khấu và tinh thần dân tộc là hướng tiếp cận đúng đắn, song vẫn cần tiếp tục hoàn thiện.

Các chuyên gia cũng đã chỉ ra một số mặt hạn chế trong quá trình biểu diễn, đặc biệt là ở các chi tiết tưởng như nhỏ nhưng ảnh hưởng lớn đến tổng thể: như lựa chọn trang phục chưa thật sự phù hợp với chất liệu dân ca cụ thể, phần giới thiệu bài hát còn thiếu sự dẫn dắt cảm xúc, hay tương tác với khán giả còn hạn chế ở một số tiết mục. Những điểm này cần được điều chỉnh để tăng chiều sâu và tính kết nối.

Đáng chú ý, các chuyên gia nhấn mạnh rằng chất lượng biểu diễn không thể đánh giá đơn thuần dựa trên kỹ thuật ca hát, mà cần mở rộng ra cả tư duy thẩm mỹ, thái độ nghệ thuật và nhận thức văn hóa của người biểu diễn. Việc lắng nghe phản hồi của khán giả, quan sát cảm xúc họ đón nhận bài biểu diễn ra sao, chính là thước đo chân thực nhất cho hiệu quả truyền cảm và giá trị giáo dục.

Vì vậy, cần khuyến khích các giảng viên và HV-SV tiếp tục rèn luyện không chỉ về kỹ năng chuyên môn mà cả năng lực cảm thụ nghệ thuật, khả năng giao tiếp với công chúng và tinh thần trách nhiệm trong việc gìn giữ và lan tỏa dân ca Việt Nam trong đời sống biểu diễn đương đại.

3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng phương pháp biểu diễn một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội

Từ kết quả khảo sát và thực nghiệm nêu trên, để nâng cao chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền, cần có sự kết hợp giữa: Lý thuyết nền tảng, thực hành chuyên sâu, trải nghiệm nghệ thuật thực tế và sáng tạo cá nhân. Từ đó, trường Đại học VHNT Quân đội cần xây dựng kế hoạch giảng dạy có chiều sâu, mời chuyên gia hướng dẫn thực tế, kết hợp các hoạt động ngoại khóa giàu tính nghệ thuật để sinh viên thấm thấu văn hóa vùng miền trong từng tiết mục biểu diễn.

3.3.1. Xây dựng chương trình đào tạo đa dạng

3.3.1.1. Phát triển nội dung lý thuyết

Tổ chức các khóa học về lịch sử và giá trị văn hóa của dân ca ba miền với mục đích trang bị cho HV-SV kiến thức nền tảng về nguồn gốc, quá trình phát triển, và những giá trị văn hóa, xã hội mà dân ca ba miền mang lại. Điều này giúp HV-SV hiểu sâu sắc hơn về ý nghĩa của từng loại hình dân ca, từ đó có thể biểu diễn một cách chân thực và truyền

cảm hơn.

Nội dung của khung lý thuyết về: Lịch sử hình thành và phát triển của dân ca ba miền (Bắc, Trung, Nam); Đặc điểm âm nhạc, phong tục tập quán, và đời sống xã hội phản ánh trong dân ca; Giá trị văn hóa, lịch sử, và nghệ thuật của từng loại hình dân ca; Ảnh hưởng của dân ca đối với sự phát triển của âm nhạc Việt Nam.

Trường Đại học VHNT Quân đội thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo về các loại hình âm nhạc dân ca truyền thống Việt Nam với các chủ đề hấp dẫn, thu hút sự tham gia của đông đảo các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nghệ nhân, ca sĩ chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm đến tham gia, trao đổi học thuật và kinh nghiệm nghiên cứu, ứng dụng và thực hành biểu diễn. Ví dụ như hội thảo về “*Quan họ Bắc Ninh: Lịch sử, văn hóa và kỹ thuật biểu diễn*,” hoặc “*Hát Xoan Phú Thọ: Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo tồn*.”

Tích hợp các môn học về kỹ thuật thanh nhạc, ứng dụng những kỹ thuật phù hợp với từng loại hình dân ca nhằm giúp HV-SV nắm vững các kỹ thuật thanh nhạc cơ bản và biết cách vận dụng chúng một cách linh hoạt để biểu diễn dân ca một cách hiệu quả nhất. Trong đó, cần làm rõ các kỹ thuật: Lấy hơi, giữ hơi, và điều khiển hơi thở; Phát âm, nhả chữ, và luyện láy trong dân ca; Sử dụng âm vực, cường độ, và sắc thái để biểu đạt cảm xúc; Xử lý các làn điệu, tiết tấu, và giai điệu đặc trưng của từng loại hình dân ca. Dạy HV-SV cách luyện láy uyển chuyển trong Quan họ, cách hát nảy và rõ lời trong Chèo, hoặc cách ngân nga và rung giọng trong Vọng cổ.

3.3.1.2. Tăng cường thực hành

Thiết kế các tiết học thực hành tập trung vào việc biểu diễn các ca khúc dân ca theo phong cách truyền thống, từ kỹ thuật hát, nhả chữ đến cách thể hiện cảm xúc tạo cơ hội cho HV-SV rèn luyện kỹ năng biểu diễn dân ca một cách chuyên sâu, từ đó nâng cao trình độ và sự tự tin khi biểu

diễn trước công chúng. Trong đó, tập trung vào các nội dung: Luyện tập các bài dân ca mẫu mực của từng vùng miền; Phân tích và diễn giải các yếu tố biểu cảm trong ca khúc (như tình yêu, nỗi buồn, niềm tự hào, lòng biết ơn); Thực hành các kỹ năng biểu diễn sân khấu (như cách di chuyển, giao tiếp với khán giả, sử dụng trang phục và đạo cụ). Tổ chức các buổi tập hát và diễn thử với trang phục và đạo cụ, sau đó nhận xét và góp ý để HV-SV hoàn thiện kỹ năng.

Tổ chức các buổi biểu diễn thực tế để HV-SV có cơ hội thực hành, rèn luyện và thể hiện khả năng trước công chúng. Mục đích tạo môi trường thực tế để HV-SV áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học, đồng thời giúp họ làm quen với áp lực sân khấu và rèn luyện bản lĩnh biểu diễn. Cần tăng cường các hình thức: Tổ chức các buổi biểu diễn định kỳ tại trường, hoặc tham gia các sự kiện văn hóa, lễ hội địa phương; Mời khán giả đến xem và đánh giá các buổi biểu diễn; Ghi hình và phát sóng các buổi biểu diễn trên các kênh truyền thông của trường. Tổ chức chương trình “Dân ca trong cuộc sống” với các tiết mục biểu diễn dân ca ba miền, hoặc tham gia Liên hoan Âm nhạc Truyền thống Toàn quốc.

3.3.1.3. Mời giảng viên bên ngoài

Trường Đại học VHNT Quân đội cần mời thêm các nghệ nhân dân ca, nhạc sĩ, và chuyên gia trong lĩnh vực dân ca về giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm thực tế. Việc làm này, giúp cho HV-SV có cơ hội tiếp thêm những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn từ những người có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực dân ca.

Nhà trường mời các nghệ nhân dân ca đến truyền dạy các làn điệu cổ, các kỹ thuật biểu diễn truyền thống, và những câu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của họ. Mời các nhạc sĩ đến hướng dẫn cách phối khí, và sáng tạo trên nền tảng dân ca. Mời các chuyên gia đến chia sẻ những nghiên cứu mới nhất về dân ca, hoặc tổ chức các buổi tọa đàm về vấn

đề bảo tồn và phát huy giá trị dân ca. Mời nghệ nhân hát Xoan đến dạy HV-SV cách hát và diễn Xoan, hoặc mời nhạc sĩ phối khí dân ca đương đại đến hướng dẫn HV-SV cách làm mới các ca khúc dân ca.

Bằng việc kết hợp các yếu tố trên, chương trình đào tạo sẽ trở nên đa dạng và phong phú hơn, giúp HV-SV phát triển toàn diện cả về kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, và kinh nghiệm thực tế, từ đó trở thành những nghệ sĩ biểu diễn dân ca tài năng và tâm huyết.

3.3.2. Đề xuất phương pháp biểu diễn mới

3.3.2.1. Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại

Trường Đại học VHNT Quân đội cần chú trọng sáng tạo trong cách dàn dựng biểu diễn, kết hợp giữa âm nhạc dân gian và các yếu tố hiện đại như hiệu ứng hình ảnh, ánh sáng, và trang phục. Mục đích làm mới các ca khúc dân ca, giúp chúng trở nên hấp dẫn hơn với khán giả hiện đại, đồng thời vẫn giữ được bản sắc văn hóa truyền thống.

Trong quá trình biểu diễn các chương trình nghệ thuật do Nhà hát Nghệ thuật thực hành - Trường Đại học VHNT Quân đội, hoặc các chương trình thực hành biểu diễn của giảng viên, HV-SV trong Nhà trường cần khuyến khích sử dụng các video clip, hình ảnh động, hoặc đồ họa 3D để minh họa cho nội dung của ca khúc, tạo sự sinh động và trực quan cho buổi biểu diễn. Khi hát về cảnh sông nước miền Tây, có thể chiếu hình ảnh những con thuyền, những cánh đồng lúa, hoặc những khu chợ nổi.

Trong đó, khai thác tối đa hiệu ứng ánh sáng. Sử dụng các loại đèn màu, đèn Laser, hoặc đèn Moving head để tạo không gian và không khí phù hợp với từng ca khúc. Khi hát về một câu chuyện tình yêu buồn, có thể sử dụng ánh sáng xanh hoặc tím để tạo cảm giác u buồn và lãng mạn.

Đồng thời, đầu tư cho công tác thiết kế trang phục biểu diễn dựa trên trang phục truyền thống của từng vùng miền, nhưng có sự cách tân về kiểu dáng, màu sắc, và chất liệu để phù hợp với sân khấu hiện đại. Có thể sử dụng áo tứ thân cách điệu cho các ca khúc Quan họ, hoặc áo bà ba được may bằng chất liệu hiện đại cho các ca khúc miền Nam. Việc sử dụng các hiệu ứng âm thanh (Reverb, Delay, Chorus,...) để làm phong phú thêm phần hòa âm và tạo hiệu ứng đặc biệt cho giọng hát.

Tổ chức các buổi workshop hoặc cuộc thi biên đạo liên kết giữa diễn xuất và âm nhạc, nhằm khuyến khích HV-SV sáng tạo và thể hiện phong cách riêng. Những hoạt động như vậy, nhằm tạo sân chơi cho HV-SV thể hiện khả năng sáng tạo và phát triển phong cách biểu diễn độc đáo của mình, đồng thời khuyến khích sự giao lưu và học hỏi giữa các HV-SV.

Qua đó, hướng dẫn HV-SV cách tiếp cận các tri thức về: Phân tích ca khúc, tìm hiểu về nội dung, ý nghĩa, và cảm xúc của ca khúc; Hướng dẫn HV-SV cách xây dựng kịch bản, thiết kế sân khấu, lựa chọn trang phục, và sử dụng các yếu tố hỗ trợ (như ánh sáng, âm thanh, hình ảnh); Hướng dẫn HV-SV cách kết hợp giữa diễn xuất và âm nhạc để truyền tải câu chuyện và cảm xúc của ca khúc một cách hiệu quả nhất; Tổ chức các buổi trình diễn và đánh giá các tác phẩm của HV-SV.

3.3.2.2. Phát triển kỹ thuật biểu diễn

Nhà trường cần khuyến khích HV-SV sử dụng các kỹ thuật mới như luyến láy, ngắt nghỉ, và xử lý âm sắc theo phong cách truyền thống nhưng có yếu tố hiện đại nhằm giúp HV-SV nâng cao kỹ năng thanh nhạc và biểu diễn, đồng thời tạo ra những phong cách biểu diễn độc đáo và cá tính. Những kỹ thuật đó cần được nghiên cứu và phân tích các kỹ thuật thanh nhạc truyền thống của từng loại hình dân ca. Tìm hiểu và ứng dụng các kỹ thuật thanh nhạc hiện đại (Belting, Vibrato, Melisma). Thực hành và sáng tạo các kỹ thuật luyến láy, ngắt nghỉ, và xử lý âm sắc mang phong cách riêng.

Nhà trường cần quan tâm đào tạo các loại hình kỹ thuật thanh nhạc đặc thù như Glissando (lướt từ độ cao này sang độ cao khác) và kỹ thuật nhả chữ rõ ràng để mang lại chất lượng cao trong phần biểu diễn. Mục đích trang bị cho HV-SV những kỹ thuật thanh nhạc chuyên sâu để họ có thể biểu diễn dân ca một cách chuyên nghiệp và tinh tế. Trong đó, tập trung làm rõ các kỹ thuật: Lướt nhanh từ một nốt nhạc này sang một nốt nhạc khác, tạo ra hiệu ứng âm thanh mềm mại và uyển chuyển; Kỹ thuật phát âm rõ ràng và chính xác từng âm tiết trong lời ca, giúp khán giả dễ dàng hiểu được nội dung của ca khúc; Kỹ thuật điều chỉnh cường độ âm thanh từ nhỏ đến lớn và ngược lại, tạo ra hiệu ứng biểu cảm mạnh mẽ. Trong ca khúc Chèo, kỹ thuật nhả chữ rõ ràng giúp khán giả nghe rõ từng lời thoại và hiểu được nội dung của câu chuyện, trong khi kỹ thuật Glissando (lướt từ độ cao này sang độ cao khác) được sử dụng để tạo ra những đoạn luyến láy đặc trưng của Chèo.

3.3.3. Tăng cường các hoạt động giao lưu và kết nối

3.3.3.1. Tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa

Trường Đại học VHNT Quân đội cần tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ với các trường nghệ thuật khác, tổ chức các lễ hội dân ca để HV-SV có cơ hội biểu diễn và giao lưu học hỏi, nhằm tạo môi trường mới học hỏi giữa HV-SV của Trường Đại học VHNT Quân đội với HV-SV các trường nghệ thuật khác trong và ngoài nước. Đồng thời, giúp cho HV-SV có cơ hội được mở rộng kiến thức và tầm nhìn về các loại hình dân ca khác nhau, cũng như các phong cách biểu diễn đa dạng. Nâng cao kỹ năng biểu diễn và khả năng thích ứng với các môi trường biểu diễn khác nhau. Qua đó, cũng góp phần quảng bá hình ảnh của Trường Đại học VHNT Quân đội và các hoạt động đào tạo, biểu diễn dân ca.

Nhà trường cần chủ động thúc đẩy các hoạt động giao lưu với các cơ sở đào tạo thanh nhạc và VHNT thông qua các hoạt động: Tham gia các sự kiện giao lưu văn hóa do trường tổ chức; Xây dựng chương trình

lễ hội dân ca phong phú, bao gồm các hoạt động biểu diễn, triển lãm, giao lưu, và các trò chơi dân gian; Tạo cơ hội cho HV-SV của trường tham gia các chương trình trao đổi HV-SV với các trường nghệ thuật khác để học tập và trải nghiệm văn hóa.

Nhà trường có thể tổ chức “Liên hoan Dân ca Ba miền” với sự tham gia của các trường nghệ thuật từ khắp cả nước. Mời các đoàn nghệ thuật dân gian quốc tế đến biểu diễn và giao lưu với HV-SV. Tổ chức các buổi Workshop, Masterclass do các nghệ sĩ, chuyên gia về dân ca từ các trường nghệ thuật khác giảng dạy.

Qua những hoạt động như vậy, nhằm tạo cơ hội cho HV-SV tiếp xúc và học hỏi từ các nghệ nhân, tìm hiểu thêm về những phong cách biểu diễn riêng của từng vùng miền. Mục đích giúp HV-SV tiếp cận trực tiếp với những người gìn giữ và phát huy di sản văn hóa dân tộc, học hỏi kinh nghiệm và bí quyết biểu diễn từ họ; Nâng cao ý thức và trách nhiệm của HV-SV trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của dân ca; Khuyến khích HV-SV tìm tòi, sáng tạo, và phát triển phong cách biểu diễn riêng dựa trên nền tảng truyền thống.

Cách thực hiện mời nghệ nhân đến trường: Tổ chức các buổi nói chuyện, biểu diễn, và hướng dẫn trực tiếp cho HV-SV. Tổ chức các chuyến đi thực tế: Đưa HV-SV đến các vùng miền để gặp gỡ và học hỏi từ các nghệ nhân tại địa phương. Thực hiện các dự án nghiên cứu: Khuyến khích HV-SV thực hiện các dự án nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp, và phong cách biểu diễn của các nghệ nhân.

Ví dụ, mời các nghệ nhân hát Xoan, hát Chèo, hát Quan họ đến trường để truyền dạy cho HV-SV. Tổ chức các chuyến đi thực tế đến Bắc Ninh, Phú Thọ, Huế, hoặc các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long để HV-SV tìm hiểu về dân ca địa phương. Thực hiện các dự án phỏng vấn, ghi hình, và viết bài về các nghệ nhân dân ca.

3.3.3.2. Phát động các dự án cộng đồng

Nhà trường khuyến khích HV-SV tham gia vào các hoạt động bảo tồn văn hóa dân ca thông qua việc biểu diễn ở các sự kiện văn hóa, địa phương, hoặc trong các hoạt động giáo dục cộng đồng. Mục đích giúp HV-SV áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế, đồng thời đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy giá trị của dân ca trong cộng đồng. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức về trách nhiệm xã hội và vai trò của người nghệ sĩ trong việc gìn giữ và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Tạo cơ hội cho HV-SV tiếp cận với công chúng và quảng bá hình ảnh của Trường Đại học VHNT Quân đội.

Cách thực hiện tham gia các lễ hội, hội nghị, triển lãm, hoặc các sự kiện kỷ niệm của địa phương để biểu diễn dân ca. Tổ chức các buổi biểu diễn, giảng dạy, hoặc giao lưu về dân ca tại các trường học, trung tâm văn hóa, hoặc các tổ chức xã hội. Xây dựng và triển khai các dự án bảo tồn và phát huy giá trị dân ca tại các địa phương, ví dụ như thành lập các câu lạc bộ dân ca, tổ chức các lớp học dân ca, hoặc phục dựng các nghi lễ và phong tục truyền thống.

Nhà trường và khoa Thanh nhạc tổ chức các buổi diễn xướng dân ca ở các địa phương để khôi phục và phát triển văn hóa dân gian. Qua đó, góp phần khôi phục và phát triển các loại hình dân ca đang có nguy cơ mai một tại các địa phương; Tạo ra sân chơi và môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh cho người dân, đặc biệt là giới trẻ: Nâng cao ý thức về giá trị của dân ca và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc.

Cách thực hiện lựa chọn các địa phương có truyền thống dân ca, nhưng hiện đang gặp khó khăn trong việc bảo tồn và phát huy. Thiết kế chương trình diễn xướng dân ca phù hợp với đặc điểm văn hóa và nhu cầu của địa phương. Mời các nghệ nhân, ca sĩ, và HV-SV đến biểu diễn dân ca tại các địa phương. Hỗ trợ các địa phương trong việc thành lập

các câu lạc bộ dân ca, đào tạo đội ngũ kế thừa, và quảng bá các sản phẩm văn hóa liên quan đến dân ca.

3.3.4. Sử dụng công nghệ trong biểu diễn

3.3.4.1. Cải thiện chất lượng âm thanh, giảm thiểu tiếng ồn, và tối ưu hóa trải nghiệm nghe cho khán giả

Mục tiêu để đảm bảo cho khán giả có trải nghiệm âm thanh tốt nhất, nghe rõ ràng và cảm nhận được đầy đủ các sắc thái của âm nhạc dân ca, đồng thời loại bỏ các yếu tố gây xao nhãng hoặc khó chịu. Để đạt được hiệu quả đó, cần thực hiện các biện pháp cụ thể như sử dụng hệ thống âm thanh chất lượng cao. Chọn loa có công suất phù hợp với không gian biểu diễn, đảm bảo âm thanh phủ đều và không bị méo tiếng. Ưu tiên các loại loa có khả năng tái tạo âm thanh trung thực, đặc biệt là các nhạc cụ dân tộc. Sử dụng Micro chuyên dụng cho từng loại nhạc cụ và giọng hát, đảm bảo thu âm rõ ràng và chính xác. Micro không dây giúp nghệ sĩ di chuyển tự do trên sân khấu. Bộ xử lý tín hiệu âm thanh (Mixer, Equalizer, Compressor): Sử dụng các thiết bị này để điều chỉnh âm lượng, cân bằng tần số, và loại bỏ tiếng ồn, tạo ra âm thanh trong trẻo và hài hòa.

Đồng thời chú ý xử lý âm học cho không gian biểu diễn như: Sử dụng các vật liệu tiêu âm (như tấm tiêu âm, rèm nhung, thảm) để giảm thiểu tiếng vang và tiếng ồn trong phòng, giúp âm thanh trở nên rõ ràng hơn; Sử dụng các vật liệu cách âm để ngăn chặn tiếng ồn từ bên ngoài xâm nhập vào không gian biểu diễn, đảm bảo sự yên tĩnh và tập trung cho khán giả; Bố trí loa và các vật dụng trong phòng một cách hợp lý để tối ưu hóa khả năng truyền âm và giảm thiểu các hiện tượng như giao thoa sóng âm.

Nhà trường cần chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn cho kỹ thuật viên âm thanh về các kiến thức và kỹ năng sử dụng các thiết bị âm thanh hiện đại, cũng như các kỹ thuật xử lý âm thanh chuyên nghiệp.

Đảm bảo kỹ thuật viên luôn được cập nhật về các công nghệ âm thanh mới nhất và biết cách ứng dụng chúng vào thực tế.

3.3.4.2. Thực hiện việc truyền hình trực tiếp các buổi biểu diễn, tạo cơ hội cho HV-SV tiếp cận với một lượng khán giả lớn hơn

Nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận và nâng cao chất lượng các buổi biểu diễn dân ca, Trường Đại học VHNT Quân đội cần đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng truyền hình hiện đại. Mục tiêu là tạo điều kiện để học viên, sinh viên thể hiện tài năng trước công chúng, đồng thời quảng bá hiệu quả các giá trị văn hóa dân tộc đến khán giả trong và ngoài nước.

Một trong những giải pháp trọng tâm là trang bị hệ thống thiết bị truyền hình chuyên dụng. Cụ thể, sử dụng camera chất lượng cao để truyền hình trực tiếp với hình ảnh sắc nét, màu sắc trung thực; lắp đặt bộ trộn hình (Switcher) nhằm chuyển đổi linh hoạt các góc quay, tăng sức hút thị giác. Bên cạnh đó, hệ thống truyền dẫn hiện đại đảm bảo tín hiệu ổn định, không gián đoạn trong suốt buổi phát sóng.

Song song với thiết bị, nhà trường cần xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên chuyên nghiệp. Nên tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng quay, dựng phim, xử lý âm thanh và truyền hình trực tiếp. Việc mời chuyên gia truyền hình hướng dẫn sẽ giúp nâng cao chuyên môn, đảm bảo chất lượng sản xuất nội dung.

Ngoài ra, khai thác hiệu quả các nền tảng truyền thông số là hướng đi phù hợp với xu thế hiện đại. Các buổi biểu diễn nên phát trên truyền hình địa phương hoặc quốc gia, đồng thời livestream trên Facebook, YouTube, TikTok. Nhà trường cũng cần xây dựng kho tư liệu video chất lượng, đăng tải trên website chính thức để phục vụ khán giả.

Bằng việc kết hợp đầu tư công nghệ với chiến lược truyền thông hiệu quả, Trường Đại học VHNT Quân đội có thể nâng tầm các buổi biểu diễn dân ca, góp phần lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc trong kỷ nguyên số.

NỘI DUNG CẦN GHI NHỚ TRONG CHƯƠNG 3

Từ khảo sát thực tiễn tại Trường Đại học VHNT Quân đội, một quy trình biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền đã được hệ thống hóa, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, bảo tồn văn hóa truyền thống và phát triển toàn diện kỹ năng biểu diễn cho học viên. Quy trình này bao gồm sáu giai đoạn chính, được thiết kế logic, linh hoạt và giàu tính ứng dụng, đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp của môi trường đào tạo nghệ thuật hiện nay.

Thứ nhất, xác định rõ mục tiêu và yêu cầu

Những mục tiêu trong quy trình biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền là nâng cao kiến thức và năng lực biểu diễn dân ca cho học viên, sinh viên thông qua việc hiểu sâu về đặc điểm âm nhạc dân gian ba miền và vận dụng vào thực hành, sáng tạo, giảng dạy. Trình diễn chân thực, giàu cảm xúc, giữ nguyên tinh thần, phong cách của từng làn điệu; tránh phô trương kỹ thuật hay hiện đại hóa quá mức. Gìn giữ và lan tỏa giá trị dân ca trong môi trường học thuật, giúp thế hệ nghệ sĩ trẻ trở thành người truyền cảm hứng và bảo vệ bản sắc văn hóa. Phát triển tư duy nghệ thuật, kỹ năng sân khấu, làm việc nhóm và bản lĩnh biểu diễn, đặc biệt quan trọng trong môi trường nghệ thuật chuyên nghiệp và quân đội.

Đồng thời, quy trình đòi hỏi những yêu cầu bắt buộc như: Hát đúng phong cách, giữ nguyên đặc trưng vùng miền; Sáng tạo có chọn lọc, giữ “chất dân gian”; Luyện tập đúng tiến độ, tuân thủ tổ chức; Mỗi tiết mục phải chạm đến cảm xúc khán giả. Việc xác định rõ mục tiêu và yêu cầu ngay từ đầu chính là nền tảng quyết định hiệu quả của toàn bộ quá trình đào tạo và biểu diễn dân ca trong bối cảnh hiện đại.

Thứ hai, lựa chọn và phân tích tác phẩm

Việc lựa chọn và phân tích ca khúc dân ca là một bước quan trọng trong quá trình đào tạo biểu diễn tại các cơ sở nghệ thuật. Trước hết, ca khúc được chọn cần mang tính biểu tượng cho từng vùng miền, đại diện

cho âm hưởng dân ca Bắc – Trung – Nam như: Quan họ, Hát Xoan, Hò Huế, Lý mười thương, Lý cây bông, Dân ca Bạc Liêu,... Những bài hát này không chỉ phản ánh đặc trưng văn hóa, ngôn ngữ và tinh thần nghệ thuật của địa phương, mà còn giúp người học rèn luyện khả năng thích ứng với sự đa dạng của các phong cách âm nhạc dân gian. Bên cạnh đó, ca khúc phải phù hợp với trình độ và chất giọng của từng học viên, đảm bảo giúp họ thể hiện một cách tự nhiên, tự tin và phát huy được thế mạnh cá nhân trong khuôn khổ phong cách dân ca. Ngoài ra, chương trình biểu diễn cần được cân đối về thể loại và tiết tấu, tạo nên sự phong phú về màu sắc âm nhạc và rèn luyện sự linh hoạt trong biểu diễn.

Sau khi lựa chọn được ca khúc phù hợp, bước tiếp theo là phân tích tác phẩm, một công đoạn thiết yếu để người học hiểu sâu và biểu diễn một cách thuyết phục. Việc tìm hiểu bối cảnh văn hóa, lịch sử của bài hát giúp xác định không gian nghệ thuật mà ca khúc phản ánh, từ đó lựa chọn thái độ biểu cảm phù hợp. Phân tích cấu trúc âm nhạc như giai điệu, tiết tấu, điệu thức sẽ giúp kiểm soát kỹ thuật thanh nhạc và cảm thụ âm nhạc tốt hơn. Hiểu rõ nội dung lời ca cũng rất quan trọng, bởi dân ca thường chứa đựng hình ảnh, cảm xúc và ngôn ngữ mang tính biểu tượng, đôi khi có cả phương ngữ cần được xử lý tinh tế. Cuối cùng, người học cần nhận diện và làm chủ các kỹ thuật biểu diễn đặc trưng của từng vùng từ cách phát âm, luyến láy, ngân rung đến phong cách trình bày để không chỉ “hát đúng” mà còn “hát hay”, thể hiện đúng bản sắc của làn điệu dân ca và giữ được cá tính nghệ thuật riêng.

Thông qua quá trình lựa chọn và phân tích bài bản, học viên sẽ từng bước nâng cao khả năng biểu diễn, phát triển tư duy nghệ thuật và góp phần gìn giữ, lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống trong dòng chảy âm nhạc đương đại.

Thứ ba, phân công thể hiện và luyện tập chuyên sâu

Trong quy trình đào tạo và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền, giai đoạn “Phân công thể hiện và luyện tập chuyên sâu” giữ

vai trò then chốt, là bước chuyển từ lựa chọn tác phẩm sang hiện thực hóa ý tưởng nghệ thuật trên nền tảng con người cụ thể. Việc phân công không chỉ là sắp xếp vai trò mà là quá trình đánh giá kỹ lưỡng về chất giọng, khả năng biểu cảm, kinh nghiệm sân khấu để giao cho mỗi học viên vị trí phù hợp nhất. Mỗi tiết mục có thể bao gồm ca sĩ chính, ca sĩ phụ, bè đệm và nhóm múa phụ họa. Sự phân vai rõ ràng giúp học viên ý thức được vai trò của mình trong tập thể, đồng thời rèn luyện tinh thần trách nhiệm và phối hợp chuyên nghiệp.

Sau phân công là giai đoạn luyện tập chuyên sâu, nhằm cá nhân hóa quá trình đào tạo. Học viên được hướng dẫn luyện thanh theo từng phong cách vùng miền: Giọng mũi mềm mại cho Quan họ, giả thanh cao sáng cho Chèo, luyện mềm cho dân ca Nam Bộ. Ngoài ra, họ còn học cách xử lý ca từ giàu cảm xúc, thể hiện từng câu chữ có hồn, nhấn mạnh vào phát âm chuẩn vùng miền và nhả chữ linh hoạt. Giai điệu được xử lý tinh tế qua kỹ thuật luyến, rung, ngân, nhả một cách tiết chế và cảm xúc. Về biểu cảm sân khấu, học viên học cách sử dụng ánh mắt, thần thái và nét mặt để truyền tải nội tâm, đồng thời rèn luyện cử chỉ, dáng đi, cách tương tác hài hòa với không gian và người diễn cùng.

Giai đoạn này không chỉ giúp người học nâng cao năng lực biểu diễn cá nhân mà còn rèn luyện bản lĩnh, tư duy sân khấu và khả năng làm việc tập thể. Đây chính là bước đệm để mỗi học viên trở thành một nghệ sĩ dân ca thực thụ, người có kỹ thuật vững vàng, cảm xúc chân thành và tinh thần gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống một cách sâu sắc và sống động.

Thứ tư, luyện tập nhạc đệm và dàn dựng tổng duyệt

Trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền, giọng hát là trung tâm, nhưng sẽ không thể tỏa sáng nếu thiếu sự hỗ trợ của các yếu tố sân khấu như nhạc đệm, ánh sáng, múa minh họa, đạo cụ và kỹ thuật hậu trường. Giai đoạn luyện tập nhạc đệm và dàn dựng tổng duyệt chính là bước then chốt để kết nối mọi thành phần đó thành một chỉnh thể nghệ thuật hoàn chỉnh, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là thời điểm học

viên được rèn luyện khả năng làm việc nhóm, tư duy sân khấu và bản lĩnh xử lý tình huống thực tế, những yếu tố không thể thiếu đối với một nghệ sĩ biểu diễn chuyên nghiệp.

Phân nhạc đệm đóng vai trò làm nền và nâng đỡ cảm xúc cho giọng hát. Việc phối hợp giữa ca sĩ và nhạc công cần được thực hiện nghiêm túc, đặc biệt khi kết hợp giữa nhạc cụ dân tộc (sáo trúc, đàn bầu, trống cơm, với nhạc cụ hiện đại (Guitar, Keyboard). Sự kết hợp này phải đảm bảo sự hài hòa, tránh lai tạp, làm mất đi chất mộc mạc của dân ca. Đồng thời, việc điều chỉnh tiết tấu, hòa âm và âm lượng cũng cần được thực hiện một cách tiết chế, đảm bảo nhạc đệm hỗ trợ chứ không lấn át giọng hát chính.

Tổng duyệt là buổi tổng hợp cuối cùng trước buổi biểu diễn chính thức. Đây là lúc các yếu tố ca, múa, nhạc, sân khấu được kết nối chặt chẽ: giọng hát đúng phong cách, múa minh họa ăn khớp, hiệu ứng sân khấu hoạt động chính xác, trang phục và đạo cụ được sử dụng hợp lý. Buổi chạy chương trình cần được tiến hành như biểu diễn thật, giúp phát hiện và điều chỉnh kịp thời các sai sót kỹ thuật, lỗi phối hợp hoặc những chi tiết chưa ăn khớp. Qua đó, học viên được rèn luyện sự tự tin, làm chủ sân khấu và nâng cao khả năng tổ chức biểu diễn chuyên nghiệp.

Giai đoạn luyện tập nhạc đệm và tổng duyệt không chỉ là bước chuẩn bị cuối cùng, mà còn là nơi hội tụ của kỹ thuật, cảm xúc và tinh thần nghệ thuật dân gian. Khi mọi yếu tố hòa quyện thành một dòng chảy nghệ thuật thống nhất, những làn điệu dân ca truyền thống sẽ được tái hiện sống động, lay động lòng người và lan tỏa mạnh mẽ trong không gian biểu diễn đương đại.

Thứ năm, tổ chức biểu diễn và vận hành sân khấu chuyên nghiệp

Biểu diễn chính thức là đích đến cuối cùng trong toàn bộ quá trình đào tạo, luyện tập và dàn dựng ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền. Đây là giai đoạn hội tụ mọi công sức, kỹ năng và cảm xúc của giảng viên, học viên cùng ê-kíp tổ chức. Nếu các bước trước là phần chuẩn

bị về nội dung và kỹ thuật, thì biểu diễn chính thức là lúc toàn bộ thành phần bước vào “thực chiến” trên sân khấu, nơi nghệ thuật được hiện thực hóa một cách sống động và chuyên nghiệp.

Việc tổ chức biểu diễn không đơn thuần là tái hiện những gì đã tập, mà là quá trình phối hợp chặt chẽ, kiểm soát chi tiết để tạo nên một tổng thể hoàn chỉnh, vừa chuẩn xác về kỹ thuật vừa giàu cảm xúc nghệ thuật. Sân khấu cần được thiết kế hợp lý, tạo không gian thoáng cho ca sĩ, múa phụ họa và nhạc công phối hợp hài hòa. Âm thanh, ánh sáng phải đạt chuẩn, hỗ trợ tối đa cho giọng hát và cảm xúc của tiết mục. Trang phục, đạo cụ và phong nền cần đúng chất vùng miền, khai thác sâu yếu tố văn hóa truyền thống, giúp khán giả cảm nhận rõ bản sắc từng làn điệu dân ca.

Trong biểu diễn, học viên phải tuân thủ kịch bản tổng duyệt, giữ vững tinh thần bài hát và thể hiện bằng bản lĩnh sân khấu vững vàng. Từ giọng hát đến thần thái, tất cả cần truyền tải trọn vẹn vẻ đẹp mộc mạc, sâu lắng hay vui tươi đặc trưng của từng miền. Phía sau sân khấu, đội ngũ kỹ thuật và hậu cần đảm bảo mọi thiết bị, đạo cụ, hiệu ứng hoạt động an toàn, trơn tru, đồng thời sẵn sàng xử lý các sự cố kịp thời và kín đáo.

Biểu diễn chính thức không chỉ là phần kết của một quy trình nghệ thuật, mà còn là bài kiểm tra thực tế về năng lực, sự chuyên nghiệp và tư duy tổ chức chương trình của học viên. Đây là sân khấu để thử lửa bản lĩnh, thể hiện cá tính nghệ thuật và lan tỏa tình yêu với dân ca. Chính từ ánh đèn sân khấu ấy, những làn điệu dân ca truyền thống được hồi sinh mạnh mẽ, vang lên giữa đời sống hiện đại bằng giọng ca, trái tim và tâm huyết của thế hệ nghệ sĩ trẻ hôm nay.

Thứ sáu, đánh giá và rút kinh nghiệm

Trong quy trình đào tạo và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền, buổi biểu diễn chính thức không phải là điểm kết thúc, mà là bước đệm quan trọng mở ra chu trình học tập tiếp theo. Giai đoạn đánh

giá và rút kinh nghiệm đóng vai trò thiết yếu nhằm hoàn thiện năng lực biểu diễn của học viên, điều chỉnh phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo nghệ thuật dân gian trong môi trường chuyên nghiệp.

Đánh giá cần được thực hiện từ nhiều góc nhìn khác nhau. Giảng viên với vai trò người đồng hành xuyên suốt sẽ đưa ra nhận xét mang tính định hướng chuyên môn, tập trung vào kỹ thuật thanh nhạc, bản sắc biểu diễn, khả năng truyền cảm và tinh thần làm việc nhóm. Khán giả là những người tiếp nhận trực tiếp tiết mục mang đến những phản hồi khách quan về sức hút, cảm xúc và tính đại chúng của tác phẩm. Học viên cũng cần tự nhìn lại phần thể hiện của mình, từ điểm mạnh đến những hạn chế, để xác định hướng phát triển tiếp theo một cách chủ động và có trách nhiệm.

Việc rút kinh nghiệm không chỉ dừng lại ở từng cá nhân mà còn cần nhìn nhận trên quy mô nhóm và toàn chương trình: Từ khâu lựa chọn bài hát, phương pháp luyện tập, đến cách phối hợp biểu diễn, điều phối kỹ thuật và tổ chức chương trình. Đây cũng là cơ hội để đề xuất các cải tiến trong đào tạo như đẩy mạnh thực hành, mở rộng biểu diễn ra cộng đồng, hay ứng dụng công nghệ số để lan tỏa dân ca đến với công chúng hiện đại.

Giai đoạn đánh giá và rút kinh nghiệm là mắt xích quan trọng, kết nối quá khứ biểu diễn với tương lai phát triển. Khi được tiến hành một cách khoa học, khách quan và cầu thị, nó sẽ thúc đẩy quá trình đào tạo ngày càng hoàn thiện, góp phần hình thành lớp nghệ sĩ trẻ không chỉ giỏi nghề mà còn hiểu sâu sắc giá trị văn hóa dân tộc, sẵn sàng kế thừa và lan tỏa tinh hoa âm nhạc dân gian Việt Nam.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình nghệ thuật đương đại, việc nâng cao chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm mà còn là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Từ việc hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, đến việc khảo sát và thực nghiệm việc dạy và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội, tác giả rút ra một số kết luận như sau:

Dân ca là linh hồn văn hóa Việt: Dân ca là một phần quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc Việt Nam. Việc gìn giữ và phát triển các làn điệu dân ca thông qua tăng cường giảng dạy và biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ góp phần lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống đến công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ, mà còn là cách để khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ toàn cầu hóa. Trong thực tế, dân ca đang đứng trước nguy cơ mai một do sự cạnh tranh của các thể loại âm nhạc hiện đại. Do đó, nâng cao chất lượng biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca là giải pháp hiệu quả để “làm sống lại” các giá trị truyền thống, đưa dân ca trở lại gần gũi, sinh động và hấp dẫn hơn trong đời sống nghệ thuật hôm nay.

Xây dựng chương trình đào tạo bài bản và liên thông: Một chương trình đào tạo bài bản là nền tảng vững chắc để hình thành đội ngũ nghệ sĩ biểu diễn dân ca chuyên nghiệp. Chương trình này cần được thiết kế khoa học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo tính liên thông và phù hợp với trình độ của HV-SV. Trong đó, lý thuyết cung cấp kiến thức nền tảng về lịch sử, văn hóa, âm nhạc dân gian, còn thực hành là nơi rèn luyện kỹ năng thanh nhạc, kỹ thuật biểu diễn, khả năng thể hiện

cảm xúc. Bên cạnh đó, chương trình cũng cần chú trọng đến việc trang bị kiến thức sâu rộng về ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền, từ âm nhạc học đến văn học dân gian, để HV-SV có thể hiểu rõ và thể hiện một cách tinh tế, chuẩn xác nhất.

Đổi mới phương pháp biểu diễn: Đề dân ca không bị “cũ kỹ” trong mắt công chúng trẻ, việc đổi mới phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca là hết sức cần thiết. Việc khai thác các yếu tố truyền thống như kỹ thuật hát, luyến láy, trang phục, đạo cụ,...cần được thực hiện song song với việc ứng dụng các yếu tố hiện đại như dàn dựng sân khấu, ánh sáng, âm thanh, hiệu ứng hình ảnh. Khuyến khích HV-SV phát triển phong cách biểu diễn cá nhân, sáng tạo và mang bản sắc riêng cũng là một phần quan trọng trong định hướng đào tạo. Tính cá tính và sáng tạo sẽ giúp các tiết mục biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca trở nên sống động, gần gũi và hấp dẫn hơn với người xem hôm nay.

Tăng cường thực hành biểu diễn và giao lưu nghệ thuật: Học đi đôi với hành là nguyên tắc cốt lõi trong đào tạo nghệ thuật. Việc tạo điều kiện để HV-SV thực hành biểu diễn trên sân khấu, giao lưu với các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp, các đoàn nghệ thuật dân gian và nghệ sĩ tên tuổi không chỉ giúp tích lũy kinh nghiệm thực tiễn mà còn là dịp quý để mở rộng góc nhìn, học hỏi và trao đổi chuyên môn. Đặc biệt, việc mời các nghệ nhân, nhạc sĩ, nhà nghiên cứu về dân ca đến giảng dạy và chia sẻ cũng giúp HV-SV tiếp cận được với những giá trị nguyên bản, tinh hoa của dân ca truyền thống, điều mà sách vở và lý thuyết khó có thể truyền tải hết.

Đầu tư cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ số: Một môi trường đào tạo nghệ thuật hiệu quả không thể thiếu cơ sở vật chất hiện đại. Vì vậy các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống phòng học, phòng tập, sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị biểu diễn chuyên dụng. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm hỗ trợ giảng dạy và biểu

diễn cũng là xu thế tất yếu, giúp nâng cao hiệu quả đào tạo và mang lại tính chuyên nghiệp trong từng tiết mục biểu diễn dân ca.

Đội ngũ giảng viên cần được bồi dưỡng thường xuyên: Giảng viên là người trực tiếp truyền đạt tri thức và cảm hứng cho HV-SV. Do đó, việc nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên thông qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng là vô cùng cần thiết. Song song với đó, các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp cần có chính sách hợp tác, mời gọi các chuyên gia, nghệ nhân có uy tín trong lĩnh vực dân ca tham gia giảng dạy, cố vấn để tăng cường tính thực tiễn và chiều sâu chuyên môn cho chương trình.

Cơ chế đánh giá, phản hồi linh hoạt: Cuối cùng, quá trình đào tạo cần được đánh giá thường xuyên để kịp thời điều chỉnh, cải tiến. Việc thu thập phản hồi từ HV-SV, giảng viên và khán giả sẽ giúp nhà trường nhận diện đúng những điểm mạnh, điểm yếu và đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả biểu diễn.

Với định hướng đúng đắn và sự đầu tư bài bản trên tất cả các phương diện, các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp sẽ từng bước nâng cao chất lượng phương pháp biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền. Qua đó, không chỉ góp phần đào tạo nên những nghệ sĩ tài năng mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, đưa dân ca Việt Nam lan tỏa mạnh mẽ hơn trong đời sống đương đại.

2. Kiến nghị

Để thúc đẩy việc nâng cao chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền trong công tác đào tạo tại Trường Đại học VHNT Quân đội, xin có một số kiến nghị như sau:

2.1. Kiến nghị với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Việc bảo tồn và phát huy âm nhạc dân ca truyền thống gắn liền với nâng cao phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca là

trách nhiệm chung của toàn xã hội, đặc biệt là các cơ quan quản lý văn hóa. Với những giải pháp thiết thực và đồng bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ góp phần quan trọng vào việc giữ gìn di sản quý giá của dân tộc, nuôi dưỡng tình yêu âm nhạc dân gian trong lòng công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ, từ đó lan tỏa mạnh mẽ bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời đại mới.

Tăng cường công tác truyền thông và giáo dục: Đẩy mạnh tuyên truyền về giá trị và vai trò của âm nhạc dân ca trong đời sống văn hóa, lịch sử dân tộc thông qua báo chí, truyền hình, mạng xã hội và các hoạt động giáo dục tại trường học. Tổ chức các chương trình nghệ thuật, hội thi, liên hoan, festival dân ca thường niên ở quy mô quốc gia và khu vực, tạo sân chơi bổ ích để nghệ nhân, nghệ sĩ giao lưu, biểu diễn và quảng bá các làn điệu dân gian.

Tôn vinh nghệ nhân và các cá nhân đóng góp: Có chính sách khen thưởng, vinh danh kịp thời những nghệ nhân, nghệ sĩ, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong việc gìn giữ và lan tỏa âm nhạc dân gian. Hỗ trợ nghệ nhân về điều kiện sống, y tế, đào tạo, tạo điều kiện để họ truyền dạy tinh hoa dân ca cho thế hệ kế cận.

Khảo sát, kiểm kê và tư liệu hóa: Tiến hành khảo sát, kiểm kê có hệ thống các loại hình âm nhạc dân ca trên toàn quốc, đặc biệt là những loại hình đang có nguy cơ mai một. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về âm nhạc dân gian: lưu trữ bản ghi âm, ghi hình, bản nhạc, tư liệu nghiên cứu; thực hiện số hóa để bảo quản và phổ biến rộng rãi trên nền tảng số. Thành lập và hỗ trợ các trung tâm nghiên cứu âm nhạc dân ca tại các địa phương nhằm nghiên cứu, phát hiện và lan tỏa các giá trị văn hóa đặc sắc.

Hỗ trợ và đầu tư thiết thực: Tăng cường đầu tư cho các dự án bảo tồn, phục dựng, sáng tác, quảng bá và biểu diễn dân ca truyền thống. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức xã hội tham gia tài trợ, đầu tư vào công tác gìn giữ âm nhạc dân gian theo hình thức xã hội hóa.

Phát triển nguồn nhân lực kế thừa: Mở rộng quy mô đào tạo âm nhạc dân ca trong các trường nghệ thuật từ bậc Trung cấp đến Đại học, chú trọng kỹ năng biểu diễn và hiểu biết văn hóa – lịch sử. Tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho giảng viên, nghệ sĩ, người yêu dân ca. Khuyến khích thanh thiếu niên tiếp cận dân ca bằng hình thức sinh động, hấp dẫn; tạo điều kiện học hỏi trực tiếp từ các nghệ nhân thông qua các lớp truyền nghề.

Nghiên cứu và phát triển phương pháp giảng dạy: Tài trợ các đề tài nghiên cứu khoa học về phương pháp biểu diễn ca khúc dân gian, đặc biệt là trong môi trường học đường và biểu diễn chuyên nghiệp. Tổ chức hội thảo, tọa đàm chuyên ngành để giảng viên, nghệ sĩ, chuyên gia trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ kỹ thuật và xu hướng sáng tạo mới.

Cải tiến chương trình đào tạo: Rà soát và cập nhật chương trình đào tạo âm nhạc dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca tại các trường VHNT theo hướng hiện đại, thực tiễn nhưng vẫn giữ bản sắc dân tộc. Tăng thời lượng thực hành, đưa SV tham gia biểu diễn thực tế để rèn luyện kỹ năng sân khấu và cảm thụ âm nhạc truyền thống. Lồng ghép kiến thức văn hóa dân gian như phong tục, ngôn ngữ địa phương, trang phục dân tộc vào nội dung học tập để làm giàu bối cảnh biểu diễn.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên: Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực sư phạm, kiến thức âm nhạc dân gian và kỹ năng biểu diễn cho giảng viên. Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia nghiên cứu, giao lưu chuyên môn trong nước và quốc tế để cập nhật phương pháp giảng dạy tiên tiến.

Khuyến khích sáng tạo và đổi mới: Hỗ trợ sáng tác các ca khúc mới mang âm hưởng dân ca có giá trị nghệ thuật cao, gần gũi với đời sống hiện đại. Tạo cơ hội kết hợp âm nhạc dân gian với âm nhạc đương đại, ứng dụng công nghệ nhưng vẫn giữ tinh thần dân tộc. Tổ chức các cuộc thi sáng tác, biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca để khuyến khích tài năng trẻ đóng góp cho nghệ thuật truyền thống.

2.2. Kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo đóng vai trò chủ lực trong việc hình thành hệ thống đào tạo bài bản, lâu dài về âm nhạc dân gian góp phần nuôi dưỡng tình yêu văn hóa truyền thống trong thế hệ trẻ và khẳng định giá trị của âm nhạc dân tộc trong nền giáo dục quốc gia. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, góp phần bảo tồn, phát huy âm nhạc dân gian truyền thống trong môi trường học thuật, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, triển khai các giải pháp sau:

Xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu về âm nhạc dân gian: Nghiên cứu và ban hành chương trình đào tạo riêng dành cho lĩnh vực âm nhạc dân gian trong các trường văn hóa nghệ thuật, từ bậc Trung cấp đến Sau đại học. Trong chương trình cần tích hợp các nội dung trọng tâm như: Kỹ thuật biểu diễn dân ca ba miền (Bắc – Trung – Nam), kỹ năng xử lý ca khúc mang âm hưởng dân ca, lý luận âm nhạc dân gian, lịch sử – văn hóa dân tộc gắn với âm nhạc truyền thống.

Phát triển phương pháp giảng dạy phù hợp: Đưa vào chương trình các phương pháp biểu diễn dân ca hiện đại nhưng vẫn bảo lưu bản sắc dân tộc. Tổ chức biên soạn bộ giáo trình, tài liệu chuẩn về dân ca ba miền phục vụ đào tạo chính quy và bồi dưỡng chuyên môn.

Tăng cường đầu tư và hỗ trợ tài chính: Thiết lập các cơ chế tài trợ, cấp học bổng chuyên biệt dành cho SV, học viên, giảng viên và nhà nghiên cứu theo đuổi chuyên ngành dân ca. Hỗ trợ ngân sách cho các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng tác mới, xây dựng kho tư liệu, tổ chức hội thảo, giao lưu chuyên môn về âm nhạc dân gian.

Khuyến khích hợp tác liên ngành và liên trường: Tạo điều kiện để các trường nghệ thuật hợp tác với các nghệ nhân, đoàn nghệ thuật dân gian, trung tâm văn hóa và các trường đại học khác để giao lưu, trao đổi học thuật và tổ chức hoạt động biểu diễn, truyền dạy.

2.3. Kiến nghị với Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam

Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng bảo tồn và phát huy âm nhạc dân ca truyền thống, đồng thời cải thiện phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca.

Đảm bảo sự gắn kết giữa các hội nghệ thuật: Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam tạo cơ hội cho các hội nghệ thuật, các nhà nghiên cứu và nghệ sĩ trong cả nước kết nối, chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác trong các hoạt động bảo tồn và phát huy âm nhạc dân ca. Hỗ trợ các hội viên trong việc phát triển và tổ chức các chương trình bảo tồn, đồng thời kết nối giữa các vùng miền để đảm bảo tính đa dạng và phong phú của âm nhạc dân ca.

Nghiên cứu và xây dựng chính sách: Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam có khả năng tổ chức các nghiên cứu và khảo sát chuyên sâu về âm nhạc dân ca, từ đó hoạch định các chính sách bảo tồn phù hợp. Đưa ra các kiến nghị và chính sách hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn âm nhạc dân ca, thúc đẩy sự quan tâm của cộng đồng và chính quyền đối với giá trị văn hóa truyền thống.

Giáo dục và truyền bá: Tổ chức các chương trình truyền bá kiến thức về âm nhạc dân ca cho cộng đồng, đặc biệt là cho thế hệ trẻ, nhằm nâng cao nhận thức và lòng tự hào về giá trị văn hóa dân tộc. Cung cấp các khóa đào tạo về phương pháp biểu diễn, kỹ thuật thanh nhạc, và kiến thức về âm nhạc dân ca cho nghệ sĩ, giảng viên và SV.

Tổ chức sự kiện và hội thảo: Tổ chức các liên hoan, hội thi âm nhạc dân ca để phát hiện và tôn vinh các tài năng, đồng thời tạo ra sân chơi cho nghệ sĩ trẻ. Tổ chức các hội thảo chuyên đề, tọa đàm về phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, tạo điều kiện để các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu chia sẻ và học hỏi lẫn nhau.

Hỗ trợ tài chính và kỹ thuật: Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam có thể huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ các hoạt động bảo tồn và phát huy âm nhạc dân ca. Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho các hoạt động biểu diễn, tổ chức lớp học, và nghiên cứu âm nhạc dân ca, đảm bảo các nghệ sĩ có điều kiện tốt nhất để phát triển.

Tăng cường giao lưu văn hóa: Tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa với các nước khác để quảng bá âm nhạc dân ca Việt Nam ra thế giới, tạo cơ hội cho nghệ sĩ Việt Nam tiếp cận các xu hướng âm nhạc mới và học hỏi từ các nền văn hóa khác. Tạo điều kiện cho các nghệ sĩ từ các vùng miền khác nhau giao lưu, chia sẻ bản sắc âm nhạc đặc trưng của mỗi khu vực, từ đó phát triển những biến tấu sáng tạo trong âm nhạc dân ca.

2.4. Kiến nghị với các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp

Dân ca ba miền (Bắc, Trung, Nam) là tinh hoa văn hóa đặc sắc, phản ánh sâu sắc tâm hồn và bản sắc dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh nghệ thuật đang ngày càng phát triển và hội nhập mạnh mẽ, việc đào tạo và hoàn thiện phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca trong các trường nghệ thuật chuyên nghiệp cần được quan tâm đặc biệt, nhằm đảm bảo sự kế thừa và phát huy bền vững di sản quý báu này. Để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, các trường nghệ thuật cần thực hiện một số giải pháp đồng bộ sau:

Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo: Chương trình học cần được điều chỉnh theo hướng hiện đại, linh hoạt, phù hợp với xu hướng nghệ thuật biểu diễn hiện nay, nhưng vẫn giữ vững tinh thần dân tộc. Các học phần về biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca cần được chú trọng đúng mức, gắn liền với thực hành, trải nghiệm và biểu diễn trực tiếp.

Mở rộng hợp tác và giao lưu chuyên môn: Tăng cường liên kết với các nhà nghiên cứu, nghệ nhân dân gian, các đoàn nghệ thuật dân

tộc và các trường bạn để tổ chức hội thảo, tọa đàm, giao lưu học thuật và biểu diễn. Đây là cơ hội để HV-SV tiếp cận đa chiều và học hỏi từ thực tiễn sinh động.

Xây dựng hệ thống giáo trình – tài liệu chuyên sâu: Cần hoàn thiện việc biên soạn giáo án, tài liệu tham khảo và sách chuyên khảo về âm nhạc dân gian. Đặc biệt, cần sớm biên soạn và xuất bản *Tuyển tập các ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền* nhằm phục vụ hiệu quả cho đào tạo ở các hệ Trung cấp, Đại học và Sau Đại học chuyên ngành Thanh nhạc.

Nâng cấp cơ sở vật chất: Đầu tư nâng cấp phòng học, sân khấu tập luyện, hệ thống âm thanh, ánh sáng, thư viện điện tử, kho nhạc số,... để học viên, SV có điều kiện học tập và biểu diễn trong môi trường hiện đại, chuyên nghiệp, gắn với thực tiễn biểu diễn.

Bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giảng viên: Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa học nâng cao về kỹ thuật hát dân ca, phong cách biểu diễn, nghiên cứu dân tộc học âm nhạc, đồng thời cập nhật các xu hướng âm nhạc đương đại để linh hoạt trong phương pháp giảng dạy.

Khuyến khích sáng tạo trong biểu diễn: Xây dựng môi trường học tập cởi mở, linh hoạt, nơi HV-SV được khuyến khích phát triển phong cách cá nhân khi tiếp cận và thể hiện các ca khúc mang âm hưởng dân ca. Đây là yếu tố quan trọng để dân ca sống động hơn trong đời sống nghệ thuật hiện đại.

Tăng cường biểu diễn và giao lưu thực tiễn: Thường xuyên tổ chức các buổi báo cáo học phần, hội diễn nội bộ, các buổi biểu diễn chuyên đề và giao lưu với các đoàn nghệ thuật bên ngoài. Điều này giúp HV-SV rèn luyện kỹ năng biểu diễn, cọ xát thực tế và làm quen với sân khấu chuyên nghiệp.

Mời nghệ nhân tham gia truyền dạy: Mời các nghệ nhân, nghệ sĩ gạo cội trong lĩnh vực dân ca ba miền tham gia giảng dạy, hướng

đẫn thực hành hoặc truyền nghề. Đây là cách hữu hiệu để giữ gìn tính nguyên bản, phong cách đặc trưng và tinh thần dân tộc trong từng tiết mục biểu diễn.

Việc bảo tồn và phát triển nghệ thuật dân ca trong các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp là nhiệm vụ cấp thiết. Khi được đầu tư bài bản và cập nhật hợp lý, biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là môn học mà còn là sợi dây kết nối quá khứ với hiện tại, bản sắc dân tộc với hơi thở đương đại giúp thế hệ trẻ thêm yêu, thêm tự hào và biết gìn giữ di sản văn hóa Việt Nam.

Những kết luận và kiến nghị nêu trên, không chỉ góp phần cải thiện chất lượng đào tạo và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại các trường đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp mà còn là bước đi chiến lược trong việc bảo tồn, phát huy di sản âm nhạc dân gian Việt Nam, đưa nghệ thuật truyền thống hòa nhập với đời sống đương đại, lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng trong và ngoài nước.

THAY LỜI KẾT

Trước hết, tôi xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Quý thầy cô, Thủ trưởng, Ban Giám hiệu Trường Đại học VHNT Quân đội; Các đồng chí, đồng nghiệp tại Khoa Thanh nhạc - Trường Đại học VHNT Quân đội, cùng các thế hệ HV-SV của Nhà trường và các trường ngoài quân đội đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp tôi trong quá trình khảo sát và thực nghiệm mảng đề tài “Giáo dục và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền” trong suốt 30 năm qua. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Nhà hát Thực hành biểu diễn - Trường Đại học VHNT Quân đội, Đoàn Văn công Quân khu 9, Nhà hát Ca múa nhạc Quân đội, Viện Kinh tế, Văn hóa và Nghệ thuật, Hội Nhạc sĩ Việt Nam cùng các cơ quan hữu quan đã tạo điều kiện cho tôi có cơ hội được thực hành biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền trên nhiều sân khấu và sự kiện khác nhau để lan tỏa những giá trị của âm nhạc truyền thống kết hợp hài hòa với âm nhạc hiện đại. Tôi cũng xin cảm ơn, các nhạc sĩ, nghệ sĩ, ca sĩ, nhà sản xuất âm nhạc, cùng các cộng sự đã giúp tôi hòa âm, phối khí, thu thanh và phát hành hơn 100 ca khúc mang âm hưởng dân ca các vùng miền. Cảm ơn các cơ quan báo chí truyền thông của Trung ương và các địa phương đã lan tỏa những ca khúc mang âm hưởng dân ca, cũng như các công trình, tác phẩm nghiên cứu có liên quan tới công chúng.

Tôi hy vọng, cuốn sách “**Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca – Thực hành và khảo sát tại Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội**” cùng các tác phẩm, công trình có liên quan của tôi đã công bố, sẽ góp phần nhỏ bé của mình vào sứ mệnh bảo tồn và phát huy những giá trị của âm nhạc dân gian truyền thống nói chung, đặc biệt là việc giáo dục và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca trong bối cảnh mới nói riêng, trên các khía cạnh cụ thể như sau:

Bảo tồn và phát huy giá trị âm nhạc truyền thống

Việc giảng dạy và biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là hoạt động nghệ thuật đơn thuần mà còn mang ý nghĩa sâu sắc trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống và giáo dục thế hệ trẻ. Đây là quá trình gìn giữ, phát huy di sản quý giá của dân tộc, đồng thời mở ra hướng phát triển nghệ thuật mang đậm bản sắc trong thời đại mới.

Trước hết, hoạt động này góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân ca, nền tảng không thể thiếu của bản sắc dân tộc. Mỗi vùng miền trên dải đất hình chữ S thiêng liêng đều có những làn điệu dân ca riêng biệt, như Quan họ Bắc Ninh, Hò Huế hay Lý Nam Bộ,... Những giai điệu ấy, không đơn thuần là âm nhạc, mà còn là sự kết tinh của ngôn ngữ, lối sống, tâm hồn và chiều sâu văn hóa cộng đồng. Thông qua việc giảng dạy và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, những giá trị ấy được duy trì, tái hiện trong đời sống hiện đại và tránh nguy cơ mai một. Đặc biệt, khi những ca khúc mang âm hưởng dân ca được đưa vào môi trường giáo dục và sân khấu nghệ thuật, thế hệ trẻ sẽ có cơ hội tiếp cận với di sản dân tộc một cách sinh động, hấp dẫn. Không chỉ dừng lại ở việc học hát, các em còn được tìm hiểu nguồn gốc, bối cảnh và thông điệp nhân văn trong từng bài ca, từ đó hình thành tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc một cách tự nhiên và sâu sắc.

Bên cạnh vai trò bảo tồn, việc giảng dạy và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca, còn là cơ hội để phát triển nghệ thuật đương đại mang đậm tính dân tộc. Những sáng tác mới lấy cảm hứng từ dân ca, các chất liệu của âm nhạc dân ca vừa làm phong phú đời sống âm nhạc, vừa khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam trong dòng chảy toàn cầu hóa. Đây cũng là con đường để nghệ sĩ trẻ tìm thấy cảm hứng sáng tạo, tạo nên dấu ấn cá nhân, mà vẫn gắn bó chặt chẽ với hồn cốt dân tộc.

Không những vậy, hoạt động này còn góp phần tạo nên sự giao thoa hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, góp phần xây dựng bản sắc

văn hóa vững vàng trong thời đại hội nhập. Việc bảo tồn và phát huy những giá trị âm nhạc truyền thống bằng các hình thức mới không chỉ giúp gìn giữ giá trị truyền thống mà ông cha đã trao truyền qua bao thế hệ đem lại sức sống mới cho nghệ thuật truyền thống, qua đó kết nối quá khứ với hiện tại và hướng tới tương lai.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là chất liệu nghệ thuật quý báu, mà còn là cầu nối giữa văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, giúp thế hệ trẻ thấu hiểu cội nguồn và bồi đắp tinh thần dân tộc. Chính vì vậy, việc giảng dạy và biểu diễn các ca khúc mang âm hưởng dân ca cần được nhìn nhận như một phương thức hiệu quả để bảo vệ di sản văn hóa, làm giàu đời sống tinh thần và bồi đắp bản sắc văn hóa Việt trong thế kỷ XXI.

Giáo dục thẩm mỹ và tình yêu quê hương

Ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là những giai điệu mượt mà mang tính giải trí, mà còn là một hình thức nghệ thuật giàu chất văn hóa, đóng vai trò sâu sắc trong việc giáo dục thẩm mỹ và nuôi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước. Việc giảng dạy và biểu diễn các ca khúc dân ca chính là con đường hiệu quả để truyền tải những giá trị này đến với thế hệ trẻ.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca giúp hình thành cảm nhận về vẻ đẹp quê hương. Mỗi ca khúc đều mang theo hơi thở của vùng đất nơi nó ra đời, từ nhịp sống, phong cảnh thiên nhiên đến phong tục tập quán và đời sống tinh thần của con người. Những giai điệu nhẹ nhàng, sâu lắng, cùng ca từ mộc mạc, đậm chất trữ tình giúp người học cảm nhận rõ nét hơn về vẻ đẹp văn hóa và thiên nhiên quê nhà. Nhờ đó, các em học sinh không chỉ học hát một bài dân ca, mà còn học cách cảm, cách yêu và trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống mà ông cha để lại.

Bên cạnh đó, việc hát và lắng nghe các ca khúc mang âm hưởng dân ca cũng góp phần bồi dưỡng tình yêu và lòng tự hào dân tộc. Những câu hát như lời kể về truyền thống, về những vùng đất, con người và sự

gắn bó máu thịt với quê hương. Khi học sinh được tiếp xúc thường xuyên với ca khúc mang âm hưởng âm dân ca, các em sẽ dần hình thành ý thức về cội nguồn, cảm thấy tự hào khi là một phần của nền văn hóa giàu bản sắc. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện đại, khi sự giao thoa và tác động của văn hóa ngoại lai ngày càng mạnh mẽ.

Giáo dục âm nhạc dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ phát triển năng lực cảm thụ nghệ thuật mà còn góp phần xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc cho thế hệ trẻ. Qua những giai điệu mang âm hưởng quê hương, dân ca trở thành cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giúp mỗi người trẻ Việt Nam lớn lên với lòng biết ơn, niềm tự hào và tình yêu sâu sắc dành cho đất nước mình.

Phát triển kỹ năng âm nhạc và ngôn ngữ

Dạy và học hát ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ đơn thuần là tiếp cận một thể loại âm nhạc truyền thống, mà còn là quá trình rèn luyện kỹ năng toàn diện về cả thanh nhạc và ngôn ngữ. Với tính đặc thù về giai điệu, tiết tấu và lời ca, dân ca tạo điều kiện thuận lợi để người học nâng cao năng lực âm nhạc cũng như hiểu sâu hơn về tiếng Việt và văn hóa dân tộc.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca thường đòi hỏi kỹ thuật xử lý âm thanh tinh tế như luyến láy, ngân nga, nhả chữ rõ ràng và truyền cảm. Việc luyện tập những ca khúc có chất liệu dân ca giúp người học rèn luyện khả năng điều khiển hơi thở, phát âm chuẩn xác, nâng cao độ nhạy về cao độ, trường độ và nhịp điệu. Ngoài ra, còn khuyến khích người học thể hiện cảm xúc qua giọng hát, từ đó phát triển khả năng biểu đạt và cảm thụ âm nhạc một cách sâu sắc hơn. Đây chính là nền tảng quan trọng cho những ai theo đuổi con đường nghệ thuật chuyên nghiệp hoặc đơn giản là muốn nâng cao kỹ năng trình bày và giao tiếp.

Lời ca trong ca khúc mang âm hưởng dân ca thường sử dụng nhiều từ ngữ cổ, tiếng địa phương, thành ngữ, tục ngữ phản ánh sinh

động đời sống văn hóa, phong tục và tâm lý của cộng đồng. Khi học và hiểu được nội dung các ca khúc mang âm hưởng dân ca, người học sẽ dần mở rộng vốn từ vựng, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt một cách linh hoạt và tinh tế.

Đây cũng là một cách gián tiếp để góp phần gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt, trong bối cảnh ngôn ngữ đang dần bị lai tạp bởi nhiều yếu tố ngoại lai. Đồng thời, việc tiếp cận các ngôn ngữ vùng miền thông qua âm nhạc giúp người học hiểu thêm về sự đa dạng văn hóa của đất nước, tăng cường tinh thần đoàn kết, tôn trọng sự khác biệt và tự hào về sự phong phú của tiếng nói dân tộc.

Việc dạy và học hát ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ giúp người học nâng cao kỹ năng âm nhạc, mà còn là phương tiện hiệu quả để làm giàu vốn ngôn ngữ, trau dồi văn hóa và gìn giữ giá trị truyền thống. Đây là một phương pháp giáo dục toàn diện, vừa phát triển năng lực cá nhân vừa nuôi dưỡng tâm hồn và trí tuệ Việt.

Góp phần gắn kết cộng đồng

Ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là một hình thức nghệ thuật dân gian mang đậm bản sắc văn hóa vùng miền, mà còn là sợi dây kết nối các thế hệ, tạo nên không gian sinh hoạt cộng đồng giàu tính nhân văn. Trong đời sống văn hóa truyền thống, dân ca luôn hiện diện như một phần không thể thiếu trong các lễ hội, sinh hoạt tập thể và các dịp sum họp – từ đó góp phần làm bền chặt tình cảm giữa con người với con người.

Một trong những giá trị đặc biệt của các ca khúc sử dụng chất liệu dân ca là khả năng kết nối các thế hệ trong một dòng chảy văn hóa liên tục. Cuộc sống hiện đại, khi ông bà, cha mẹ không có nhiều thời gian cho việc truyền lại những câu hát ru, những làn điệu dân ca cho con cháu, thì những ca khúc mang âm hưởng dân ca là sự chuyển giao kiến thức âm nhạc, mà là sự gắn kết tình cảm giữa các thế hệ. Những buổi biểu diễn,

sinh hoạt tập thể với âm nhạc dân ca trở thành dịp để mọi người cùng ngồi lại, cùng hát, cùng chia sẻ. Từ đó hình thành nên không khí gia đình, làng xóm ấm áp và nghĩa tình.

Âm nhạc dân ca và ca khúc mang âm hưởng dân ca thường được thể hiện trong các lễ hội, hội làng, đêm văn nghệ hoặc hoạt động giao lưu văn hóa. Với giai điệu vui tươi, dễ hát, dễ nhớ, ca khúc mang âm hưởng dân ca mang đến không khí rộn ràng, phấn khởi, thu hút mọi người cùng tham gia. Chính nhờ sự gần gũi, dễ tiếp cận ấy mà dân ca trở thành phương tiện hiệu quả để gắn kết cộng đồng, nơi mọi người không phân biệt lứa tuổi, ngành nghề đều có thể hòa mình vào một không gian âm nhạc chung. Qua đó, cộng đồng được thắt chặt tình cảm, tăng cường sự đoàn kết và phát triển bền vững hơn về mặt tinh thần.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ góp phần gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống, mà còn đóng vai trò như một “chất keo văn hóa” kết nối các thế hệ và cộng đồng. Việc duy trì và phát huy vai trò của âm nhạc dân ca trong đời sống hiện đại chính là cách để nuôi dưỡng bản sắc dân tộc và tinh thần gắn bó trong xã hội.

Giải trí và thư giãn

Ca khúc mang âm hưởng dân ca thường có giai điệu mộc mạc, gần gũi và giàu cảm xúc, không chỉ là phương tiện truyền tải giá trị văn hóa mà còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Trong nhịp sống hiện đại đầy áp lực, ca khúc mang âm hưởng dân ca mang đến một không gian nghệ thuật nhẹ nhàng, giúp con người tìm lại sự cân bằng nội tâm và niềm vui giản dị từ những điều thân thuộc.

Khác với những thể loại âm nhạc hiện đại thường có tiết tấu nhanh và đôi khi quá phức tạp, ca khúc mang âm hưởng dân ca chinh phục người nghe bằng sự giản dị, trầm lắng và chan chứa tình cảm. Những giai điệu quen thuộc như “Lý cây bông”, “Hò kéo pháo”, “Ru con Nam Bộ” hay “Quan họ Bắc Ninh”, “hát Xoan Phú Thọ” đều mang âm hưởng ngọt

ngào, sâu lắng, khiến người nghe cảm thấy như được trở về quê hương, sống lại những ký ức êm đềm thời thơ ấu. Chính sự quen thuộc ấy giúp người nghe cảm thấy thoải mái, an yên và thư giãn sau những giờ học tập, lao động mệt mỏi.

Không ít nghiên cứu khoa học đã chứng minh rằng, âm nhạc có tác dụng tích cực đến tâm lý con người. Ca khúc mang âm hưởng dân ca, với nhịp điệu êm dịu và nội dung chứa đựng những tâm tình sâu sắc, dễ đi vào lòng người, có thể trở thành liệu pháp tinh thần hiệu quả. Việc nghe hoặc hát ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ giúp giảm áp lực tâm lý, mà còn mang đến cảm giác dễ chịu, từ đó giúp người nghe tái tạo năng lượng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Đặc biệt, trong những lúc cô đơn hay áp lực, một ca khúc mang âm hưởng dân ca quen thuộc có thể trở thành nguồn động viên tinh thần, khơi dậy cảm xúc tích cực và sự kết nối với cộng đồng, quê hương.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là một dòng chảy văn hóa quý báu, mà còn là món quà tinh thần nhẹ nhàng, sâu lắng, giúp con người thư giãn, giải tỏa cảm xúc và tìm lại sự bình yên trong tâm hồn. Việc đưa dân ca vào đời sống giải trí hiện đại chính là cách nuôi dưỡng cảm xúc chân thật và duy trì sự gắn bó với cội nguồn văn hóa dân tộc.

Giáo dục nhân cách

Ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ mang đậm giá trị nghệ thuật và văn hóa, mà còn là kênh giáo dục nhân cách giàu tính truyền cảm, đóng vai trò tích cực trong việc hình thành tư duy, thái độ sống và đạo đức của con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Thông qua việc tiếp cận âm nhạc dân ca, người học không chỉ cảm thụ âm nhạc mà còn hấp thụ những bài học sâu sắc về cách sống, cách làm người.

Phần lớn các ca khúc mang âm hưởng dân ca truyền thống đều phản ánh đời sống lao động, sinh hoạt và tâm tư tình cảm của nhân dân lao động qua bao thế hệ. Trong đó chứa đựng nhiều thông điệp nhân văn

như lòng hiếu thảo, tình yêu thương con người, lòng trung thực, thủy chung, sự kiên nhẫn, vị tha và tinh thần cộng đồng.

Khi được tiếp cận với dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca thông qua các tiết học, sinh hoạt văn nghệ hay hoạt động ngoại khóa, học sinh không chỉ tiếp nhận kiến thức về âm nhạc, mà còn được vun đắp các giá trị đạo đức thông qua nội dung bài hát. Những giai điệu mang tính giáo dục cao ấy có khả năng khơi dậy cảm xúc tích cực, góp phần hình thành nhân cách, lối sống đúng đắn, biết yêu thương, sẻ chia và sống tử tế với người xung quanh.

Bên cạnh quá trình dạy và học ca khúc mang âm hưởng dân ca, cần đưa thêm các loại hình âm nhạc truyền thống như Quan họ, Ca trù, Hát Xẩm, Ví Giặm, Hát Xoan, Chèo, Họ Huế,...vào chương trình học giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn về nghệ thuật truyền thống và những thông điệp đạo đức đi kèm, từ đó rèn luyện tâm hồn và tư duy tích cực. Đây là những sân chơi lành mạnh, không chỉ giúp học sinh thể hiện năng khiếu nghệ thuật, mà còn tạo môi trường rèn luyện tinh thần tập thể, kỹ năng giao tiếp, trách nhiệm và sự tự tin, những yếu tố quan trọng của nhân cách toàn diện. Những buổi sinh hoạt có sự góp mặt của âm nhạc dân ca giúp tạo bầu không khí vui tươi, gắn bó, từ đó hình thành tinh thần yêu quê hương, yêu cộng đồng, một nền tảng đạo đức xã hội bền vững.

Ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ là di sản văn hóa dân tộc, mà còn là một “người thầy thầm lặng” dạy con người sống tốt, sống đẹp. Việc lồng ghép dân ca, ca khúc mang âm hưởng dân ca vào giáo dục không chỉ góp phần bảo tồn giá trị truyền thống, mà còn là cách giáo dục nhân cách nhẹ nhàng, hiệu quả và đầy cảm xúc đối với thế hệ trẻ hôm nay. Việc giảng dạy và biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca không chỉ có ý nghĩa trong việc bảo tồn di sản văn hóa mà còn góp phần giáo dục thẩm mỹ, phát triển nhân cách và tăng cường sự gắn kết trong cộng đồng. Đây là một trong những động lực để thúc đẩy phát triển văn hóa nghệ thuật dân tộc nhân văn, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong hành trình đi tới tương lai tươi sáng của chúng ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Anh, *Ca khúc là gì?*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Tháng 01/2010;
2. Lê Hồng Anh, *Khái quát chung về dân ca Việt Nam*, Website Trường Đại học Sư phạm Trung ương;
3. Viết Á, *Theo dòng âm nhạc cái đẹp sải cánh*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 1994
4. Viết Á, *Âm nhạc – Lý luận và cây đời*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 1996;
5. Nguyễn Đồng Chi, Ninh Viết Giao, *Hát Giặm Nghệ Tĩnh*, Tập 1 và Tập 2, NXB Sử học, Hà Nội, 1961
6. Phạm Văn Giáp, *Đại cương nghệ thuật Thanh nhạc*, Tài liệu lưu hành nội bộ, giảng viên Thanh nhạc, Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội;
7. Trần Quang Hải, *Âm nhạc Việt Nam biên khảo*, NXB Bắc Đẩu, Pháp, 1989
8. Kê Hàm, *Âm nhạc dân gian xứ Nghệ*, Văn nghệ dân gian Nghệ An, 2000
9. Phạm Lê Hòa, *Những âm điệu cuộc sống*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 2004
10. Phạm Lê Hòa, *Phân tích tác phẩm âm nhạc*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 2013
11. Đào Việt Hưng, *Tìm hiểu điệu thức dân ca người Việt Bắc Trung Bộ*, Việt Âm nhạc – NXB Âm nhạc, Hà Nội, 1999
12. Mai Thị Xuân Hương, *Vấn đề giảng dạy ca khúc Việt Nam trong chuyên ngành thanh nhạc*, Luận văn Cao học ngành Lý luận Âm nhạc, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2002
13. Mai Khanh, *Tuyển tập Thanh nhạc*, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 1976
14. Nguyễn Trung Kiên, *Phương pháp sư phạm thanh nhạc*, Viện Âm nhạc, Hà Nội, 2001
15. Nguyễn Trung Kiên, *Đa dạng hóa mô hình đào tạo âm nhạc Việt Nam trong giai đoạn mới*, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2009
16. Hồ Mộ La, *Phương pháp dạy thanh nhạc*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2008

17. Trần Ngọc Lan, *Phương pháp hát tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2011
18. Vũ Tự Lâm dịch, *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1985
19. Nguyễn Thị Tố Mai, *Opera trong sự phát triển âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2010
20. Phạm Phúc Minh, *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 2004
21. Phan Minh, *Bàn về chất liệu dân ca trong ca khúc*, Tạp chí Hồn Việt (Số 2, tr.17), 2012
22. Nguyễn Thị Nhung, *Hình thức âm nhạc*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 1988
23. Nguyễn Thị Nhung, *Thể loại Âm nhạc*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 1996
24. Nguyễn Tố Như, *Thể loại trong Thanh khí nhạc*, NXB Quân đội, 2012
25. Trần Việt Ngữ, *Dân ca Bình Trị Thiên*, NXB Văn học, Hà Nội, 1967
26. Trần Việt Ngữ, Trương Đình Quang, Hoàng Chương, *Dân ca Nam Trung Bộ tập 1 và tập 2*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1963
27. Tú Ngọc, *Tìm hiểu giai điệu dân ca Việt Nam*, Tạp chí Âm nhạc (số 3, tr.31), 1979
28. Tú Ngọc, *Dân ca Người Việt*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 1994
29. Nhiều tác giả, *Bách khoa Giáo dục học*, NXB Giáo dục Maxcova, 1980
30. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971
31. Nguyễn Văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc, *Dân ca Quan Họ Bắc Ninh*, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1972
32. Phạm Hoài Phương, *Giọng dạy giọng nữ cao bậc Trung cấp, Cao đẳng tại Trường Văn hóa Nghệ thuật địa phương*, Luận văn Cao học, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 2003
33. Nhóm Lam Sơn, *Dân ca Thanh Hóa*, NXB Văn học, Hà Nội (1965);
34. Huỳnh Quang Thái, *Kỹ thuật hát đóng tiếng và phương pháp đồng nhất các âm khu của giọng nam cao*, Luật văn Cao học Chuyên ngành Thanh nhạc, Nhạc viện

Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM, 2013

35. Lô Thanh (Biên soạn), Giáo trình đại học thanh nhạc, Học viện Âm nhạc Huế, Thừa Thiên - Huế, 1996

36. Trần Diệu Thúy, Tính khoa học trong giảng dạy và giáo trình thanh nhạc, Luận văn cao học chuyên ngành Lý luận Âm nhạc, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, 1999

37. Lư Nhất Vũ, Lê Giang, *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM, 1983

38. Phạm Việt Vượng, Lý luận dạy học Đại học, NXB Đại học Sư phạm, 2004

39. Nguyễn Quang Long, *Hiệu ứng khai thác chất liệu dân gian trong sáng tác âm nhạc*, www.qdnd.vn, đăng bài ngày 07/4/2023

40. Lê Anh Thơ, *Giảng dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung trong đào tạo thanh nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội, 2022

41. Nguyễn Thị Hương Giang, *Dạy học ca khúc mang âm hưởng dân ca cho sinh viên Khoa Thanh nhạc Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội*, NXB Dân Trí, Hà Nội, 2025

42. Nguyễn Thị Hương Giang, *Một số yêu cầu kỹ thuật thể hiện ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam số 99, tháng 6 năm 2025

43. Nguyễn Thị Hương Giang, *Một số yếu tố nhận diện ca khúc mang âm hưởng dân ca*, Tạp chí Âm nhạc Việt Nam số 02 năm 2025.

44. Hội Nhạc sĩ Việt Nam, *Bài ca Thống nhất – Tập 1: 50 ca khúc chào mừng 50 năm Giải phóng miền Nam, Thống nhất Đất nước (1975 -2025)*, NXB Dân Trí, Hà Nội, 2025



PHỤ LỤC

MỘT SỐ CA KHÚC MANG ÂM HƯỚNG DÂN CA BA MIỀN

DÁNG ĐỨNG BẾN TRE

Vừa phải - Đằm thắm, yêu thương

Nhạc và lời: Nguyễn Văn Tý

(Nhạc)

.....) Ai

đứng như bóng dừa tóc dài bay trong gió. (Nhạc)

Có phải người còn đó là con gái của Bến

Tre (Con gái của Bến Tre). Năm xưa đi trong đàn

lừa đi như nước lũ tràn về. Ôi những con

người làm nên Đồng Khởi (i)! Oí, những cây

dừa để lại cho ta bóng quê! Oí tóc ai dài để

lại dáng đứng Bến Tre! Oí, tóc ai dài để

lại dáng đứng Bến Tre! Mỗi lúc đi xa, dừa

oi ta nhớ lắm nghe. Vườn trái tái sum suê, biển

khởi tôm cá đầy ghe. Nhớ con sông dài Hàm Luông bến ta quen

ghé. Lại nhớ tóc ai dài, còn mang dáng đứng Bến

Tre. Lại nhớ tóc ai dài, còn mang dáng đứng Bến

rall. Tre. Ai... ...mang dáng đứng Bến Tre.

ĐẤT NƯỚC LỜI RU

Chậm - Sâu lắng

Nhạc và lời: Văn Thành Nho

Ru con mẹ ru con tiếng ru cả cuộc đời. Ru con lời ru cất
(Ru) con mẹ ru con tiếng ru cả cuộc đời. Ru con lời ru cất

lên tự ngàn đời. Mẹ Âu Cơ từ xa xưa đi khai thiên lập
lên tự ngàn đời. Biển xanh xanh, trời xanh xanh cho con bao hy

địa. Lạc Long Quân cùng bao con đi ra nơi biển cả.
vọng. Rừng xanh xanh, dòng sông xanh cho con bao hy vọng.

Nồng nhiệt

Đê đất nước mấy rục rờ một gấm vóc mãi
Lửa đã cháy ở phía trước, lửa sáng mãi tinh

rạng rờ. Qua bao gian lao Việt Nam ta, Ôi bao yêu thương Việt
đất nước. Nên bao năm cha hành quân xa, Nay thêm bao con cùng

Nam ta, ngàn lời ru trong bão giông, mà ngọt ngào sao
đi xa, một màu xanh như áo cha để mẹ lại ru

1. 2.
câu dân ca. Ru ...la. À ơ ơ à
trong bao

ơ. À ơ ơ à ơ. À ơ ơ à ơ.

cho đất trời lặng yên, để cha theo bước con đường con đi.

GIẬN MÀ THƯƠNG

Nhạc và lời: Trần Hoàn

Em xa anh nghe câu dân ca. Giận mà thương sao mà da diết
thể. Ôi câu ca nặng tình nặng nghĩa có lúc nào anh giận em không.
Có lúc nào em giận anh không. Để thương suốt cả ngày em giận khi xa
nhau đến ngàn vạn dặm. Giận chẳng còn mà thương rộng dài thêm.
Em nhớ ngày em nhớ đêm giận mà thương cháy lòng em
đỏ. Thương mà giận dễ gì đã có em chỉ tìm thấy ở anh thôi.
Một nắng hai sương đội trời đập đất bao vất vả bàn tay em lo
hết. Bao đổi thay anh chưa thể hiểu. Ôi câu ca rằng giận mà thương, mà thương.
Anh lại đi khắp mọi nẻo đường mang câu ca và tình yêu thấm nồng. Khi trở
gió anh vẫn ấm bởi giận rồi cũng chỉ để thương thêm.

LỜI RU

Phong cách hát ru

Nhạc: Lê Minh

Thơ: Hoàng Hạnh

Ngâm lời ru (ru) mẹ ngày xưa, Bà đưa mẹ
 đến giấc trưa say nồng. Để nay mẹ bế mẹ bông, mẹ ru con
 cả tiếng lòng thương yêu. Lời ru bay bông cánh
 điều, thân cò lặn lội mấy chiều sang sông. Lời ru
 ai đó ngóng trông. Muốn về quê mẹ mà không có
 dò. Lời ru biết mấy đợi chờ. Bỏ đi bộ đội từng giờ mẹ
 mong. Thời gian con nước xuôi dòng lời ru của
 mẹ ai đang thắp ngày. À ơi, con ngủ cho
 say, lặn môi chúm chím ngậm đầy lời ru.

VỀ QUÊ

Nhạc và lời: Phó Đức Phương

Theo em anh thì về, theo em anh thì
(Đưa nhau ta thì) ...về, đưa nhau ta thì

về thăm lại miền quê. Nơi có một triền
về nơi mẹ đưa nô, nơi sáo diều chơi

đê, có hàng tre ru khi chiều về.
vòi vói dòng sông bên lở bên bồi.

Ơi quê ta bánh đa bánh
Bao nhiêu năm theo dòng đời đưa

đúc, nơi thảo thơm đồng xanh trái
chen, phiêu bạt nơi phồn hoa cát

ngọt, nơi tuổi thơ ta trải qua đẹp như giấc
bụi, đôi khi cánh cò xưa lạc vào giấc

mơ.
mơ tôi. Ơi quê ta dẫu sương dãi
Nước qua cầu thời gian trôi



NGÃU HÙNG SÔNG HỒNG

Sáng tác: Trần Tiến



Tôi ôm con sáo bé bỏng của tôi, lang thang theo cha dọc bờ sông trắng
xóa. Một ngày mùa thu đưa cha qua sông, một ngày dòng sông đầy nắng và
gió. Con sáo sang sông bạt gió con xít thương ai lội sông lội
sông tìm ai. Chị Hai thương ai ra đứng đầu
đình. Chị Hai nghèo, chị Hai buồn, chị Hai cô đơn, chị Hai khóc.
Chàng Trương Chi đi đâu bỏ lại dạ sầu cho em bỏ lại dòng
sông đầy gió. Con sáo sang sông bạt gió, con xít thương
ai lội sông lội sông tìm ai. Thương nhau quán
quýt lá trôi cau yêu nhau hóa đá đá chờ nhau.



GỌI TRĂNG

Tốp nữ

Sáng tác: Hồ Trọng Tuấn

Pa pa pa pa hãy dơ. Pa pa pa pa hãy dơ. Pa pa pa pa hãy dơ.

Áy dơ áy dơ dơ. Gọi trăng lên sáng soi núi rừng, suối róc
(Cùng tiếng) hát ngân vang núi rừng, Em xỏa

rách hát mãi chuyện tình. Lung linh sao trời lạc vào đôi mắt
tóc dưới suối then thùng. Trăng cũng như vui đùa ngập tràn trong suối với..

1. Em. Cùng tiếng... 2. Em, hát lời tình yêu.

(Ồ.....) (Ồ.....)

Trăng trên cao đang nghiêng soi tiếng hát theo làn gió.

(Ồ.....) (Ồ.....)

Gió lao xao suối reo vui. Tiếng hát Em gọi trăng, để tiếng

1. sáo Anh luồn qua núi, để tiếng sáo Anh luồn qua sương, đến với Em trong ánh trăng

2. vàng. Ngực tràn... Mây. Tiếng sáo anh cũng quên lối về.

TIẾNG KHÈN MÙA BAN NỞ

Vui - Hồn nhiên

Nhạc: Lê Minh
Thơ: Nguyễn Như

Sương giăng ngang Pí Lèng mầm tình mọc môi em,
 Xa xa kia bóng ngựa đồn bước chân nhanh nhanh,
 lũ đá bò lồm ngổm hần vệt dưới bàn chân. Đường mòn
 nắng khê trườn ru cò lặng lơ núi mờ xanh. Công trời
 trắng hoa ban lời em vang đường gió, Khau Vai vừa phiên chợ
 khắc tên em màu hoa tung bụng núi, sương rơi vừa se lạnh
 rượu ngô tình lao xao. Điệu xòe em rục rở,
 lửa ấm lòng tay ai.
 anh ôm nốt liêu phiêu tia nắng sớm đêm chiều. Rươi hồng đôi má
 nhỏ, như tim trắng đã mở, rặng ngời mắt tình khôi. Điệu...
 ...khôi. Ôi sao mà đẹp thế mùa xuân của đất
 trời. Khèn anh như mê hoặc đi vào miền xa xôi.

TRÀU KHÔNG

Âm hưởng dân gian Bắc Bộ
Alibitum (sâu lắng)

Nhạc: Nguyễn Quang Hưng
Lời: Phạm Kim Anh



Hoa gạo đỏ thắm ba vạt sông xanh ư hừ

nơi bến ư chờ bến ư đợi. Sông

sâu cây cầu chưa bắc Em lội một mình nước nhòa phủ mặt. Trầu

xanh chưa hái cau đã ủa vàng thêm một người sang thuyền không về bến...

Nửa đời tìm kiếm mái chèo đa đoan nhện giăng tơ vàng ai người biết

gỡ à ơi à ơi... Ở đôi bờ bên nào là

nhớ bên nào là quên ru em giấc trưa nắng vương yếm đào chiều còn xa lắm

chị ngồi đan nắng chài mềm heo may... À ơi...

Từ trên những rặng đồng, con chim sáo nó bay ra đồng, theo con nước đang xuôi
Người con gái Hậu Giang xưa kia như cánh sáo bay ra làng, nay như những đóa sen
dòng ra dòng ruộng xa, con chim sáo nghe trong lòng bay bổng lời ca. Ô ô
hồng bên dòng phù sa, em yêu quý những con người đang giữ đất trời ta. Mùa xuân
ơ ơ ơ ơ ơ ơ ơ ơ ơ ơ ơ ơ Ơi vui
sang sáo bay theo đàn, chào mùa xuân em hát vui đời vui. Vì nhau
sáo bay gọi bày về miền Tây thăm đất Hậu Giang. Thương câu
cẩn đôi hột gạo nhường cho nhau chiếc áo mặc ngày xuân. Cho biên
hát tiếng ru bao đời, thương cây lúa lớn nhanh theo người, dầm mưa dãi
giới chiến thắng quân thù, cho em bé hát ca yêu đời, mẹ vui rạng
nắng ơ ơ tươi xanh ruộng đồng. Đời vui nước trôi trôi ngược
rỡ ơ ơ cây lúa xanh mượt mà. Cùng nhau xây đất nước đang
dòng, tình phù sa tuy đục mà trong. Trông con nước nó trôi lạnh
hoàng, người Hậu 'Giang đang vững vàng đi tới. Trong gian khó nở hoa anh
lùng, ai đâu biết đã bao nhiêu lần, dòng sông nổi sóng ơ ơ
hùng, vinh quang chín nhánh sông quê mình, "Cần Thơ" gạo trắng ơ ơ
chiến công còn đây.
nước trong là đây. Chào Hậu Giang hôm nay
những con người phơi phơi đang bay xa.

HUẾ THƯƠNG

Nhạc và lời: An Thuyên

Trở lại Huế thương bài thơ khắc trong chiếc nón.
Trở lại Huế thương lần theo ân tình câu hát.

Em cầm trên tay ra đứng bờ sông. Sông Hương nước
Tìm người con gái áo tím mộng mơ. Sông Hương tấp

chạy thuyền trôi lững lờ, em trao nón đợi và em hẹn hò.
nấp tim răng được chừa, không người kỷ niệm vòng tay học trò.

Tôi nhớ khúc ca (a a). Tôi nhớ khúc
Tôi nhớ đến em (ư ư). Tôi nhớ đến

ca mỗi lần đến Huế Nam ai Nam bằng mà sao thương
em chiều hè vương nắng, rơi rơi sân trường phượng hồng mơ

thé lẳng trong vui buồn mộng mơ em hát. Nghe thân thương
ước đáng em đi về hòa tan trong Huế.

(ư) Huế ơi. Trở lại Huế thương bài

thơ khắc trong chiếc nón tôi thả xuống dòng sông Hương tìm
rall.

em giữa Huế mộng, Huế mơ.

ĐẤT PHƯƠNG NAM

Nhạc: Lưu Nhất Vũ
Lời: Lê Giang

Nhấn ai đi về miền đất phương Nam. Trời xanh mây
Cánh chim tung trời về đất phương Nam. Người xưa lưu
trắng soi dòng Cửu Long giang. Mênh mông rừng tràm
dầu in hình thuở mang guom. Bao la tình đời
bạt ngàn dừa xanh. Từng chàng được dong đưa nhớ người xưa từng
màu lục bình trôi. Hoàng hôn tím ven sông tiếng hò khoan còn
ở nơi này. Cho ta thêm yêu dấu chân ngàn năm đi mở
tỏa đôi bờ. Lênh đênh mây trời khói sương chiều miền man nãi
đất. Cho ta thêm yêu bấy chim sáo sổ lồng.
nhớ. Nghe trong âm ba từng con sông vỗ về.
Còn đâu đây tiếng vó ngựa phi mà
Chờ trăng lên cắt tiếng gọi nhau đò
ngõ con tàu vỗ sóng bờ xa. Ni non sao tiếng nhận kêu
khây tang tình đượm thấm hồn ai. Biển xông xao gió lộng tứ
chiều buồm xuôi vô phương Nam phiêu bạt theo thủy triều. Dấu trải
bè thuyền ai xuôi phương Nam khoan nhặt trôi lững lờ. Đã trải
qua thẳng trảm đông tổ qua bao cuộc bể dâu mãi dâng cho
qua bao mùa mưa nắng qua bao cuộc đổi thay mãi dâng cho
đời bài tình ca đất phương Nam.
đời bài tình ca đất phương Nam.

NGƯỢC DÒNG HƯƠNG GIANG

Nhạc và lời: Đức Trịnh

mp

Ngược dòng Hương Giang sóng dập diu mênh mang con
 thuyền nhỏ, trắng vàng tỏ mái chèo
 khua. Biết về nơi đâu mênh mông bến đợi chờ
 ai, mây hững hờ trôi Phu Văn Lâu nhớ người
 xưa, giữa dòng nước chảy thuyền em giữa đời xuôi
 ngược người ơi mình em cô đơn. Kiếp phù
mf du sóng xuôi dòng nước đỏ về biển
 khơi ơi người ơi tìm về nguồn câu dân ca xưa em vẫn hát
 ai ơi ai ơi nước xuôi theo dòng mà con thuyền vẫn lẻ loi.

QUẢNG NAM YÊU THƯƠNG

Nhịp vừa

Nhạc và lời: Phan Huỳnh Điểu



.....) "Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm (chờ)
(Quê Trà) My thơm Mắc (chờ)



rượu Hồng đảo chưa nhắm mà đã say". Lờ hát
mía Điện Bàn thơm ngát mùi đường non. Làn sóng



xưa nghe sao thấm đượm tình xao xuyến trong tim mình con
xô long lạnh nước Thu Bồn dâu bắp lên xanh rờn Duy



chim cũng bay về đậu. Nghĩa nặng tình sâu đồng xanh lúa khoai bốn
Xuyên tiếng thoi dệt lụa chớ chiều Hòa Vang nhìn lên Hải Vân, Sơn



mùa tươi màu đất lành mà ai đã qua đây rồi thì chậm
Trà mây nhuộm nắng vàng, thuyền ai Bắc Nam xuôi ngược về đậu



bước không đành.
bến sông Hàn.



Ôi, đất Quảng Nam đây là quê hương anh hùng quê
 Ôi, đất Quảng Nam sao mà yêu thương vô cùng như



hương "Trung dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ" còn bao thành tích lẫy lừng,
 con chim én vẫy vùng cho dù bay khắp lòng ta tha thiết nhớ nhung,



như đêm xưa trận Núi Thành từng vung sắc đường lê. Nay trên con đường
 đêm đêm như dòng sông Hàn còn ngân tiếng hò khoan. Âm thanh rung vàng



xây dựng vang lời hát say mê. Ở ở
 trắng vàng theo dòng nước mệnh mông. Ở ở



hò. Quê Trà Nam chưa đi đã nhớ chớ
 hò. Đất Quảng...



em nói đậm đà vừa gặp gỡ mà đã yêu. Đất Quảng



...em nói đậm đà vừa gặp gỡ mà đã yêu.

KHÚC HÁT SÔNG QUÊ

Tình cảm - Phong cách dân gian

Thơ: Lê Huy Mậu
Nhạc: Nguyễn Trọng Tạo

Quá nửa đời飄浪 con lại về úp mặt vào sông quê. Oi con

sông dạt dào như lòng mẹ chờ che con đi qua chớp bể mưa nguồn. Từng hạt phù

sa tháng ba tháng bảy từng vụ heo may trên má em hồng.

Oi con sông quê con sông quê, oi con sông quê con sông quê sông còn nhớ

chăng nơi ta ngồi ngóng mẹ vời vời tuổi thơ một xu bánh đa vùng.

Con cá dưới sông cây trồng trên bãi lúa gặt rồi còn để lại rom

thơm cùng một bến sông con trâu đằm sóng dưới. Bầy trẻ thơ tắm mát phía thương

nguồn một dòng xanh trong chảy mãi tới vô cùng. cùng một dòng xanh

trong chảy mãi tới vô cùng.

LỜI RU TRÊN NƯƠNG

Chậm - Tha thiết

Nhạc: Trần Hoàn
Lời: Phỏng thơ Nguyễn Khoa Điềm

Ngủ ngoan A - kay ơi! Ngủ là ngoan A - kay

hỡi! Mẹ thương A - kay, mẹ thương bộ đội con mơ cho

mẹ hạt lúa lên bông, mai sau khôn lớn vùng chày lún

sân. Ngủ ngoan A - kay ơi! Ngủ

ngonan A - kay hỡi! Mẹ thương A - kay mẹ thương làng

đội, con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều a ơi!

Nhanh hơn

a ơi. (Nhạc)

) Lưng núi thì to mà lưng mẹ thì nhỏ. Đứng
 làm mẹ ngã, mẹ tria bắp trên nương. Mặt trời của
 bắp thì nằm lưng núi. Mặt trời của mẹ con nằm trên
 lưng. Giặc Mỹ buộc ta phải đi xa con
 suối. Các anh cầm súng với các chị cầm chông. A - kay
 ơi! A - kay ơi! Mẹ
 đưa A - kay ta quyết giành cuộc sống. A - kay ơi,
 mà ngủ cho ngoan! Là A - kay
 ơi, mà ngủ cho ngoan!

TRÔNG CÂY LẠI NHỚ ĐẾN NGƯỜI

Ad libitum

Tự do (phong cách dân ca)

Dân ca: Nghệ Tĩnh

Cải biên và đặt lời: Đỗ Nhuận

A ơ (chứ) trông cây (à) tôi lại nhớ Người, (chứ)
A ơ (chứ) còn non (à) còn nước còn Người, (chứ)

rừng bao nhiêu (à) cây mọc (ừ) thì tôi ơn Người (à) bấy nhiêu.
lòng dân ta (à) xứ Nghệ (ừ) càng nhớ những lời (à) Bác răn.

Moderato

Nhớ Bác Hồ trồng cây năm xưa, Bác tuy già nhưng mạnh khỏe, vì thương
Nhớ Bác Hồ về quê năm xưa, Bác thăm già cùng hỏi trẻ, hàng cây

rall.

dân Bác dặn dò cẩn kè. Ươm mầm xanh ta như mẹ thương con.
xanh vẫy chào Người mạnh khỏe. Thăm làng Sen thêm yêu cả giang sơn.

Cả một đời vì nước vì non, cả một đời vì nước vì non.
Cả một đời vì nước vì non, cả một đời vì nước vì non.

Bác vẫn còn nghe điệu hò ví dặm, dòng sông Lam núi Hồng đờ
Bác vẫn còn nghe điệu hò ví dặm, dòng sông Lam núi Hồng nó

hận, chào quê hương (ư) Bác dặn lại (ơ) rồi.
hận, chào quê hương (ư) Bác dặn lại (ơ) rồi.

Bác vẫn còn như màu xanh bắt từ. Tình yêu thương núi đồi ấp
Bác vẫn còn như màu xanh bắt từ. Tình yêu thương núi đồi ấp

rall.

ủ, rừng cây ru (ư) Bác ngủ ngon lành.
ủ, rừng cây ru (ư) Bác ngủ ngon lành.



DÂN CA MIỀN NÚI PHÍA BẮC: NHỮNG ÂM ĐIỆU CỦA NÚI RỪNG VÀ BẢN SẮC TỘC NGƯỜI

Việt Nam tự hào sở hữu một kho tàng văn hóa dân gian đồ sộ, và dân ca miền núi phía Bắc là một trong những viên ngọc quý giá nhất trong kho tàng ấy. Nơi đây, với địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt nhưng lại là cái nôi của nhiều dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Dao, Mông, Thái, Mường... Mỗi dân tộc mang theo mình một bản sắc văn hóa độc đáo, mà âm nhạc chính là sợi dây xuyên suốt, kết nối con người với thiên nhiên, với tín ngưỡng và với cộng đồng.

Sự đa dạng trong bản sắc dân tộc

Dân ca miền núi phía Bắc không phải là một thực thể đơn lẻ, đồng nhất mà là một phức hợp những sắc thái âm nhạc riêng biệt, phản ánh rõ nét bản sắc văn hóa của từng dân tộc. Sự đa dạng này tạo nên một bức tranh âm nhạc đầy màu sắc, sống động, nơi mỗi làn điệu là một câu chuyện kể về lịch sử, phong tục, và tâm hồn của một cộng đồng người.

Dân ca nơi đây không thể được xem như một khối duy nhất, bởi lẽ mỗi dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng núi phía Bắc đều sở hữu những làn điệu, thể loại âm nhạc đặc trưng. Sự phong phú này không chỉ thể hiện qua giai điệu, lời ca mà còn qua cách thức diễn xướng, nhạc cụ sử dụng và mục đích sử dụng trong đời sống cộng đồng. Dân ca, vì vậy, trở thành một biểu tượng văn hóa, một dấu ấn riêng biệt của mỗi dân tộc.

Hát Then của người Tày, Nùng: Đây không chỉ là một loại hình âm nhạc mà còn là một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh của người Tày và người Nùng. Hát Then thường được sử dụng trong các nghi lễ quan trọng như cầu an, giải hạn, với giai điệu uyển chuyển, du dương, kết hợp cùng tiếng đàn tính trong trẻo. Âm nhạc Then không chỉ mang tính chất giải trí mà còn là phương tiện để giao tiếp với thế giới tâm linh, thể hiện ước vọng về một cuộc sống bình an, tốt lành.

Hát Sli, Lượn của người Tày, Nùng: Khác với sự trang nghiêm của hát Then, Sli và Lượn lại là những làn điệu trữ tình, thể hiện tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình và tình yêu quê hương đất nước. Đây là những khúc hát đối đáp giao duyên, nơi chàng trai, cô gái trao nhau những lời ca tiếng hát ngọt ngào, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động và của những giá trị văn hóa truyền thống.

Páo Dung của người Dao: Nếu như Then và Sli mang âm hưởng dịu dàng, sâu lắng thì Páo Dung của người Dao lại mang âm hưởng mạnh mẽ, hùng tráng. Loại hình dân ca này thường gắn liền với các sinh hoạt cộng đồng, các lễ hội lớn, thể hiện tinh thần đoàn kết, sức mạnh của cộng đồng và lòng tự hào về bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Tiếng Khèn của người Mông: Có lẽ, không có nhạc cụ nào đặc trưng cho vùng núi phía Bắc hơn tiếng khèn của người Mông. Khèn không chỉ là một nhạc cụ mà còn là một “ngôn ngữ” đặc biệt, có khả năng diễn tả mọi cung bậc cảm xúc của con người. Tiếng khèn vang vọng giữa núi rừng, khi thì da diết, khi thì rộn ràng, khi thì lại trầm tư, suy tư, thể hiện tâm tư, tình cảm, ước mơ và khát vọng của người Mông. Đặc biệt, tiếng khèn còn là tiếng gọi bạn tình trong những đêm trăng sáng, là sợi dây kết nối những trái tim yêu thương.

Những làn điệu dân ca này không chỉ là những lời ca tiếng hát đơn thuần mà còn là tấm gương phản chiếu toàn bộ đời sống văn hóa của mỗi dân tộc. Chúng ta có thể tìm thấy trong dân ca những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, và những giá trị đạo đức truyền thống được lưu giữ và truyền lại qua nhiều thế hệ. Dân ca cũng là nơi thể hiện đời sống lao động, sinh hoạt hàng ngày của người dân, từ những công việc đồng áng đến những lễ hội, nghi thức truyền thống.

Sự đa dạng trong dân ca miền núi phía Bắc là một tài sản vô giá, một nguồn tài nguyên văn hóa phong phú cần được trân trọng và bảo tồn. Việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống này không

chỉ giúp mỗi dân tộc giữ gìn bản sắc riêng của mình mà còn góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam, tạo nên một bức tranh đa sắc màu, độc đáo và hấp dẫn.

Sự đa dạng trong bản sắc dân tộc thể hiện qua dân ca miền núi phía Bắc là một minh chứng cho sự phong phú, độc đáo của văn hóa Việt Nam. Việc hiểu rõ và trân trọng những giá trị này là trách nhiệm của mỗi chúng ta, để những làn điệu dân ca mãi vang vọng, kết nối quá khứ, hiện tại và tương lai, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, giàu bản sắc.

Giai điệu mộc mạc, đậm chất thiên nhiên

Dân ca miền núi phía Bắc, kho tàng âm nhạc dân gian vô giá được ươm mầm và nuôi dưỡng qua bao thế hệ bởi cộng đồng các dân tộc thiểu số như Mông, Tày, Nùng, Thái, Dao... không chỉ là những thanh âm, điệu thức mà còn là tiếng nói của tâm hồn, là hơi thở của núi rừng, là bản sắc văn hóa độc đáo của mỗi tộc người. Trong đó, nổi bật lên là đặc trưng “giai điệu mộc mạc, đậm chất thiên nhiên”, một vẻ đẹp vừa giản dị, vừa hùng vĩ, vừa gần gũi, vừa thiêng liêng, thấm đẫm tình người và tình đời.

Tính mộc mạc trong dân ca miền núi phía Bắc thể hiện ở sự chân chất, không cầu kỳ, không hoa mỹ. Những giai điệu ấy được cất lên từ cuộc sống lao động, sinh hoạt thường ngày, từ những xúc cảm nguyên sơ nhất trong trái tim con người. Nó không phải là thứ âm nhạc được trau chuốt, gọt giũa để dành cho những sân khấu lộng lẫy, mà là tiếng lòng tự nhiên, bình dị của người dân miền núi, là lời ru ngọt ngào của mẹ, là tiếng hát giao duyên của đôi lứa, là khúc ca mừng mùa màng bội thu.

Nhưng điều làm nên sự đặc biệt của dân ca miền núi phía Bắc chính là yếu tố thiên nhiên. Không gian núi rừng hùng vĩ, thơ mộng đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho những giai điệu. Âm nhạc không chỉ là phương tiện để diễn tả tình cảm mà còn là cách để người dân giao hòa với thiên nhiên, thể hiện sự gắn bó máu thịt với núi rừng. Trong

những khúc hát ấy, ta nghe thấy tiếng thác đổ ào ào, tiếng gió thổi vi vu qua những tán cây, tiếng chim hót líu lo trên cành, tiếng đàn môi rung ngân trong đêm trăng. Tất cả hòa quyện vào nhau, tạo nên một bản giao hưởng của núi rừng, vừa hùng vĩ, vừa trữ tình.

Nội dung của dân ca miền núi phía Bắc cũng rất phong phú và đa dạng. Nó có thể là những câu chuyện kể về lịch sử, về những phong tục tập quán, về cuộc sống lao động đầy gian khó nhưng cũng đầy niềm vui của người dân. Nó cũng có thể là những lời tâm tình, những nỗi nhớ nhung, những khát vọng về một tương lai tươi sáng hơn. Dù là nội dung gì, dân ca miền núi luôn mang đậm tính tự sự, trữ tình, gọi lên những cảm xúc sâu lắng trong lòng người nghe.

Để thể hiện những nội dung ấy, dân ca miền núi phía Bắc thường sử dụng thang âm ngũ cung hoặc những điệu thức riêng, mang đậm bản sắc của từng tộc người. Thang âm ngũ cung tạo nên những giai điệu du dương, dễ nghe và gần gũi với tâm hồn người Việt. Còn những điệu thức riêng lại mang đến sự đa dạng và phong phú cho âm nhạc miền núi, giúp ta cảm nhận được những nét độc đáo trong văn hóa của mỗi dân tộc.

Một yếu tố không thể thiếu trong dân ca miền núi phía Bắc là những đoạn luyến láy tinh tế. Những đoạn luyến láy này không chỉ làm cho giai điệu thêm mềm mại, uyển chuyển mà còn có tác dụng mô phỏng âm thanh của thiên nhiên, tạo nên một bản hòa tấu sống động giữa con người và cảnh vật.

Có thể nói, “giai điệu mộc mạc, đậm chất thiên nhiên” là một đặc điểm nổi bật, là linh hồn của dân ca miền núi phía Bắc. Nó không chỉ là một vẻ đẹp âm nhạc mà còn là một giá trị văn hóa vô giá, cần được trân trọng, gìn giữ và phát huy. Bởi trong những giai điệu ấy, ta tìm thấy cội nguồn, tìm thấy bản sắc và tìm thấy cả những ước mơ, khát vọng của một cộng đồng người đã gắn bó máu thịt với núi rừng bao đời nay.

Ca từ giản dị, giàu hình ảnh và biểu cảm

Dân ca miền núi phía Bắc, không chỉ là những giai điệu du dương mà còn là tiếng nói của tâm hồn, là bức tranh sống động về cuộc sống và thế giới quan của người dân nơi đây. Một trong những đặc điểm nổi bật của dân ca vùng đất này, chính là ca từ giản dị, giàu hình ảnh và biểu cảm, tạo nên sức hút đặc biệt và sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

Ca từ trong dân ca miền núi phía Bắc thường được dệt nên từ những từ ngữ chân chất, mộc mạc, gần gũi với đời sống thường ngày của người dân. Không cầu kỳ, hoa mỹ, ngôn ngữ trong dân ca hướng đến sự trực tiếp, dễ hiểu, dễ cảm nhận. Đó là những lời ăn tiếng nói hàng ngày trên nương rẫy, trong gia đình, trong các sinh hoạt cộng đồng. Trong dân ca Thái, ta thường nghe những câu hát như “Mặt trời lên nương, em cuốc đất trồng rau/ Mặt trăng lên rẫy, anh thổi khèn gọi bạn,” diễn tả một cách chân thực và giản dị công việc và sinh hoạt thường nhật. Sự giản dị này không chỉ giúp người nghe dễ dàng tiếp nhận nội dung mà còn tạo nên sự gần gũi, thân thương, như lời tâm tình của những người con núi rừng.

Mặc dù sử dụng ngôn ngữ giản dị, ca từ dân ca miền núi phía Bắc lại có khả năng tạo nên những hình ảnh sống động và giàu sức gợi cảm. Những hình ảnh này thường được lấy cảm hứng từ thiên nhiên hùng vĩ, từ cuộc sống lao động và sinh hoạt văn hóa của người dân. Các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, nhân hóa được sử dụng một cách tự nhiên, khéo léo, giúp tăng thêm tính biểu hình và gợi cảm cho lời ca. Trong dân ca Mường, ta có thể bắt gặp những câu hát như “Núi cao như đầu bạc, sông dài như dải lụa,” một cách so sánh tài tình, vừa miêu tả vẻ đẹp của núi sông, vừa thể hiện sự gắn bó, yêu mến của người dân đối với quê hương. Những hình ảnh này không chỉ giúp người nghe hình dung rõ hơn về cảnh vật, con người mà còn khơi gợi những cảm xúc sâu lắng trong tâm hồn.

Ca từ dân ca miền núi phía Bắc là tiếng nói của trái tim, là nơi thể hiện một cách chân thành và sâu sắc những cảm xúc, tâm tư, tình cảm

của người dân. Đó có thể là niềm vui, nỗi buồn, tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, lòng biết ơn đối với thiên nhiên, sự gắn bó với cộng đồng. Những cảm xúc này được thể hiện một cách trực tiếp, không che giấu, không tô vẽ, mang đến cho người nghe sự đồng cảm sâu sắc. Trong dân ca Dao, ta có thể cảm nhận được nỗi nhớ quê hương, bạn bè qua những câu hát như “Ơi bạn đường xa, có nhớ chẳng nương ngô mình trồng/ Có nhớ chẳng tiếng khèn gọi bạn tình.” Sự biểu cảm chân thành này chính là yếu tố quan trọng giúp dân ca chạm đến trái tim của người nghe, tạo nên sự kết nối giữa con người với con người, giữa con người với văn hóa.

Một yếu tố quan trọng khác làm nên sức hấp dẫn của ca từ dân ca miền núi phía Bắc là việc sử dụng các từ ngữ địa phương, thành ngữ, tục ngữ đặc trưng của từng dân tộc. Điều này không chỉ làm tăng thêm sự sinh động và gần gũi cho mỗi bài ca mà còn thể hiện bản sắc văn hóa riêng của từng vùng miền. Khi nghe “Điệu khắp” của dân ca Thái hay “Hát sli, hát lượn” của dân ca Nùng, người nghe có thể cảm nhận được những nét độc đáo, riêng biệt trong văn hóa của từng dân tộc. Việc bảo tồn và phát huy những yếu tố địa phương này là vô cùng quan trọng, giúp duy trì sự đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam.

Ca từ giản dị, giàu hình ảnh và biểu cảm là một trong những đặc trưng nổi bật nhất của dân ca miền núi phía Bắc. Chính sự giản dị, chân thành trong ngôn ngữ, kết hợp với những hình ảnh gợi cảm và cảm xúc sâu lắng đã tạo nên sức sống bền bỉ cho dân ca, giúp nó trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân miền núi. Việc tìm hiểu và trân trọng dân ca miền núi không chỉ giúp chúng ta hiểu hơn về văn hóa của các dân tộc thiểu số mà còn góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống quý báu của Việt Nam.

Nhạc cụ và không gian trình diễn cộng đồng

Dân ca miền núi phía Bắc, không chỉ là những khúc hát trữ tình mà còn là tiếng nói của cộng đồng các dân tộc thiểu số, là hơi thở của núi

rừng hùng vĩ. Để tạo nên bản sắc độc đáo ấy, không thể không nhắc đến vai trò then chốt của các nhạc cụ truyền thống và không gian trình diễn cộng đồng, hai yếu tố gắn bó mật thiết và không thể tách rời, làm nên một bức tranh văn hóa đa sắc màu.

Nhạc cụ truyền thống chính là linh hồn của dân ca miền núi phía Bắc. Bên cạnh những nhạc cụ đặc trưng như đàn tính của người Tày, Nùng, khèn của người Mông, sáo của nhiều dân tộc, mỗi loại mang một âm sắc riêng biệt, thì trống và chiêng cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng, đặc biệt trong các lễ hội. Tiếng khèn réo rắt trên những triền núi, tiếng sáo du dương bên dòng suối, tiếng đàn tính trầm bổng trong đêm hội, hòa quyện với tiếng trống, tiếng chiêng rộn ràng, tạo nên một không gian âm nhạc vừa trữ tình, vừa hùng tráng, thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời của người dân vùng cao.

Không gian trình diễn cộng đồng cũng là một yếu tố không thể thiếu, làm nên sự đặc biệt của dân ca miền núi phía Bắc. Không bó hẹp trên sân khấu, dân ca nơi đây gắn liền với sinh hoạt đời thường, với các lễ hội và nghi lễ truyền thống. Đó có thể là những buổi hát sli, hát lượn giao duyên của người Tày, Nùng, nơi trai gái trao nhau những lời ca tiếng hát ngọt ngào, thể hiện tình yêu đôi lứa. Đó cũng có thể là tiếng hát trong lễ hội Gầu Tào của người Mông, cầu cho mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no. Hay đó là những điệu múa xòe trong lễ hội xuống đồng của người Thái, thể hiện lòng biết ơn đối với đất trời và cầu mong một năm mưa thuận gió hòa.

Một trong những nét đặc trưng của không gian trình diễn dân ca miền núi phía Bắc là tính tự nhiên và gần gũi. Người hát và người nghe không có sự phân biệt rõ ràng, mọi người cùng nhau tham gia, cùng nhau hòa mình vào không gian âm nhạc. Tính ngẫu hứng và khả năng ứng tác tại chỗ cũng được đề cao, tạo nên những màn trình diễn độc đáo và bất ngờ.

Nhạc cụ và không gian trình diễn cộng đồng là hai yếu tố không thể tách rời trong việc tạo nên bản sắc độc đáo của dân ca miền núi phía Bắc. Nhạc cụ mang đến âm hưởng đặc trưng của từng dân tộc, còn không gian trình diễn tạo nên sự gắn kết giữa âm nhạc và đời sống cộng đồng. Dân ca miền núi phía Bắc không chỉ là một loại hình nghệ thuật, mà còn là một phần quan trọng của văn hóa, là tiếng nói của tâm hồn người dân nơi đây. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của dân ca miền núi phía Bắc là trách nhiệm của mỗi chúng ta, để những giai điệu ấy mãi vang vọng trên núi rừng, góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa Việt Nam.

Dân ca miền núi phía Bắc không chỉ là di sản văn hóa mà còn là linh hồn của những tộc người nơi đây. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của những làn điệu này là vô cùng quan trọng, không chỉ để giữ gìn bản sắc dân tộc mà còn để làm giàu thêm kho tàng âm nhạc đa dạng của Việt Nam./.

DÂN CA ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ: LINH HỒN NGÀN NĂM CỦA ĐẤT VÀ NGƯỜI

Dân ca Đồng bằng Bắc Bộ không chỉ là một hình thức âm nhạc, mà còn là sự phản chiếu sinh động của không gian văn hóa làng quê truyền thống. Những yếu tố như đình làng, chùa chiền, hội làng, sân đình, bến nước, gốc đa là các biểu tượng đặc trưng của đời sống sinh hoạt cộng đồng. Chính tại những không gian này, dân ca được cất lên, gắn với các lễ hội, nghi thức cúng tế, các cuộc hát giao duyên hay sinh hoạt tập thể.

Sự hiện diện của các vùng văn hóa trọng điểm như Thăng Long (Hà Nội), Xứ Đoài (Hà Tây cũ), Xứ Đông (Hải Dương, Hưng Yên) và Kinh Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang) đã kiến tạo nên một diện mạo văn hóa đặc sắc, có chiều sâu lịch sử và bề dày truyền thống. Hà Nội (Thăng Long xưa), kinh đô của các triều đại phong kiến Việt Nam qua nhiều thế kỷ, chính là nơi tinh hoa văn hóa bốn phương hội tụ và giao thoa mạnh mẽ. Vùng đất này không chỉ phát triển các loại hình âm nhạc truyền thống đậm đà bản sắc bản địa, mà còn là nơi tiếp nhận, tiếp biến và làm giàu thêm những dòng chảy văn hóa, âm nhạc từ các vùng miền khác trong nước, cùng như nước ngoài. Chính sự hội ngộ, giao lưu và tiếp biến văn hóa này đã cho phép Hà Nội và vùng Đồng bằng Bắc Bộ phát triển những loại hình âm nhạc đặc trưng, phong phú về giai tầng văn hóa, từ âm nhạc cung đình trang trọng đến âm nhạc bình dân mộc mạc, từ những giai điệu gắn liền với lao động trực tiếp đến những khúc ca gắn kết cộng đồng. Những loại hình âm nhạc này đã ăn sâu vào đời sống, vào những làng nghề truyền thống và trở thành những giá trị văn hóa cốt lõi, làm nên một đặc điểm âm nhạc riêng có của vùng: đó là sự hội tụ tinh hoa, sự gắn kết cộng đồng, và là bản sắc dân tộc độc đáo, không thể trộn lẫn của vùng đất này.

Dấu ấn đặc trưng trữ tình, mộc mạc và sâu lắng

Dân ca Đồng bằng Bắc Bộ là một nét đặc sắc tiêu biểu của văn hóa âm nhạc truyền thống Việt Nam, kết tinh từ đời sống lao động, sinh hoạt, tín ngưỡng và tâm hồn của cư dân vùng đồng bằng sông Hồng, cái nôi của văn minh lúa nước. Được nuôi dưỡng trong không gian làng xã cổ truyền với đình, chùa, bến nước, gốc đa,... dân ca nơi đây gắn bó mật thiết với lễ hội, nghi lễ và các sinh hoạt cộng đồng. Trong bối cảnh xã hội nông nghiệp trù phú, âm nhạc dân gian trở thành sợi dây kết nối cộng đồng và nuôi dưỡng đời sống tinh thần. Dân ca Bắc Bộ mang đậm chất trữ tình, bác học, thể hiện qua những làn điệu như Quan họ, Ca trù, Hát Xoan, Hát Chèo,... với giai điệu nhẹ nhàng, sâu lắng trên nền thang âm ngũ cung đặc trưng. Một số thể loại như Chèo, Tuồng còn kết hợp giữa âm nhạc, ngôn ngữ và vũ đạo, tạo nên nghệ thuật biểu diễn tổng hợp sinh động. Không chỉ là hình thức giải trí, dân ca còn hiện diện trong các nghi lễ, lễ hội, đám cưới, sinh hoạt tín ngưỡng,... như một cầu nối tinh thần bền vững. Nhờ khả năng thích nghi và tiếp biến cao, dân ca Bắc Bộ ngày càng được làm mới qua sân khấu hóa, giáo dục, truyền thông, góp phần giữ gìn và lan tỏa giá trị truyền thống trong đời sống hiện đại.

Điều dễ nhận thấy nhất ở dân ca Đồng bằng Bắc Bộ chính là tính trữ tình sâu lắng. Phần lớn các làn điệu đều thấm đẫm tình yêu quê hương, đất nước, tình cảm đôi lứa thắm thiết, tình cảm gia đình ấm áp, cùng những nỗi niềm tự sự rất đời con người. Giai điệu thường chậm rãi, ngân nga, tạo cảm giác thủ thỉ, tự sự, dễ đi vào lòng người. Dân ca nơi đây gắn bó mật thiết với đời sống lao động và sinh hoạt cộng đồng. Từ những câu hát ru con ầu ơ bên cánh võng, những điệu hò giã gạo, chày tằm, đến những lời ca trong các lễ hội truyền thống như hát Quan họ, hát Chèo tàu, tất cả đều phản ánh nhịp sống, công việc và những khoảnh khắc đời thường của người dân.

Về cấu trúc âm nhạc, dân ca Đồng bằng Bắc Bộ thể hiện sự giản dị nhưng tinh tế. Các làn điệu chủ yếu sử dụng thang âm ngũ cung, tạo nên chất liệu âm nhạc đặc trưng, dễ nghe và dễ cảm. Tiết tấu thường chậm rãi, uyển chuyển, mang đến sự mềm mại, duyên dáng. Đặc biệt, tính đối đáp, giao duyên là nét nổi bật ở nhiều thể loại, thể hiện sự ứng đối tài tình, thông minh của người dân qua từng câu hát. Một yếu tố vô cùng đặc biệt và quan trọng làm nên chiều sâu của dân ca Đồng bằng Bắc Bộ chính là sự ảnh hưởng sâu sắc từ văn học dân gian.

Trong một thời gian dài, khi người Việt chưa có chữ viết phổ biến, những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ và cả những phương ngữ địa phương đã trở thành ngôn ngữ chính để truyền tải tri thức, kinh nghiệm, tình cảm và các giá trị văn hóa. Chính vì vậy, lời ca trong các làn điệu dân ca vùng này thường là sự kết tinh của kho tàng ca dao, tục ngữ phong phú. Ngôn ngữ bình dị, giàu hình ảnh, mang tính khẩu ngữ cao, kết hợp với các hình ảnh so sánh, ẩn dụ, giúp biểu đạt cảm xúc và quan sát thiên nhiên, con người một cách tinh tế. Ca từ vừa dễ nhớ, dễ thuộc, vừa chứa đựng những triết lý sống, bài học đạo đức sâu sắc, làm cho âm nhạc không chỉ là giải trí mà còn là một phương tiện giáo dục và gìn giữ văn hóa mạnh mẽ.

Nhạc cụ đặc trưng hồn cốt của giai điệu

Để tạo nên những âm điệu đặc sắc của dân ca Đồng bằng Bắc Bộ, không thể không kể đến vai trò của các nhạc cụ truyền thống. Mỗi loại nhạc cụ không chỉ là công cụ mà còn là một phần hồn của âm nhạc, gắn liền với từng thể loại và mang theo những đặc trưng riêng:

Đàn bầu: Với âm thanh độc đáo, réo rắt và đầy cảm xúc, đàn bầu (hay độc huyền cầm) là một biểu tượng của âm nhạc truyền thống Việt Nam. Âm thanh của đàn bầu gợi lên sự huyền ảo, trầm bổng, thường được dùng để thể hiện những cung bậc cảm xúc sâu lắng, trữ tình.

Đàn nhị (Đàn cò): Với hai dây và âm thanh bay bổng, réo rắt, đàn nhị thường xuất hiện trong nhiều thể loại như Chèo, Xẩm, Chầu Văn, tạo nên những giai điệu da diết, lúc trầm lắng lúc tươi vui.

Đàn nguyệt (Đàn kìm): Mang hình dáng mặt trăng tròn, đàn nguyệt có âm thanh trong trẻo, thánh thót, thường dùng trong các dàn nhạc Chèo, Tuồng, Ca trù, góp phần tạo nên sự uyển chuyển, duyên dáng cho làn điệu.

Đàn đáy: Là nhạc cụ đặc trưng và gần như độc quyền của Ca trù. Âm thanh đàn đáy trầm ấm, vang vọng, có vai trò dẫn dắt và đối đáp cùng tiếng hát của đào nương và tiếng phách của quan viên.

Các loại trống: Trống là nhạc cụ gõ quan trọng, tạo nên tiết tấu và nhịp điệu cho hầu hết các loại hình dân ca. Từ trống chèo, trống cơm vui nhộn, đến trống quân rộn ràng hay trống chầu trong Ca trù, Tuồng, mỗi loại trống đều có âm sắc và vai trò riêng biệt, tạo nên sự sôi động, mạnh mẽ cho âm nhạc.

Sáo trúc: Âm thanh sáo trúc trong trẻo, thánh thót, mang đậm chất đồng quê, thường dùng để thổi các làn điệu dân ca, tạo không khí thanh bình, gợi cảm.

Kèn: Các loại kèn, đặc biệt là kèn bầu, thường xuất hiện trong Tuồng và một số lễ hội, tạo âm thanh mạnh mẽ, hùng tráng, dồn dập, góp phần khắc họa tính cách nhân vật và không khí bi hùng của vở diễn.

Phách và Sênh tiền: Đây là các nhạc cụ gõ nhỏ nhưng có vai trò quan trọng trong việc giữ nhịp và tạo điểm nhấn. Phách thường xuất hiện trong Chèo, Ca trù (phách tre), còn sênh tiền với âm thanh leng keng vui tai thường được dùng trong Xẩm, Chèo hoặc các trò diễn dân gian.

Tam thập lục: Mặc dù không phổ biến bằng các nhạc cụ khác, nhưng tam thập lục với âm thanh trong trẻo, thánh thót đôi khi cũng xuất

hiện trong các dàn nhạc dân tộc, góp phần làm phong phú thêm màu sắc âm nhạc. Những nhạc cụ này, cùng với giọng hát và cách biểu diễn, đã tạo nên một thế giới âm thanh đa dạng, phản ánh chân thực đời sống tinh thần và văn hóa của người dân Đồng bằng Bắc Bộ.

Sắc thái riêng biệt của từng thể loại dân ca

Sự phong phú của dân ca Đồng bằng Bắc Bộ còn nằm ở những sắc thái riêng biệt mà mỗi thể loại mang lại:

Quan họ (Bắc Ninh): Được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, Quan họ là đỉnh cao của nghệ thuật hát đối đáp giao duyên. Nó nổi bật bởi sự lịch lãm trong cách ứng xử, trang phục truyền thống và đặc biệt là kỹ thuật hát luyến láy, rung, nhấn nhá điêu luyện của các liền anh, liền chị. Giọng Quan họ thường vang, rền, nèn, nảy, mang đến sự sang trọng và tinh tế.

Chèo: Là loại hình sân khấu tổng hợp, phần hát Chèo mang đậm tính dân gian với kho tàng làn điệu phong phú. Chèo vừa có tính tự sự, trữ tình sâu sắc, vừa có những đoạn hài hước, trào lộng châm biếm sâu cay. Giọng hát Chèo thường mềm mại, giàu cảm xúc, với những nhấn nhá, luyến láy rất đặc trưng.

Hát Ví, Hát Giặm (khu vực Hà Tây cũ): Thường mang tính đối đáp, giao duyên nhẹ nhàng, thể hiện những lời thăm hỏi, trêu ghẹo, hay trao gửi tâm tình. Giai điệu tuy đơn giản hơn Quan họ nhưng vẫn rất duyên dáng và gần gũi với lời ăn nói hằng ngày.

Hát Châu Văn (Thanh Đông): Là loại hình dân ca mang tính nghi lễ sâu sắc, phục vụ tín ngưỡng thờ Mẫu. Châu Văn có tiết tấu nhanh, mạnh, biến hóa đa dạng, kết hợp giữa hát, múa và các nhạc cụ độc đáo như đàn nguyệt, phách, trống. Giọng hát Châu Văn đòi hỏi sự linh hoạt và biến ảo để thể hiện các vai diễn khác nhau trong nghi lễ.

Hát Trống Quân: Đặc trưng bởi việc sử dụng tiếng trống làm nhạc đệm chính, tạo nên tiết tấu rộn ràng, vui tươi. Đây là lối hát đối đáp, thường diễn ra trong các dịp lễ hội, hội làng, tạo không khí phấn khởi và gắn kết cộng đồng.

Hát Xẩm: Là lối hát của những người nghệ sĩ đường phố, thường là người khiếm thị, dùng lời ca tiếng hát để mưu sinh. Xẩm có nhiều làn điệu đa dạng như Xẩm xoan, Xẩm huê tình, Xẩm thập ân,... Lời ca của Xẩm thường là những câu chuyện đời thường, châm biếm sâu sắc, hay kể tích truyện, răn dạy đạo lý. Nhạc cụ đi kèm thường là đàn nhị, trống, phách, hoặc sênh tiền. Sắc thái của Xẩm là sự gần gũi, phóng khoáng, đôi khi chua chát nhưng cũng rất đổi lạc quan, thể hiện nghị lực sống phi thường của người nghệ sĩ.

Ca trù: Là một loại hình nghệ thuật hát nói có từ lâu đời, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Ca trù đòi hỏi sự tinh tế, điều luyện trong cả kỹ thuật hát và diễn tấu nhạc cụ. Một buổi Ca trù thường có ba thành phần chính: Đào nương (người hát và gõ phách), Quán xuyến (người gõ trống châu, thể hiện sự tán thưởng bằng những tiếng “cắc”, “tang”), và Kép (người chơi đàn đáy). Ca trù có hệ thống làn điệu đồ sộ (hơn 100 thể cách), lời ca thường là các bài thơ Đường luật, thể hiện những triết lý nhân sinh sâu sắc, hoặc những câu chuyện lãng mạn. Sắc thái của Ca trù là sự trang trọng, bác học, tinh tế, mang đậm phong thái của ca quán xưa với sự đối đáp thanh nhã giữa người hát và người đánh trống.

Hát Dô (Quốc Oai, Hà Nội): Là một loại hình diễn xướng dân gian đặc sắc, phát tích từ vùng đất Lạp Hạ ven sông Tích (nay thuộc xã Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội), gắn liền với lễ hội đền Khánh Xuân (còn gọi là hội hát Dô) thờ Đức Thánh Tản Viên. Hát Dô mang tính nghi lễ, có sự kết hợp giữa hát, múa và các điệu bộ trong lễ thức. Lời ca thường ca ngợi công đức của Thánh Tản, cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa

màng bội thu, thể hiện tinh thần cộng đồng và lòng biết ơn thiên nhiên. Sắc thái của Hát Dô là sự trang nghiêm, cổ kính, mang đậm nét văn hóa xứ Đoài, thể hiện tín ngưỡng phồn thực và khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Đồng Dao: Là những bài hát dân gian dành cho trẻ em, gắn liền với các trò chơi, sinh hoạt hằng ngày. Đồng dao có cấu trúc đơn giản, lời ca dễ nhớ, dễ thuộc, thường mang tính vần điệu, nhịp điệu vui tươi, hồn nhiên. Nội dung đồng dao đa dạng, từ miêu tả thiên nhiên, con vật (ví dụ: “Con cóc là cậu ông trời”), đến các bài học đạo đức, rèn luyện kỹ năng (ví dụ: “Nu na nu nống”), hay đơn giản là những câu hát để đếm, để chơi (ví dụ: “Chi chi chành chành”). Sắc thái của Đồng dao là sự trong sáng, hồn nhiên, vui tươi, phản ánh thế giới quan của trẻ thơ và là phương tiện giáo dục, giải trí quan trọng trong văn hóa dân gian.

Hát Ru: Là những làn điệu dân ca có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt, gắn liền với hình ảnh người mẹ, người bà. Hát ru thường có giai điệu chậm rãi, nhẹ nhàng, du dương, tạo cảm giác êm ái, vỗ về để đưa em bé vào giấc ngủ. Lời ru thường là những câu ca dao, tục ngữ, những câu chuyện cổ tích, những lời nhắn nhủ về tình yêu thương, đạo lý làm người, hay ước mong về một tương lai tốt đẹp cho con cháu. Sắc thái của Hát Ru là sự ấm áp, vỗ về, chứa chan tình yêu thương vô bờ bến, nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ và truyền tải những giá trị văn hóa, đạo đức từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tuồng Bắc Bộ: Mặc dù phát triển mạnh mẽ ở miền Trung, Tuồng cũng là một loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống có mặt và những ảnh hưởng nhất định ở Đồng bằng Bắc Bộ. Tuồng mang tính bi hùng đặc trưng, thường thể hiện các tích truyện lịch sử, anh hùng, trung quân ái quốc, hoặc những xung đột xã hội gay gắt. Nghệ thuật Tuồng nổi bật với hóa trang mặt nạ mang tính ước lệ cao, màu sắc rực rỡ để phân biệt tính cách nhân vật (ví dụ: mặt đỏ là trung, mặt trắng mốc là nịnh). Kỹ thuật

diễn xuất của Tuồng rất khoa trương, cách điệu, nhấn mạnh các điệu bộ như mắt, tay, chân, vuốt râu. Âm nhạc Tuồng mạnh mẽ, dồn dập, sử dụng bộ gõ (trống, thanh la) và bộ hơi (kèn) làm chủ đạo. Sắc thái của Tuồng là sự hoành tráng, hùng tráng, nghiêm cẩn, mang tính giáo dục sâu sắc về đạo lý và lễ sống.

Sự khác biệt độc đáo của Dân ca Đồng bằng Bắc Bộ

Dân ca Đồng bằng Bắc Bộ mang đậm bản sắc văn hóa riêng, được hình thành từ điều kiện địa lý, lịch sử lâu đời và truyền thống văn hóa đậm đà. So với các vùng miền khác trên cả nước, dân ca nơi đây có nhiều đặc điểm nổi bật và khác biệt. Nếu như dân ca Nam Bộ mang nét phóng khoáng, tự do, gần gũi với đời sống sông nước, thì dân ca Bắc Bộ lại đậm tính trữ tình sâu lắng và bác học. Những làn điệu như Quan họ, Ca trù không chỉ yêu cầu kỹ thuật hát điệu luyện mà còn tuân thủ lễ lối, quy tắc rõ ràng. Về cấu trúc âm nhạc, dân ca Bắc Bộ sử dụng thang âm ngũ cung thuần khiết, giai điệu ngân nga, chậm rãi; khác với sự linh hoạt và tươi vui trong tiết tấu của các bài lý Nam Bộ. Nhạc cụ cũng là một điểm khác biệt đáng chú ý: trong khi Bắc Bộ sử dụng đàn bầu, đàn đáy, sáo trúc, nhị,... thì Nam Bộ nổi bật với dàn nhạc tài tử phong phú gồm đàn kìm, đàn cò, đàn tranh, song lang,...

So với âm nhạc dân gian miền núi phía Bắc, dân ca Bắc Bộ có tính cộng đồng và nghi lễ đa dạng hơn, phục vụ nhiều mục đích từ lao động đến sinh hoạt, giải trí. Trong khi đó, âm nhạc miền núi thường gắn liền với tín ngưỡng nguyên thủy, nghi lễ nương rẫy, săn bắn, thể hiện qua các điệu múa xòe, hát then, hát sli, lượn,... Chất liệu âm nhạc cũng khác biệt rõ rệt: dân ca Bắc Bộ thiên về tự sự, sử dụng ca dao tục ngữ, còn âm nhạc miền núi mang âm hưởng hùng vĩ, tiết tấu mạnh mẽ và sử dụng nhiều nhạc cụ tự nhiên như khèn, trống da thú. Bên cạnh đó, nghệ thuật sân khấu hóa ở Bắc Bộ như Chèo, Tuồng cũng có tính ước lệ cao hơn so với sự giản dị, mộc mạc của âm nhạc vùng cao.

Khi so sánh với âm nhạc dân gian Tây Nguyên, dân ca Bắc Bộ phản ánh đời sống nông nghiệp lúa nước, các sinh hoạt làng xã gắn bó với lễ hội, đình đám, trong khi âm nhạc Tây Nguyên lại thể hiện rõ đời sống cộng đồng gắn với rừng núi, với tính linh thiêng trong các nghi lễ vật linh và vòng đời. Tây Nguyên nổi bật với các dàn công chiêng, đàn T'rung, kèn bầu, những nhạc cụ mang đậm sắc thái hoang dã, hùng tráng, khác biệt hoàn toàn với âm nhạc dây và hơi của Bắc Bộ. Về hình thức biểu diễn, dân ca Bắc Bộ có nhiều loại hình hát đối đáp giao duyên, còn âm nhạc Tây Nguyên thường thiên về hòa tấu tập thể trong không gian mở rộng lớn.

Đôi chiếu với dân ca miền Trung, đặc biệt là Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ, có thể thấy dân ca miền Trung thường mang màu sắc buồn thương, sâu lắng do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và đời sống gian khó. Các làn điệu như Hò Huế, dân ca Nghệ Tĩnh thể hiện rõ điều đó. Trong khi đó, dân ca Bắc Bộ dù trữ tình nhưng vẫn mang nhiều sắc thái tươi vui, rộn ràng, gắn liền với không khí lễ hội truyền thống. Thổ ngữ miền Trung ảnh hưởng mạnh đến cách hát và luyện láy, tạo nên màu sắc rất riêng biệt, còn thổ ngữ Bắc Bộ ảnh hưởng nhẹ hơn. Về thể loại, dân ca Bắc Bộ sở hữu hệ thống phong phú, từ Quan họ, Xoan, Ca trù đến Chèo, Tuồng,... thể hiện sự đa dạng và phát triển cao so với miền Trung, nơi nổi bật với Hò, Lý và Bài chòi.

Tổng thể, dân ca Đồng bằng Bắc Bộ nổi bật bởi sự phong phú, đa dạng từ thể loại cung đình đến dân gian, gắn kết sâu sắc với văn hóa dân gian và sinh hoạt cộng đồng. Với âm hưởng trữ tình sâu lắng, kết cấu âm nhạc tinh tế, khả năng tiếp biến và lan tỏa văn hóa mạnh mẽ, dân ca Bắc Bộ đã tạo nên một bản sắc âm nhạc đặc trưng, không thể nhầm lẫn với bất kỳ vùng miền nào khác trên dải đất hình chữ S. Sự phong phú và đa dạng về loại hình âm nhạc (từ khẩu ngữ đến các nhạc cụ phức tạp, từ âm nhạc cung đình đến âm nhạc bình dân, từ nghi lễ đến giải trí), cùng với chiều sâu và bề dày lịch sử riêng có của vùng đất kinh kỳ, chính là

đặc điểm nổi bật tạo nên sự khác biệt của dân ca Đồng bằng Bắc Bộ so với các vùng miền khác trong cả nước. Những loại hình âm nhạc truyền thống độc đáo này đã và đang tiếp tục trở thành chất liệu và nguồn cảm hứng vô tận để các nhạc sĩ đương đại sáng tác nên nhiều ca khúc mang âm hưởng dân ca của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Điều này không chỉ giữ gìn mà còn làm mới, đưa những giá trị văn hóa này đến gần hơn với công chúng hiện đại, góp phần vào sự phát triển bền vững của âm nhạc và văn hóa Việt Nam./.

DÂN CA TÂY NGUYÊN: ÂM HƯỞNG CỦA ĐẠI NGÀN VÀ BẢN HÙNG CA CỦA CỘNG ĐỒNG

Dân ca Tây Nguyên là một trong những di sản văn hóa phi vật thể quý giá và độc đáo nhất của Việt Nam. Không chỉ là những giai điệu, nó còn là tiếng nói của đất, của rừng, và của tâm hồn các dân tộc anh em như Ê-đê, Ba-na, Gia-rai, Xơ-đăng, Cơ-ho,... Âm nhạc nơi đây mang trong mình hơi thở của đại ngàn, thể hiện rõ nét văn hóa, tín ngưỡng và đời sống cộng đồng, tạo nên những đặc điểm riêng biệt mà khó có thể tìm thấy ở bất kỳ vùng miền nào khác.

Tính cộng đồng và chức năng nghi lễ, tín ngưỡng sâu sắc

Dân ca Tây Nguyên mang đậm dấu ấn của một nền văn hóa cộng đồng, nơi âm nhạc không chỉ là phương tiện giải trí hay trình diễn nghệ thuật mà còn giữ vai trò trung tâm trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng và sinh hoạt xã hội của cư dân bản địa. Khác với các vùng dân ca như Quan họ, Ca trù hay dân ca Nam Bộ vốn thiên về biểu diễn cá nhân hoặc mang tính thẩm mỹ sân khấu cao, dân ca Tây Nguyên luôn hiện hữu như một phần không thể thiếu trong các hoạt động tập thể của buôn làng.

Âm nhạc gắn liền với chức năng tâm linh, tín ngưỡng: Một đặc điểm nổi bật là dân ca Tây Nguyên thường xuất hiện trong các nghi lễ vòng đời người như lễ cúng đầy tháng, lễ trưởng thành, cưới hỏi, ma chay và các nghi lễ nông nghiệp, tộc người như lễ mừng lúa mới, lễ đâm trâu, lễ cầu mưa, lễ bỏ mả,... Trong những dịp này, các làn điệu dân ca được cất lên như lời cầu khẩn, tri ân thần linh, tổ tiên và đất trời. Âm nhạc trở thành chiếc cầu nối giữa con người và thế giới siêu nhiên, thể hiện niềm tin vào vạn vật hữu linh, một đặc trưng văn hóa tâm linh lâu đời của các dân tộc Tây Nguyên. Tiếng hát hòa quyện với tiếng công chiêng, trống, kèn môi tạo nên không gian âm thanh vừa thiêng liêng, vừa huyền bí, góp phần làm tăng tính trang trọng và chiều sâu linh thiêng của nghi lễ.

Không gian trình diễn mang tính cộng đồng cao: Dân ca Tây Nguyên không gói gọn trong sân khấu hay khuôn khổ biểu diễn nghệ thuật đơn thuần. Nó sống trong nhịp đập của cộng đồng, vang lên ở nhà rông, trung tâm văn hóa của buôn làng, hay bên bếp lửa trong nhà dài, giữa bãi đất rộng của lễ hội. Mỗi dịp lễ, tất cả người dân, từ già đến trẻ, nam lẫn nữ cùng hòa mình vào không khí ca hát, múa xoang, nhảy cồng chiêng. Không có ranh giới rõ ràng giữa người biểu diễn và khán giả; mọi người đều là một phần của buổi diễn. Chính sự đồng hành trong âm nhạc đó đã làm nên tính gắn kết cộng đồng sâu sắc, điều mà ít thể loại dân ca vùng miền nào khác đạt được ở mức độ cao như vậy.

Giá trị văn hóa đặc biệt: Âm nhạc trong dân ca Tây Nguyên không chỉ phản ánh đời sống vật chất, tinh thần, mà còn là phương tiện lưu giữ và truyền tải tri thức văn hóa, lịch sử, phong tục, quan niệm sống từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mỗi bài hát, điệu nhạc như một “cuốn sử truyền khẩu” giúp cộng đồng duy trì bản sắc và truyền thống của mình.

Tính cộng đồng và chức năng nghi lễ, tín ngưỡng là hai đặc điểm không thể tách rời của dân ca Tây Nguyên. Âm nhạc nơi đây không chỉ để nghe, để thưởng thức, mà là để sống, để tin, để gắn kết và tồn tại cùng cộng đồng. Chính vì vậy, bảo tồn và phát huy dân ca Tây Nguyên không thể tách rời việc giữ gìn không gian sống, tín ngưỡng và cấu trúc cộng đồng bản địa, nơi âm nhạc không chỉ là biểu diễn, mà là một phần linh hồn văn hóa Tây Nguyên.

Âm hưởng hùng tráng, mạnh mẽ và hoang dã

Trong kho tàng âm nhạc dân gian Việt Nam, dân ca Tây Nguyên nổi bật như một dòng chảy mạnh mẽ, phóng khoáng và đậm chất sử thi. Không chỉ đơn thuần là hình thức ca hát mang tính giải trí hay biểu diễn cá nhân, dân ca Tây Nguyên gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng và các nghi lễ tín ngưỡng, tạo nên một không gian âm nhạc linh thiêng, hùng tráng và đầy bản sắc.

Tính cộng đồng và chức năng nghi lễ, tín ngưỡng sâu sắc: Dân ca Tây Nguyên không tồn tại một cách độc lập, mà luôn là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần và tâm linh của các buôn làng. Âm nhạc nơi đây đóng vai trò trung tâm trong nhiều sự kiện trọng đại như lễ mừng lúa mới, lễ đâm trâu, lễ cầu mưa, lễ bỏ mả hay các nghi lễ vòng đời như sinh nở, trưởng thành, cưới hỏi và tang ma.

Trong các nghi lễ ấy, những làn điệu dân ca được cất lên như một hình thức giao tiếp giữa con người và thần linh, giữa buôn làng với tổ tiên. Niềm tin vào “vạn vật hữu linh” khiến âm nhạc trở thành sợi dây kết nối thiêng liêng giữa thế giới thực và thế giới tâm linh.

Không gian diễn xướng dân ca cũng là không gian sinh hoạt cộng đồng đặc trưng, nơi mọi người quây quần bên nhà rông, nhà dài, cùng nhau ca hát, nhảy múa, hòa mình vào tiếng cồng chiêng và nhịp trống. Không khí ấy vừa cuồng nhiệt, vừa hùng tráng, thể hiện sự đoàn kết, gắn bó và niềm tự hào về bản sắc văn hóa dân tộc. Đây là điểm khác biệt rõ nét với các vùng dân ca khác, vốn thiên về biểu diễn cá nhân hoặc sân khấu hóa.

Âm hưởng hùng tráng, mạnh mẽ và hoang dã: Nếu dân ca Bắc Bộ trữ tình, sâu lắng; dân ca miền Trung mượt mà, nặng chất tự sự; thì dân ca Tây Nguyên lại mang âm hưởng hùng tráng, nguyên sơ và đầy sức mạnh nội tại. Đó là thứ âm nhạc gắn liền với núi rừng, với đại ngàn, nơi con người hòa mình vào thiên nhiên, chinh phục thử thách và khẳng định bản lĩnh sống.

Giai điệu dân ca Tây Nguyên thường mang nét dứt khoát, gồ ghề, khỏe khoắn. Tiết tấu đôi khi dồn dập, đôi khi tự do, ngẫu hứng, như tái hiện tiếng gió rít qua rừng, tiếng bước chân săn mồi, hay tiếng gọi bạn tình vọng lại giữa thung lũng. Mỗi nốt nhạc, mỗi âm thanh như mang trong mình năng lượng sống mãnh liệt, không gò bó theo khuôn mẫu, mà vươn xa, bùng nổ như sức sống của con người Tây Nguyên.

Bên cạnh đó, nhiều làn điệu còn mang đậm tính sử thi, kể lại truyền thuyết về nguồn gốc dân tộc, các anh hùng của buôn làng, những chiến công chống giặc ngoại xâm hay quá trình hình thành, khai phá vùng đất mới. Âm nhạc trở thành phương tiện ghi chép lịch sử bằng cảm xúc, mang tính giáo dục cộng đồng, hun đúc tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường của người dân bản địa.

Vẻ đẹp nguyên sơ, linh hồn của đại ngàn: Điểm đặc sắc nhất của dân ca Tây Nguyên chính là chất nguyên sơ và hoang dã, một vẻ đẹp không cần tô vẽ, không ràng buộc bởi lý thuyết hay hình thức hiện đại. Ở đó, người hát không chỉ hát bằng miệng mà còn bằng cả trái tim, bằng tâm linh và niềm tin vào đất trời, vào tổ tiên. Tiếng cồng chiêng vang lên không chỉ là âm nhạc, mà là ngôn ngữ giao tiếp thiêng liêng. Cùng với trống, khèn, đàn T'rưng, nhạc cụ dân tộc hòa quyện với giọng hát khỏe khoắn tạo nên một bản giao hưởng mang hơi thở rừng núi. Âm nhạc không còn là vật thể để thưởng thức từ xa, mà trở thành một phần trong đời sống, nơi con người sống cùng, lớn lên cùng và truyền lại cho thế hệ sau.

Dân ca Tây Nguyên là sự kết hợp độc đáo giữa nghệ thuật, văn hóa và tâm linh. Tính cộng đồng sâu sắc, chức năng nghi lễ thiêng liêng, cùng âm hưởng hùng tráng và vẻ đẹp hoang dã đã làm nên một dòng dân ca mang đậm dấu ấn sử thi, xứng đáng là di sản văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam. Giữa nhịp sống hiện đại, những làn điệu ấy vẫn âm vang, khơi dậy trong lòng người niềm tự hào và ý thức gìn giữ, phát huy giá trị âm nhạc truyền thống, những gì thuộc về “hồn núi, vía rừng” và tâm hồn đại ngàn.

Nhạc cụ độc đáo và mang tính biểu tượng cao: Cồng chiêng là “linh hồn”

Khi nói đến âm nhạc dân gian Việt Nam, không thể không nhắc đến Tây Nguyên, vùng đất đại ngàn hùng vĩ, nơi ẩn chứa một kho tàng

văn hóa độc đáo, giàu bản sắc. Trong không gian văn hóa ấy, cồng chiêng không chỉ là nhạc cụ mà còn là biểu tượng thiêng liêng, là “linh hồn” của cả một nền văn hóa.

Cồng chiêng là biểu tượng thiêng liêng của đại ngàn: Cồng chiêng Tây Nguyên không đơn thuần là công cụ tạo âm thanh, mà là phương tiện giao tiếp giữa con người với thần linh, là cầu nối giữa hiện tại với tổ tiên, giữa thế giới hữu hình và thế giới tâm linh. Trong mỗi chiếc chiêng, người dân Tây Nguyên tin rằng có một “hồn chiêng”, biểu trưng cho niềm tin, sự che chở và sức mạnh cộng đồng.

Âm thanh trầm hùng, vang vọng, mê hoặc của cồng chiêng tạo nên một không gian âm nhạc thiêng liêng và hùng tráng. Khi cồng chiêng ngân vang trong lễ đâm trâu, lễ bỏ mả, lễ mừng lúa mới,..., cả núi rừng như bừng tỉnh, trời, đất, người hòa quyện thành một khối linh thiêng, trọn vẹn. Chính những thanh âm ấy đã gắn bó sâu sắc với đời sống tâm linh, văn hóa và xã hội của các dân tộc Tây Nguyên qua bao thế hệ.

Cồng chiêng có nhiều loại, đa dạng về kích thước, cao độ và cách đánh. Tùy từng dịp lễ hay mục đích sử dụng, người dân sẽ chọn bộ cồng phù hợp để tạo nên những hòa âm phức tạp, đa thanh, mang cảm giác như tiếng rừng già vọng về, như bước chân của tổ tiên vẫn còn hiện diện đâu đây. Cũng bởi giá trị đặc biệt đó, năm 2005, nghệ thuật cồng chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Hệ thống nhạc cụ độc đáo, hòa ca giữa thiên nhiên và con người: Không chỉ có cồng chiêng, âm nhạc Tây Nguyên còn phong phú bởi nhiều loại nhạc cụ truyền thống đặc trưng, phần lớn được làm từ vật liệu tự nhiên như tre, nứa, đá, lá cây... thể hiện mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên, vừa mộc mạc, vừa tinh tế.

Đàn T'rưng: Là loại đàn gõ bằng ống tre, âm thanh trong trẻo như tiếng suối. Đây là nhạc cụ phổ biến của người Gia Rai, Ba Na, thường do phụ nữ chơi trong các lễ hội cộng đồng.

Đàn K'long Pút: Loại đàn đặc biệt không dùng tay chạm mà tạo âm thanh bằng luồng gió từ tay vỗ. Âm thanh của K'long Pút vừa hoang sơ, vừa biểu cảm, là minh chứng cho sự sáng tạo và cảm thụ âm nhạc sâu sắc của người dân nơi đây.

Đàn đá: Một loại nhạc cụ cổ xưa làm từ các phiến đá phát ra âm thanh khác nhau. Đàn đá không chỉ gợi nhớ về tín ngưỡng nguyên thủy mà còn là biểu tượng của trí tuệ dân gian.

Sáo dọc, sáo ngang, kèn lá, tù và,...: Những nhạc cụ hơi mộc mạc, thường dùng để gọi bạn tình, liên lạc trong rừng, hoặc làm nền cho các bài dân ca, sử thi, dân vũ.

Mỗi nhạc cụ đều mang theo một câu chuyện, một tâm hồn và một triết lý sống, góp phần làm nên bản hòa ca đậm chất đại ngàn, nơi âm thanh không chỉ để nghe, mà còn để cảm, để hiểu và để kết nối con người với đất trời.

Giữ gìn âm nhạc, giữ gìn bản sắc đại ngàn: Công chiêng và hệ thống nhạc cụ truyền thống của Tây Nguyên không chỉ là giá trị âm nhạc, mà còn là bản sắc văn hóa, tâm linh và lịch sử của cộng đồng các dân tộc nơi đây. Giữ gìn những nhạc cụ ấy không chỉ là bảo tồn một di sản, mà còn là bảo vệ linh hồn, ký ức và chiều sâu văn hóa của cả một vùng đất.

Trong thời đại hội nhập, những âm thanh đại ngàn ấy vẫn ngân vang, không chỉ như tiếng vọng quá khứ, mà còn là nhịp sống hiện tại, là cảm hứng cho tương lai. Đó là tiếng nói của tự do, của bản sắc, của một nền văn hóa sống động và đầy sức mạnh, nơi mà mỗi tiếng chiêng, mỗi phím đàn đều mang theo nhịp đập của trái tim Tây Nguyên.

Ca từ gắn liền với sử thi, truyền thuyết và đời sống cộng đồng

Trong kho tàng dân ca Việt Nam, dân ca Tây Nguyên nổi bật không chỉ bởi âm sắc mạnh mẽ, âm hưởng sử thi hùng tráng, mà còn bởi ca từ mang tính tự sự sâu sắc, đậm chất biểu tượng và gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng. Mỗi lời ca cất lên như lời kể sử thi, vừa mộc mạc, gần gũi, vừa thấm đẫm tinh thần thiêng liêng của núi rừng và con người đại ngàn.

Ca từ nơi lưu giữ sử thi và truyền thuyết buôn làng: Một đặc điểm nổi bật trong ca từ dân ca Tây Nguyên chính là chủ đề phản ánh những khan, tức các sử thi dân gian, cùng truyền thuyết và câu chuyện lịch sử của các buôn làng. Nội dung các bài ca thường xoay quanh hành trình lập làng, bảo vệ đất đai, ca ngợi các anh hùng dân tộc, những vị già làng có công lớn, hoặc mô tả các nghi lễ truyền thống gắn liền với tín ngưỡng và vòng đời con người: sinh nở, trưởng thành, cưới hỏi, lễ bỏ mả,... Đặc biệt, tình yêu đôi lứa trong dân ca Tây Nguyên cũng được thể hiện, nhưng không đặt nặng tính cá nhân như trong dân ca miền xuôi. Tình yêu ấy thường lồng ghép trong khung cảnh cộng đồng, gắn với trách nhiệm, bổn phận và niềm tin vào tổ tiên, làng bản.

Ngôn ngữ biểu cảm, đậm chất dân tộc và thiên nhiên: Ca từ dân ca Tây Nguyên sử dụng ngôn ngữ riêng của từng dân tộc như Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, M'ông với chất giọng nguyên sơ, đầy cảm xúc. Ngôn ngữ ấy thường được kết hợp với hình ảnh thiên nhiên như núi rừng, sông suối, chim thú, không chỉ để miêu tả mà còn để ẩn dụ cho tâm trạng, khát vọng và quan niệm sống. Đặc biệt, tính lặp lại trong ca từ là một nét đặc trưng giúp tạo nhịp điệu, dễ ghi nhớ, đồng thời tăng sức truyền cảm và nhấn mạnh thông điệp bài hát. Cấu trúc ca từ thường đơn giản nhưng giàu tính biểu tượng, có thể được ứng tác ngay trong quá trình biểu diễn, thể hiện sự linh hoạt và sáng tạo của người nghệ sĩ dân gian.

Kết nối con người với cộng đồng và cội nguồn văn hóa: Dân ca Tây Nguyên không đơn thuần là nghệ thuật biểu diễn, mà là hình thức kể chuyện bằng âm nhạc, nơi người hát không chỉ truyền tải cảm xúc cá nhân mà còn mang theo tiếng nói của cả cộng đồng. Mỗi lời ca đều hàm chứa những bài học đạo lý, tri thức dân gian và giá trị văn hóa được truyền từ đời này sang đời khác.

Thông qua ca từ dân ca, người Tây Nguyên không chỉ giữ gìn bản sắc ngôn ngữ mà còn bảo tồn lịch sử, truyền thuyết và tinh thần đoàn kết cộng đồng. Những câu hát ấy vẫn vang vọng bên tiếng cồng chiêng, trong các lễ hội, nghi lễ và đời sống thường nhật như một phần không thể thiếu trong bản sắc văn hóa Tây Nguyên.

Ca từ trong dân ca Tây Nguyên là một kho tàng quý giá, kết tinh từ sử thi, truyền thuyết và đời sống cộng đồng, được thể hiện qua ngôn ngữ mộc mạc mà sâu sắc, giàu hình ảnh và biểu tượng. Việc tiếp tục gìn giữ và phát huy giá trị của ca từ dân ca Tây Nguyên không chỉ là bảo vệ di sản văn hóa, mà còn là nuôi dưỡng tâm hồn và cội nguồn tinh thần của cộng đồng các dân tộc trên vùng đất đại ngàn.

Sự hòa quyện giữa âm nhạc, múa và sinh hoạt đời thường

Trong không gian văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên, dân ca không chỉ là một thể loại âm nhạc để thưởng thức mà là một phần sống động của đời sống cộng đồng. Âm nhạc nơi đây không tồn tại đơn lẻ mà hòa quyện chặt chẽ với múa và các sinh hoạt thường ngày, tạo nên một tổng thể nghệ thuật độc đáo, giàu bản sắc, mang hơi thở của núi rừng đại ngàn.

Âm nhạc gắn bó với đời sống cộng đồng: Khác với nhiều dòng dân ca mang tính biểu diễn cá nhân hay sân khấu hóa, dân ca Tây Nguyên có tính cộng đồng cao. Khi tiếng cồng chiêng vang lên, không chỉ có nghệ sĩ biểu diễn mà cả buôn làng cùng hòa mình vào âm nhạc. Mọi

người ca hát, nhảy múa, vỗ tay, tạo thành một chỉnh thể nghệ thuật sống động, gần gũi và thiêng liêng. Âm nhạc Tây Nguyên hiện diện trong mọi khoảnh khắc của cuộc sống: từ lễ hội lớn như lễ mừng lúa mới, lễ đâm trâu, lễ bỏ mả,... đến những buổi tụ họp bên bếp lửa, những lúc làm rẫy hay những đêm trăng thanh.

Múa phản ánh sống động của lao động và tín ngưỡng: Các điệu múa trong dân ca Tây Nguyên thường có động tác mạnh mẽ, dứt khoát, mô phỏng hoạt động lao động thường nhật như giã gạo, săn bắn, hái lượm hoặc tái hiện các nghi lễ tôn giáo. Chuyển động cơ thể được khai thác từ chính nhịp sống đời thường, tạo nên sự gần gũi mà vẫn đậm chất nghệ thuật. Những bước chân đồng bộ quanh đồng lửa, những động tác giơ cao tay hay cúi xuống đất đều mang ý nghĩa thiêng liêng, là sự tri ân đất trời, thần linh và tổ tiên.

Tính ứng tác nét đặc trưng của sáng tạo dân gian: Một trong những điểm đặc sắc của dân ca Tây Nguyên là tính ứng tác cao. Lời ca có thể được sáng tác ngay tại chỗ, phù hợp với hoàn cảnh, đối tượng tham dự và mục đích nghi lễ. Tương tự, điệu múa cũng có thể được biến tấu linh hoạt tùy vào cảm xúc của người múa. Không gò bó trong khuôn mẫu, nghệ thuật dân gian Tây Nguyên luôn tươi mới và linh hoạt. Đây không chỉ là biểu hiện của năng lực sáng tạo mà còn cho thấy sự tự do, phóng khoáng trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây.

Một tổng thể nghệ thuật thống nhất: Dân ca Tây Nguyên là sự thống nhất giữa âm nhạc, múa và sinh hoạt, nơi không tồn tại ranh giới giữa người biểu diễn và người thưởng thức. Mỗi buổi lễ hội, mỗi cuộc sinh hoạt cộng đồng đều là một sân khấu lớn, nơi mọi người cùng nhau tạo nên âm thanh, hình ảnh, chuyển động mang tính biểu tượng sâu sắc. Sự hòa quyện ấy không chỉ tạo nên sức sống cho nghệ thuật dân gian, mà còn là phương tiện giữ gìn bản sắc văn hóa trong bối cảnh hiện đại.

Dân ca Tây Nguyên là minh chứng sinh động cho một nền nghệ thuật không tách rời khỏi đời sống, mà sống cùng, phát triển cùng cộng đồng. Sự hòa quyện giữa âm nhạc, múa và sinh hoạt không chỉ tạo nên giá trị thẩm mỹ, mà còn là kênh truyền tải văn hóa, tâm linh và tri thức bản địa. Trong dòng chảy hiện đại hóa, việc bảo tồn dân ca Tây Nguyên cần đi kèm với bảo tồn không gian văn hóa nguyên gốc, nơi nghệ thuật không chỉ được diễn, mà còn được sống.

Dân ca Tây Nguyên mang bản sắc riêng biệt được hình thành từ những đặc điểm độc đáo về âm nhạc, ca từ, nhạc cụ và không gian trình diễn, dân ca Tây Nguyên có cá tính nghệ thuật riêng, không hòa lẫn với các vùng miền khác. Không chỉ mạnh mẽ về hình thức biểu đạt, dân ca Tây Nguyên còn gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng, nghi lễ, tín ngưỡng và thể hiện tinh thần đoàn kết, khát vọng sống mãnh liệt của người dân. Với giá trị nghệ thuật, tinh thần và bản sắc độc đáo, dân ca Tây Nguyên là đại diện tiêu biểu cho văn hóa của cộng đồng cư dân vùng bazan, vùng đất đầy thử thách nhưng giàu bản lĩnh và tình người./.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA VIỆT NAM	3
1.1. Một số khái niệm liên quan	3
1.1.1. Ca khúc	3
1.1.1.1. Đặc trưng của ca khúc	4
1.1.1.2. Yếu tố nhận diện ca khúc	6
1.1.2. Dân ca	9
1.1.2.1. Đặc trưng của dân ca	10
1.1.2.2. Những yếu tố nhận diện dân ca	12
1.1.2.3. Vai trò của dân ca trong đời sống người Việt	13
1.1.3. Dân ca ba miền	15
1.1.4. Đặc trưng của âm nhạc dân ca ba miền: Bắc – Trung – Nam	16
1.1.4.1. Dân ca Bắc Bộ	16
1.1.4.2. Dân ca Trung Bộ	18
1.1.4.3. Dân ca Nam Bộ	20
1.1.5. Ca khúc mang âm hưởng dân ca	22
1.1.5.1. Đặc trưng của ca khúc mang âm hưởng dân ca	23
1.1.5.2. Yếu tố nhận diện ca khúc mang âm hưởng dân ca	25
1.1.5.3. Một số thể loại âm nhạc cổ truyền có ảnh hưởng đến ca khúc mang âm hưởng dân ca	27
1.1.5.4. Một số phương thức sáng tác ca khúc mang âm hưởng dân ca ..	33

1.1.5.5. Một số cách làm mới ca khúc mang âm hưởng dân ca	35
1.2. Khái quát về các ca khúc mang âm hưởng dân ca trong nền âm nhạc Việt Nam	38
1.2.1. Sự hình thành của ca khúc mang âm hưởng dân ca	38
1.2.2. Phân loại ca khúc mang âm hưởng dân ca	41
1.2.2.1. Ca khúc mang âm hưởng dân ca Bắc Bộ	41
1.2.2.2. Ca khúc mang âm hưởng dân ca Trung Bộ	42
1.2.2.3. Ca khúc mang âm hưởng dân ca Nam Bộ	43
1.2.3. Vai trò của ca khúc mang âm hưởng dân ca trong đời sống	44
1.3. Khái quát về phương pháp giảng dạy và biểu diễn ca khúc dân ca trong đào tạo thanh nhạc tại Việt Nam	45
1.3.1. Đặc trưng của ca khúc dân ca trong giảng dạy thanh nhạc	45
1.3.1.1. Mang đậm chất địa phương và vùng miền	45
1.3.1.2. Phản ánh đời sống và tình cảm dân gian	46
1.3.1.3. Ngôn ngữ âm nhạc đặc trưng, dễ tiếp cận nhưng khó thể hiện trọn vẹn	46
1.3.2. Mục tiêu của việc giảng dạy ca khúc dân ca trong thanh nhạc ..	47
1.3.2.1. Rèn luyện kỹ thuật thanh nhạc nâng cao	47
1.3.2.2. Thẩm thấu nội dung trữ tình và giá trị nhân văn	48
1.3.2.3. Phát triển khả năng xử lý sắc thái và ngôn ngữ âm nhạc vùng miền	48
1.3.2.4. Nâng cao ý thức gìn giữ và phát huy âm nhạc dân tộc	48
1.3.3. Phương pháp giảng dạy chủ yếu	48
1.3.3.1. Giảng giải – Phân tích tác phẩm	49

1.3.3.2. Thị phạm kết hợp thực hành	49
1.3.3.3. Học theo vùng miền	49
1.3.3.4. So sánh phong cách	50
1.3.3.5. Thực hành biểu diễn trên sân khấu	50
1.3.4. Một số khó khăn và hướng phát triển	50
1.3.4.1. Thiếu trải nghiệm văn hóa dân gian	50
1.3.4.2. Thiếu sự kết nối giữa lý thuyết và thực hành	51
1.3.4.3. Thiếu tài liệu chuyên sâu và chuẩn hóa	51
1.3.4.4. Cần đổi mới phương pháp sư phạm và tích hợp công nghệ	51
1.4. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến biểu diễn ca khúc dân ca	52
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA	72
2.1. Các yếu tố nghệ thuật trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ..	72
2.1.1. Giai điệu, tiết tấu, hòa âm	72
2.1.2. Lời ca và phong cách thể hiện theo vùng miền	72
2.1.3. Kỹ thuật thanh nhạc phù hợp từng thể loại dân ca	73
2.2. Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca	74
2.2.1. Một số vấn đề chung về phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca	74
2.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca	76
2.2.2.1. Kỹ thuật thanh nhạc	76
2.2.2.2. Cảm xúc và sự truyền cảm	79

2.2.2.3. Sự am hiểu về văn hóa và âm nhạc dân gian	80
2.2.2.4. Sự chuẩn bị và luyện tập	82
2.2.2.5. Các yếu tố khác	83
2.2.3. Một số phương pháp xử lý kỹ thuật trong biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca	85
2.2.3.1. Kiểm soát và luyện tập hơi thở	85
2.2.3.2. Kỹ thuật hát liền giọng (Legato - Cantinela)	92
2.2.3.3. Kỹ thuật hát nhanh (Passage)	95
2.2.3.4. Kỹ thuật hát luyến	99
2.2.3.5. Kỹ thuật hát rung láy (Trillo)	101
2.2.4. Phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca	103
2.2.4.1. Cảm thụ về màu sắc dân ca trong ca khúc	104
2.2.4.2. Phương pháp thể hiện màu sắc của ca khúc mang âm hưởng dân ca	107
2.2.4.3. Áp dụng kỹ thuật Thanh nhạc cho một số nguyên âm, phụ âm ..	109
2.2.5. Đánh giá chất lượng phương pháp biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca	112
2.2.5.1. Tính chuẩn mực về phong cách dân ca	112
2.2.5.2. Kỹ thuật biểu diễn	114
2.2.5.3. Phong thái biểu cảm sân khấu	115
2.2.5.4. Tính kết nối giữa các yếu tố phụ trợ	116
2.2.5.5. Tính sáng tạo có kiểm soát	118
2.2.5.6. Khả năng truyền cảm hứng và giáo dục	119

CHƯƠNG 3. BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA BA MIỀN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUÂN ĐỘI121

3.1. Thực trạng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội54

3.3.1. Sơ lược về Trường Đại học VHNT Quân đội55

3.3.2. Thực trạng biểu diễn ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân Đội58

3.3.2.1. Về chương trình đào tạo58

3.3.2.2. Về hoạt động biểu diễn61

3.3.2.3. Về đội ngũ giảng viên63

3.3.2.4. Về sự quan tâm của HV-SV64

3.1.3. Những cơ sở đánh giá chất lượng phương pháp biểu diễn một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân Đội67

3.1.3.1. Tính chuẩn mực về phong cách dân ca67

3.1.3.2. Kỹ thuật biểu diễn67

3.1.3.3. Phong thái, biểu cảm sân khấu68

3.1.3.4. Tính kết nối và các yếu tố phụ trợ68

3.1.3.5. Tính sáng tạo có kiểm soát69

3.1.3.6. Khả năng truyền cảm hứng và giáo dục69

3.2. Thực hành biểu diễn một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội121

3.2.1. Mục đích, yêu cầu121

3.2.1.1. Mục đích121

3.2.1.2. Yêu cầu	122
3.2.2. Tổ chức thực hành biểu diễn	126
3.2.2.1. Các khâu tổ chức thực hành biểu diễn	126
3.2.2.2. Luyện tập	148
3.2.2.3. Dàn dựng và tổng duyệt	154
3.2.2.4. Tổ chức biểu diễn	156
3.2.2.5. Một số lưu ý thực hành biểu diễn	157
3.2.3. Đánh giá về chất lượng phương pháp biểu diễn một số ca khúc mang âm hưởng dân ca tại Trường Đại học VHNT Quân đội	159
3.2.3.1. Tính chuẩn mực về phong cách dân ca	160
3.2.3.2. Kỹ thuật biểu diễn	168
3.2.3.3. Phong thái, biểu cảm sân khấu	170
3.2.3.4. Tính sáng tạo có kiểm soát	175
3.2.3.5. Khả năng truyền cảm hứng và giáo dục	177
3.3. Đề xuất nâng cao chất lượng phương pháp biểu diễn một số ca khúc mang âm hưởng dân ca ba miền tại Trường Đại học VHNT Quân đội ...	179
3.3.1. Xây dựng chương trình đào tạo đa dạng	179
3.3.1.1. Phát triển nội dung lý thuyết	179
3.3.1.2. Tăng cường thực hành	180
3.3.1.3. Mời giảng viên bên ngoài	181
3.3.2. Đề xuất phương pháp biểu diễn mới	182
3.3.2.1. Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại	182
3.3.2.2. Phát triển kỹ thuật biểu diễn	183
3.3.3. Tăng cường các hoạt động giao lưu và kết nối	184

3.3.3.1. Tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa	184
3.3.3.2. Phát động các dự án cộng đồng	185
3.3.4. Sử dụng công nghệ trong biểu diễn	186
3.3.4.1. Cải thiện chất lượng âm thanh, giảm thiểu tiếng ồn, và tối ưu hóa trải nghiệm nghe cho khán giả	186
3.3.4.2. Thực hiện việc truyền hình trực tiếp các buổi biểu diễn, tạo cơ hội cho HV-SV tiếp cận với một lượng khán giả lớn hơn	187
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	189
THAY LỜI KẾT.....	198
TÀI LIỆU THAM KHẢO	206
PHỤ LỤC: MỘT SỐ CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA BA MIỀN	210

*Cảm ơn Quý vị đã dành thời gian đọc cuốn sách nhỏ này của NSUT Nguyễn Thị Hương Giang. Mọi ý kiến góp ý xây dựng với tác giả để hoàn thiện tác phẩm ở những lần xuất bản sau, xin vui lòng liên hệ:
Điện thoại: 0962369219 - Email: nsuthuonggiang@gmail.com*





PHƯỜNG PHÁP BIỂU DIỄN CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG DÂN CA

Thạc sĩ, NSUT Nguyễn Thị Hương Giang

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập: Nguyễn Thảo Nguyên

Vẽ bìa: Nguyễn Cao Cường

Sửa bản in: Hương Giang

Trình bày sách: Nguyễn Cao Cường

Tổ chức xuất bản: Vương Xuân Nguyên

Liên kết xuất bản: Viện Kinh tế, Văn hóa và Nghệ thuật

In 500 cuốn, khổ 16,5 x 23,5 cm tại Công ty Cổ phần in Hòa Phát, địa chỉ: Lô DM 7-5 Điểm tiểu thủ công nghiệp Làng nghề Dệt Lụa Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 2891-2025/CXBIPH/1-145/DT. Quyết định xuất bản số: 3160/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 31 tháng 7 năm 2025. Mã ISBN: 978-632-00-0515-4. In xong nộp lưu chiểu năm 2025.

ISBN: 978-632-00-0515-4



Giá: 350.000 VNĐ